

NGÔ THẾ VINH

VÒNG ĐẠI XANH



vòng đai xanh

VÒNG ĐAI XANH

Ngô Thế Vinh

Thái Độ xuất bản 1970

Midway Press layout lại 2023

ngô thế vinh

***vòng đai
xanh***



Midway Press

Trong sách này

Vòng đai xanh – một cái chết được báo trước	9
CHƯƠNG MỘT	27
CHƯƠNG HAI	45
CHƯƠNG BA	59
CHƯƠNG BỐN	71
CHƯƠNG NĂM	81
CHƯƠNG NĂM	93
CHƯƠNG BẢY	103
CHƯƠNG TÁM	113
CHƯƠNG CHÍN	125
CHƯƠNG MƯỜI	135
CHƯƠNG MƯỜI MỘT	145
CHƯƠNG MƯỜI HAI	157
CHƯƠNG MƯỜI BA	169
CHƯƠNG MƯỜI BỐN	185
CHƯƠNG MƯỜI LĂM	197

CHƯƠNG MUỖI SÁU	213
CHƯƠNG MUỖI BẢY	229
CHƯƠNG MUỖI TÁM	243
CHƯƠNG MUỖI CHÍN	261
CHƯƠNG HAI MUỖI	271
Chữ viết tắt	280

Vòng đai xanh - một cái chết được báo trước

“**V**òng Đai Xanh” (VĐX) của Ngô Thế Vinh được xem là một tiểu thuyết chiến tranh, được viết rất thực bởi một quân y sĩ xông pha ngoài trận tuyến.

Cuộc chiến tự vệ của người dân Miền Nam chống xâm lược của Cộng Sản Miền Bắc kéo dài đến 15 năm (1960-75), nếu không nói đến hoạt động khủng bố, phá hoại 2-3 năm trước khi chiến tranh chính thức khai mào, cho nên chúng ta không thiếu những tác giả viết về cuộc chiến đó, cảm khái từ những mất mát, đổ vỡ, tan hoang của con người, của tuổi trẻ, của gia đình, của xã hội, của đất nước vì chiến tranh. Không thiếu, nhưng chắc không thừa, không đủ khi nhìn đến “quy mô” của cuộc chiến, chiều dài của nó về thời gian và không gian, cùng với những biến chuyển phức tạp qua các thời kỳ.

Mặt khác, phần lớn những tác giả của thời đó, thường là quân nhân (và một số người không phải là “fan” của cuộc chiến đó), chỉ có phương tiện, thời gian và cảm hứng để viết những tác phẩm ngắn. Và bình thường, những truyện ngắn thường chỉ phơi bày những bi kịch thời chiến mà không có bất kỳ phê phán “tội ác chiến tranh” nào. Tưởng như những người phản chiến mượn ngòi bút để thể hiện ý chí của mình. Chúng ta không có một đại tác phẩm như “Chiến tranh và Hòa bình” của Leo Tolstoy. Hay “All Quiet on the Western Front” của Erich Maria Remarque, hay “A Farewell to Arms” của Ernest Hemingway. Hay “The Naked and the Dead” của Norman Mailer...

VĐX, một phần nào đó là một tiểu thuyết chiến tranh, ra mắt vào năm 1970. Tác phẩm này được trao Giải thưởng Văn học Toàn quốc năm 1971, giữa khi tác giả đang lặn lội trong một đơn vị Biệt kích Dù, vào sinh ra tử trong vùng cao nguyên rừng núi biên giới thuộc Vùng 2 Chiến thuật. Ngô Thế Vinh không thể từ bỏ đơn vị để về Saigon nhận giải và hiểu rõ hơn vì sao mình được vinh dự đó. Khó kiếm ra tài liệu cho biết rõ hơn giải thưởng này đã được tổ chức thế nào, giám khảo là những ai, và ai đã từng được giải thưởng đó...

Trong trí nhớ rất khả nghi của một người cao niên tuổi già sức yếu, tôi nghĩ đến những bậc

trưởng thượng trong làng văn học Miền Nam như Võ Phiến, Bình Nguyên Lộc, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Mạnh Côn... Trong những người đã nhận giải, tôi còn nhớ được nhà văn Trang Châu, cũng là một y sĩ tiền tuyến. Giải thưởng của Ngô Thế Vinh là vào năm 1971, cho nên có thể kết luận đây là Giải thưởng Văn học Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã lập ra từ năm 1969 (?), thay cho những giải đã có trước đó.

Tôi đã cố tìm đọc trong ấn bản mới nhất của VDX để hiểu được lý do vì sao ban giám khảo đã chọn tác phẩm này để trao giải văn chương. Chẳng lẽ cứ “độc đoán” trao giải mà không cần một lời bình phẩm, khen ngợi? Cũng có thể sự lựa chọn VDX là một quyết định cực kỳ tế nhị, các giám khảo đã đồng ý về sự lựa chọn, nhưng cũng đồng ý giữ im lặng, không giải thích quyết định của mình, để tránh đụng chạm hay phiền phức về sau? Một lời không nói có khi còn hơn vạn lời nói ra? Giải thưởng mang tên tổng thống, bởi thế sự lựa chọn người được giải cũng có thể được diễn dịch có sự đồng ý của ông. Nhưng cũng khó tưởng được Tổng thống Thiệu có thì giờ đọc, hay có thể thích một tác phẩm có nội dung như VDX.

VDX sẽ là một tác phẩm muôn đời gây tranh cãi bởi vì VDX là một tác phẩm chính trị, một tiểu thuyết chính trị! Chính trị luôn luôn là vấn đề gây tranh cãi muôn đời. Hướng chỉ vào thời

đó, VĐX nêu lên một vấn đề chính trị đương đại có tính cách quyết định sự sống còn của đất nước Miền Nam cho dù không hẳn chúng ta trước đây đã nhìn thấy ở mức độ quyết liệt đó. Bối cảnh hay trọng điểm chính là một vùng đất rất chiến lược theo đúng nghĩa, rất trọng yếu cho an ninh, an toàn của Miền Nam, một tiền đồn then chốt cho chế độ Miền Nam, thế nhưng người Mỹ đã xem nhẹ tiền đồn Miền Nam của Thế giới Tự do như thế nào thì chúng ta cũng “thiếu cảnh giác” đối với tiền đồn của đất nước của mình như thế đó. Người Mỹ mất tiền đồn này (Miền Nam), họ chỉ nhún vai và quay qua hướng khác. Còn chúng ta? Mất tiền đồn này (tức cao nguyên trung phần của đất nước) thì chỉ có một con đường vong quốc trước mặt!

Có thể hình dung một giám khảo của giải thưởng này đã đưa ra một phát biểu ngắn gọn sau đây: “VĐX không phải là một tác phẩm văn học, văn chương. Nhưng đó là một tiểu thuyết chính trị hiếm có, đặc biệt hiếm có. Đặc biệt tế nhị vì nhìn thẳng vào thực tại đáng quan ngại của Miền Nam hiện nay. Tiểu thuyết chính trị đã rất hiếm có thời nay vì thường phải đụng chạm với các thế lực lớn trong xã hội. Có khi không tránh được đụng chạm đến tôn giáo. Đến các địa phương.

Tiểu thuyết chính trị VĐX chuyên chờ một nội dung không có hư cấu tí nào mà nhìn thẳng

vào một thực tại chính trị có tính sống còn của đất nước một cách xác thực nhằm đưa ra một cảnh báo nghiêm trọng cho lãnh đạo, cho quốc gia như thế thì thật đặc biệt hiếm có. Một nội dung rất thẳng thắn, sâu sắc, trung thực một cách táo bạo nói lên tất cả sự dửng dưng của tác giả, nhưng không chỉ là sự dửng dưng mà là một tấm lòng lo lắng tha thiết đối với dân, với nước của một trí thức, một sĩ phu tưởng rằng chỉ có từ thời xa xưa”. Những giám khảo còn lại hẳn đồng tình với ông, vì đương nhiên họ đã cũng đọc hết tác phẩm này. Người ta không thể ngoảnh mặt với vận mệnh dân tộc khi cảm thấy bờ vực không xa!

Khi nói đến chính trị là nói đến các thế lực đang tranh chấp và chia sẻ quyền lực, tiếng nói của người dân và vai trò phán quyết của công lý, pháp luật. Khi nói đến chính trị của thời đó là nói đến những năm sau khi nền Đệ nhất Cộng hòa của Tổng thống Ngô Đình Diệm bị sụp đổ (1963), một thời chiến tranh đang bùng phát khắp mọi nơi trên lãnh thổ Miền Nam, sau biến cố Vịnh Hạ Long (tháng 8 năm 1964) và quyết định Mỹ chính thức đưa quân chiến đấu đến Việt Nam (tháng 3 năm 1965) để giúp Miền Nam khởi rơi xuống bờ vực và giành lại thế chủ động chiến trường.

Nhưng chính trị của thời đó là sự tranh chấp quyền lực của các phe phái trong quân đội (các

tướng tá sống chuồng, từ “cách mạng” 1-11 đến “chỉnh lý” 30-1 và hàng loạt đảo chánh thật, đảo chánh giả, cho đến khi một số tướng lãnh lộ mặt thật ra, chính thức cầm quyền tháng sáu năm 1965), sự lạm dụng tín đồ, đặc biệt là học sinh-sinh viên, với hàng loạt xuống đường trong bốn năm 1964-67 khi người tu bỏ đạo để bon chen với đời, và tính ấu trĩ của đảng phái khi người ta không hề nghĩ đến chuyện làm sao đến với dân và làm cho người dân đến với nhau...

Sự xung đột giữa những thế lực lớn này để nắm quyền lãnh đạo đã bất kể người dân đang ngày càng bất an, khốn đốn về thời cuộc, chiến tranh ở thôn quê, khủng bố ở thành thị, và chính trị ở Saigon, điều đúng về công ăn việc làm và kinh tế lạm phát. Và bất kể một cuộc chiến có tính sống còn của đất nước, của chế độ, và tư cách, uy tín, danh dự phải giữ đối với một đồng minh trụ cột trong cuộc chiến này mà chúng ta đang lệ thuộc chẳng phải hầu như hoàn toàn mà là hoàn toàn mặc dù đồng minh này ngày càng mất tín nhiệm nước chủ nhà và xem cuộc chiến chống cộng này là cuộc chiến của họ!

Người dân Saigon bị cuốn hút vào chính trị Saigon – các tướng tá, các thầy, các cha và đồng đô la xanh, đô la đỏ, đặc biệt trong những năm đó. Họ cũng chẳng hiểu bao nhiêu chuyện “địa lý chính trị” phức tạp của Miền Nam, vùng nào thì người nào làm chủ (Phật giáo, Thiên Chúa

giáo, Hòa Hảo, Cao Đài, Đại Việt Cách Mạng, Việt Quốc...), cho nên đương nhiên chẳng hiểu được chuyện chính trị ở vùng cao nguyên trung phần. Năm 1964 chẳng hạn, chẳng mấy ai biết hay bận tâm với biến cố người Rhadé nổi dậy ở một trại lính ở Ban Mê Thuột giết chết bao nhiêu lính và cả thường dân người Việt[i]. Người ta nghe loáng thoáng đến phong trào FULRO, nhưng chẳng mấy ai biết đây là tên gọi của Mặt trận Thống nhất Đấu tranh cho các Sắc tộc Bị áp bức – Front Unifié de Lutte des Races Opprimées[ii]. Tại sao phong trào của người Thượng mà mang tên tây? Câu hỏi này đáng cho những bậc thức giả chính trị phải tỉnh hẳn dậy!

Biến cố này xảy ra vào tháng chín năm 1964, giữa khi chính trường Saigon đang cực kỳ nhiễu nhương: các thượng tọa không lý gì đến chuyện “từ bi hỉ xả”, đành lòng để Dương Văn Minh bác đơn xin ân xá của Ngô Đình Cẩn, để cho Nguyễn Khánh xử bắn ông (5-5); hai tôn giáo chính chẳng có một lời hòa giải với nhau; Tướng Khánh lợi dụng Hội đồng Quân nhân Cách mạng đưa ra Hiến chương Vũng Tàu (15-8), trao cho ông ta quyền tổng thống. Việc không thành vì sơ sãi và linh mục xuống đường, nên ngày 8-9 Khánh lập “tam đầu chế” Minh-Khánh-Khiêm (Dương Văn Minh, Nguyễn Khánh, Trần Thiện Khiêm), tồn tại chưa được hai tuần.

Sau đó, hai tướng Dương Văn Đức và Lâm Tấn

Phát lại tổ chức “biểu dương lực lượng”, mở cơ hội cho Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ can thiệp và nhảy lên sân khấu chính trị. Ngày 25-9, nhóm “Young Turks” (sĩ quan trẻ) chính thức ra mặt, yêu cầu Khánh giải nhiệm Khiêm và 4-5 tướng khác... Khiêm và Minh đều phải rời khỏi nước cho các tướng trẻ yên tâm! Sau đó, ngày 26-9, người ta dựng lên Thượng Hội đồng Quốc gia. Lãnh đạo ở Saigon còn không lý gì đến chuyện nổi loạn này và nỗi lo lâu dài nó đặt ra, hướng gì người dân. Làm sao họ có thể để ý vụ nổi loạn ở “xứ Thượng” – tưởng như chuyện xa vời, không liên quan gì đến mình. Đương nhiên, ít người hiểu ý nghĩa trầm trọng của vấn đề.

Phải nói cho ngay tình, tuy khẩu hiệu quen thuộc là “Kinh Thượng đoàn kết một nhà”, nhưng ai ở nhà nấy, không hề biết đến nhau, không sống chung trong một nhà cho nên chẳng cần nói chuyện đoàn kết. Quan hệ Kinh Thượng này còn xấu hơn quan hệ giữa người da trắng và da đen ở Mỹ. Người da trắng gọi người da đen là “nigger”, một số người Kinh gọi người Thượng là “mọi”. Người da trắng còn lập gia đình với người da đen. Người Kinh hầu như không lấy người Thượng – ra đường còn không nhìn những phụ nữ Thượng ăn mặc thế nào! Người da trắng biết gốc gác người da đen hơn người Kinh biết người Thượng.

Chúng ta thường đơn giản chỉ nghĩ đến người

Thượng như người sống tách biệt trong vùng rừng núi[iii]. “Nụ cười sơn cước” chỉ là chuyện hoang đường, mua vui. Ít người hiểu rằng trong dân Thượng có cả dân Chăm, Chân Lạp, Chiêm Thành... mang nỗi hận mất nước – con cháu Chế Bồng Nga. Cho nên “tinh dân tộc, nghĩa đồng bào” chẳng có trong quan hệ giữa Kinh/Thượng. Nguy hiểm hơn nữa, người Thượng vẫn xem phần đất mà họ đang sống trên đó là giang sơn của riêng họ, nhiều người vẫn muốn có một nước riêng (Đông Sơn) và người Kinh hãy tránh xa, đừng lui tới (Anh khách lạ, đi lên đi xuống). Chẳng ai nghĩ hay lo sợ vì mối quan hệ “a divided house cannot stand” này vì phần lớn chúng ta không thấy được hay thấy hết vị trí tiền đồn chiến lược của vùng Trung Nguyên này trong cuộc chiến một mất một còn chống sự xâm lăng của Miền Bắc.

Nói dài dòng, lòng thông như thế chỉ nhằm nêu bật một điều: sự tỉnh thức của tác giả Vòng Đai Xanh và hoài bão thức tỉnh mọi người của Ngô Thế Vinh qua Vòng Đai Xanh. Ngô Thế Vinh đương nhiên cũng bị cuốn hút vào thời sự chính trị của Saigon tao loạn. Vào những năm đó, anh đang là sinh viên y khoa và là chủ bút/tổng thư ký của báo Tình Thương, một tờ báo sinh viên nhưng vượt cả những rào cản thường tình của một tờ báo sinh viên để dẫn thân vào cuộc sống của đất nước, của xã hội. Đó là chuyện hiếm có

chỉ thấy ở báo chí hung hăng tranh đấu nhằm nhí ngoài Huế.

Nhưng Tình Thương không tranh đấu và không nhằm nhí. Hai chữ dẫn thân có ý nghĩa nhập cuộc. Bởi vì Tình Thương không thể đứng ngoài hay đứng trên khi cuộc sống của người dân ngày càng bất an, vận mệnh đất nước mon men đến bờ vực. Có thể biến cố nổi loạn của phong trào FULRO vào tháng chín năm 1964 đã là “giọt nước tràn ly” đối với Ngô Thế Vinh. Như được thức tỉnh, anh bắt đầu tìm hiểu như một nhà báo, và hần phải bàng hoàng trước thực tại chính trị ở vùng cao nguyên biên giới này. Khi tốt nghiệp, anh trở thành quân y sĩ cho một đơn vị Biệt kích Dù hoạt động trên vùng cao nguyên này. Anh có thêm điều kiện, kinh nghiệm thực tế trong tìm hiểu đời sống chính trị và xã hội của người dân Thượng. Có thể đó là bối cảnh của sự ra đời của Vòng Đai Xanh.

Lúc ban đầu, Ngô Thế Vinh không có ý định viết tiểu thuyết mà đặt trọng tâm vào thể tài phóng sự điều tra. Phóng sự điều tra dĩ nhiên phải thực. Nhưng thiên phóng sự điều tra này đương nhiên đụng chạm đến nhiều vấn đề chính trị nhạy cảm, ví dụ như Mỹ với sức mạnh quân sự (USOM) và viện trợ kinh tế (USAID), đã “soán đoạt” chủ quyền của chính phủ Saigon ít nhất ở vùng này (bài hát thịnh hành hồi đó: “Cái nhà là nhà của ta, USAID, USOM làm ra”). Lính

Mũ Nổi Xanh (Green berets) là một lũ kiêu binh, nghĩ rằng có thể làm giặc được, chỉ kém lính “lê-duong” (légion) thời thực dân Pháp. Binh đoàn này có thể thành công trong ngăn chặn lính Bắc Việt xâm nhập vào vùng trung nguyên, nhưng cũng gây hải hùng cho người dân trong những cuộc hành quân có tính cách “lùng và diệt” của họ. Các tướng già theo tây, tướng trẻ (Young Turks) Mỹ giúp khôn lớn xem chừng thích quyền hành hơn quyền bính, ham chính trường mà né chiến trường, cho nên liên miên đảo chánh. Các thầy dường như cũng chẳng biết gì chuyện đất nước có giặc – nhất là sau khi Thích Trí Quang được lên bìa tạp chí Time ngày 22-4-1966 với đề tựa “The Buddhist Bid for Power”. Dân Saigon sống lo sợ nghèo đói và VC khủng bố... Và quan trọng hơn cả, những người lãnh đạo đất nước chẳng có đường lối nào để đánh giặc, phó thác tất cả cho cố vấn Mỹ. Điều đó càng hiển nhiên hơn khi chúng ta nhìn vào chính trị ở vùng trung nguyên địa đầu này. NTV muốn nêu lên tất cả những điểm này. Anh thừa can đảm làm chuyện đó, nhưng làm sao những người kiểm duyệt có đủ can đảm thông qua những chuyện này? Bởi thế mà anh phải tìm cách nặn lại thiên phóng sự điều tra VĐX thành một tiểu thuyết.

Theo lời NTV, một trong những lý do, hay “động lực” chính, của ông khi dẫn thân vào VĐX là “The Green Berets”. Tiểu thuyết này ra đời

năm 1965, được xem là một thiên “anh hùng ca” của những người lính mũ nổi xanh đã bình định được khu vực biên giới cao nguyên này và đem an vui đến cho người dân, ngược lại với sự “bất lực, hèn nhát và những lạm” của quân chính phủ Saigon cùng sự độc ác, tàn bạo của kẻ thù VC. “Green Berets” là tác phẩm phổ biến nhất – ít nhất là đối với hàng trăm ngàn lính Mỹ đang tham gia cuộc chiến ở Miền Nam vào lúc đó. Cái tai hại của cuốn sách là vô kể khi nó ảnh hưởng đến động thái của lính Mỹ ở VN. NTV xem cuốn sách này là một sự bịa đặt trắng trợn mang nặng tính thực dân một thời cần phải vạch trần. Ông mong VĐX phản biện sẽ cho người ta thấy sự thật hơn – ít ra từ tác giả là người trong cuộc.

Câu chuyện VĐX đơn giản một cách phức tạp – hay phức tạp một cách đơn giản. Một nhà báo ở Saigon quyết định lên vùng Thượng Trung Nguyên để tìm hiểu về người Thượng sống ở vùng tuyến đầu này (Nhà báo này trong thực tế không ngoài ai khác là NTV!). Cùng mục đích là Davis, một nhà báo Mỹ làm cho một tờ báo lớn (New York Times, Washington Post, Newsweek hay Time?) muốn nắm tình hình ở một nơi thử thách nhất cho chính sách “Mỹ hóa chiến tranh” 1965 của Tổng thống Johnson. Hai nhà báo đã sớm khám phá tính phức tạp khôn lường của chính trị ở một nơi “nhỏ như lỗ mũi”, hầu như biệt lập, tách rời với “thế giới chung quanh”

(chế độ Miền Nam của người Việt với thủ đô là Saigon). Người Thượng sống an phận, biệt lập, không muốn dính líu gì đến người Việt quốc gia và VC, và hoan hỉ với người Mỹ, viện trợ Mỹ, quân Mỹ chiếm đóng... Thậm chí, một số người chủ tâm ly khai (FULRO) còn nghĩ rằng Mỹ sẽ giúp họ lập nên một nước Đông Sơn riêng biệt. Việt Cộng đương nhiên muốn khuấy phá không ngừng để ép người dân Thượng sợ chúng và đi theo chúng, tránh xa người Mỹ. Bởi thế mới có cuộc thảm sát đến cả 600 người dân thường ở một nơi lính Mỹ không “bảo hộ”.

Trong khi đó, chính phủ Saigon cũng lúng túng, trở nên thụ động trước sự lấn áp của người Mỹ. Sự thiếu lãnh đạo, thiếu chính sách thể hiện ở hai ông tướng thường được nói đến như tư lệnh vùng: một ông tướng Trị không có tham vọng vì bất lực trước người Mỹ và tham nhũng; một ông tướng Thuyết tham vọng “vương tướng” nhưng không có quyết tâm hành động vì thiếu phương hướng. Theo lời tướng Trị: “... vai trò của vị tướng lãnh trên cao nguyên hiện tại là chánh trị chứ không phải quân sự mà tôi chỉ là một nhà quân sự thuần túy...”. Ông miệt thị người Thượng: “Sao tôi lại không biết cái chân lý bọn Thượng chỉ tuân lệnh và tri ân những ai đem thức ăn vào miệng chúng nhưng bọn Mỹ cũng biết điều đó, tội nó muốn độc quyền tranh thủ nhân tâm bằng cách này”. “Tướng Thuyết

đã không thành công khi đòi cứu trợ phải qua tay nhà cầm quyền VN”. Nhà báo cũng nhận định: “Chính phủ VN đã lầm lẫn khi trao toàn quyền cứu trợ đám người Thượng tỵ nạn vào tay người Mỹ”. Đúng thôi. Như thế thì người Thượng chỉ biết có người Mỹ, làm sao họ cần nhìn mặt người Việt ở đây? Đặc biệt, tác giả đã để ít nhất 1/3 số trang để nói đến chính trị Saigon nhiều hơn thời đó. Người ta chỉ biết tranh chấp quyền hành, chẳng hề biết đến những bài toán lớn của đất nước. Mỹ muốn Saigon khoán trắng cuộc chiến cho Mỹ? Tốt thôi. Càng khỏe! Trong khi đó, người dân Saigon sống trong bất an, lo sợ: các tướng đảo chánh; học sinh, thanh niên và cả giáo dân nghe lời các thầy, các cha xuống đường; VC tăng cường khủng bố để trả thù người Mỹ leo thang... Báo chí thì ngột ngạt vì chế độ kiểm duyệt...

VĐX đã nói khá rõ về thái độ “thực dân mới” của Mỹ: xem thường nước chủ nhà và tự tung tự tác, xuất phát từ thái độ đáng xem thường, trách của Saigon. Người ta xem quân đội Saigon như không có cho nên Green Berets mới trở thành kiêu binh. Vụ thảm sát mấy trăm người Thượng là một “tai tiếng” ghê gớm: “Còn đối với những người lính Mũ Xanh thì việc thí sáu trăm sinh mạng là một chứng tỏ đắc thắng của họ. Hậu thuẫn vững chắc của bọn này là những đơn vị Dân sự Chiến đấu Thượng và một lũ

thông ngôn”. Mấy năm trước đó, cũng có vụ lính Thượng giết chết mấy chục người lính Saigon trong cùng trại. Người Mỹ tin rằng với chính sách “Mỹ hóa chiến tranh”, vùng này sẽ an toàn tuyệt đối, ngăn chặn lính Bắc Việt theo đường mòn Hồ Chí Minh mượn ngõ đi vào Miền Nam. Họ cũng nghĩ việc truyền giáo sẽ làm tăng ảnh hưởng của người Mỹ trong khu vực, cho dù ông mục sư này vẫn quen ăn trên gối trốc và “mọi người vì mình”. “Lối suy nghĩ thực tiễn của ông (mục sư) vẫn mang nguyên bản chất của người Mỹ... Hình ảnh một vị thừa sai mắt xanh râu đỏ hùng hồn đứng rao giảng đạo về sự hiện hữu của Chúa cùng với những hy vọng hạnh phúc ở đời sau trước đông đảo đám con chiên phủ phục nghèo đói như kéo tôi lùi lại thời gian của hàng mấy thế kỷ văn minh”.

Điều phải nói ở đây là chẳng những người Mỹ không hề nhắc nhở cho người Thượng hiểu họ trước hết phải là người VN và phải chiến đấu như người Việt chống kẻ thù ngoại xâm là Miền Bắc. Trái lại, dường như họ còn khuyến khích người Thượng mơ tưởng nhiều hơn chuyện “thoát Việt”, xây dựng một đất nước riêng của người Thượng có Mỹ bảo hộ...

Câu chuyện VĐX “tạm” kết thúc có hậu một cách u buồn vì thực không có giải pháp. Phong trào phản chiến bùng phát ở Mỹ, và Tòa Bạch Ốc thời Nixon phải tính đến chuyện “giải Mỹ hóa”,

hay “Việt hóa” chiến tranh. Cho nên cái trại Daksut tiền đồn này được vất trả cho Việt Nam (từ tế dữ!). Tác giả đã trải qua những ngày tháng cực kỳ khó khăn vì chế độ kiểm duyệt ở Saigon khiến cho ông muốn bỏ nghề. Rồi sáu tháng nằm bệnh viện trên cao nguyên vì “tai nạn nghề nghiệp” (VC tấn công). Người bạn Davis bị tử thương bởi một vết đạn ở đầu và chết “ngay trên đường di tản”. Tác giả còn đơn độc thêm vì sự biến mất lẳng lặng của cô Nguyễn, người bạn đời trong mộng, được xem là con chim sơn ca trong đời nhưng nay đã bỗng “cất cánh bay cao và chối từ quá khứ”. Trong sự chuyển giao VN hóa chiến tranh này, người Thượng thì hoang mang, chẳng biết phải dựa vào ai đây; người Mỹ không vui vì bỏ cuộc chơi; người Việt thì lúng túng. “Và điều quan trọng hơn nữa là cả người Thượng và người Kinh sau mấy lần đổ máu đều hiểu thấm thía rằng bởi trong cái mối tương quan môi hở răng lạnh, họ chỉ còn một cách là xích lại gần nhau để hợp tác xây dựng một cộng đồng quốc gia VN mới.

Kết luận đó là khoảnh khắc lạc quan hầu như duy nhất trong VĐX, có lý do “chính trị” của tác giả. “Cái viễn ảnh tốt đẹp của vùng Đất Hứa Cao Nguyên còn phải trải qua nhiều máu, mồ hôi và nước mắt”, tác giả cảnh báo. Nhưng, đau buồn thay, để “trải qua nhiều máu, mồ hôi và nước mắt”, chúng ta cần nhiều thì giờ, rất nhiều

thì giờ, mà chúng ta trước đã hoang phí, và đến lúc đó vẫn chưa đủ ý thức về nhu cầu sống còn chúng ta phải chạy đua “mệt nghỉ” với thời gian.

Theo “Biên Niên Sử Cuộc Chiến Vô Đạo”, “Vào đầu tháng ba, lính BV đã bao vây Ban Mê Thuột ở Cao nguyên Trung phần. Sự tập trung đông đảo lính chính quy MB, cùng với những tin tức từ từ binh, liên lạc truyền tin của địch bị bắt được, cùng với những tài liệu tịch thu, cho thấy BV đang chuẩn bị một cuộc tấn công quy mô vào vùng này. Các đơn vị CS cắt các trục giao thông chính ở vùng II. Ngày 10-3, quân BV mở tổng tấn công vào Ban Mê Thuột, tinh ly chính của Trung Nguyên, đến giữa ngày đã tràn ngập khắp tỉnh ly. Sư đoàn 23 bị tan rã, và BMT, thành phố chính của tỉnh Darlac, bị chiếm hoàn toàn ngày 13-3. Nhiều lính của Sư đoàn 23 Bộ binh rã ngũ để lo đưa gia đình đi chạy giặc. Theo một nhận định, phản ứng lo sợ chuyện nhà đến mức bỏ ngũ này của nhiều binh sĩ của Saigon là một “hiện tượng” đóng góp “nặng nề” cho sự sụp đổ của quân Miền Nam trong mấy tháng sau đó”.

Đúng là “cái chết được báo trước!”

Giả sử những người giám khảo của Giải Văn Chương Toàn Quốc 1970 gởi riêng cho Tổng thống Thiệu một memo nói lên những quan tâm của họ về những cảnh báo họ cảm nhận từ VĐX về an ninh quốc gia?

Hay giả sử thay vì đưa tác giả VĐX ra tòa về

tội nói xấu quân đội VNCH làm hoang mang chiến sĩ, những người có trách nhiệm cùng ngồi lại để xem nếu VĐX đã bị tháo gỡ vì Mỹ rút, an ninh của tiền đồn này sẽ thế nào và ảnh hưởng đến an toàn của đất nước ra sao?

Chúng ta có đầy những sai lầm, thiếu sót, khiếm khuyết trong chính sách Trung Nguyên.

Thế nên!

Hoàng Ngọc Nguyên

Utah, Giữa Mùa Đại Dịch - 2/3/2021

CHƯƠNG MỘT

Thẻ nhà báo của Thông tin xem ra không mấy hữu dụng. Những ngày di chuyển ở cao nguyên cho tôi thấy rõ điều đó. Ở một thời kỳ mà người Mỹ đã bước qua giai đoạn cố vấn, ai cũng hiểu rằng đây là một cuộc chiến tranh của họ. Một cuộc chiến được nuôi dưỡng và giải quyết theo quan điểm quyền lợi nước Mỹ. Không có được một cái thẻ MACV mọi cửa ngõ đều khó lọt. Làm sao bảo người Mỹ tin được một mảnh giấy không do họ cấp. Tất cả đều có thể liệt vào thành phần khả nghi, bởi vậy không lý gì tôi được quyền hạn rộng hơn. Báo chí bị chánh quyền coi như thù nghịch và người dân nghi ngờ, không phương tiện, không sức hậu thuẫn tự vệ, bị cô lập trong những khó khăn của phận sự tôi cảm thấy bị chìm đắm. Nếu quả đúng như nhận định của nhà văn lão thành thì ở

xứ mình sống lâu trong nghề báo nếu không bồi bút để vinh thân thì ít ra cũng trở nên cay đắng. Là một họa sĩ mà lẽ sống vốn là sự viễn vông, tôi không có nhiều khả năng liên hệ với thực tế, bởi vậy tôi vẫn giữ được những lạc quan mơ mộng.

Dù chỉ chưa đầy một tháng tôi đã bị lôi cuốn vào biết bao nhiêu là biến cố nghề nghiệp và cả những thay đổi thói quen trong nếp sống. Tôi không ngờ đã dễ dàng thuyết phục được ông chủ nhiệm để trở thành một phóng viên lưu động hơn là ngồi lì ở toà soạn làm công việc tô điểm vẽ vờ cho mấy trang báo. Mặc dù đã chấp nhận tôi sau thử thách, ông vẫn đưa ra những nhận định có phần nghiêm khắc. Ông bảo văn của tôi có nhiều hình ảnh màu sắc nhưng đó chưa phải là văn chương báo chí. Theo ông sự mô tả của tôi còn mang nhiều cảm tính hơn là nói lên một thực tại khách quan, mà điều đó rất cần thiết cho nghề báo. Ông bảo không có gì là ngạc nhiên nếu biết người viết trước đó là một họa sĩ. Dường như ông ta cũng thấy được nơi tôi một điểm đặc ý nào đó nên ông vẫn tỏ ra có những khuyến khích. Đã có lần ông bảo, làm phong phú một sự nghèo nàn ấy mới là điều khó và không nên hy vọng, còn chuyển từ một sự bay bướm trở về thể văn nghiêm trang chỉ cần tinh thần kỷ luật và một chút cố gắng. Một cách để hiểu ý ông là tôi phải tự thú nhận đã có một chút gì vô kỷ luật trong ngòi bút và lúc này

là giai đoạn để tôi đi vào phép tắc và lấy lại sự nghiêm trang. Kể cũng nên biết thêm là ông chủ nhiệm vốn là một tư bản miền Nam tiếng tăm. Ông đã có một quá khứ gần bốn mươi năm với nghiệp báo. Ông là một gạch nối giữa thế hệ làm báo tiền phong và đám hậu sinh hiện tại. Ông rất mê nghề và đó là điều thiết tha có thể được của một người Việt vốn đã giàu có. Văn quan niệm của một phú ông, ông là người rất khoái trọng bằng cấp. Dĩ nhiên ông vẫn đủ sáng suốt để đánh giá một bài báo hay nhưng thêm vào đó nếu có ghi chú một dấu hiệu khoa bảng thì vẫn là điều được ông chủ nhiệm khoái hơn. Ti như cấp bằng Tiến sĩ Y khoa và tài viết phóng sự chiến trường tưởng như chẳng chút ăn nhập gì nhưng với ông đó là một ghi chú vinh hạnh và rất đáng quan tâm. Riêng với tôi thì cái nghề vẽ hay nói cho văn hoa hơn hai chữ họa sĩ chẳng được coi là một cấp bậc khoa bảng nên tên tuổi mình chỉ xuất hiện với một vẻ trần trụi đáng phàn nàn.

Rồi cũng như mọi buổi sáng khi tờ báo lên khuôn là lúc tôi có thể rời toà soạn xuống tán đàm ba câu chuyện gẫu với cô thư ký hay ra đầu ngõ kêu một ly cà phê bít tất đắng, ngồi nói chuyện tầm phào với bất kỳ người nào có mặt ở đó, thường là đám công nhân nhà in hay thợ sắp chữ. Cái còn lại của một ngày là tất cả sự vắng lặng êm ái. Từ một cầu thang xoắn ốc và mờ tối,

không khí căn phòng như ngưng đọng lạnh lẽo. Những chiếc bàn máy đen sẫm im ngủ. Bàn ghế cũng có những tương quan chỗ đứng của chúng. Đôi khi sự quen thuộc cũng nhuốm vẻ xa lạ như ngày mới tới. Nếu còn vẽ chắc tôi có thể làm việc với những cảm giác đầu tiên như vậy. Bỏ xa khung vải tôi không tránh được những cảm giác nhớ nhung. Sau vụ cháy thiêu huỷ tất cả, tôi đã dứt khoát từ bỏ giá vẽ chưa biết đến bao giờ. Dù vậy mà ở lần triển lãm mới nhất tôi vẫn góp mặt với bốn bức tranh lớn, những bức tranh còn lại rải rác trong đám bạn hữu. Sự kiện có thêm tên tôi cũng không có gì để phản đối và thêm ý kiến. Nhưng điều ngạc nhiên là ngay trong buổi đầu, tôi là người đầu tiên có tranh bán được, ba trong số bốn bức. Riêng bức Mèo Đen Trên Thảm Hồng do một người đàn bà tên Như Nguyễn hỏi mua, còn hai bức kia do một người khách Mỹ mà sau này tôi được biết là nhà báo Davis. Tranh tôi thuộc loại khó được ưa thích và vì khó bán nên giá thường rất cao. Cũng bởi vậy lần này tôi đủ tiền để trả những món nợ lớn, sắm thêm một bàn máy đánh chữ nhỏ và một ống ảnh thật tốt. Như một nhà nông hưởng vụ gặt trái mùa, tôi dứt khoát từ bỏ hội họa với những ưu đãi thật trể muộn của nó.

Trời đầy bụi và nóng. Davis như đoán được sự bức bối của tôi tại các cơ quan khi sáng, anh quay sang hỏi dò ý:

“Tôi thì vẫn muốn được chính anh cộng tác, và lại với danh hiệu một tờ báo Mỹ anh sẽ có tất cả giấy tờ một cách dễ dàng.”

Vì những giao kết với toà báo, lúc này tôi không thể trả lời dứt khoát. Tôi hướng sang bảo đùa Davis:

“Không kể ký giả ngoại quốc, chỉ vài phóng viên của hãng thông tấn chánh phủ mới có đặc quyền đó, tấm thẻ MACV cũng là một ưu thế nghề nghiệp có thể đem khoe.”

Sự thật vẫn được Davis cười như một châm biếm trào phúng. Chiếc Jeep chạy rất xóc trên một mặt nhựa bốc mù bụi đỏ. Dưới sàn xe sắp đầy áp những bao cát khiến cuộc di chuyển thêm nặng nề. Chẳng thà chậm chạp như vậy khi đựng mìn người ta vẫn hy vọng còn mạng hoặc khỏi mất chân. Đã nằm trong vùng kiểm soát, ngày nào cũng có lính Mỹ đi mở đường nên con lộ khá an ninh. Dù không sợ những vụ tấn công hay phục kích, nhưng vài lần trong tháng cũng không tránh được những chuyến đựng mìn hoặc các vụ bắn sẻ. Viên cố vấn Mỹ khuyên nên đi trực thăng nhưng không có bởi vậy chúng tôi quyết định mượn xe di chuyển bằng đường bộ. Davis bảo:

“Ở Việt Nam phương tiện di chuyển là cả một vấn đề, có khi phải mất nhiều ngày để tới một nơi chỉ xa hai ba chục cây số.”

Tôi cười bảo điều đó càng đúng khi khu vực

hoạt động lại là vùng cao nguyên. Cũng trên con đường này, ông mục sư bị tụi nó bắn trúng vai khi lái xe về buôn lúc xẩm chiều. Vậy mà ông vẫn cố chạy gần mười cây số đường núi về tới nơi mới ngất vì mất quá nhiều máu. Cộng sản vẫn coi các nhà truyền giáo da trắng là những chiếc gai mà họ muốn nhổ đi, nhất là với bác sĩ Denman.

“Davis, anh cũng muốn lái xe một tay như ông mục sư sao?”

“Nếu biết sắp được về Mỹ chắc tôi cũng ngán, chứ còn phải sống lâu dài với cuộc chiến tranh này... Những lính Mỹ mới sang Việt Nam đều như vậy cả, can đảm liều lĩnh chẳng biết sợ là gì vậy mà đến những ngày cuối sắp về nước, anh nào còn nguyên vẹn sống sót đều nhát như cáy, về đến Sài Gòn rồi vẫn còn sợ chết vì lựu đạn hoặc vì plastic.”

Tôi cười bảo điều đó chắc là không đúng với bọn lính Mũ Xanh. Davis công nhận ý kiến đó và cho biết họ là một bọn người ngoại khổ:

“Họ là một giai cấp mới của triều đại Kennedy, ngoài khả năng ưu tú giết người thì đó là một bọn cứng đầu vô kỷ luật, nhiều tướng lãnh Mỹ vẫn không chịu nhìn nhận họ là một thành phần nghiêm chỉnh của quân đội như các binh chủng khác.”

Phải mất hơn ba giờ để vượt qua một đoạn đường không quá bốn chục cây số. Chúng tôi

bắt đầu đi vào một buôn Rhadé rất lớn. Đó là một bộ lạc tương đối văn minh, nổi tiếng là hiếu chiến và chuyên sống về săn bắn. Do ảnh hưởng của viên mục sư, một số khá đông đã theo đạo Thiên chúa. Những mái nhà chòi thấp thoáng dưới tàn cây. Những đứa trẻ đen đầu trần truồng thấy xe lạ chạy ra hò reo mừng rỡ. Đám đàn ông vác mác và đeo gùi, đầu tóc cứng xù da cháy nắng, lệ làng đứng nép cả vào men lộ. Họ nhe cả lợi ra cười, dạn dĩ quen thuộc với máy móc và văn minh. Qua khỏi một nhà Rông là tới chỗ ở của bác sĩ Denman. Căn nhà đứng biệt lập và gần trại Lực lượng Đặc biệt. Ở đó vẫn là thứ vũ trụ tinh khiết của thế giới người da trắng với tất cả tiện nghi của một xã hội sung túc Tây phương. Bàn thờ Chúa sáng rực ánh điện, máy truyền thanh, tủ lạnh và những thực phẩm nguồn gốc mang từ bên Mỹ. Ở góc nhà là cả một điện đài tài tử. Davis giới thiệu tôi với bác sĩ Denman. Tôi đã từng biết tiếng ông mục sư, đọc các bài điểm sách của ông trên các tờ báo lớn, được nghe những huyền thoại rất khác nhau về ông. Chính danh ông là một mục sư truyền giáo, một nhà ngữ học, một giáo sư chuyên về khoa nhân chủng, tác giả của bộ sách nghiên cứu nổi tiếng *Ethnic Groups of Mainland Southeast Asia*. Là một người Việt đọc sách ông, tôi cũng tự ngượng do sự thiếu hiểu biết về đất nước mình. Và điều lạ lùng là các chuyên viên về vấn đề Việt Nam

thường là những giáo sư ngoại quốc, trước kia là Pháp bây giờ là người Mỹ. Hiện thời trên cao nguyên, ông mục sư là người có rất nhiều ảnh hưởng, nhờ ông mà LLDB Mỹ xây dựng được những cơ sở đầu tiên trên các bộ lạc hẻo lánh. Vùng ảnh hưởng của ông mục sư cũng là vùng mà ảnh hưởng cộng sản bị đánh bật. Sống ở cao nguyên nhiều năm, ông rất được cảm tình của một số đông dân Thượng, vì những giúp đỡ thực tế đem lại cho họ. Cũng vẫn theo Davis thì gần đây, nhờ sự tiếp tay của LLDB Mỹ, bác sĩ Denman thiết lập được một bệnh xá và mở rộng tầm hoạt động ra xa hơn. Ngoài tiếng Việt nói lưu loát, ông mục sư còn thông thạo một số thổ ngữ. Ông thiên về hoạt động xã hội và nghiên cứu hơn là công tác truyền giáo. Công việc sau này đã có sự giúp sức đặc lực của bà vợ. Hai ông bà chung sống với một đứa con gái tám tuổi, chính nó được sinh hạ ngay giữa vùng đồng núi hoang vu của cao nguyên. Ông mục sư tự tay giót vào những ly sứ trắng dòng cà phê bốc hơi đặc sánh, ông nói:

“Cà phê trồng trên này có vị thơm đặc biệt, cả trà cũng vậy nữa. Tôi tin là không thua bất cứ loại cà phê nào ngon nhất của Nam Mỹ.”

Ông nâng ly nhấp một chút để tự tán thưởng rồi tươi cười quay qua hỏi thăm tôi. Ông sẵn có những cử chỉ vốn đã quen thuộc. Rồi ông đưa ra nhận xét về cái giá trị đáng phàn nàn của báo

chí Việt ở đây. Ông có những nhận định chỉ xác đáng với phương tiện phong phú và nền dân chủ quá rộng rãi của nước Mỹ. Riêng tôi thì chờ đợi ông ở một lãnh vực khác. Ông vẫn hỏi ý kiến tôi về những nguyên nhân, tôi chỉ trả lời chiếu lệ, đổ lỗi cho thiếu phương tiện và những khắt khe của chế độ kiểm duyệt. Rồi ông lại xoay qua bàn tới sự cần thiết giới hạn tự do báo chí trong những xứ đang có cộng sản, ông nhắc tới trường hợp của một vài nước Nam Mỹ mà ông đã kinh nghiệm để tự biện minh.

Như đoán được sự nôn nóng chờ đợi của tôi, Davis nhắc ông mục sư về mục đích cuộc gặp gỡ. Nhưng vẫn không có vẻ gì vội vã sốt sắng, ông thản nhiên kể sang một chuyện khác. Ông nói:

“Sáng nay tôi tới thăm một buôn Rhadé cách đây chừng tám cây số, tình cờ tôi phải chứng kiến một cuộc mua bán giăng co giữa một người Mỹ và viên tù trưởng. Viên Đại úy LLDB thì nài nỉ mua cho được ít thớt voi để vận tải tiếp tế cho mấy trại tân lập trong rừng rú, thương lượng giá cả mãi cũng chẳng được, tức mình viên Đại úy phải hăn học hét lên: - Sao ông không chịu giúp chúng tôi diệt hết bọn cộng sản, thì đảng nào tội nó cũng là người Việt mà ông thì muốn giết bọn họ có phải vậy không? ... Và kết quả thật kỳ lạ không ngờ, các anh có biết sao không, chỉ với một giá rẻ mạt, viên Đại úy có ngay số thớt voi cần thiết.”

Kể câu chuyện đó, bác sĩ Denman không bày tỏ một thái độ nào. Đến lúc này ông mới bắt đầu đi vào câu chuyện chi tiết:

“Theo tôi trên thực tế vẫn có mối cừu hận thường xuyên giữa đám dân miền núi và số người Việt ở đồng bằng, tất cả bắt nguồn từ một mặc cảm kỳ thị và khinh bỉ; mối tương quan Kinh Thượng hết sức suy đốn do bởi những đối xử tệ hại của đám người Kinh với một thiểu số mà họ khinh miệt quen gọi là Mọi. Thực sự cũng có những người Thượng học thức, họ vẫn chẳng được tham dự chánh phủ, họ không được hưởng thêm một quyền lợi gì khi làm một công dân Việt Nam. Đôi lúc họ lại bị ném lên xe như những con vật, chở về thành phố để đón rước một số ông lớn tới thăm họ. Mỗi lần như vậy là họ phải giết trâu ăn thịt làm lễ rửa chân đeo vòng để tỏ sự trung thành và tình thân hữu đối với quan khách. Sau đó họ lại bị ném trả vào rừng núi, tiếp tục cuộc sống đói khát thiếu thốn.”

Miệng vẫn bập đều chiếc pip, từng làn khói xanh thờ ra mơn man. Ông mục sư có một lối nói chuyện rất bình thản. Biết ông còn là một nhà nhân chủng, tôi hỏi ông về những yếu tố chủng tộc trong những mâu thuẫn dị biệt hiện tại. Ông nói:

“Theo lịch sử truyền kỳ thì cả miền Trung và cao nguyên xưa kia là của người Thượng với kinh

đô ở gần bờ biển phía đông, có lẽ là tỉnh Nha Trang hiện giờ. Những người già cả còn sống sót cũng kể lại rằng quê hương ông cha họ trước kia cũng ở phía mặt trời mọc, cho đến vị vua cuối cùng của họ vì say mê cưới một nàng công chúa người Việt ở phương Bắc, và chính nàng công chúa này đã âm mưu hãm hại nhà vua. Kể từ đấy họ hoàn toàn bơ vơ không ai hướng dẫn và bị người Kinh tàn ác xua đuổi họ vào mãi tận rừng sâu sống khổ cực cho đến ngày nay.”

Bản chất thơ mộng của tôi lại bị kích thích mãnh liệt vì một quá khứ bi đát nhưng đầy lãng mạn của một dân tộc bị điều đứng chỉ vì tội mê gái của nhà vua. Có tiếng Davis xoay qua hỏi bác sĩ Denman về kết quả của những ấp Tân sinh Thượng. Ông mục sư chán nản lắc đầu cho biết:

“Họ bị khinh bỉ về tinh thần, chịu sự bóc lột tàn nhẫn về kinh tế, đa số người Thượng chán ghét gia nhập xã hội đời sống người Việt. Đang tự do sống quen thuộc giữa thiên nhiên và rừng núi, họ bị cưỡng bách tập trung vào những làng ấp của chánh phủ, đó là những thay đổi khó chịu về nếp sống, hơn nữa an ninh của họ cũng không được bảo vệ. Mỗi đêm cộng sản lại mò về hãm dọa quấy nhiễu cướp bóc thực phẩm của họ. Nhưng nếu họ tìm cách thoát ly cả hai phía chánh phủ và cộng sản, bằng cách trốn ra ngoài xây dựng những buôn ấp riêng thì chính họ lúc đó trở thành mục tiêu cho không lực chánh phủ

bỏ bom oanh kích không chút thương tiếc. Nói tóm lại họ không còn gì, kể cả tương lai tồn tại của dân tộc họ.”

Bức tranh Kinh Thượng được ông mục sư mô tả thật u tối. Sau khi gỡ lanh canh chiếc píp trên một chiếc khay gỗ, ông mục sư lại bậm môi nhả những cụm khói xanh biếc. Ông có đủ cái phong thái nhàn nhã của Đông phương, không có cái vội vã thôi thúc của cuộc sống nơi thành phố. Khác hẳn với khuôn mặt mà tôi đã tự vẽ trong trí tưởng, ông có tất cả vẻ hiền lành vô tội. Tôi chú ý tới vết thương ở vai ông đã trở lại bình thường, cử chỉ của ông vẫn giữ được sự mềm mại đầy bao dung. Với một giọng điệu nhiều bày tỏ ông mục sư tiếp:

“Kể từ khi kế hoạch bình định cao nguyên rơi vào tay người Mỹ, đã có nhiều điều được cải thiện. Khác hẳn với người Việt, dân Thượng sống rất thoà thuận với những người lính da trắng. Họ tin cậy vào các viên chức này sẽ bênh vực họ. Những lãnh tụ Thượng khi gặp tôi họ đều có vẻ tin tưởng rằng sau người Pháp, người Mỹ có thể giúp họ kiến thiết lại một xứ cao nguyên tự trị. Đó là nguyện vọng của dân tộc họ, tôi không có thêm ý kiến. Nhưng có một điều rất lạ lùng là người Việt tỏ ra rất nhạy cảm về vấn đề chủng tộc như vấn đề đen trắng ở Mỹ, vậy mà chính họ dường như không thấy được vết nhơ đó ngay tại quốc gia này với không thiếu những áp bức đen

tối. Và sự tiếp tay giúp đỡ của người Mỹ vẫn bị tai tiếng vi phạm chủ quyền hay xâm lấn nội bộ của người Việt. Chính tôi cũng không hiểu tại sao.”

Trong cuộc gặp gỡ này tôi thấy không có lợi gì để gây ra một cuộc tranh biện nhiều mâu thuẫn. Tôi chỉ muốn gợi chuyện để nghe ông mục sư nói. Tôi cũng nhắc tới một bài báo ở Mỹ chỉ trích gay gắt rằng cường quốc Mỹ trợ giúp Việt Nam để chống cộng nhưng không lý gì sức mạnh hoá lực của Mỹ lại cùng một lúc tiếp tay cho quốc gia con con này thực hiện giấc mộng ngó ngàng về đế quốc của họ trên những thiếu số chủng tộc khác. Tôi cố tưởng tượng ra một khuôn mặt đế quốc của đám cùng dân nghèo khổ bị ông Diệm cưỡng bách bỏ làng mạc đi vào rừng khai hoang với từng tấc đất. Tôi cũng nói ý nghĩ đó ra với ông mục sư nhưng giọng ông vẫn lạnh lùng mai mỉa:

“Cũng không hoàn toàn là như vậy. Sự vùng dậy của những dân tộc nghèo khổ cùng cực cũng vẫn có những lý lẽ chánh đáng của nó.”

Tôi phải kìm hãm để khỏi có phản ứng giận dữ. Một liều thuốc ấm giúp tôi lấy lại sự bình tĩnh. Bằng một giọng tình cờ tôi hỏi ông mục sư:

“Với bức thư gửi ông Đại sứ Mỹ và cả Liên Hiệp quốc của nhóm lãnh tụ Thượng, dường như ông mục sư đã nhiều lần được họ hỏi ý kiến.”

Chỉ thoáng một dấu kinh ngạc, nét mặt ông mục sư lại không gợi thêm một cảm xúc gì sau

đó. Ông mục sư hỏi tôi đã biết gì về nội dung bức thư. Tôi trả lời đã có đọc và không chắc gì giống với nguyên bản. Sau một chút do dự nhìn tôi và đưa mắt thăm dò Davis, ông mục sư trở lại giọng thân nhiên của khi nãy:

“Như tôi đã nói vừa rồi, mọi sáng kiến là của họ, tôi không có ý riêng để bàn góp. Hơn nữa tôi không muốn để xảy ra những ngộ nhận có hại cho cánh đồng truyền giáo của tôi tiến triển rất tốt đẹp từ hơn mười năm nay. Cộng sản gán cho tôi tội lỗi mục sư làm gián điệp tay sai đế quốc Mỹ, điều đó không làm tôi khó chịu vì nó nằm trong sách lược bôi nhọ và tuyên truyền của cộng sản. Nhưng còn mọi phía khác tôi rất muốn giữ tiếng. Tôi đã nhiều lần từ chối nhưng họ thì van nài tôi giúp. Điều mà tôi nhận làm chỉ là dịch bức thư đó ra các bản tiếng Anh và tiếng Pháp, rồi họ đánh máy ra nhiều bản để gửi cho ông Đại sứ, ông Tổng thư ký Liên hiệp quốc và nhiều nơi khác. Sau đó xảy ra cuộc bạo động đẫm máu, như anh đã biết, là điều mà tôi hoàn toàn không đồng ý và tôi không còn liên lạc nào với họ nữa. Vậy mà sau đó tôi gặp biết bao nhiêu khó chịu và ngộ nhận về phía một số người Việt nhất là với ông tướng Thuyết.”

Một vài điều hiểu biết của tôi đã như sợi dây vô hình ràng buộc tôi với ông mục sư vào câu chuyện. Hướng về phía tôi, bằng một dáng điệu bày tỏ ông muốn gây nơi tôi một không khí tin

cây. Ông mục sư bảo có thể đưa cho tôi coi bức thư nếu tôi muốn, nhưng theo ông thì chưa phải lúc để đưa lên mặt báo. Vì làm như vậy ông tự thấy là không “fairplay” với những người đã tin cậy ông và họ đang theo đuổi cuộc tranh đấu.

Mục sư Denman đi về phía tủ sách, Davis thì đang ngồi nói chuyện với bà mục sư, thỉnh thoảng hai người lại cất tiếng cười to có vẻ tương đắc. Từ phía tủ nói vọng lại, bác sĩ Denman còn cho biết vì có sự bao vây rình rập của chánh quyền Việt Nam thời bấy giờ, nhóm đại diện tranh đấu xuống Sài Gòn không sao tiếp xúc được với toà Đại sứ Mỹ và cũng theo ông ta thì vì họ quá khẩn nài, ông đã giới thiệu họ với một đồng nghiệp lúc đó đang dạy Đại học Huế, giáo sư Milton Ross. Và sau đó bức thư dường như đã êm thấm tới tay ông Đại sứ Mỹ qua sự chuyển giao trực tiếp của ông Viện trưởng Đại học Michigan. Tôi ngạc nhiên về vai trò hiện diện của giáo sư Ross trong biến cố này. Davis đang mãi nói chuyện với bà mục sư nên có vẻ không quan tâm. Denman trở lại trao vào tay tôi một tập bìa cứng kẹp giữa những trang giấy đánh máy. Tôi không hy vọng gì có trong tay những tài liệu quý như vậy, đây là cơ hội bắt buộc tôi phải vận dụng tất cả trí óc để ghi nhận. Tôi chọn lấy bản Pháp văn đọc rất nhanh và giản lược mọi chi tiết. Những dòng chữ tràn lan chỉ gồm những lời kêu than thống thiết. Tôi thấy khổ

tâm để biết thêm những điều đó. Nỗi cảm xúc của tôi như đang bị theo dõi. Khi nhìn lên, tôi bất gặp vẻ mặt rất lạ của ông mục sư. Ánh mắt ông vẫn chứa đầy những nghi vấn dò xét. Đọc tới những dòng cuối với những tiếng những chữ là mũi kim đâm trong óc. Ông mục sư cũng cho biết là dường như có cuộc tiếp xúc và hứa hẹn giúp đỡ trong giới hạn có thể được của toà Đại sứ. Sau đó nhóm lãnh tụ tranh đấu tỏ vẻ thất vọng vì những hậu thuẫn quá yếu ớt không được như ý họ mong muốn. Một số đã bắt đầu có liên lạc với cộng sản cốt để làm sẵn-ta với chánh phủ Mỹ. Một số khác ly khai rút vào rừng với đủ khi giới tính chuyện trường kỳ chiến đấu, dù có hay không sự giúp đỡ của Hoa Thịnh Đốn.

“Anh cũng thấy sự khó khăn về phía người Mỹ là thế nào.”

Tôi trả lại bức thư cho bác sĩ Denman khi đã tự cho là nhớ tạm đủ để có thể ghi lại trên bàn máy vào buổi tối. Buổi chiều hôm đó, tôi và Davis ở lại dùng cơm với ông bà mục sư. Nhằm ngày lễ, tôi vẫn được bà Denman mở cho ăn riêng những món thịt hộp. Chúng tôi uống cả rượu, không phải thứ rượu cần đựng trong hũ và uống bằng ống hút mà là whisky rất gắt... Tất cả đơn giản trong không khí ấm áp. Nhìn lên tường là bức tượng Chúa Vàng. Chưa bao giờ xem tranh tôi lại thấy cảm động như vậy. Quên đi nỗi giận hờn và những tham vọng đấu tranh

nhọc mệt, bỗng chốc thấy mình trở lại bản chất một con người đa cảm và như chưa từng bao giờ, tôi tự thấy mình thực sự là một họa sĩ. Nửa đêm trở về tuy có hơi say nhưng chưa bao giờ tôi tìm lại được sự hứng khởi làm việc đến như vậy. Vào bàn máy ghi lại bức thư chỉ còn lại một phần ba với những nhận xét đáng chú ý của cuộc nói chuyện buổi tối.

CHƯƠNG HAI

Trời đổ tối rừng bắt đầu khó đi dù đoạn đường chỉ còn dăm điều thuốc. Người Tây phương ước lượng bằng giờ bay, người Thượng có thói quen tính khoảng cách bằng thời gian nhẩn nha hút xong một điều thuốc, thử thuốc rê đặc biệt cay nồng của họ. Để tránh mọi bất trắc, viên sĩ quan cho lệnh hạ trại với ý định tiến vào ấp mục tiêu khi trời vừa sáng. Bước sang ngày thứ ba của cuộc hành quân thuộc chiến dịch Đồng Tiến nhằm giải thoát và di tản đồng bào Thượng từ các hóc núi hẻo lánh đến bờ quốc lộ 21, một xa lộ tối tân không thua kém những con đường tốt nhất của Âu Mỹ. Cách đây ngót một trăm năm, nó chỉ là một con đường mòn thương mại dẫn những người Thượng xuống miền xuôi trao đổi buôn bán. Cũng chính bằng con đường mòn M'Drack

này, vào đầu thế kỷ thứ XIX bác sĩ Yersin đã từ Nha Trang tiến sâu vào cao nguyên và tìm ra khu nghỉ mát Đà Lạt và sau đó những đoàn quân viễn chinh Pháp nối gót bác sĩ Yersin đánh chiếm cao nguyên và đã gặp sức kháng cự anh dũng của những người dân thiểu số. Cuối cùng phải nhờ sự chiêu dụ của các linh mục thừa sai, người Pháp mới bắt đầu vững chân ở cao nguyên và cũng tương tự sau này chính các vị mục sư như Denman giúp người Mỹ thiết lập những trại LLDB đầu tiên trên đó.

“Trong số những vị tù trưởng nổi tiếng chống Pháp thì Y Knul dòng dõi dân Rhadé là tay cừ khôi nhất. Ngay cả bây giờ khi nhắc tới ông ta, các vị già cả bô lão của chúng tôi còn nhớ và kể lại những chiến công oanh liệt, tài săn voi thần tình và cả sức mạnh vô địch khiến mọi thổ dân phải thần phục và tôn xưng ông làm Chúa.”

Tên hướng dẫn người Thượng là Y Chon, tốt nghiệp tiểu học nguyên là thông ngôn và là trung sĩ LLDB Mỹ giải ngũ. Ngoài tiếng Pháp tiếng Mỹ hẳn nói tiếng Việt thật sành sỏi. Theo Y Chon thì ngày mai chúng tôi sẽ tới một buôn Nueng thuộc sắc dân Djarai, dân ở đó còn giữ tục cà răng căng tai nên vẻ mặt trông dữ tợn nhưng bản chất hiền lành, sống cuộc đời thiếu thốn nhưng thật nhàn nhã chẳng lo gì tới ngày mai. Một năm họ chỉ đốt rừng làm rẫy vào mùa tháng Mười còn sau đó thì vào rừng kiếm mật

ong vô quế và đan những đồ mây để đổi chác. Trong việc trao đổi với người miền xuôi, vì họ chưa biết xử dụng tiền bạc bằng giấy mà chỉ quý trọng những vật có hình thể nên họ thiệt thòi và bị lợi dụng khi buôn bán. Nói về cộng sản, không những người Thượng chán ghét mà họ còn khiếp sợ. Đã từng có những cán bộ cộng sản cũng cà răng, nói tiếng thổ ngữ sống trà trộn với người Thượng trong các buôn ấp nhưng cuối cùng đã thất bại chẳng lôi kéo được họ vì người Thượng thấy bị lợi dụng với những hứa hẹn hảo huyền chẳng đưa họ tới đâu. Có tiếng gọi Y Chơn của viên sĩ quan trong máy, hấn vội vã bỏ đi. Trời đã xẩm tối, tôi ở lại loay hoay với những cành cây để móc xong chiếc vòng. Và nổi hoang mang lo sợ trong rừng sâu cũng giảm bớt vì những xông pha can đảm của đám lính. Và lại tài nghệ của viên sĩ quan chỉ huy khiến tôi tin tưởng, hấn tốt nghiệp trường võ bị Đà Lạt, thấm nhuần lửa đạn mang đầy vẻ phong sương chiến đấu. Dù mới chỉ là một sĩ quan cấp úy nhưng với rất nhiều thành tích và huy chương. Lính thuộc cấp vừa sợ vừa mến phục hấn: ngoài tài đánh giặc, viên Trung úy còn nổi tiếng là một tay chơi, một thanh niên hào hoa, sống với trận địa nhưng không phải là xa lạ với thế giới ăn chơi của Sài Gòn, hấn có thể nói tên những cô đào của sàn nhảy Baccara cũng dễ như khi đọc bản đồ quân sự rắc rối. Nói về chiến dịch Đồng Tiến

nhằm định cư các đồng bào Thượng ra ven quốc lộ, viên Trung uý bảo:

“Gây oán là mình, gia ân là tội nó. Mỹ nó thâm và đều thế đấy ông nhà báo ạ. Xua dân đốt làng thì mình lãnh, còn công việc cứu trợ thì tội nó giành lấy. Bất cứ cái gì không nên không phải là tội nó oán chánh phủ trong khi chỉ biết một mục tri ân toà Đại sứ Mỹ. Anh cũng biết khi tội nó cúp trợ cấp thì kế hoạch sụp đổ hết, chúng ta đã có kinh nghiệm đó từ những áp chiến lược Thượng mấy năm trước.”

Risque contre risque, hấn bảo thế. Mình ở cái thế yếu không thể làm khác hơn. Giữa cộng sản và Mỹ, chúng ta chọn một kẻ thù ít nguy hiểm hơn nhưng không mang những ảo tưởng về nó. Và tôi không ngạc nhiên khi phải chứng kiến ở ngày thứ hai một xô sát giữa viên sĩ quan và tên cố vấn Mỹ. “Ông chỉ có thể cố vấn viện trợ chứ còn kinh nghiệm chiến trường các ông còn phải học hỏi lại tội tôi”. Viên Trung uý đã trả lời như vậy trước sự hoạnh hợ của tên cố vấn, cùng một lúc hấn ý thức rằng đơn vị không thể không cần cố vấn để yểm trợ và không vận. Sang đến ngày thứ tư, phần vì khó chịu sự thiếu hợp tác phần vì vất vả quá mức trong vấn đề di chuyển, Schmidt cáo bệnh rời khỏi đơn vị bằng chuyến trực thăng riêng của bộ Tư lệnh; khó khăn chờ chúng tôi ở những ngày tới.

Khi Y Chon trở lại thì trăng đã lên cao, qua

kẽ hở của những cành cây và khe lá, trăng rừng mang một vẻ đẹp vừa hoang sơ vừa hùng vĩ. Tôi nghĩ tới cái nhạt nhẽo của những mảnh trăng treo nơi thành phố, nghĩ tới đám bạn hữu đang lặng lẽ sống ở đó. Tôi vừa sống với họ ở những hôm qua và lạc lõng trong rừng sâu hiện giờ, giữa hai cái hiện tại dường như có cả một khoảng cách.

“Anh chưa ngủ sao, có nghe thấy gì lạ không?”

Tôi không hiểu câu nói của Y Chơn, tôi cũng không nhận ra một âm thanh khác lạ nào ngoài cái không khí quen thuộc của rừng núi như vượn rúc cú kêu hay tiếng vỗ cánh khô khan của một giống chim lạ nào đó. Nơi dừng quân cách buôn bên kia một con suối, tiếng nước đổ từ một ghềnh cao và những cơn gió hút. Trong suốt mấy ngày di chuyển, tôi cũng chưa hề gặp dấu vết của thú dữ, trừ những loại rắn. Bom đạn và chiến cuộc xua đuổi khiến thú rừng ít hẳn đi mặc dầu trước kia những bộ lạc ở khu rừng này nổi tiếng về tài săn bắn.

“Không mà sao, Y Chơn?”

“Cũng không xa nhưng tại anh ở ngược chiều gió, đội thám sát về báo là dân làng đang đốt đuốc đánh trống khua cổng rộn rã. Đó là dấu hiệu bất thân thiện của thổ dân sửa soạn chống cự và ngăn khách. May là chúng ta chưa qua suối, không có dấu hiệu gì là họ sẽ tấn công nhưng vấn đề an ninh phải đặt ra cho đêm nay

nghĩa là tất cả ở tình trạng ứng chiến. Tôi cũng mong là không có gì xảy ra cho tới ngày mai, nếu không nhiệm vụ của chúng ta trở nên khó khăn hơn nữa. Và lại anh cũng biết là tiếng Djarai tôi nói được rất ít.”

“Chắc trong buôn có mấy người biết tiếng Pháp?”

“Tôi cũng hy vọng là như vậy, nhưng điều cốt yếu là chúng ta phải kiên nhẫn tỏ thân thiện dù bị tấn công hay khiêu khích trước. Nợ máu thì lại gọi tới máu, tôi đã nói với ông Trung uỷ như thế.”

Tiếng gọi của máu, đó là một trong những câu nói văn hoa của tướng Thuyết trong những bài tùy bút ông viết về cao nguyên; núi rừng đã nhấm vào tâm hồn ông về thi sĩ. Nhắc tới tướng Thuyết, Y Chơn bảo ông là nhà cai trị có bàn tay sắt bọc nhung, các tay tranh đấu nghe tên đều ngán ông ấy hết.

“Ông ấy chịu khó học các thổ ngữ Thượng mặc dầu rất giỏi về tiếng Pháp và trong bộ tham mưu không thiếu gì những thông ngôn.”

“Nhưng làm thế nào để học tiếng Djarai khi mà họ chưa có chữ viết?”

Nghe tôi nói Y Chơn cười kể lại rằng không phải là chưa có mà người Thượng đã sơ ý đánh mất chữ viết của họ.

“Tục truyền rằng khi Đức Phật đi vào cao nguyên truyền giảng, đồ đệ theo ngài đông vô

kể, người Thượng cũng đến nghe và được ngài dạy viết cho. Trong khi mọi người dùng lá cây khô để viết thì người Thượng giết trâu lột da để viết. Khi về tới nhà vì không chịu cất giấu kỹ nên khi chủ nhà ngủ say, nửa đêm con chó ngủi thấy mùi thịt liền ngậm miếng da mà ăn đi, từ đó người Thượng mất luôn cả chữ viết.”

Giai thoại vì sao lãng ngủ say làm mất cả chữ viết gợi lại một quá khứ mất nước vì tật mê gái của nhà vua khiến người Thượng bơ vơ tới ngày nay. Nỗi mệt nhọc của một ngày cũng tan biến theo ý nghĩ đấu tranh bài hoải để chỉ sống với những tâm hồn giản dị và nỗi đe dọa hoang sơ của rừng núi. Những bếp lửa thổi cơm đã dập tắt còn ánh lên một chút than hồng heo hút. Tiếng côn trùng nỉ non, tiếng một con rắn huyết gió và từng chập những tiếng bước chân người đạp lên lá khô. Từ một gốc cây gần đầu đây, thoảng một giọng ca Huế gợi nhớ và buồn ảo não của người lính không rõ mặt mũi. Tôi nghĩ tới Nguyễn, dòng sông Hương và khung cảnh sống của những ngày sắp tới. Người đàn bà truy lạc nhưng không thể đồng hoá với người khác; giữa nàng và đời sống vẫn có một bức tường ngăn cách. Tôi cô đơn khi xa nàng nhưng đồng thời sự gần gũi cuồng nhiệt của dục vọng chính là những phú run rẩy hấp hối của hạnh phúc. Sự cô đơn thật khủng khiếp khi thân thể bị lạm dụng cho mục đích khám phá cảm giác.

Tôi hoàn toàn mất Nguyễn ở những giây phút giây dựa đó.

“Anh có nghe thấy gì không?”

Y Chơn hỏi tôi. Hình như gió trở nên mạnh và đổi chiều. Bóng trăng lung lay trên nền lá. Tiếng công tiếng trống nghe khoan nhặt và thoảng xa như một điệu nhạc tan trong sương, đầy vẻ man dại nhưng không có dấu hiệu hung dữ. Có thể lúc này các chiến sĩ Djarai đang nhảy múa bên ngọn lửa hồng, thúc trống đôn quân chờ đón những người khách lạ dừng bước từ bên kia con suối. Y Chơn bảo:

“Sự dừng bước bên ta được coi là dấu hiệu thân thiện cho ngày mai đi tới. Tốt nhất đừng có đổ máu vì chúng ta sẽ đụng phải những chiến sĩ Djarai quả cảm, sự thiệt hại đôi bên sẽ rất lớn. Họ là những tay thiện xạ nếu không là cung nỏ thì là súng, đủ thứ có thể là AK của Tiệp Khắc hoặc M16 tối tân nhất của Mỹ.”

Chờ vãn xong một điệu thuốc rê rồi mời lửa, Y Chơn bắt đầu tự cười mình nói châm biếm:

“Cái khoản như tôi không thể nào được họ chấp nhận làm chiến sĩ vì có một hàm răng họ coi giống như dã thú. Lẽ ra ở vào tuổi 14, tôi phải chịu tục cà răng như họ. Anh có biết không, họ coi đó là một biểu lộ dũng cảm và lòng can đảm, và nếu yếu bóng vía mà phải chứng kiến thì đó là một hành hạ thể xác thật khủng khiếp. Chỉ trong một ngày gã thiếu niên phải tự mình dùng

đá mài hay dao rừng tiện tới sát chân cả hàm răng sau đó chỉ dùng một chút khói cỏ đốt trên lưỡi dao trít vào vết thương để cầm máu.”

Cảm giác ghê rợn khi đọc những truyện của Jack London về lột da người cũng không làm tôi rùng mình bằng sự đau đớn hấp hối của những đầu dây thần kinh bị mòn mỏi chà sát. Sự mô tả của Y Chon khiến tôi muốn kên răng và buốt cả óc. Không phải chỉ bởi quan niệm thẩm mỹ của người Thượng về một hàm răng giống dã thú mà là một chứa đựng triết lý lớn lao về sự đau khổ trên thân xác, họ đã vượt xa ác thú bằng một lựa chọn thử thách cũng như những Sa-môn trên bước đường tự hành xác. Y Chon khuyên tôi nên ngủ để lấy sức cho cuộc hành trình cả ngày mai. Khi y bỏ đi, tôi cũng chui mình vào túi vải hương thụ một cách thấm thía cảm giác ấm áp của thú gối chần giữa cái lạnh cắt da của rừng núi. Sự mệt mệ chìm sâu tôi vào một giấc ngủ đầy mộng mị với bùng bình những tiếng trống phèng la từ một buôn ấp nào đó ở trên cao và đàng xa mãi bên kia ngọn suối.

Trời còn tối hơn đêm, đám lính tráng đã trở dậy lo cơm nước. Con trăng chìm sâu vào biển sương đục mờ mờ như sữa, những giọt sương từ lá nhỏ xuống má tê buốt. Cả chiếc túi ngủ cũng ướt đầm như trải qua một cơn mưa lớn. Những người lính thật khổ cực, không làm gì có một giờ giấc ăn ngủ cho đời sống, ăn thì toàn lương khô

uống nước suối, sót ruột thì hái rau chuối lột lòng. Vậy mà họ vẫn ca hát với đời sống gần bên nỗi chết không rời.

Cũng như từ ba hôm, sáng nay tôi ngồi nhai một túi cơm khô nở mềm trong nước. Vị ngọt của từng miếng cơm pha chút xì dầu làm ngon miệng khiến tôi cảm tưởng có thể ngồi ăn mãi. Mấy người lính ngốn ngấu ăn sống hết cả rễ rau má thay cho sà lách. Cơm nước và lều trại dọn cuốn xong cũng chỉ vừa đúng năm giờ sáng. Tiểu đội tiền sát được lệnh khởi hành trước, chúng tôi chỉ bắt đầu di chuyển vào lúc bảy giờ sáng khi bình minh đã ló dạng. Tôi đến hỏi Y Chon:

“Tại sao lại có dấu hiệu chống đối của thổ dân. Liệu có Thượng cộng trà trộn trong buôn đó không?”

“Nếu có cũng không có gì đáng kể, tụi nó rất tránh đụng độ như anh đã thấy. Còn sự chống đối theo tôi có nhiều lý do trong đó có sự sợ hãi trả thù của cộng sản. Người Thượng không ưa gì cộng sản nhưng rất sợ sự tàn bạo của họ. Chiến dịch Đồng Tiến sẽ sụp đổ nếu không gây được niềm tin là họ sẽ được chánh phủ hoàn toàn bảo vệ.”

“Thiện chiến và can đảm như vậy tại sao họ không tự chiến đấu mà lại chờ đợi ở chánh phủ?”

“Súng phun lửa và vũ khí tối tân có thể thiêu cháy cả thân thể và lòng dũng cảm của họ, bởi vậy triết lý của họ là phải tồn tại trước đã.”

Y Chon giúp tôi hiểu rằng đã qua rồi thời kỳ của cung nỏ, gậy tầm vông và áo vải, cũng qua rồi thời kỳ an toàn của rừng sâu và trận chiến tranh du kích. Tất cả đã biến thể và mang một kích thước mới. Mặt trời của buổi mai trên cao nguyên không rực rỡ nhưng cũng đủ ấm và làm tan những lớp sương đêm. Nắng rỏ quạt sau những thân cây, cảnh đẹp ước lệ của một buổi bình minh đầy tiếng chim ca hót. Tiểu đoàn chia làm ba cánh quân cách nhau vượt qua suối. Tôi tháp tùng bộ chỉ huy ở đạo quân đi giữa. Phải mất hơn hai giờ để vượt qua một đoạn rừng chưa đầy hai cây số. Tiểu đội thám sát điện về cho biết không có dấu hiệu kháng cự nào của đồng bào. Công việc còn lại chỉ là giải thích, canh giữ an ninh và cho khuôn tải đồ đạc để di chuyển về hậu trạm, chờ phương tiện xe cộ chờ tất cả ra vùng bìa của quốc lộ đã ấn định sẵn.

Khác với những chờ đợi căng thẳng của hôm qua, tôi không ngờ tình trạng có vẻ dễ dàng đến như vậy. Những người lính xúm vào phụ khiêng vác. Bên trong những ngôi nhà sàn thơ mộng, ngoài con dao và chiếc gùi, không còn gì thực sự đáng giá. Vị trưởng buôn nói tiếng Pháp cho biết thỉnh thoảng cộng sản có mò về xách nhiễu dân chúng nhưng khi nghe quân đội tới, chúng đào tẩu mất hết. Ông tỏ vẻ thân thiện và chấp nhận cuộc tàn cư của chánh phủ. Mọi sự diễn ra tốt đẹp, tôi thu vào ống ảnh nhiều bức hình độc

đáo. Mấy thiếu nữ Djarai ngực trần có vẻ đẹp của những bức tượng khỏe mạnh chứ không gợi dục như tranh vẽ của ông mục sư Denman. Vì không chịu bán, tôi cho gã thanh niên chiếc bật lửa để đổi lấy cây khèn bằng trúc mà tôi có ý định mang về tặng Davis. Bỗng có một tiếng thét khủng khiếp, thật là đau đớn, tiếp theo là những tràng súng nổ vang của những người lính có bốn phên canh gác. Cả khu rừng âm ỉ những tiếng súng và tiếng hô xung phong. Tất cả nhanh nhẹn phân tán vào vị trí chiến đấu, bỏ trơ lại tôi với những người dân Thượng không biết gì nhưng cũng xanh xao sợ hãi. Tôi mất mọi phản ứng và hầu như tê liệt trong giây lát. Tôi vững tâm với tinh thần chiến đấu cuồng nhiệt của những người lính, hoả lực mở rộng ra khu rừng ngoài. Y Chơn bị trúng phải một mũi tên độc thật sâu nơi mắt trái, chắc thuốc ngấm làm hấn oằn oại rên la đau đớn. Y tá và cả viên sĩ quan trợ y đều xúm lại nhưng thật lính quýnh. Mũi tên được rút ra kéo theo dòng máu đỏ tươi, thân tên đầy nhựa đen và ngả sang màu tím thẫm. Schmidt đi rồi, không có viên cố vấn Mỹ khó mà gọi trực thăng di tản. Thuốc độc cực mạnh chạy vào máu chắc hẳn sẽ không qua khỏi trước khi về đến hậu trạm.

Rồi mọi tiếng súng im bật làm nổi bật cái vắng lặng thê lương của rừng núi. Đám lính tụ tập trở về kéo theo xác một người đàn ông Thượng, giò

tên độc còn bên lưng, đầu bị đạn M16 xuyên nát không còn nhận ra được mặt mũi. Có lẽ để tránh phần trách nhiệm, vị trưởng buôn bảo hấn là Việt cộng. Sự thật ra sao cũng không biết nữa. Y Chơn được cứu chữa bằng lá thuốc, dù hy vọng qua hời hấn vẫn bị hu một mắt. Không chết, đầu sao hấn cũng may mắn. Mặt trời đứng bóng và đổ nắng. Say khói súng đám lính trở nên nặng tay và nóng nảy, họ nổi lửa đốt từng chiếc nhà sàn ngay trước những vè mặt đầy bơ vơ ngơ ngác. Khi ngọn lửa đỏ còn cháy hùng hực, họ xua người và vật rời xa khỏi chốn thôn bản, nơi chôn nhau cắt rốn.

Sau nhiều giờ phá mở đường, đoàn xe đưa đồng bào ấp Nueng từ hậu trạm ra đến khu định cư ven quốc lộ. Không xa khu định cư là trại binh Mỹ với một dàn đại pháo cao ngất trời. Tôi gặp lại ông bà mục sư Denman ở khu tiếp cư. Đến lúc này hình ảnh giết người của mũi tên độc với sức công phá dữ dội của những viên đạn M16 vẫn còn ám ảnh tôi mãi. Hình như tất cả thảm kịch và diễn trình tiến bộ văn minh nhân loại mấy ngàn năm thể hiện đầy đủ trên cái xác của gã đàn ông Thượng Djarai bị ném vào đồng lửa hồng hôm đó.

CHƯƠNG BA

Trên khắp cao nguyên tôi ít thấy những người lính Mỹ nói tốt về các đồng minh Việt Nam của họ. Đó cũng là một lối diễn tả được coi là nhẹ nhất khi nói về mối ác cảm của dư luận báo chí Mỹ đối với những khó khăn Kinh Thượng ở cao nguyên. Chẳng hạn trong một cuốn sách nổ như một trái bom và bán chạy nhất nước Mỹ, ngoài khía cạnh đề cao anh hùng tính của những người lính Mũ Xanh Mỹ, còn lại chỉ là sự miệt thị và hạ giá người Việt. Và đặc biệt hơn nữa là những mô tả về tính cách tàn bạo man rợ của những người đồng bằng đối với người Thượng thiểu số mà họ cho là bị bạc đãi hiếp đáp và tàn sát không một chút thương xót.

“Những cuốn sách như vậy không thể gọi cho quần chúng Mỹ và cả dư luận thế giới những

hình ảnh đẹp về dân tộc Việt Nam đang theo đuổi cuộc chiến đấu.”

Thật không phải lúc khi chúng tôi đang đứng ở một cú điểm nóng nhất của cuộc chiến tranh để nghĩ vẩn vơ về một dư luận bên trời Âu hay mãi tận nước Mỹ. Buổi trưa nóng đỏ xuống hầm hập, Davis mặt đỏ gay hai hàng mi cong động lẫn lẫn những hạt mồ hôi nhỏ. Gió tây khô khan thổi rất qua những khe áo. Mấy trăm nóc tôn tụ lại như một hội chợ mới cất, cách khoảng quốc lộ trong vòng một trăm thước. Nơi khúc quanh xa lộ như một giải lưng lảng nhẩy. Những kiểu nhà tiền chế được dựng sẵn trên vùng đất hoang phì nhiêu sát trục giao thông và dôi dào những ngọn suối. Chỗ nào cũng có dấu vết của những bàn tay săn sóc. Rút từ những kinh nghiệm trước, khu tiếp cư lần này được sửa soạn với nhiều thiện chí và công phu đáng kể. Nhưng chẳng ai có thể dự liệu được tất cả những tai ương biến chúng. Tai ương đó có thể là một nạn dịch phát xuất từ cái chết của một người đàn ông đêm qua. Khó khăn đầu tiên là làm sao thuyết phục tang chủ đừng giữ lâu xác chết đó trong nhà và chịu đem chôn cất sớm. Khó khăn thứ hai là phải tìm cách chích thuốc ngừa cho họ trước khi bệnh dịch có thể lan tràn và số chết chóc không biết là thế nào. Đoàn chích ngừa với đầy đủ thuốc men được huy động tới nhưng đồng bào tìm cách lẫn trốn hết, nếu cưỡng bách

là họ chống cự la hoảng và khóc lóc. Chỉ sau một buổi sáng không khí lo sợ bàng hoàng đè trĩu trên mấy trăm nóc gia đình. Cuối cùng phải dùng xảo thuật quyến dụ và cả cưỡng ép nữa để chích thuốc cho hơn một ngàn dân, dù mất lòng nhưng một giai đoạn khó khăn cũng tạm qua đi. Davis như xúc động bồn chồn trước sự mạnh tay của một vài người lính.

“Hàng mấy trăm năm sống cách biệt với thế giới bên ngoài, sự thích ứng theo tôi cũng đòi hỏi một thời gian. Tình cảnh ở đây không khác gì với những đợt hồi hương đầu tiên của các sắc dân Do Thái: cách biệt xa lạ và những đụng chạm không thể nào tránh khỏi. Tôi hy vọng đây sẽ là kiểu mẫu cho những kibbutzim đào tạo giáo dục người Thượng mau sống kịp với thời đại chúng ta trong tương lai.”

Giống với một tờ báo sinh viên, một lần nữa Davis đề nghị một công thức kibbutz cho vùng đất hứa cao nguyên. Tôi bảo một mai khi hoà bình thì đó cũng là điều đang suy nghĩ tới.

“Không, kibbutz là một công thức hữu hiệu trong thời chiến. Tôi có cảm tưởng các căn cứ biên phòng của LLDB Mỹ chỉ là một mô phỏng vụng về mà thôi.”

“Đó chỉ là những căn cứ quân sự thuần túy của Mỹ mà căn bản cứu trợ chỉ là sự bố thí. Chữ kibbutz sẽ không có ý nghĩa gì nếu trong đó không bao hàm một tinh thần cộng đồng kibbutz.”

“Vậy thì những trại tỵ nạn cộng sản này được tổ chức theo quan niệm chiều hướng nào?”

“Nguyên mấy chữ tỵ nạn đã nói lên tính cách tạm bợ của nó. Thật ra đây là một cơ hội bằng vàng để thực hiện những dự định tốt đẹp mạnh nha từ nhiều năm trước, quy tụ những cư dân thiểu số sống rải rác trong các hẻm hóc rừng rú, tổ chức thành những Buôn Hấp Mrao kiểu như các đại xã gần các trục giao thông, giúp đỡ giáo dục họ làm quen với nếp sống cộng đồng, chấp nhận cải tiến lề lối canh tác và tin tưởng vào khoa học văn minh hơn là phó mặc cho thần linh và sự cúng quảy. Ngoài những eo hẹp về vật chất, theo tôi những sửa soạn về tâm lý mới thật sự là vấn đề khó khăn cho chánh phủ. Một thí dụ nhỏ như kế hoạch cải tiến nông cụ, vấn đề không phải có đủ liềm phân phát cho nông dân mà chính là làm sao thuyết phục họ chịu dùng liềm để gặt thay vì dùng tay tuốt từng bông lúa mà khỏi sợ các đấng thần linh quả phạt.”

Davis có vẻ chú tâm tới những điều tôi nói, hẳn luôn luôn đưa ra những câu hỏi để có một xác định chi tiết. Mô phỏng từ một một tư tưởng của Einstein, tôi tiếp:

“Để trừ bỏ những thành kiến mê tín dị đoan có lẽ khó hơn phá vỡ một nguyên tử. Anh có biết không, cũng thiện chí đó đem ra áp dụng vội vã, ông Diệm đã gặp phải sự chống đối và phong

trào tự trị ly khai cũng phát xuất từ đó. Điều tôi muốn nhắc lại đó là một sửa soạn tâm lý.”

Tôi không rõ Davis đã đặt chân lên cao nguyên từ bao lâu, nhưng rõ ràng hẳn có những am hiểu về cả những khúc mắc chánh trị dính dáng đến phe tranh đấu. Davis hỏi tôi: “Đã có giấy bảo đảm của Thủ tướng chánh phủ tại sao lãnh tụ phe thiểu số ly khai còn đòi hỏi một văn kiện khác có bảo đảm của toà Đại sứ Mỹ mới chịu ra mặt thương thuyết?”

Đó là một sự kiện hoàn toàn mới mẻ, có lẽ Davis biết nhiều hơn tôi ở một lãnh vực nào đó. Bằng luận lý suy diễn, chính tôi cũng đang tự tìm một giải thích:

“Xa hơn cả nguyện vọng tự trị đã có lúc họ đòi trở thành một tiểu bang của Hiệp chúng quốc. Sự chất phác ngây thơ của họ là một kích thích không mới mẻ cho những tay phù thủy chánh trị muốn đưa đẩy số phận cao nguyên theo những bước phiêu lưu xa hơn. Khôn ngoan như người Pháp cũng đã chẳng làm được gì trong ngót một trăm năm ngăn chặn bùng bít, hướng chi bây giờ mọi cánh cửa đã hé mở, dù nhất thời bị lôi cuốn vào cơn lốc chánh trị, thực tế sẽ phá vỡ những áo tường. Bằng có là đã có một số lãnh tụ trong phe ly khai trở về, tôi muốn nói tới sự giác ngộ của chính những người Thượng. Điều đó chỉ có được bằng giáo dục và nâng cao dân trí. Cũng như cuộc chiến tranh đang diễn ra ở

nông thôn Việt Nam, cuộc chiến bị bỏ quên này sẽ đương nhiên tắt lịm dần đi khi đã thực hiện được những cuộc cải cách xã hội và nâng cao nếp sống.”

Hình như trong thâm tâm tôi không lạc quan được đến như vậy, nỗi lo sợ gia tăng khi tôi nghĩ tới căn bản thiếu thốn về nhân sự, tâm trạng dửng dưng và sự rã mục về những hy vọng của quần chúng. Cả cái gọi là chánh sách của cấp lãnh đạo cao nhất cũng không ngoài việc bung bít những lỗ vỡ của một ống nước đã cũ nát. Hình ảnh những Ross, Tacelosky và Denman nhắc nhở tôi rằng là xa hơn một ly rượu tới môi, con đường dẫn tới một tốt đẹp ở cao nguyên còn phải trải qua nhiều máu và nước mắt.

“Theo anh người Mỹ có lợi gì để hành động mâu thuẫn như vậy khi họ đang phải sát cánh chiến đấu sống chết bên cạnh đồng minh Việt Nam?”

Davis đưa ra một câu hỏi trực tiếp và đột ngột nhưng tôi nhớ mang máng là có một ký giả người Nhật tên Takashi Oka đã từng hỏi tôi như vậy. Tôi cũng đã tự hỏi và câu trả lời là những chuyến đi liên tiếp trên cao nguyên. Cùng một lúc tôi ý thức được rằng mình đang là một nhà báo, một thành phần trong cuộc với những thao thức lo âu cho vận mệnh của tổ quốc. Đã nhiều lần tôi bị giằng co giữa những sự lựa chọn: chỉ phô bày hay phải đánh giá tác dụng của những dữ kiện mình có. Ở trường hợp này tôi chỉ có

thể trả lời gián tiếp. Hình như Davis không hiểu được ngụ ý tôi định nói gì, hần cười không hỏi thêm, cả hai chúng tôi rảo bước tới trụ sở quản trị với hy vọng thiếu tá Y Ksor tới đón chúng tôi ở đó. Davis cũng nhờ tôi dẫn qua một phòng phát thuốc. Phản ứng của thuốc chủng làm hần bắt đầu phát sốt, riêng tôi chỉ thấy hơi đau nhức ở một cánh tay. Những dấu hiệu này có thể làm cho hơn một ngàn người vùng dậy bất chợt chỉ vì những dị đoan lo sợ hoảng hốt.

Rồi tới buổi chiếu phim tối cho khoảng ngót năm trăm người hiếu kỳ đông đảo, bỗng dừng bị tan vỡ chỉ vì một đám cháy trên màn bạc, đó là điều mà cả tôi và Davis không tưởng tượng nổi. Từng sinh hoạt với họ, tự hào về những hiểu biết phong tục tập quán của họ, tôi vẫn luôn luôn đụng đầu với những khám phá và va chạm mới. Davis hỏi tôi về tình trạng ra sao của đồng bào Thượng Du miền Bắc. Tôi nói:

“Nếp sống của họ đã cao hơn vì những giao tiếp thông thương dễ dàng với các người ở đồng bằng châu thổ nhưng những khó khăn chủng tộc không phải không có. Riêng ở cao nguyên miền Nam kể từ ngày bác sĩ Yersin đặt chân tới, cho đến nay hơn một trăm năm như anh đã thấy vừa rồi kết quả chánh sách khai hoá của người Pháp. Cùng với những cây cổ thụ hàng ngàn năm, thời gian như ngủ im lìm trong các đôi nương buồn sóc. Kể cũng đáng buồn là vào

cuối thế kỷ hai mươi tại một quốc gia tự hào với bốn ngàn năm văn hiến mà vẫn tồn tại mấy chục sắc dân với trình độ văn minh chưa quá xa thời đại thạch khí.”

“Tôi được đọc một tài liệu của viện Đại học Stockholm, chính một nhà nhân chủng học Việt Nam mà tôi không nhớ tên chống lại quan niệm đồng hoá các người thiểu số ở miền núi, ông ta chỉ chịu chấp nhận cái mà ông gọi là thích nghi văn hoá.”

Có lẽ tôi cũng biết ít nhiều về ông ta, nguyên là giáo sư Đại học Văn khoa hiểu rõ các sắc dân Thượng và có tham vọng nối gót những người như Rondon lập các sở bảo vệ thổ dân Mỹ châu ở Ba Tây. Là nhà báo nhìn vấn đề theo khía cạnh chánh trị và xã hội nên tôi không có những thắc mắc như ông. Tôi cười và bảo Davis:

“Đối tượng của khoa nhân chủng là những giống người mà nhà khoa học định nghiên cứu, cũng như đề tài đối với họa sĩ, ông ta càng thích thú khi có được những đề tài mới lạ và khan hiếm. Sự pha trộn chủng tộc và những biến đổi về tập quán thường khiến ông ta tò ý tiếc. Hãy để cho nghệ sĩ say sưa với đề tài của ông ta, chuyện lập hội bảo vệ cũng không phải là một cần thiết vì ở đây không hề có cảnh lòng giết người Da Đỏ như người ta đi săn thú ở bên châu Mỹ. Vấn đề cấp thiết chính là san bằng cách biệt bằng một chánh sách quy mô tiến bộ và khai

hoá. Chẳng hạn trong những buôn ấp sơn thôn mới, chúng ta có thể khuyến dụ người Thượng thôi đóng khổ, sống theo phương pháp vệ sinh mà vẫn không đụng tới cái gọi là những mỹ tục về văn hoá riêng của họ. Không thể bình tĩnh nhìn sự lạc hậu bán khai là văn hoá và méo mó nhìn mỗi thổ dân như các cổ vật nghiên cứu và cần phải bảo trì.”

Hình như tôi đang ngấm ngấm bất mãn với một con người không biết và vắng mặt, có lẽ bởi thái độ trí thức tiêu cực của ông ta quá tương phản với một hình ảnh không mệt mỏi của ông mục sư. Sự mĩa mai đến cay đắng khi Davis bảo muốn tìm hiểu vấn đề sắc tộc ở Việt Nam không có cách gì hơn là tìm đọc các tác giả ngoại quốc. Tôi đã có hơn một lần có kinh nghiệm đó, và tôi cũng có lý do để khỏi hối tiếc bỏ cơ hội trải qua những năm dài ở Đại học Việt Nam. Văn hiến bốn ngàn năm mà tựa hồ hoàn toàn trống vắng. Dù sao chuyển về Sài Gòn lần này, tôi cũng định sẽ tìm gặp ông ta, vào nghề báo tôi đã quen với những gặp gỡ ngoài ý thích.

“Anh cũng biết ở một tình trạng chánh trị rối bời như Việt Nam, cả khoa nghiên cứu nhân chủng cũng bị xử dụng như một phương tiện cho mục tiêu phân hoá chánh trị không hơn không kém.”

Buổi tối không khí dịu mát lại, bầu trời thấp xuống. Dàn đại pháo của trại binh Mỹ đang nhả

từng loạt đạn vào mãi xa trong rừng sâu, tiếng nổ rung chuyển cả đồi núi làm lung lay tới tận trắng sao. Nạn nhân có thể là những tên cộng sản lẫn lút, đám người Thượng nào đó còn sót lại hoặc là cả những con thú vô phước có mặt trong một khu được coi là oanh kích tự do. Súng đạn dù không thù nghịch vẫn làm những người Thượng kinh hãi. Rồi bất chợt im lặng trở lại, sự im lặng cũng ngỡ ngàng như một náo động khởi đầu, không nguyên do, không một cảm xúc buồn vui. Ở những lúc này tôi chợt nghĩ và nhớ tới Nguyễn tha thiết. Phải chi Davis là nàng, tôi sẽ vui sướng để nhận lời mời của mấy vị chủ làng buổi tối. Nguyễn cũng sẽ tập uống rượu cần, tôi sẽ chỉ dẫn cho nàng cách nhận một ống triềng bằng tay phải, bởi vì tôi nhớ Nguyễn có thói quen dùng bàn tay trái mà người Thượng thì lại không mấy quý bàn tay trái, xử dụng nó được coi như dấu hiệu khiêu khích và khinh bỉ. Cái không biết và vô tình của nàng có thể làm suy giảm mối giao hảo thân hữu giữa chủ và khách. Nhưng tôi hiểu rằng Nguyễn không thể nào chọn quê hương là nơi đây và để có được tình yêu tôi và Nguyễn, một trong hai người phải hy sinh cái thế giới mộng tưởng của mình. Và dẫu sao, tôi cũng đã có một quyết định dứt khoát bỏ nghề báo và ra Huế.

Thiếu tá Y Ksor cho người mời chúng tôi trở lại nhà làng. Trong bữa ăn tối, Davis bảo lần đầu

tiên hân được thưởng thức bữa thịt rừng nướng ngon như thế. Dù có những khó khăn về ngôn ngữ, chủ và khách đối xử với nhau bằng tất cả sự kính trọng và mối thâm tình. Có mấy người cà răng bị đau nên ăn một cách khó khăn, ngày thường họ chỉ có thể ăn cháo hay một thứ gạo kê lên men thật mềm nhuyễn. Đến tuần rượu, Davis là người bỏ cuộc đầu tiên, có lẽ tại vị rượu không quen mà hân cho là hơi chua và đắng. Tôi theo bèn gót Y Ksor, khật khưỡng sang tuần thứ ba bên ghè rượu lúc nào cũng được vị chủ làng đổ thêm nước nên đầy ắp. Độ rượu không có vẻ gì phai lạt vẫn ngọt ấm và hơi cay. Mọi phiên muện và lo âu như dừng lại từ ngoài khung cửa và tôi hiểu tại sao người Thượng có thể đói từ ba đến năm tháng trong một năm nhưng vẫn không thiếu gạo để cấy rượu vui xuân dòng đã suốt mấy tháng.

70 ngô thế vinh

CHƯƠNG BỐN

Diện tín báo tin Như Nguyễn chờ tôi ở Đà Lạt, vẫn tại ngôi biệt thự như một toà lâu đài ở đường Hoa Hồng. Tôi thì còn phải bận rộn trong ít hôm nữa. Thời gian làm việc thật gấp rút vì viên Trung tá phòng Năm sắp bị tướng Trị đổi đi. Trên đường tới Quân đoàn, tôi rẽ qua ty bưu điện nhỏ như cái hộp gửi một điện tín cho Nguyễn hẹn có thể gặp nàng trong vòng hai hôm nữa. Biết tính Nguyễn, tôi không hy vọng Nguyễn chờ đợi và có thể nàng sẽ trở lại Sài Gòn ngay buổi chiều. Phải chi tôi có Nguyễn lúc này, đó là những phút hạnh phúc mà Nguyễn chẳng thể chia sẻ hoặc chẳng bao giờ nàng nghĩ tới. Lúc này bỗng dưng tôi cảm thấy ngại khi nghĩ tới tối nay trở về căn phòng khách sạn tồi tàn, một mình lụi cùi gõ chiếc bàn máy để có bài gửi kịp chuyến bay buổi sáng. Có lẽ chỉ là một

bài tập ghi những điều tai nghe mắt thấy trong những ngày theo chân chiến dịch định cư đồng bào Thượng. Khi ném cây cọ để cầm bút, tôi vốn chán sự chỉ trích dù là xây dựng, không phải tôi ngại sự khó khăn xảy ra với các giới chức nhất là với tướng Trị, nhưng là mức độ hữu dụng của ngòi viết. Tôi không muốn cố gắng cái mà người Thượng Rhadé gọi là chìm sâu những ống tre khô dưới mặt nước. Ở một hoàn cảnh đã quá nhiều đen tối, hy vọng phải được thắp lên dù chỉ là một vài đốm sáng yếu ớt.

“Tôi xuống thế này là hết rồi, đưa đi đâu cũng chỉ có khá hơn, đổi sang đơn vị tác chiến càng thích hợp với khả năng của tôi nữa.”

Đến lúc sắp ra đi, đây là lần đầu tiên ông Trung tá tỏ lộ sự bất mãn. Đó là một sĩ quan xuất sắc dưới thời ông Diệm, nguyên làm tỉnh trưởng Bến Tre và chịu biện pháp đẩy ải lên cao nguyên sau cách mạng. Đó thực sự là một công bộc quốc gia với tất cả tận tâm và cần mẫn, ngay ở địa vị hiện tại. Tôi cũng được biết thêm chi tiết rằng những năm đầu dưới thời ông Diệm khi ông là thiếu tá thì tướng Trị mới là sĩ quan cấp úy và hiện giờ ông được kể là thâm niên nhất ở nguyên vị cấp bậc của mình.

Khi trao vào tay tôi tập giấy đóng bìa cứng, viên Trung tá bảo nếu có thể anh hãy cho tôi một đặc ân là đừng phổ biến gì lên trên mặt báo. Đây là một hồ sơ mật, đối với tướng Trị nó như

một cái xương hóc nuốt không trôi cũng chẳng thể lấy ra. Tôi cũng không hiểu tại sao ông Trung tá đã xử sự tôi với đặc biệt cảm tình, ông bảo mới gặp lần đầu tiên ông đã tin cậy tôi ngay và cho đến bây giờ ông vẫn tin ở trực giác của mình đúng. Dầu sao thì ông cũng vẫn tỏ lộ sự e ngại và khuyên tôi nên thận trọng:

“Anh coi chừng ông Tướng cũng chẳng ưa gì đám nhà báo. Sự có mặt của anh nơi đây như một cái gai mà ai cũng muốn nhổ đi. Sự khó dễ lúc nào cũng có thể có. Riêng đối với tôi còn ở đây ngày nào tôi còn cố sức giúp anh trong quyền hạn có thể của mình. Tôi trọng kỷ luật và nguyên tắc nhưng cũng biết đâu là giới hạn và cả ngoại lệ nữa.”

Ông cười nhưng không giấu được vẻ thoáng buồn trong câu nói. Tôi đang có trước mặt những cặp hồ sơ đầy dấu chữ đỏ mật hoặc tối mật. Một lần nữa trí óc tôi phải làm việc chứ không thể cầm viết ghi chép. Đây là những bức thư và tài liệu của phe ly khai, phần lớn viết bằng tiếng Pháp kể cả truyền đơn hô hào người Thượng nổi dậy, đám người mà ai cũng biết có tới 99 phần trăm mù chữ dốt nát. Cả lịch sử bi hùng của cao nguyên như gói trọn trong huyền sử cuộc đời của một người đàn ông Thượng đã từng được mang họ cụ Hồ để chiến đấu bên cạnh người Mỹ. Và những chữ nối nhau chỉ là những chi tiết của một trang sử máu. Và thường tình

máu chỉ gọi tới máu, đó cũng là giai đoạn không nương tay của tướng Thuyết, khi ông còn ngự trị trên đồng rừng cao nguyên.

Khi biết tướng Trị sắp tới, tôi gấp trả lại tập hồ sơ với lời hứa cho phép trở lại của viên Trung tá. Lúc này còn quá sớm cho cuộc hẹn gặp Davis. Tôi rào một vòng xuống phố mua mấy tờ báo. Báo gửi chậm một ngày nhưng vẫn ghi đúng ngày tháng. Và giữa những trang báo quen thuộc, tôi lại thấy xuất hiện cái bút pháp kịch liệt của ông Hoàng Thái Trung khi chỉ trích cuốn sách của một tác giả Mỹ viết về những người lính Mũ Xanh. Ngoài cái sắc bén thâm sâu, giọng ông lúc này còn đượm nhiều vẻ ngầy ngà cay đắng. Lần đầu tiên ông để mất cái phong thái trầm tĩnh cố hữu để bị lôi cuốn vào những luận cứ đầy cảm tính. Cái trẻ trung của một trí thức đáng mến ở chỗ còn nguyên chất lửa ấy. Tôi nghĩ tới ông Trung, tới Huế và những ngày sẽ sống với Nguyễn ở ngoài đó, chính tôi cũng không thể ý niệm rõ. Lần gặp gỡ đầu tiên với ông Trung trong một hoàn cảnh đặc biệt với những kỷ niệm thật đậm đà. Tưởng cũng nên nhắc lại rằng, sau lần triển lãm có vẻ thành công, có một cuộc họp mặt của những văn nghệ sĩ thời danh do sáng kiến của ông Ngoại giao. Ở một thời kỳ mệnh danh là cách mạng, ai cũng thấy phải làm một cái gì. Bộ Giáo dục thì tập nập thành lập những phái đoàn sinh viên xuất ngoại để giải

độc du luận gây thành tích ngoại giao, trong khi Bộ Ngoại giao thì lại có cả một kế hoạch giải toả văn hoá rộng lớn. Hôm đó ngoài sổ hoạ sĩ bạn thân, tôi còn thấy hiện diện một số khuôn mặt văn nghệ lớn. Một nhà văn tiêu biểu chống cộng thuộc thế hệ bốn mươi, một văn trẻ thuộc thế hệ lạc lõng với nhân vật tôi cố hữu là đàn bà, một kịch tác gia nổi tiếng chưa hề viết kịch. Tôi chú ý tới sự có mặt của nhà phê bình văn học Hoàng Thái Trung. Ông vừa là một nhà báo, một giáo sư đại học rất trẻ, luôn đề cao sự hoài nghi về ý nghĩa mù mịt của trận chiến tranh hiện tại. Ngòi bút của ông ảnh hưởng mạnh mẽ trong giới trẻ và được coi như biểu hiệu một thái độ trí thức đứng đắn. Cũng bởi đó ông bị nhiều người gán cho là cộng sản, cũng rất may ông là người Thiên chúa giáo, mà đã là công giáo thì không thể sống chung với cộng sản. Nhưng tiền đề này cũng không hoàn toàn đúng khi được biết sau này ông Trung đã rời hàng ngũ để đi sang con đường bên kia. Cũng bởi sự có mặt của nhân vật Hoàng Thái Trung hôm đó đã gây cho ông Ngoại giao những cảm giác khóp kháp khó chịu. Khi còn là nhà báo, hai người đã có những xung khắc thể hiện bằng mấy cuộc bút chiến và sau đó Hoàng quân bị chánh quyền và người Mỹ liệt xếp vào thành phần thiên tả nguy hiểm. Riêng với ông Ngoại giao, từ lâu tôi vẫn chỉ được nghe tiếng ông hơn là biết mặt. Ông xuất thân từ một

dòng dõi Nho học nhiều tiếng tăm, vậy mà dư luận vẫn gán cho ông là một trong những thành phần nội các có dính líu nặng nề với người Mỹ. Ở một thời đại mà lời đồn đãi quá nhiều khiến người ta nghi ngờ tất cả ngay như đó là một hành vi tố cáo. Tôi chỉ biết nguyên ông ta là chủ bút một trong hai tờ báo Anh ngữ ở Việt Nam, có thái độ thân Mỹ rõ rệt và bênh vực vô điều kiện sự có mặt của quân đội Mỹ trong vùng Đông Nam Á châu. Ông có thái độ chống cộng thật hăng hái, điều đó không ai có thể phủ nhận. Đó cũng là lý lẽ ông được người Mỹ tin dùng nhưng theo nhận định của giới thân cận thì ông ta là hình ảnh của một tinh thần quốc gia mờ nhạt đến độ đáng phàn nàn. Là nhà ngoại giao Việt Nam nhưng ông là phát ngôn viên trung thực cho chính sách đang theo đuổi của người Mỹ.

Trở lại mục đích cuộc họp mặt là cố gắng giới thiệu các công trình văn hoá ra ngoại quốc, như điều mà miền Bắc cũng đã làm. Dự định to lớn nhưng đúc kết buổi nói chuyện thật còm côi và chẳng đưa tới một kết quả cụ thể nào. Tôi không muốn nhắc tới những đường hướng dẫn lối của ông Ngoại giao bắt đầu từ một quan niệm nghệ thuật vô cùng sơ đẳng, tôi cũng không muốn nhắc lại những chi tiết không mấy đẹp hôm đó do thái độ cầu cạnh của một số mệnh danh là văn nghệ sĩ. Tôi cũng gặp Như Nguyễn, người đàn bà mua tranh tôi trong vai trò tùy viên văn

hoá của sứ quán và tôi cũng không thể nghĩ rằng sẽ có những ràng buộc định mệnh giữa tôi và nàng sau này. Thực sự cho đến bây giờ tôi không biết gì hơn về người đàn bà ngoài cái hiện tại của một cuộc sống phóng thả và rất nhiều tai tiếng. Nguyễn đối với tôi có một sức hấp dẫn kỳ lạ của một loài chim bay rất cao để có một tiếng hót hay. Có lần từ Tokyo, Nguyễn viết thư cho tôi, thư khá dài không đề cập tới một chuyện gì rõ rệt nhưng chúng tỏ tâm hồn nàng đang có những dao động. Nguyễn bảo, nàng như một con chim nhỏ đi trốn tuyết và rất cô đơn. Phải chi Nguyễn được anh giam hãm như anh đã từng giam hãm con mèo đen trên cái ấm áp của một thảm hồng. Tôi thấy nhớ Nguyễn và nghĩ rằng nếu tôi trở lại với hội hoạ cũng bởi tại một nỗi thâm kín riêng tư nào. Tôi trở lại chỗ hẹn, Davis đang nôn nóng chờ tôi tới. Y Ksor khẩn cấp cho người mời chúng tôi lại nhà làng. Không khí đang trở nên thù nghịch, sự căng thẳng lên tới cực điểm khi có nhuốm vẻ thần linh tôn giáo. Cả Buôn Hđíp Mrào vừa ổn định cuộc sống hiền hoà hôm qua nay bỗng trở lại nhốn nháo như sẵn sàng cho một cuộc nổi loạn.

“Kdi rai Cam, ram Yuăn.”

Y Ksor bảo thế, mọi sự đã tan tành như sau trận chiến giữa người Chăm với người Kinh. Bao nhiêu công trình sửa soạn cho khu định cư bỗng dung thất bại trở thành mây khói. Hơn một ngàn

người nhất tề đứng dậy đòi trở lại rừng sâu. Họ sợ hãi nhưng quyết liệt chống cự lại những người lính ngăn cản.

“Tại sao vậy, thiếu tá Ksor? Hay là họ bất mãn vì trợ cấp quá thiếu thốn?”

“Đâu có, đây chính là thí điểm tiếp cư kiểu mẫu nên khả năng tiếp liệu được coi là dư thừa nhất. Chỉ tại ông Trung úy thì còn trẻ và hăng hái quá lại là người miền xuôi nên không biết rõ họ.”

Nghe nói vậy viên Trung úy tỏ vẻ kháng cự Y Ksor, hẳn quả quyết nạn nhân là một tên Thượng cộng nằm vùng và chính tên này bày đặt ra bùa phép xúi giục dân chúng. Ở những trường hợp bối rối khó khăn, thiếu tá Y Ksor tỏ ra bình tĩnh hơn bao giờ:

“Tôi biết và cả phục Trung úy nữa về những kinh nghiệm chiến tranh rừng rú nhưng còn sự am hiểu người Thượng với tập quán phong tục đầy mê tín dị đoan của họ chắc Trung úy không thể nào bằng tôi bởi rõ ràng chính tôi là một người Thượng. Không phải tôi cố ý quy lỗi nhưng chính vì sự bắt bớ tra tấn người thầy cúng của họ nên mới gây ra tình trạng căng thẳng. Điều mà tôi lấy làm tiếc là với những đồng bào còn quá mê tín như vậy lẽ ra phải tìm cách thuyết phục người thầy cúng của họ trước.”

Thì ra đã quen với nếp sống du mục đốt rừng làm rẫy, khi dời tới một địa điểm mới nào dân làng đều có nhờ một vị thầy cúng làm lễ xin

phép thần Nhang xem có cho họ ở lại vùng đất mới hay không. Nếu không thì họ tin rằng thần linh sẽ quả phạt, làm ra bệnh tật và chết chóc và bây giờ họ đang tìm cách chạy xa mảnh đất mà họ tin là nhiều ma quỷ và chết chóc. Y Ksor nói với tôi giọng bày tỏ:

“Ông nhà báo thấy không dù phương tiện trang bị tới mức nào cũng rất có thể thất bại nếu quên khía cạnh chuẩn bị tư tưởng trong việc di dời.”

Viên Trung úy tỏ vẻ biết phục thiện và hỏi lại thiếu tá Y Ksor là hắn ta và những người lính có thể làm gì được trong giới hạn hiện tại. Đường như đã nắm vững tình thế, viên Thiếu tá đưa ra ngay một giải pháp khả hữu:

“Những người Thượng bản chất rất hiền lành nhưng họ trở nên hung bạo khi sợ hãi. Việc ngăn chặn lưu giữ họ lâu thêm trên mảnh đất này chỉ làm tăng thêm mối sợ hãi đó. Theo tôi, Trung úy cứ để họ ra đi và tiếp tục canh chừng cũng như giúp đỡ, họ cũng chẳng vào ngay trong rừng sâu để bị bắn lăm hoặc gặp lại những tên du kích cộng sản mà họ vốn thù ghét. Địa điểm này chắc chắn không còn dùng thêm được nhưng cũng không thể bỏ phí, chúng ta sẽ di dời họ tới một nơi cách đây chừng vài cây số, cũng bên trục quốc lộ và tôi sẽ cố thuyết phục người thầy Nhang của họ chấp nhận nơi đó.”

Y Ksor còn phải giải quyết thật nhiều những khó khăn, trong đó có việc mua chuộc người

thầy cùng vô tội đã bị tra tấn xung vu cả mặt mũi. Ông cũng tỏ ý lo ngại sự hiện diện của mấy nhà báo Mỹ vì rất có thể sự đụng chạm này được họ giải thích như hậu quả của sự miệt thị và bạc đãi đối với những người Thượng bị dồn vào những nơi mà họ gọi là trại tập trung để đẩy đoạ và tiêu diệt và vì thế người Thượng phải vùng dậy liều chết trở lại rừng sâu. Có lẽ mục sư Denman đã khôn khéo rút lui trước để tránh một ngộ nhận tai tiếng như thế.

Cả buổi tối bên ghè rượu, như một nhà ngoại giao đại tài, Y Ksor đã thuyết phục thiệt hơn với người thầy cùng và cả những vị chủ làng với lời nhận lỗi và hứa hẹn tiếp tục giúp đỡ. Ông cũng hứa sẽ bắt đầu xây cất lại một Buôn Hđíp Mrao mới trên một vùng đất lành mà vị thần Nhang cho phép tới.

Không khí có vẻ hoà hoãn và dịu hẳn xuống nhưng cũng không tránh được quyết định cho họ ra đi. Buổi sáng, viên Trung úy cho lệnh vòng vây được giải toả, từng đoàn người bồng bế với gia súc đi thành hàng dài về phía mặt trời mọc, hướng về dãy núi lam và khu rừng xanh phía xa. Chưa ai có một ý niệm gì về cái đích sẽ đặt chân tới. Khi đám những người Thượng cuối cùng đi khỏi, nhìn ngôi làng mới lấp loáng nắng trên những mái tôn, vắng hoe như một ngôi chợ dựng lên rồi bỏ hoang, thiếu tá Y Ksor mắt nhòa lệ, nét mặt đanh lại để cổ dãn một tiếng khóc.

CHƯƠNG NĂM

Vẫn theo lời viên Trung tá phòng Năm, kể từ ngày tướng Thuyết phải đổi ra Trung, ông Tướng mới rất được lòng người Mỹ vì chủ trương chung sống hoà thuận. Trong một cuộc chiến tranh mà ông hiểu rằng đã Mỹ hoá, ông không quá khó khăn để có những đòi hỏi và dễ dàng thoả mãn những yêu sách của họ. Đó là một đặc điểm khiến ông khác xa với tướng Thuyết. Chẳng hạn vấn đề Thượng đã gây nhiều phiền nhiễu cho tướng Thuyết khi ông ấy cố ôm lấy, bây giờ được giao trọn vào tay người Mỹ và mọi sự đối với tướng Trị đều có vẻ êm thấm. Có thể đó là cái êm thấm giết người và đến một lúc nào đó sẽ vô phương cứu chữa. Kế hoạch Đồng Tiến đang tiến những bước chập chững với mọi nỗi khó khăn không thể lường trước. Quân đội chỉ có thể mở những cuộc hành quân vào rừng

sâu và di tản đồng bào ra bờ quốc lộ nhưng mọi kế hoạch định cư và cứu trợ phụ thuộc nặng nề vào khả năng tiếp vận của người Mỹ. Và những đòn chí tử khi cần sẽ được giáng vào đó.

Vụ hỗn loạn của Buôn Hấp Mráo vừa mới được thiếu tá Y Ksor dàn xếp êm thấm với người thầy cúng, bất ngờ tướng Trị lại phải đối đầu với một khó khăn mới. Số là hôm qua có một người đàn ông Thượng đã can đảm vượt vòng vây và nhiều cây số rừng rậm sống sót để về đây xin được quân đội tiếp cứu. Vấn đề đặt ra là có hơn sáu trăm đồng bào Thượng ở Dakto bị Việt cộng cưỡng bách đi dân công và sắp bị lừa qua bên kia biên giới chậm nhất là trong vòng ba ngày. Ngoài khả năng quyết định, Y Ksor phải dẫn người đàn ông vào gặp tướng Trị. Tiếng Việt của gã phát âm khó khăn và các chữ dùng thì thô kệch, nếu cố chấp thì có thể cho hắn là vô lễ ngay đối với cả ông Tướng. Thấy tướng Trị có vẻ bức, Y Ksor hỏi gã ngay bằng một câu tiếng Pháp, gã đàn ông hiểu dễ dàng và đáp lại lưu loát. Ông Tướng cho phép hắn được sử dụng ngôn ngữ quen thuộc. Khi được hỏi về cảm tình của dân chúng đối với cộng sản, gã bảo:

“Nói đến Việt cộng là chúng tôi hết hồn vía, dân làng vẫn thường gọi chúng là chim Dục tức là con dơi, còn nói về tàn bạo thì chúng tôi sợ họ như cọp dữ. Họ bắt đồng bào chúng tôi đi dân công tải đạn, chúng lại còn thu thuế cướp bóc

gạo và gia súc của dân làng. Nếu chúng tôi có ý định bỏ đi thì họ dọa bắn giết cả làng, không ai có thể đi xa khỏi vùng quá mấy cây số.”

Tướng Trị hỏi vặn ngay gã:

“VẬY sao mày mò được tới đây, hay chính tội nó sai mày tới nói với chúng tao như vậy.”

Mỗi nghi ngờ của ông Tướng làm gã đàn ông hoảng hốt, nhưng khi thấy nét mặt mọi người vẫn hiền dịu gã an tâm hơn, giọng lắp bắp trở sang mấy câu tiếng Việt:

“Ông Tướng biết chứ, khổ quá mà. Tôi có nói dối thì cả nhà vợ con tôi chỉ có lên trời mà ở. Mấy trăm dân làng chúng tôi chỉ có cầu nguyện được chánh phủ che chở để khỏi bị chúng bắt sang kia biên giới làm nô lệ cho chúng.”

Không cần chú ý tới vẻ khẩn cầu của gã đàn ông Thượng, tướng Trị hất cằm về phía Y Ksor hỏi:

“Sao Thiếu tá, có thể tin được bao nhiêu phần trăm lời khai tên đó.”

Y Ksor chưa trả lời ngay ông Tướng, ông nói với gã đàn ông Thượng bằng một tràng thổ ngữ, người kia cũng hồi hả đáp lại. Vẫn những âm thanh rồn rảng nối tiếp như những chu kỳ hùng biện. Ngoài Y Ksor và hắn, còn lại bộ tham mưu chẳng ai hiểu gì. Nếu có tướng Thuyết, ông ta có thể nói thẳng với người này bằng ngôn ngữ của họ. Y Ksor cho gã đàn ông ra ngoài chờ, sau đó ông trở lại nói bằng một giọng cả quyết với tướng Trị:

“Tôi xin bảo đảm với ông Tướng bằng cấp bậc của tôi về sự thật vụ này; điều không thể phủ nhận được là lòng chán ghét của đồng bào chúng tôi đối với cộng sản. Điều đó cũng dễ hiểu là tại sao, sau bao nhiêu năm thả cán bộ ăn nằm với dân làng để chiêu dụ mua chuộc, cả đến chuyện họ mài răng đóng khố, nói tiếng thổ ngữ mà cho đến hôm nay họ vẫn không được lòng dân chúng. Đồng bào Thượng chúng tôi đã giác ngộ, biết ai thực sự giúp đỡ, họ biết ai bóc lột và lợi dụng. Chánh phủ ta cũng nên biết đây là lúc chúng tỏ cho dân làng là mình thực lòng muốn giúp đỡ họ và đối với một cử chỉ tốt như vậy chắc họ không bao giờ quên ơn.”

Y Ksor giọng đầy xúc cảm và nói miên man khiến tướng Trị phải cắt ngang, ông hướng câu hỏi về mọi người:

“Thì tôi biết rồi, chúng ta sẽ giúp đỡ họ nhưng bằng cách nào?”

Như chưa bằng lòng với chỗ ngưng vừa rồi, viên thiếu tá Y Ksor lại nói tiếp ngay sau ông Tướng:

“Xin ông Tướng lưu ý cho vấn đề thời gian. Gã đàn ông nói với tôi rằng chỉ còn hai ngày nữa là Việt cộng sẽ lừa tất cả hơn sáu trăm dân làng sang vùng bên kia biên giới. Đồng bào lấy có phải làm xong vụ gặt nên chúng mới cho hoãn, và lại chúng cũng đang thiếu lúa. Thành ra vấn đề không phải chánh phủ có thiện chí cứu giúp mà là sao kịp giải thoát họ khỏi sự kim kẹp nô lệ.

Hơn nữa cái gọi là Phong trào Tự trị Tây nguyên chỉ mong thấy sự bất lực của ta để làm đề tài xách động khai thác.”

Hướng về viên sĩ quan trưởng phòng Ba hành quân, tướng Trị đòi bản tóm tắt tình hình. Viên sĩ quan cầm chiếc gậy bước ra trước tấm bản đồ xoáy vòng một vùng, bắt đầu cất tiếng nói:

“Đây là một khu nằm giữa ngã ba biên giới, gần cực nam giáp ranh với Cam Bốt, trên đường mòn Hồ Chí Minh theo ngã Lào. Đó là một khu lòng chảo cô lập với mọi phía, trước đây tạm có an ninh nhờ một trại LLDB Mỹ trấn đóng. Sau vụ nổi loạn thất bại với đa số binh lính Thượng đem cả khí giới trốn qua Cam Bốt, các cố vấn Mỹ gặp nhiều khó khăn cũng rút đi thì đó là một nơi vô chánh phủ và là hậu cứ cho những đơn vị Việt cộng trú đóng ở đó. Tính theo đường chim bay thì nơi này xa ta không đầy một trăm cây số, toàn là rừng với rải rác các quân du kích, rất nhiều mìn và cạm bẫy. Mặc dù chúng không thể tập trung đủ quân số để đánh những trận lớn nhưng địch vẫn có thể gây tổn thất cho ta bằng vô số phương kế nếu đi sâu vào đất chúng. Đối với các tiểu đoàn Biệt Động quân thiện chiến, họ có thể tới đây bằng những đơn vị nhỏ nhưng sau đó lại rút đi. Vấn đề đặt ra cho chúng ta bây giờ có hai khía cạnh: thứ nhất là làm sao đem tới một lực lượng đủ hùng hậu trong vòng hai ngày để tri hoãn bọn chúng lừa dân làng sang bên kia

biên giới, thứ hai là phương tiện di chuyển cho hơn sáu trăm người với gia tài của họ. Cả hai khía cạnh đó chỉ thực hiện được với sự giúp sức của không lực Mỹ.”

Tướng Trị nghe tới giải pháp phải nhờ người Mỹ ông có vẻ ngao ngán khi nghĩ tới khuôn mặt lạnh như tiền của viên Trung tá cố vấn. Không có một giúp đỡ nào mà không phải là một cuộc trả giá tro trên. Bằng một giọng dứt khoát, viên sĩ quan trưởng phòng Ba tham mưu đi vào những trình bày chi tiết của cuộc hành quân và cuối cùng ông kết luận:

“Tóm lại phương tiện mà chúng ta cần là năm mươi chuyến trực thăng dùng cho việc chuyển quân và di tản, chỉ có căn cứ An Khê mới đủ khả năng giúp ta vụ này. Chuyện đó phải nhờ tới sự can thiệp của ông Tướng.”

Viên Trung tá trưởng phòng Năm đưa ra một nhận định không mấy lạc quan với ông Tướng:

“Làm sao có thể liên lạc thẳng với tướng Peter Hunting bên An Khê giúp chúng ta phương tiện một cách trực tiếp mà không phải qua tay của Tacelosky. Chuyện gì qua tay hắn cũng có thể bị làm sãn-ta một cách dễ dàng nhất là hắn muốn chứng tỏ sự bất lực của chánh phủ Việt Nam trong việc giúp đỡ che chở bọn Thượng.”

Kế hoạch phải được kể là chu đáo và được sự đồng ý hoàn toàn của tướng Trị. Cho gọi ngay người đàn ông Thượng trở vào, ông Tướng công

khai hứa hẹn giúp đỡ và cũng cho biết những khó khăn có thể xảy ra. Phòng truyền tin được lệnh thiết lập ngay liên lạc với căn cứ An Khê. Rất may tướng Hunting cũng vừa từ Sài Gòn trở về. Đó là một vị tướng lãnh Mỹ rất hoà nhã và nguyên tắc, xuất thân trường võ bị West Point. Ông tạo được mối giao hảo thân hữu với các sĩ quan Việt Nam. Ông tỏ ý mau mắn giúp đỡ tướng Trị và hứa đồng ý trên nguyên tắc. Nhưng cũng chính vì nguyên tắc mà ông phải hỏi lại ý kiến của bộ Tư lệnh Viện trợ mà sĩ quan liên lạc là Tacelosky.

Mặc dầu không ưa gì viên Trung tá này, tướng Trị vẫn phải cho mời hẳn tới dùng cơm trưa với ông tại tư dinh. Và quả là tướng Trị đã có lý khi e ngại về khó khăn của một cuộc gặp gỡ như thế. Để tránh khỏi bị “fuite” ra ngoài về một đụng độ có thể xảy ra và cũng vì thể diện ông Tướng chỉ để hai sĩ quan thân tín cùng có mặt. Câu chuyện khởi đầu bằng quơ bằng những chi tiết về mấy ngày Đại hội. Nhưng Tacelosky đặt vấn đề thẳng băng với ông Tướng:

“Tôi đã nghe tướng Hunting đủ cả, vấn đề thực ra không có gì để mà phản đối nhưng có một vài chi tiết mà tôi muốn được nói chuyện thêm với ông Tướng.”

Lại vẫn chữ “nhưng”, tướng Trị hiểu rằng tất cả vấn đề khởi đầu và cũng kết thúc ở đó. Chính ông đã thối lui nhiều bước để có lại cái không

khí hoà hoãn của những ngày hôm nay. Và bây giờ hẳn lại đòi ông phải nhân nhượng điều gì, ông đang chờ đợi và cũng không biết nữa. Tướng Trị cố thu hẹp một vấn đề mà ông cho là vấn tắt:

“Kế hoạch của cuộc hành quân chúng tôi đã phác hoạ xong cả rồi, chỉ còn một vấn đề cần Trung tá giúp đỡ: năm mươi chuyến trực thăng cần cho cuộc di chuyển. Tôi cũng đã điện đàm với tướng Hunting sáng nay và ông ta đã chấp thuận trên nguyên tắc.”

Tacelosky ngắt lời tướng Trị, hẳn đi vào vấn đề nhưng với một ngả khác:

“Ông Tướng có biết Dakto ngày hôm nay là kết quả của chánh sách nào không, trước đây đó là một khu đầy đủ an ninh với một trại LLDB rất kiên cố ở đó. Từ ngày ông Thuyết xô đẩy những người lính Thượng can đảm sang bên kia biên giới thì đó là một khu tệ hại nhất, hoàn toàn nằm ngoài vòng kiểm soát của chánh phủ Sài Gòn. Có bao nhiêu lần lần như vậy của tướng Thuyết trên vùng cao nguyên này mà nay chính ông Tướng phải gánh chịu hậu quả. Lịch sử là một sự liên tục chứ không tái diễn, theo tôi ngày phải trả lại cho một nền tự trị cao nguyên là điều không thể tránh được.”

Phải rồi tướng Thuyết đã lầm lẫn, và ông đã phải trả giá bằng sự ra đi của mình. Dù có điểm không đồng ý, dù không làm giống tướng Thuyết, tướng Trị vẫn thâm phục sự rắn rỏi và

hành động thẳng băng như ông ta. Rồi ông tự hỏi mình phải chơi trò leo dây này đến bao giờ. Tướng Trị như ngồi trên đồng lửa, ông chỉ còn 48 tiếng phải đuổi chạy trước kế hoãn binh của viên Trung tá Mỹ. Ông nói:

“Trung tá nên nhớ chúng ta chỉ có không đầy 48 tiếng để thực hiện một cuộc hành quân qua nhiều giai đoạn như vậy.”

Tướng Trị tỏ vẻ lo âu, riêng Tacelosky vẫn giữ vẻ mặt bình thản của một tên sa-đích tro trên, hần trắng trơn vật con bài xuống trước mặt ông Tướng:

“Dakto phải được coi là một trường hợp điển hình của bao nhiêu buôn ấp khác, đồng ý là nếu có phương tiện di chuyển, ông Tướng có thể đem mấy trăm dân làng về đây nhưng sau đó vấn đề sẽ đặt ra thế nào? Bắt họ bỏ hết đất đai gia súc rồi lại ném họ vào mấy trại tỵ nạn sống lây lất như những con vật là điều mà người Mỹ hoàn toàn không muốn. Chúng tôi luôn luôn phải nghe những lời ta thán của đám người tỵ nạn rằng đồ viện trợ dù thừa thãi cũng chẳng bao giờ tới được tay họ, có bao giờ ông Tướng tự hỏi về trách nhiệm của những viên chức Việt Nam.”

Tướng Trị bắt đầu thấy rất mệt vì những sở sàng của viên Trung tá với lớp da mặt lúc nào cũng dày cộm lún những lỗ và không gọi chút cảm xúc. Rồi ông lại tự hỏi, ở vị trí tướng Thuyết khi ngồi đây thì mọi sự sẽ ra sao, chắc chắn ông

Thuyết sẽ chẳng bao giờ để Tacelosky nói những câu như thế. Phải chi nếu không có những cái “gaffes” tấy trời của bà Tướng mà ông chắc bọn Mỹ cũng đã biết, ông sẽ làm mạnh một lần rồi rũ áo ra đi, bây giờ thì ông kẹt quá rồi. Chỉ còn cách leo tiếp một đoạn dây để chờ một tình thế biến đổi khác. Ông cố đưa ra một giải pháp hoà dịu với viên Trung tá:

“Vấn đề cải thiện các trung tâm ty nạn là điều mà chúng tôi hoàn toàn đồng ý với Trung tá nhưng cần yếu tố thời gian. Việc cấp bách bây giờ là làm sao giải thoát kịp thời những người dân lành ở đó trước khi Vi-xi có thể lừa họ đi.”

Như một cuộc đối thoại giữa hai kẻ điếc, Tacelosky vẫn đi trên lối cũ của mình:

“Tại sao ông Tướng không nghĩ là nên giao việc tổ chức và phân phát đồ cứu trợ vào chính tay những người Thượng này, họ chỉ cần liên lạc trực tiếp với các ban cố vấn chúng tôi và như vậy chính nhân viên các ông lại khỏi phải mang tiếng. Cũng như việc bảo vệ cao nguyên, huấn luyện và nuôi dưỡng những người lính Thượng can đảm và kỷ luật là điều rất nên làm, tôi không hiểu tại sao các ông lại muốn chống. Điều quan trọng là một cuộc chiến nhân tâm với đối phương. Người Việt Nam các ông đã thất bại trong việc thu phục lòng tin cậy, thiết tưởng ông Tướng cũng nên để yên cho chúng tôi chu đáo làm công việc đó.”

Viên Trung tá Mỹ còn nói với ông Tướng nhiều điều nữa và xem ra hẳn không chút nao núng vì những đuối chạy của thời gian. Tướng Trị cố gắng chịu đựng suốt bữa ăn, sau đó là phần briefing sơ lược về cuộc hành quân. Khi rời bộ Tư lệnh, Tacelosky nói với ông Tướng:

“Tôi sẽ gặp lại tướng Hunting ngay chiều nay để bàn định về kế hoạch giúp đỡ. Tôi hứa với ông Tướng sẽ hết sức cố gắng trong giới hạn có thể của không lực Mỹ tại đây.”

Tướng Trị có vẻ rất bi quan về một hứa hẹn nhiều mơ hồ như vậy. Ông lại triệu tập ngay bộ tham mưu phác hoạ thêm một kế hoạch khác nếu không có sự trợ giúp của không lực Mỹ, cùng một lúc ông cố gắng bắt liên lạc một lần nữa với tướng Hunting để hy vọng sự giúp đỡ trực tiếp.

CHƯƠNG NĂM

*H*ai giai đoạn của cuộc hành quân giải thoát trại Dakto thành công mỹ mãn. Có lẽ tướng Trị là người hân hoan nhất mặc dù viên trung tá Tacelosky cố tình ngăn cản. Ông không ngờ một nhà báo như Davis có thể giúp ông hữu hiệu như vậy. Davis là bạn thân của tướng Hunting và chính anh đã can thiệp kịp thời để ông tướng Mỹ này hiểu rõ tánh cách chánh trị rắc rối do Tacelosky gây ra. Hơn sáu trăm dân làng được di tản an toàn về trung tâm định cư. Tacelosky bỏ về Sài Gòn vì giận dữ. Việc cứu trợ, tướng Trị phải nhờ tới ông bà mục sư Denman, cũng lại qua sự trung gian của Davis. Có nhiều dấu hiệu căng thẳng về mối bất đồng giữa các nhà quân sự Mỹ thuần túy và giới cố vấn dân sự. Điển hình là lối giải quyết vụ Dakto qua hai quan điểm khác biệt giữa tướng Hunting

và Tacelosky. Davis định về Sài Gòn trước, riêng tôi còn muốn lưu lại ít hôm để thăm thú những buôn ấp gần đó và nhất là mấy trại tị nạn mà nhà báo Mỹ gán cho đó là chỗ đầy đoạ của những con thú. Tôi thì không mấy ngạc nhiên về tình trạng thiếu thốn nơi đây. Cũng tình trạng suy đốn đó mà tôi phải chứng kiến từ mấy tuần trước ở những căn cứ như Chu Lai hay Lệ Mỹ. Tài liệu để viết thiên phóng sự mới về cao nguyên cũng sắp xong và cũng chính lần này tôi lại khám phá ra những khía cạnh phức tạp mới. Chẳng hạn không làm gì có một chủng tộc Thượng đồng nhất, mà là sự cọ xát của hơn ba mươi sắc dân với những căn bản quyền lợi nhiều khi rất mâu thuẫn. Việc đặt để những người Thượng tự quản trị lấy cũng lại gây thêm nhiều khó khăn. Chung sống trong một hoàn cảnh xã hội chậm tiến như Việt Nam, người Thượng vẫn còn ngót một thế kỷ xa cách với thời đại văn minh. Một quốc gia Đông Sơn riêng biệt chỉ là sự nhiễm độc của vài bộ óc non nớt khi giao tiếp với những người lính Mũ Xanh. Cách đây ngót ba mươi năm, một Nam Kỳ tự trị cũng được nhen nhúm khai sinh khi giải đất miền Nam đã bị giẫm nát bởi gót chân của những người lính Pháp. Lịch sử không phải là một sự liên tục như Tacelosky đã nói, đó là sự tái diễn ở trong những hoàn cảnh khác. Ngày cuối cùng tôi được viên thiếu tá Y Ksor mời ăn tối, cùng với tôi có Nay Ry một nhân sĩ Thượng

rất trẻ, một trong số những người Thượng hiếm hoi có học thức, xuất thân từ trường Yersin Đà Lạt, tốt nghiệp thủ khoa về các vấn đề cao nguyên tại học viện Quốc gia Hành chính. Gốc người Djarai, là một nhân vật có uy tín với nhiều phía: chánh phủ, người Mỹ và kể cả phe tranh đấu. Ông cũng đang hoàn thành một cuốn sách nghiên cứu vấn đề thiểu số mà theo ông đã có rất nhiều ngộ nhận từ trước đến nay ở các nhà bác học Pháp và Mỹ. Khi được tôi hỏi về yếu tố chủng tộc chi phối các phong trào nổi dậy, quan niệm của Nay Ry rất rõ rệt:

“Trên thế giới ngày nay không còn một dân tộc nào tự hào rằng mình còn giữ nguyên được sự thuần khiết về huyết thống. Dem yếu tố huyết thống vào cuộc tranh đấu chẳng phải là điều hữu lý. Thí dụ như Hiệp chúng quốc quy tụ gồm bao nhiêu sắc dân, mỗi sắc dân vẫn có thể giữ những tập tục và sinh hoạt cá biệt nhưng họ vẫn có thể hợp nhất để tạo thành một quốc gia hùng mạnh. Với một Âu châu văn minh nhưng phân tán người ta còn cố gắng đi tới một khối thống nhất hướng chi một quốc gia quá nhỏ bé như Việt Nam; nếu không tìm được một liên minh trong cộng đồng Á châu để tồn tại thì làm sao đối phó với lực địa của hơn 700 triệu dân Trung Hoa, còn nói chi tới sự xâu xé phân tán.”

Với một thanh niên Thượng, quan niệm như vậy phải được kể là uyên bác. Nay Ry nói nhiều

về tương lai của một nền chánh trị toàn cầu mà Việt Nam hay những người tranh đấu cho một quốc gia Đông Sơn không thể tách rời. Thiếu tá Y Ksor cũng góp ý kiến trong việc đi tìm nguyên nhân:

“Ngoài trách nhiệm vì sự lơ là của chánh phủ trong việc cải thiện đời sống đồng bào thiểu số, theo tôi còn phải kể tới chủ đích của người Mỹ. Tôi đã có kinh nghiệm đó từ người Pháp trước đây.”

Y Ksor nhắc lại âm mưu xúi giục của người Pháp với ông trước khi họ xuống tàu rút lui. Nay Ry nắm lấy luận cứ đó và đưa ra một nhận định sắc bén:

“Theo tôi nên tự hỏi trách nhiệm đầu tiên là ở mình. Người ta gán cho Mỹ đủ thứ tội: chia rẽ đảng phái, địa phương, tôn giáo và cụ thể nhất là xúi giục các cuộc nổi loạn của người Thượng ở cao nguyên. Nhưng có bao giờ chúng ta tự hỏi trách nhiệm về sự yếu kém của mình, nếu chúng ta mạnh và đoàn kết thì Pháp hay Mỹ cũng vậy thôi, bởi vậy tôi phần nào không đồng ý với thái độ cứng rắn của tướng Thuyết đưa đến chỗ bài Mỹ. Không phải bằng cách đó mà chúng ta có thể giải quyết những khó khăn của cao nguyên.”

Y Ksor tỏ vẻ không mấy đồng ý về một thái độ quá lý tưởng của Nay Ry, ông nói bằng một giọng xác định mạnh mẽ:

“Đó chẳng phải là một trách nhiệm tinh thần

mà là một vụ nhúng tay trực tiếp, một vụ nhúng tay có vấy máu của những nạn nhân vô tội ở cả hai phía. Một người Mỹ như Tacelosky không thể được chúng ta coi là bạn trong khi hắn có thể hy sinh tất cả dân làng của một buôn ấp cho mưu toan chánh trị của hắn.”

Tuổi trẻ thường lý luận gay gắt vậy mà Nay Ry lại rất ôn hoà trong việc xoa dịu viên Thiếu tá tóc đã ngả hoa râm:

“Sự quá khích chẳng thể đưa chúng ta tới đâu, tại sao chúng ta chỉ nhìn người Mỹ qua khuôn mặt nham nhở của viên trung tá Tacelosky mà không nghĩ tới một nhà báo như Davis, như ông bà mục sư Denman. Theo tôi chúng ta nên thực tế, kế hoạch phát triển cao nguyên hiện tại và trong tương lai chẳng thể thiếu sự góp sức bàn tay người Mỹ.”

Tôi bảo đùa với nhân sĩ Nay Ry:

“Denman là thầy tu còn ông nhà báo Davis đã bị Á châu hoá.”

“Đâu có phải vậy, những năm du học ở Mỹ cho thấy tất cả dân chúng Mỹ chẳng phải là những tên lính Mũ Xanh đang sống phiêu lưu ở đây. Cũng như chẳng phải tất cả những người Thượng chúng tôi đều dễ bị xúi giục và cảm dỗ. Chính tôi là một trong những người sáng lập và theo đuổi phong trào tranh đấu, cũng chính tôi đã hết sức phải ngăn cản sự quá đà của họ mặc dù họ gán cho tôi danh nghĩa một tên phản

bội đã ra đi. Tôi quan niệm rất rõ rệt: tranh đấu cho quyền tiến bộ của người Thượng rất ư là chánh đáng nhưng biến nó thành một phiếu lưu của thù hận là điều không thể nào chấp nhận được. Khôn ngoan như người Pháp rồi cũng phải ra đi, người Mỹ còn cách xa chúng ta cả một đại dương mênh mông, vậy không lý gì người Thượng chúng tôi lại nhẹ dạ chạy theo họ. Hơn ai hết chúng tôi hiểu rằng cuối cùng chỉ còn lại những người Kinh mà chúng tôi phải chung sống với để tồn tại và hy vọng tiến bộ.”

Tôi hỏi Nay Ry là có bao nhiêu phần trăm sự thật trong bản đức kết nguyện vọng của phe tranh đấu ly khai, ông cho biết:

“Một màu cờ riêng, một quân đội tách biệt, một quốc gia Đông Sơn ly khai: đó chẳng phải là nguyện vọng thiết yếu của đồng bào Thượng. Còn những đòi hỏi khác thì không sai với những đức kết của Đại hội, chẳng hạn việc xin chánh phủ lập bộ Thượng vụ, số người đại diện xứng đáng trong quốc hội, lập thêm trường học và duy trì việc giảng dạy thổ ngữ, trả lại những đất đai từ trước đến nay bị chiếm hữu, cho phép lập lại toà án phong tục Thượng... Đó là những điều hợp lý và không mấy khó khăn mà chánh phủ có thể thoả mãn ngay để làm yên lòng họ. Đặc tính của người Thượng chất phác, rất dễ tin và cũng rất dễ nghi ngờ, bởi vậy tục ngữ chúng tôi có câu hứa tay mặt phải cho ngay tay trái là nghĩa như vậy.”

Giữa bữa ăn, một người đàn ông Thượng đi vào dẫn theo một vị bộ lão. Chính người đàn ông này đã được Y Ksor bảo đảm bằng tất cả cấp bậc của ông với tướng Trị. Thì ra vị trưởng buôn ở Dakto tới để tỏ lòng tri ân ông Thiếu tá vì những quan tâm giúp đỡ trong việc giải thoát dân làng. Tặng vật mà họ đem tới biểu ông là bức hình tượng bằng ngà voi, một bộ nô và cung tên tuyệt đẹp. Thiếu tá Y Ksor nhìn sang tôi nói ngay:

“Đó là bốn phạm tội thiểu mà ở vị trí tôi có thể làm, còn công ơn là phải nói tới ông nhà báo kia. Đây ông coi, người Thượng chúng tôi lúc nào cũng chất phác và biết ơn những ai đã giúp đỡ họ. Xin ông vui lòng nhận cho cả hai món quà này và kể như tôi cũng đã có phần tri ân trong đó.”

Đối với người Thượng tôi hiểu rằng không nên có sự khách sáo, tôi vui vẻ nhận và cũng nói thêm về vai trò của nhà báo Davis:

“Tất cả công lao trong vụ này là của ông nhà báo Davis, nhờ mối quen thân với ông tướng Hunting bên An Khê. Tôi chỉ tình cờ nói chuyện những khó khăn với ông ta và không ngờ được sự giúp đỡ sốt sắng đến như thế.”

Y Ksor bày tỏ cảm tưởng đối với lần gặp gỡ nhà báo Davis:

“Đó là nhà báo Mỹ đầu tiên tôi gặp và có ngay cảm tình, chứ như bọn khác đa số xấu xược và hỗn láo chẳng coi ai vào đâu, cả đến những bài báo đầy ác ý của chúng nữa.”

Nay Ry tỏ vẻ am hiểu về báo chí Mỹ hơn, nói:

“Người dân Mỹ hiểu sai về Việt Nam cũng vì vậy. Hệ thống thông tin của họ quá chớp nhoáng, có những nguồn tin của họ truyền đi mà chưa kịp phối kiểm đưa tới những nhận định tai hại, ngay như đó là ở Mỹ: một người da đen bị bắn chết ở Chicago, chỉ năm phút sau toàn nước Mỹ đã biết tin đó và mỗi người tự do suy diễn theo quan điểm riêng của mình. Máy móc và sự tiến bộ đã khiến cho dư luận khắp nơi trên thế giới gần như bị điều kiện hoá kiểu Pavlov. Theo tôi, điều đáng trách là khả năng thông tin và báo chí của Việt Nam, chính chúng ta còn khai thác tin quốc nội qua mấy hãng thông tấn ngoại quốc thì còn trách chi họ nữa. Trong một tờ báo sinh viên mới đây có quan điểm chỉ trích mạnh mẽ báo chí Việt Nam vì tính cách ỷ lại đó, tôi hoàn toàn đồng ý. Tiên trách kỷ hậu trách nhân là thế.”

Nay Ry đã gây nơi tôi một ấn tượng mạnh ngay lần gặp gỡ đầu tiên, tôi có ý định sẽ thuyết phục tướng Trị hoặc tướng Thuyết quan niệm đúng vai trò của những thành phần ưu tú Thượng trong các trách vụ tương lai. Viên Thiếu tá xoay qua người đàn ông hỏi thăm:

“Mẹ nó và cháu bé ra sao?”

“Cháu vẫn mạnh, nhà tôi được bác sĩ mổ khỏe rồi, lúc đầu tôi cứ lo mụ ấy chết.”

Thiếu tá Y Ksor quay ra nói với tôi:

“Đấy ông nhà báo coi, ở thời đại văn minh này mà người Thượng vẫn chỉ biết chữa bệnh bằng lá thuốc, đẻ thì đứng vịn vào xà nhà như vợ ông này đây, thai ra mau quá con rớt xuống đất, tử cung cũng theo ra luôn. May mà sanh ở đây chứ như còn ở Dakto thì cả hai mẹ con chết hết rồi còn gì.”

Nay Ry thì lúc nào cũng có thêm những ý kiến mới:

“Vấn đề không phải là cấp cho họ y sĩ và đầy đủ thuốc men, giai đoạn chính là giáo dục sao cho họ tin vào sự hữu ích của tiến bộ và canh tân, muốn thích ứng với hoàn cảnh mới. Thành ra cái khó khởi đầu vẫn là sự cưỡng bách giáo dục quần chúng.”

Nay Ry như một chiến sĩ xã hội đầy nhiệt tình, với vấn đề nào ông cũng có một cái nhìn xa và đi từ căn bản. Khuôn mặt Nay Ry vạm vỡ nhưng có vẻ trí thức, một trí thức khỏe mạnh trong đầy đủ ý nghĩa của danh từ. Buổi nói chuyện kéo dài tới tận đêm khuya với rượu cần xùi tăm và cả thức ăn ngon. Đêm với những vũng nước đọng trắng trên con đường đất đỏ trở về khách sạn. Chết rượu trong máu suối ấm cả người, tôi thấy hơi say ở hai chân. Tôi sẽ lên Đà Lạt ngày mai dù không có Nguyễn. Tôi vẫn nhờ giữ chỗ ở Đại khách sạn với hy vọng mỏng manh là Nguyễn vẫn chờ tôi trên đó.

CHƯƠNG BẢY

Không trở lại Sài Gòn, theo đề nghị của nhà báo Davis, ngày mai hai chúng tôi sẽ cùng xuống Ban Mê Thuật dự Đại hội Thượng vụ do tướng Trị tổ chức. Đại hội được sửa soạn gấp rút nhưng đủ mọi lễ nghi và liên hoan. Buổi khai mạc, ngoài Thủ tướng là một ông Tướng, còn có đông đủ chánh khách ngoại giao đoàn và đặc biệt là cả ông Đại sứ Mỹ. Tướng Trị có vẻ thành công trong chánh sách thoả hiệp mềm dẻo, trái hẳn với đường lối cứng rắn thẳng băng của tướng Thuyết. Lại cũng vẫn tái diễn hơn một lần cảnh giết trâu ăn thịt và những nghi thức tỏ lòng trung thành với chánh phủ Sài Gòn. Với sự hợp mặt đông đủ của đại diện hơn ba mươi sắc dân rải rác trên khắp lãnh thổ, đó là một sự kiện hiếm có và cũng là công lao của viên thiếu tá Y Ksor trong cố gắng tiến

tới chỗ hàn gắn. Cử tọa đã phải đặc biệt chú ý tới bài diễn văn đọc bằng một giọng bù ngùi đầy nước mắt của Nay Ry, một nhân sĩ Thượng. Ông thống thiết nói lên cái cái ước muốn tuyệt vọng để tồn tại trong cộng đồng Kinh Thượng cùng với sự cần thiết vẹn toàn lãnh thổ. Vết thương nào cũng là một thảm kịch gói ghém trong sự tráng lệ của chữ nghĩa văn chương. Trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm lịch sử, trải qua bao nhiêu biến đổi tang thương, cho đến cả mỗi người Thượng cũng không còn chút gì gọi là nguyên vẹn nữa. Giữa một cuộc chiến kéo dài 25 năm còn cả những vận chuyển của một thảm kịch và âm mưu kéo dài hàng thế kỷ. Tôi tự hỏi liệu còn phải đổ thêm bao nhiêu máu và nước mắt để có một cuộc sống canh tân ở cao nguyên. Hình ảnh mờ nhạt của tướng Trị giữa lỗ nhố những người lính Mũ Xanh Mỹ không đủ thấp sáng niềm hy vọng đó. Tôi nghĩ tới tướng Thuyết đang ngự trị ở miền Trung và huyền sử xoay quanh đường lối cai trị bằng bàn tay sắt bọc nhung của ông. Xem ra ông là một cần thiết cho nhiều người nuôi hy vọng xây dựng đó. Trước khi trở lại Sài Gòn, tướng Trị đã huy động một đại đội thiện chiến gốc Rhadé lặn lội vào rừng lửa thú săn cho phái đoàn chánh phủ. Ông Tướng Thủ tướng vốn thích săn cọp, những con cọp bị xua đuổi thất thế tới trước những họng súng. Viên Trung tá phòng Năm

đã theo bèn gót ông Tướng để bày tỏ sự lo lắng thiết tha tới vận mệnh mà ông cho là lâm nguy của một vùng Đất Hứa Cao nguyên. Khi kể lại, ông ta không giấu được vẻ cay đắng xen lẫn hài hước khi nói về cuộc gặp gỡ:

“Ông ấy tưởng rừng rậm cũng khoảng khoát như trời xanh nên mới bảo khi hoà bình trở lại chỉ cần hai giờ để dẹp tan lũ phiến loạn Thượng, một lực lượng ly khai mà ông coi là không đáng kể. Phải nói là tôi thất vọng, thực sự thất vọng vì hơn ai hết tôi thấy rõ mối hiểm nguy là thế nào. Không phải chỉ có bọn lính Mũ Xanh mà chính đám Trung ương Tình báo Mỹ giẫm nát cao nguyên. Mọi biến cố hay dở ở đây không thể coi đơn giản chỉ là mối bất hoà Kinh Thượng. Bọn chúng lộ liễu lắm, mua chuộc mời đám lãnh tụ Thượng tới nhà nói thẳng với họ là chính người Việt dù cộng sản hay không cũng tìm cách tiêu diệt dân thiểu số, bởi vậy chỉ còn một cách là đi tới cùng con đường ly khai của họ. Ông nhà báo có biết ai đã nói với họ câu đó không. Chẳng phải Tacelosky, viên tư lệnh LLDB Mỹ mà là ông mục sư; nhưng lão Denman không ngờ là trong đám người Thượng tưởng đã hoàn toàn mua chuộc được lại có lẫn cả người của mình, khi trở về họ kể lại với tôi hết.”

“Thật khó mà tin, cả Y Ksor cũng tỏ lòng tôn kính ông mục sư hết sức.”

Mối hoài nghi của tôi như là một kích thích

đối với viên Trung tá, ông hằng hái phân tích và trưng ra những bằng cứ:

“Phải tôi cũng nghĩ như anh nếu chỉ thấy được chiếc áo thầy tu và những hoạt động xã hội bề ngoài của ông ta. Nhưng sự thật thì rất khác, tôi dám chắc cả tướng Thuyết cũng không biết rõ điều mới mẻ này. Mỗi nguy hiểm cho sự chia lìa cao nguyên không phải ở một Tacelosky hung ác mà chính là bộ óc đầy tình toán trăm tính của ông già Denman. Chắc anh không thể tưởng tượng được tác giả của những sáng kiến các bức thư cùng những văn kiện của phe tranh đấu đều do một tay lão ấy. Còn trường hợp của Thiếu tá Y Ksor cũng dễ hiểu, vốn là người có đạo nên lòng sùng kính ông mục sư chỉ mang nặng tính cách tôn giáo.”

“Thế còn vai trò của những ông cố đạo người Pháp?”

“Dĩ nhiên họ vẫn được cảm tình của những người Thượng nhưng chẳng thể làm được gì dù có sự trợ lực của Hội Trồng tía Pháp. Bởi người Thượng rất thực tế mà chánh sách của Mỹ là thứ chánh trị con nhà giàu nên họ đánh bại ảnh hưởng trăm năm của người Pháp một cách dễ dàng. Mâu thuẫn và cay cú, chính các chủ đồn điền người Pháp đã ve vãn thoả hiệp với du kích quân cộng sản và chính trong các đồn điền cao su bây giờ được coi như là khu an ninh nhất. Kẻ tử thù của cộng sản cách đây ít

năm bây giờ bỗng nhiên trở thành đồng minh thân tín của họ.”

Khi tôi hỏi về cái đích xa nhất mà người Mỹ muốn đi tới ở cao nguyên thì viên Trung tá đưa ra nhận định một cách xác tín:

“Hơn sáu mươi trại LLDB là những miếng mồi ngon tung ra giữa một hoang địa thiếu ăn, nó quyến rũ người Thượng xúm lại như những đàn kiến, phần lớn dân số quy tụ ở đây được người Mỹ nuôi ăn, mộ lính tổ chức thành những đội Dân sự Chiến đấu và hoàn toàn ngoài quyền kiểm soát của chánh phủ. Đó là những thùng thuốc súng sẵn sàng nổ tung khi đựng một tia lửa nhỏ, một ngày đẹp trời nào đó người Mỹ sẽ mồi tia lửa này, chúng ta sẽ đứng trước một sự kiện đã rồi vô phương cứu chữa. Rất có thể một cuộc trưng cầu dân ý được tổ chức với sự giám sát quốc tế và anh biết chắc chắn kết quả sẽ thế nào.”

“Rồi làm sao nữa?”

“Sau chế độ ông Diệm, sự suy sụp của miền Nam chỉ còn là vấn đề thời gian, trong khi Mỹ lại sắp phải trả căn cứ Okinawa cho Nhật, phi cảng Clark cho Phi và sự ra đi ở mấy nơi khác. Cho dù mất Sài Gòn, người Mỹ vẫn còn được tất cả với dải đất từ vĩ tuyến 17 tới Đồng Xoài trong đó có Đà Nẵng Chu Lai và nhất là hải cảng Cam Ranh. Có thấy tận mắt công trình xây cất của người Mỹ ở hải cảng này mới biết rằng họ trông xa đầu tư hàng trăm năm mà thời gian đó

sự hợp tác chung thủy và bền vững chỉ có với những người Thượng. Theo nguồn tin tình báo thì ngay ở Nam Vang, có cả một mạng lưới gián điệp nhằm móc nối chiêu dụ cả những lãnh tụ Thượng cộng bất mãn.”

Không phải là không tin nhưng tôi vẫn cười bảo với viên Trung tá rằng đó là một loại điệp vụ giả tưởng Mission Impossible, sự phủ nhận của tôi luôn luôn là một kích thích đối với ông ta:

“Thì chính Trung ương Tình báo Mỹ là cơ quan chuyên môn thực hiện những đặc vụ không thể được đó. Ý muốn của họ đôi khi ngây ngô nhưng với thủ đoạn và khả năng vô biên về tiền bạc họ cũng đã thành công ở nhiều nơi trên thế giới. Còn ở đây, với sự thần phục dễ dàng của đám người Thượng, tôi có thể quả quyết với anh còn lâu mới có sự mỏi mệt trong tham vọng của một số người Mỹ.”

Viên Trung tá tỏ vẻ e ngại thực sự về cái mà ông gọi là sự xoá đi bày lại của những tay phù thủy chánh trị như ông già Denman. Hiện giờ vẫn có những dấu hiệu chuyển động, những đám mây đen báo trước những cơn giông bão; chúng ta còn phải đổ thêm nhiều máu và nước mắt cho một tương lai tốt đẹp ở cao nguyên.

Người con gái của viên Trung tá ra mời chúng tôi vào bàn, tôi để ý tới bàn tay mềm mại với những ngón búp măng trắng muốt khi nàng khệ nệ bung ra mâm cơm. Ở một vùng đất đen đui

với mù bụi đỏ, hiện diện một người con gái trắng đẹp như vậy thật hiếm.

“Nhiều dịp lên cao nguyên đây là lần đầu tiên tôi được hân hạnh mời ông nhà báo một bữa ăn theo lối Nam cho chính tay con gái tôi nấu. Đặc biệt hôm nay có cả rượu nếp than, uống mãi whisky với rượu cần đậm ra nhàm chán. Bắt đầu nâng ly đi ông nhà báo.”

Dù gia cảnh đơn sơ, ông Trung tá đã tiếp đãi tôi bằng tất cả cõi mở thuận hậu của tâm hồn người Nam với nặng mối thâm tình. Trong men rượu cao hứng ông bảo đùa sẽ gả con gái cho tôi khiến má nàng thẹn đỏ. Đó là hình ảnh đẹp của người đàn bà muôn thuở mà người đàn ông mơ ước cưới làm vợ. Ở những phút tro trụi của đời sống mới thấy sự cần thiết xoa dịu của đôi bàn tay người đàn bà.

“Với tôi đi đâu cũng được nhưng khi con gái tôi lên đại học, tôi không muốn ở xa nó, nó muốn thi vào trường Cao đẳng Mỹ thuật thì phải.”

“Ra Tết tôi sẽ tạm nghỉ làm báo và nhận dạy Mỹ thuật ở Huế, nếu Trung tá đổi ra Vùng I, ông có thể gửi cô ấy theo học ngoài đó.”

Ông Trung tá đẩy vẻ ngạc nhiên khi khám phá ra tôi nguyên là một họa sĩ. Tôi cũng bảo với ông rằng tuy là giáo sư mỹ thuật nhưng tôi không mấy tin vào hiệu quả của sự dạy dỗ và điều tôi không thể nói ra là động cơ thúc đẩy tôi quyết định là Nguyễn.

“Vậy có hy vọng gặp anh ở ngoài đó.”

“Trung tá biết nhiệm sở mới rồi sao?”

“Tướng Trị giao hoàn tôi về bộ Quốc phòng nhưng tôi đã liên lạc được với tướng Thuyết và ông chấp thuận cho tôi ra vùng hoà tuyến. Quan điểm của tôi rõ lắm, một là xin giải ngũ về dạy học, hai là nếu còn trong quân đội tôi muốn được phục vụ đúng với khả năng và cương vị của mình và tôi chắc sẽ không phải thất vọng khi ra làm việc với ông Thuyết.”

Tôi không ngờ rằng tướng Thuyết lại là một cần thiết cho nhiều người và cho cả tương lai sống động trên cao nguyên. Có tiếng chó sủa, thấp thoáng từ ngoài ngõ chiếc áo già lam của một nhà sư. Khởi cần đợi giới thiệu, tôi cũng đã nhận ra Giác Nghiệp, một tu sĩ rất trẻ tuổi từ Phương Bối Am sang chơi. Tên ông đã một thời sáng chói trong cuộc vận động tranh đấu của Phật giáo nhưng sau đó rút lui vào bóng tối, ẩn nhẫn tiếp tục con đường tu hành và thực hiện những công tác xã hội. Dù Giác Nghiệp tôn xưng nhà sư Pháp Viên lên làm thầy nhưng ông ta có cốt cách tu hành hơn. Tôi không ngờ một người suy tôn ông Diệm như viên Trung tá lại có thể là một bạn thân của một nhà sư tranh đấu hạ ngã ông ta. Cuộc nói chuyện thân mật dễ dàng và có vẻ tương đắc. Giác Nghiệp có nhiều điểm đối chọi với bậc thầy của mình: lý luận sắc bén và tình cảm nồng nhiệt của nhà sư Pháp Viên dễ

gây cảm phục nhưng Giác Nghiệp thì khác hẳn, như một đạo sĩ ông có lối nói chuyện tự nhiên và trầm tĩnh và dễ cảm lòng người. Từng sống nhiều năm ở một đại học Mỹ mà ông ta không có vẻ gì Tây phương hoá, dễ dãi hoà mình và đầy tình tự dân tộc. Giác Nghiệp có vẻ là một thi sĩ đồng quê, yêu mến lao động hơn nơi thị tứ. Ông còn là một lý thuyết gia của nhóm tu sĩ tiến bộ chủ trương hiện đại hoá Phật giáo, ông rất quan tâm tới khía cạnh xã hội và đang tìm kiếm một địa bàn hoạt động cho các lớp tăng sinh. Khi nhắc tới những thực hiện ở Phương Bối Am, không phải là Giác Nghiệp mà là viên Trung tá kiêu hãnh nói với tôi:

“Chỉ trong vòng không đầy một năm, trở lại đó anh sẽ ngạc nhiên khi chứng kiến sinh hoạt của một nông trại kiểu mẫu. Tôi đã có lần tường trình với tướng Thuyết việc tổ chức những Buôn Hấp Mráo nên theo phương thức của Phương Bối Am nhưng...”

Viên Trung tá không nói tiếp nhưng đó chính là những nghi kỵ của nhà cầm quyền đối với Phật giáo đưa tới tình trạng gần như bất hợp tác. Không có những chỉ trích trách móc, Giác Nghiệp vẫn lạc quan nhận định:

“Dù bị giới hạn về điều kiện an ninh nhưng vẫn có những địa điểm thí nghiệm thật tốt. Phương Bối Am chỉ là một thí điểm đầu tiên do các anh em tăng sinh thực hiện bằng những

phương thức nghèo nhất. Nó mang mô hình của những kibbutzim nhưng có những biến đổi thích ứng khác. Theo tôi khi hoà bình trở lại với ngót một triệu quân nhân giải ngũ và một con số tương đương thợ thuyền sẽ thất nghiệp thì cao nguyên sẽ là vùng Đất Hứa cho căn bản kinh tế hậu chiến để điều hoà mật độ dân số trên toàn quốc. Tôi cũng đã gửi bản điều trần về vấn đề này cho ông Lilienthal ở Sài Gòn và hy vọng sẽ được Ủy ban đó chú ý.”

Với viên Trung tá, Lilienthal là một cái tên xa lạ. Riêng tôi biết trong Ủy ban này có mặt cả ông giáo sư Luật khoa, một cố vấn rất thân cận của tướng Thuyết.

“Lilienthal là một người Mỹ rất nổi tiếng về những kế hoạch kinh tế tại các nước chậm tiến mà thành quả lớn nhất là công cuộc mở mang vùng tây nam Iran. Bây giờ người ta cũng hy vọng ông sẽ đem lại một phép lạ tương tự cho Việt Nam.”

Giác Nghiệp thì mỉm cười, nụ cười tin tưởng độ lượng chứ không nhuốm vẻ mỉa mai chua xót.

“Kế hoạch gì thì cũng cần có những cán bộ và bàn tay cần mẫn của những người dân Việt Nam.”

Ông ta tiếp. Khi đứng dậy già từ, Giác Nghiệp còn ân cần mời tôi tới thăm Phương Bối Am và có thể thì sống ít lâu với ông ta. Cuộc gặp gỡ đầu tiên với nhà sư đã lưu lại nơi tôi những cảm tình trong sáng nhất.

CHƯƠNG TÁM

Không có Nguyễn, hai ngày sống ở Đà Lạt trong nỗi nhớ mong và buồn rầu. Đêm rất lạnh, tôi không ngủ được và phải trở dậy làm việc đến thật khuya. Gió hú qua rừng thông và trườn lên sườn đồi, lay động những khung cửa, tôi bỗng dưng có ý nghĩ là Nguyễn không còn yêu tôi nữa. Tôi trở về Sài Gòn với thiên phóng sự cao nguyên cũng vừa kết thúc. Ném bài qua toà soạn, tôi tới ngay nhà riêng tìm Nguyễn. Người bố già cho biết nàng đi Genève từ ba hôm. Nguyễn đi và không để lại một dòng chữ nào, căn nhà nhuộm vẻ dửng dưng và hoang vắng. Nguyễn đi rồi, tôi trở lại với công việc nhà báo. Đến lúc này câu chuyện Vòng Đai Xanh không còn là một giả thuyết mà đã là một sự kiện với đồng chất liệu ngày càng đầy ứ. Hiện giờ thì tôi chưa cầm bút viết được gì cho chương

đầu của cuốn sách nhưng vẫn cố gắng mỗi ngày bôi lấm hai trang giấy như một thói quen cần thiết. Ghi lại một vấn đề, một suy tưởng. Chỉ lúc đó tôi mới cảm tưởng được nghỉ ngơi, theo dõi đời sống như một tiểu thuyết, hơn thế nữa gồm những thảm kịch và ngang trái không có bên dưới sự tưởng tượng. Bước đầu của nghề báo đã cung hiến bao nhiêu kinh nghiệm dồi dào của cuộc sống mà tôi đã ghi lại được những gì. Từ những phản ứng cá nhân tro trọi và buồn bã đi tới tham vọng của một cuộc phiêu lưu trí tuệ bao la. Kinh nghiệm sống không còn là một nối tiếp trải qua của những khung cảnh mà là một sự liên tục của suy tưởng. Từ ngày có Nguyễn, đời sống như thêm vào một chất men. Những ngày Nguyễn đi, đã để lại cho tôi nhiều khủng hoảng. Có một lúc tôi đã không viết được gì ngoài những kỷ niệm và hồi tưởng. Khủng hoảng nếu không mang được tính sáng tạo thì đó quả là một tai nạn huỷ diệt và hao mòn. Đó cũng là những dòng chữ cuối cùng tôi đã viết ở những ngày trống vắng.

Từ khung cửa sổ bầu trời buổi chiều nhiều màu xanh qua những khe lá. Gió im, tiếng động vẫn lao xao từ ngoài phố. Tôi ao ước có được sự yên tĩnh và nghĩ tới những ngày ở Huế, với nhiều hứa hẹn náo động ở ngoài đó. Từ Huế, sau những bài viết về cao nguyên, tôi nhận được thêm mớ tài liệu do ông Hoàng Thái Trung gửi vào. Tôi rất

quan tâm tới những sưu khảo rất công phu này. Vấn đề Thượng qua lịch sử, sự góp phần mật thiết giữa các sắc dân Kinh Thượng vào lịch sử dân tộc Việt bị sập đổ do chánh sách chia để trị của Pháp. Có lẽ cảm thấy rõ sự nguy hại do mối đoàn kết Kinh Thượng, người Pháp đã ra lệnh cấm mọi giao dịch và ngăn ngừa mọi trà trộn của người Kinh. Họ coi người Thượng như một loại động vật sắp sửa biến mất, một loại đồ cổ cần phải bảo trì trong tình trạng nguyên thủy. Và vấn đề trở nên khó khăn từ đó. Lại những người lính Mũ Xanh làm ung thối thêm bằng ý muốn đi nốt đoạn cuối của con đường mòn. Quan điểm của ông Trung đối chọi với quan điểm rất lệch lạc trong cuốn sách của ông mục sư Denman. Ở ông mục sư cũng như một số học giả ngoại quốc khác, lý luận mà họ đi tới là một đứt đoạn, một chia lìa lịch sử giữa những sắc dân sinh sống ở Đông Nam bán đảo Á châu. Điều này phù hợp và biện minh cho những cuộc biến động và xô xát. Ngoài mấy bài sưu khảo của ông Trung tôi không tìm được một cuốn sách Việt Nam khả dĩ đúng đắn để làm căn bản nghiên cứu.

Bây giờ tôi có thể đến thăm Davis sau chuyến gặp nhau ở Pleiku. Tôi đem tới cho Davis tặng vật của dân làng. Khi tôi đến nơi thì bác sĩ Ross cũng vừa đi khỏi. Trên bàn còn rải rác những chai 33 và các vòng thắt của đáy ly ướt. Đùng như tôi dự đoán, Davis thích thú chọn ngay bộ

cung nỏ, còn lại bức tượng bằng ngà mà tôi có ý định tặng Nguyễn khi nàng trở về. Chiếc nỏ được treo ngay lên bờ tường trắng muốt, đối diện với bên kia là bức tranh Thanh Thoát. Tôi nói:

“Davis, Y Ksor bảo anh không giống một người Mỹ nào.”

Davis nhếch mép cười khiêm tốn đáp:

“Có lẽ vậy mà bác sĩ Ross chỉ trích tôi. Ông ta bảo tôi sống ở Việt Nam lâu thành ra nhiễm nhiều về Á châu quá. Vụ can thiệp với tướng Hunting cũng để lại cho tôi nhiều rắc rối sau đó.”

Nghĩ tới nỗi bức dọc của viên trung tá Tacelosky, tôi nói ngay:

“Chỉ có một người chống lại việc làm tốt của anh là Tacelosky nhưng bù lại anh cứu hơn sáu trăm mạng dân làng và lòng tri ân sâu xa của họ.”

“Nếu chỉ có hấn thì không có gì làm tôi phải suy nghĩ, Triết à. Như anh đã biết, tính tôi khi quyết định làm một điều gì nếu ai chống đối chỉ vì sự thiệt thòi cho quan điểm quyền lợi cá nhân như Tacelosky thì tôi không bao giờ để tâm tới, đảng này Ross đã nhân danh nhiều thứ ràng buộc để chỉ trích tôi. Đó không phải là điều không làm cho tôi suy nghĩ.”

Quả đúng như bác sĩ Ross nhận xét, trước mắt tôi bây giờ Davis không phải là một người Mỹ thuần túy những tự mãn, mà là một con người trầm lặng mang nhiều tra hỏi bản khoăn.

Bằng một giọng lãnh đạm, Davis nhắc tới những luận cứ của bác sĩ Ross:

“Ross bảo rằng anh đang sống giữa một Á châu chiến tranh đầy phản bội và vô ơn, trước sau anh vẫn chỉ là người Mỹ với tóc vàng mắt xanh. Dù sống ở đây bao nhiêu năm đi nữa, anh cũng không thể có được màu da vàng, ánh mắt và mái tóc đen như họ... Tôi thì hoàn toàn không đồng ý với Ross, với kinh nghiệm những năm dài sống ở lục địa Á châu tôi thấy rõ nguyên nhân sự thất bại của Mỹ. Tôi vẫn bảo Ross là người Mỹ các ông tới đây phải tự coi là khách, vấn đề thể diện có thể không được quan tâm ở Mỹ nhưng đối với người Á châu thì đó là lẽ sống chết của họ. Các ông đã thất bại nếu cứ khẳng định hành động như chủ nhân ông đất nước này và bắt họ phải làm theo ý mình. Những huyền thoại về sự giúp đỡ khai hoá không còn quyến rũ được một Á châu có một nền văn minh cổ kính hơn lịch sử nước Mỹ.”

Tôi nhắc với Davis mẫu tin hãng AP về lời tố cáo của một tờ báo Á Căn Đình vì sự nhúng tay của những người lính Mũ Xanh giúp đỡ phe nổi loạn khuynh đảo chánh phủ. Davis cười bảo:

“Thì cũng như ở cao nguyên, một số người Mỹ tự hào am hiểu thời cuộc, tự cho là thích ứng được với một cuộc chiến tranh vô quy ước bằng một đường lối không tôn trọng cả những quy ước sơ đẳng với đồng minh của họ. Hiểu như

vậy, anh sẽ không ngạc nhiên khi thấy những mâu thuẫn như ở Á Căn Đình. Theo tôi đã tới lúc người Mỹ phải dứt khoát lựa chọn giữa những đồng minh và thứ quyền lợi nhất thời của họ nếu không muốn để mất tất cả.”

Tôi đưa ra một nghi vấn hỏi Davis:

“Tại sao bác sĩ Ross cũng quan tâm tới vụ này, nhất là với Tacelosky ông có ưa gì hần ta đâu?”

“Ở đây không có gì chính thức thuộc quyền ông ta, cũng không sót điều gì mà ông được ông ta quan tâm. Và theo tôi, Ross vẫn là một người có rất nhiều ảnh hưởng không những với toà Đại sứ ở Việt Nam mà ngay cả với Hoa Thịnh Đốn.”

Nhìn dáng Davis gầy cao khô khan như một cây trúc bên bể, lạc lõng trên lục địa Á châu đầy không khí chiến tranh sôi bỏng. Davis đứng dậy đi về phía quầy rượu, hỏi tôi như một thói quen:

“Một cognac soda chứ?”

Tôi mỉm cười gật đầu và nói với Davis:

“Vị bô lão niên trưởng dân làng Dakto mong đợi được tiếp rước anh. Davis ạ, anh sẽ được họ cho thưởng thức một thứ rượu cần cất đặc biệt thật ngon, đựng trong một cái lu và chủ khách cùng uống chung bằng những ống hút.”

“Có, tôi đã được thưởng thức rượu cần đôi lần khi theo chân các cuộc hành quân của Pháp trước kia.”

Ở tuổi gần bốn mươi, nửa cuộc đời Davis đã gắn liền với cuộc chiến tranh này, Davis am hiểu

Việt Nam và lục địa Á châu trong cái ý nghĩa sâu sa nhất của nó. Tôi nói:

“Những người đã từng biết anh, họ nhận định anh nhiệm vẻ Đông phương hơn cả người Á châu bây giờ.”

“Điều Ross trách móc được tôi cho là niềm kiêu hãnh của riêng mình. Trước kia tôi tưởng lầm về ông ta, bây giờ tôi thấy rằng tâm hồn Ross không vượt qua khung cửa sổ để thấy khoảng trời xanh của Á châu tươi mát. Những năm dài sống ở đây, tôi thấy mình chịu ảnh hưởng rất nhiều cái không khí thâm trầm của đạo Phật, cao siêu vô vi của đạo Lão mặc dù tôi vẫn là một tín đồ Thiên chúa giáo.”

“Hình như anh có đọc và nói được tiếng Trung Hoa?”

“Đó là một thiệt thòi lớn cho tôi trong việc tìm hiểu văn minh Đông phương, mấy năm ở Trung Hoa tôi học nói được tiếng Quan thoại, một ngôn ngữ thật đẹp phát âm đầy nhịp điệu như một bài ca, tôi cũng nói được vài câu tiếng Quảng Đông nhưng lại không đọc được chữ Hán. Thành ra tôi phải đọc các sách khảo cứu gián tiếp bởi các học giả Tây phương mà tôi tin rằng đã có ít nhiều biến thái và thiên lệch. À, tôi nghe nói nhà sư Pháp Viên rất giỏi về thần học và ngôi bậc đáng kể là một vị cao tăng; tôi cũng muốn được làm quen với ông ta không phải với tư cách một nhà báo mà mong được hướng dẫn

trên con đường tìm ánh sáng Đạo Vàng. Hình như anh vẫn duy trì mối giao hảo mật thiết với nhà sư?”

Tôi biết rõ bản tính của nhà sư Pháp Viên, ông sống thâm trầm và suy tưởng, không thích ra ánh sáng nhất và với báo chí, nhưng Davis chắc là mẫu người mà ông thích. Tôi nói:

“Nhà sư rất giỏi về cổ ngữ, tiếng Tàu, tiếng Phạn nhưng ông lại không mấy thông thạo các ngoại ngữ, đó cũng là một trở ngại để ông có thể tìm một con đường dung hợp hoà mình với Tây phương. Một số nhà báo Mỹ không am hiểu cho ông có tinh thần bài ngoại cũng vì vậy. Hiện giờ thì ông ta đang bị cô lập vì biện pháp bảo vệ của chánh phủ Sài Gòn; khi nào nhà sư trở về chùa tôi sẽ giới thiệu để anh tới đánh cờ tướng với ông ta. Là một tay cao cờ, ông có thể hiểu rõ cá tính anh bằng mỗi nước đi và cách gỡ những thế bí. Ông ta có một tâm hồn rất nghệ sĩ, mối tương giao tốt đẹp giữa chúng tôi chắc chắn không phải vì nghề báo mà bởi ông biết tôi trước đó là một họa sĩ. Báo chí Việt lúc này ngột ngạt bế tắc, tôi đang tính trở lại với cây cọ và giá vẽ, tôi nhận lời ra dạy Cao đẳng Mỹ thuật Huế từ sau Tết cũng vì vậy.”

Davis cười thích thú khi nhắc lại một câu nói với tôi trong lần gặp gỡ đầu tiên:

“Triết, tôi nói có sai đâu sớm muộn anh cũng sẽ trở lại với hội họa vì đích thực anh là một họa

sĩ. Tôi vẫn mong một cuộc sống nghệ sĩ như anh, đó là một ước vọng từ nhỏ mà tôi không thực hiện được và vẫn phải sống bằng nghề báo như hiện giờ.”

“Nhưng anh đã thành công rực rỡ với nghề báo bất đắc dĩ của mình, đó là một cái đích mà bất cứ ai mới vào nghề cũng đều mong mỏi.”

Những xung tụng giữa chúng tôi đã ra ngoài tính cách giao tế, Davis có vẻ sung sướng thành thực về lời khen của tôi. Anh đi lại bàn giấy, cầm một điện tín trao cho tôi nói: - Coi bộ những hình ảnh đau thương của chiến tranh Việt Nam vẫn còn ăn khách. Tôi vừa nhận được điện tín này từ Hồng Kông sáng nay báo tin Hiệp hội Nhiếp ảnh Báo chí Quốc tế quyết định trao tặng giải thưởng năm nay cho những tấm hình tôi chụp về những trận đánh lớn trong Mùa Mưa trên cao nguyên. Cuộc chiến này đã đãi ngộ tôi quá nhiều, những vinh quang có vấy máu đối với tôi thật sự cũng là điều mĩa mai. Có thể tôi sẽ xin đổi sang làm việc tại Bureau bên Paris, tôi sẽ bắt đầu viết sách về Việt Nam, điều mà bấy lâu tôi ao ước.

“Thế bao giờ anh đi Paris?”

“Chưa, cũng còn lâu, vấn đề của hàng năm để kiếm ra một người khả dĩ thay tôi ở đây, như anh biết Việt Nam vẫn còn là một cái đình trong vấn đề thời sự quốc tế.”

Tôi nghĩ ngay tới hoàn cảnh của Phương Nghi

và khả năng Anh ngữ của nàng, tôi muốn giới thiệu nàng với Davis:

“Tôi đã tìm được một assistant cho anh. Có điều đó là một cô gái, nàng là vợ chưa cưới và có con với một bác sĩ quân y vừa tử trận ở Đà Nẵng. Tôi tin là Phương Nghi có thể giúp anh hữu hiệu và đó cũng là cách giải quyết cho vấn đề sinh kế của nàng.”

“Anh cứ dẫn cô ấy lại đây, ngay như cô ta không thích nghề báo tôi vẫn có thể giới thiệu cho một công việc thích hợp với khả năng của nàng. Mà tại sao bác sĩ thường đi với bộ Chỉ huy, đâu có dễ bị sát hại?”

“Đúng vậy nhưng trận địa chiến bị tràn ngập, cả bộ Chỉ huy gần như bị tiêu diệt hết. Chiến tranh bây giờ không còn ở giai đoạn du kích nữa mà là những trận địa chiến khốc liệt, con số tám y sĩ tử trận trong những tháng gần đây chứng tỏ điều đó.”

Câu chuyện Phương Nghi lại nhắc tôi nhớ tới Nguyễn, cảm xúc như trùng hằn xuống. Trong một buổi họp báo tiếp tân, khi nhắc tới chuyến đi Genève của ông Ủy viên Ngoại giao, một đồng nghiệp đã vô tình thốt ra là có Như Nguyễn theo phái đoàn không, bí thư riêng của ông Ngoại giao chắc không thể thiếu. Dù không biết có bao nhiêu phần trăm sự thật, điều nghe thấy cũng đủ khiến tôi hoang mang và đau đớn. Davis bảo:

“Sao lâu lắm tôi chưa gặp Như Nguyễn, tôi

muốn mời anh và Như Nguyễn đi ăn ở Kyo một nhà hàng thuần túy Nhật mới khai trương. Về thức ăn Nhật chắc Như Nguyễn phải sành hơn anh và tôi.”

“Nguyễn mới đi Genève không biết là bao lâu, nếu tiện tôi có thể giới thiệu Phương Nghi cô assistant của anh trong bữa ăn ở Kyo hôm đó.”

Tôi hẹn Davis sẽ đi ăn vào ngày thứ hai sớm hơn ngày nghỉ. Tôi rời toà soạn của Davis bước ra thang máy với câu chuyện không đâu về Nguyễn cứ ám ảnh tôi mãi.

CHƯƠNG CHÍN

“**D**ây là đêm cuối cùng tôi ở Việt Nam.”
“Ông chấm dứt nhiệm vụ ở đây rồi sao? Người Thượng và cao nguyên đang cần sao ông lại bỏ đi?”

“Không phải, sau hơn một năm tôi trở lại làm việc tại Mỹ.”

“Hy vọng gặp lại ông.”

“Ồ không, tôi muốn trả lại cho dân tộc Việt Nam một xứ sở hoà bình.”

Tôi cười nói với tướng Hunting rằng dẫu sao tôi cũng muốn ông trở lại nhưng lần này với tư cách một du khách. Hunting bảo ông rất lấy làm buồn phải đi khỏi Việt Nam. Mấy chục năm trong quân ngũ, từng sống trong nhiều nước, không nơi nào khi ra đi khiến tôi quyến luyến bằng nơi đây: một xứ sở tan nát và kiệt lực với một dân tộc còn nguyên lòng dũng cảm

và gan dạ chiến đấu. Câu nói từ cửa miệng một tướng lĩnh như Hunting không mang vẻ ngoại giao trước những người bạn như tôi và Davis. Khác với cái vẻ mảnh khảnh hơi thiếu da thịt của Davis, Hunting to lớn với giọng nói khỏe và khuôn mặt vạm vỡ. Tôi nói:

“Khi nghe ông bất chợt phải đổi đi, những người Thượng có vẻ nuối tiếc mất đi một ân nhân của họ. Một nhân sĩ Thượng tiên đoán một cách lo sợ rằng sẽ có một điểm gì chẳng lành xảy ra trên cao nguyên. Sự thật có gì bất thường không trong chuyện ông trở về Mỹ. Nay Ry nói là ông đổi tới vùng An Khê mới hơn một năm.”

“Thời gian hơn một năm đó đủ làm già đi một phần đời người. Không có gì gọi là bất thường trong đời sống quân ngũ, chỉ có kỷ luật và mệnh lệnh của thượng cấp. Duy chỉ tiếc có một điều là chương trình Dân sự vụ đi sâu vào các buôn sóc phải bỏ lại dở dang và không chắc gì sẽ được tiếp tục như ý chúng tôi muốn.”

Tuy không nói rõ ra nhưng tôi hiểu những khó khăn nội bộ mà tướng Hunting phải đương đầu: một Tacelosky lì lợm và những biệt đội lính Mũ Xanh vô kỷ luật chiến đấu như một loại mercenaires đầy dũng cảm, trên cao nữa tôi không thể không nghĩ tới bác sĩ Ross. Davis thì vẫn có giọng hài hước đầy vẻ Á đông cố hữu:

“Có tướng Mỹ nào như Hunting được một lúc cả ba huy chương: một ngôi sao bạc, một

chương mỹ bội tinh lại thêm một kim khánh của tổng thống Hàn Quốc. Sự trở về làm việc ở toà lầu Năm góc được coi như một vinh thăng kiểu tướng Westy.”

“Tướng đánh trận mà được đưa về ngôi văn phòng cũng như cho về hưu chẳng thích thú gì. Bạn rộn mệt nhọc ở trên đó tôi không phải nghĩ ngợi, xuống Sài Gòn để nay mai lên đường về Mỹ tôi mới chột nghĩ tới là đầu sao cũng đã hơn năm mươi tuổi rồi. Davis nhỉ, vậy đã gần 25 năm kể từ ngày Đệ nhị Thế chiến: hai chúng ta có thể nâng ly mừng cho tình bạn vừa được hai mươi tuổi. Cả ông nhà báo nữa, cùng nâng ly mừng cho chúng tôi.”

Tôi nốc cạn ly rượu chột nghĩ tới hình ảnh của Nhất Linh, con voi già nằm trong sở thú, đó cũng là hình ảnh của Hunting khi trở về toà lầu Năm góc. Bất chợt tướng Hunting trở lại vấn đề cao nguyên, ông quay sang hỏi tôi và Davis:

“Theo các anh thì mối mâu thuẫn Kinh Thượng có thật là trầm trọng đến độ được mô tả như là không thể hoà giải được theo quan điểm của một số người Mỹ như Tacelosky hay không?”

Câu trả lời ở vị trí tôi không thể coi là nhận định khách quan, tôi nhường phần Davis có tiếng nói:

“Mâu thuẫn đó không phải là không có, nhưng không rõ rệt như trắng với đen mà là giữa những màu xám. Tuyệt nhiên không có mặc

cảm kỳ thị về chủng tộc đúng nghĩa như người Đức với dân Do Thái, như sự thù hận đen trắng ở Mỹ. Bằng chứng là chẳng bao giờ có trong lịch sử ở đây một chiến dịch diệt chủng như Hitler diệt dân Do Thái hay một phong trào kiểu như 3K ở Mỹ. Có một điều kỳ lạ là sự dễ dàng chung sống giữa các sắc dân, giữa các tôn giáo qua mấy ngàn năm trên lục địa Á châu này: hiện tượng Tam giáo ở Việt Nam là một bằng chứng. Theo tôi nguyên nhân tấn thảm kịch dai dẳng ở cao nguyên không bắt nguồn từ một mâu thuẫn chủng tộc mà là sự bất bình đẳng về quyền lợi và cơ hội tiến bộ giữa Kinh Thượng. Có điều là sự cách biệt đó sắc nét hơn giữa sự nghèo khó ở thôn quê và trong thành thị nhưng chúng cùng đối tượng cho một phương thức giải quyết, đó là một cuộc cách mạng về công bằng xã hội. Cả cuộc chiến tranh hiện tại cũng vậy nữa, nó sẽ đương nhiên tắt lịm dần dần khi những nguyên nhân đấu tranh không còn nữa.”

Tôi không ngờ Davis lại đưa ra một nhận định bình tĩnh và sáng suốt như vậy, điều đó đòi hỏi ở anh một kiến thức Á châu uyên bác. Tôi chắc rằng không có một người Mỹ thứ hai nào có thể đưa ra những ý kiến tương tự. Để mô tả tính cách phồn tạp của nhiều sắc dân ở đây, tôi kể cho Hunting và Davis nghe cái truyền thuyết trăm trứng sinh ra trăm họ từ thời bà Âu Cơ để tạo ra Bách Việt và tồn tại tới ngày nay. Tôi nói thêm:

“Họ như sống trên một giải đất định mệnh với nỗi ám ảnh lịch sử truyền kiếp là sự bành trướng thôn tính về phía nam của một nước Trung Hoa, bởi vậy họ đã sống khá hoà hợp và đoàn kết để có một lịch sử hơn bốn ngàn năm cho đến ngày nay.”

Góp thêm vào ý kiến của tôi, Davis nói với tướng Hunting:

“Mà trong bốn ngàn năm đó có hơn một ngàn năm họ phải sống dưới ách đô hộ của Trung Hoa vậy mà vẫn không bị đồng hoá và còn nguyên vẹn một quốc gia Việt Nam ngày nay. Với một bài học lịch sử như thế theo tôi người ta đã lầm, trong đó có một số người Mỹ khi khai thác một số mâu thuẫn nhỏ để mong tạo nên một chia lìa lịch sử ở quốc gia đang suy yếu này, chúng ta tới đây để giải quyết một cuộc chiến tranh, cũng chính chúng ta manh nha gieo mầm cho một cuộc chiến tranh mới. Đã đến lúc chấm dứt cái thực tế ảo tưởng đó.”

Hunting vẫn chưa hiểu được những uẩn khúc đằng sau các rắc rối về chánh trị trên cao nguyên, ông Tướng còn có những thắc mắc:

“Nhưng phải có một nguyên nhân sâu sa nào để khiến những người Mỹ đó hành động như vậy. Theo chỗ tôi biết, thì những năm trước năm 54, cao nguyên vốn là chốn mai phục trường kỳ của du kích quân cộng sản và là một sa trường đẫm máu của liên quân Việt Pháp và kể từ ngày

tái phát cuộc chiến tranh, chốn đó là mối quan tâm đầu tiên của giới quân sự Mỹ. Hơn sáu mươi trại LLDB kiên cố được thiết lập không ngoài mục đích nắm vững bàn đạp cao nguyên và khoá trái mọi cửa ngõ xâm nhập những vòng đai biên giới. Phải công nhận là chính những người lính Mũ Xanh đầu tiên từ Fort Bragg đã có công đầu trong việc thiết lập một hệ thống phòng thủ hữu hiệu đầu tiên trên cao nguyên. Và theo chỗ tôi biết thì cho tới nay mối giao hảo giữa họ và những người Thượng khá tốt đẹp và đầm ấm. Và có điều lạ là không phải chỉ ở Việt Nam, bọn lính Mũ Xanh đó đã thành công với nhiều sắc dân thiểu số bán khai ở cả những quốc gia khác.”

Davis thoảng nhếch mép cười, cái cười của một người biết quá nhiều và thông hiểu mọi sự với những uẩn khúc sâu xa nhất:

“Phải rồi họ được đào tạo để đương đầu với một cuộc chiến tranh vô quy ước nhưng cũng không vì lẽ đó mà họ hỗ trợ cho một cuộc vận động gây thơ biến cao nguyên thành một tiểu bang của Hiệp chúng quốc. Phải không biết một tí gì về Á châu mới tin tưởng được một cách ngây ngô như vậy. Khi tổng thống Kennedy khai sinh ra họ với ước mong đó là những chiến sĩ dũng cảm của tự do và giải phóng thì ngược lại tại hầu hết các quốc gia đều không mấy chấp nhận và nhìn họ qua hình ảnh của những tay phá hoại và các chuyên viên khuynh đảo.”

Có lẽ Davis là người duy nhất bất mãn với vai trò Mỹ trong chiến cuộc Việt Nam. Không khi đối thoại hăng hái tới độ hơi căng thẳng, không thích hợp cho một bữa ăn đưa tiễn. Để làm nhẹ không khí tôi bảo đùa nếu quả thật người Mỹ nhúng tay vào nhiều thứ cho đến độ mọi biến cố hay dở ở đây đều được giải thích như những công trình của CIA thì nước Mỹ quá mạnh và các ông đáng nên kiêu hãnh.

Davis thì không chia sẻ lối hài hước đó, anh nói:

“Đó mới là nguy hại cho thanh danh nước Mỹ và chính sức mạnh của chúng ta sẽ bị cô lập với thế giới. Trở lại vấn đề Việt Nam, điển hình là vụ cao nguyên, tôi đã viết nhiều lần là đã tới lúc Hoa Thịnh Đốn phải lựa chọn dứt khoát giữa những ảo tưởng quyền lợi nhất thời và đồng minh của họ. Dù bộ Ngoại giao Mỹ có thanh minh bao nhiêu đi nữa, ai cũng hiểu rằng Hoa Thịnh Đốn tuy không chính thức nhưng đã hỗ trợ ngầm hay cố tình làm ngơ cho một số người Mỹ công khai dày xéo chủ quyền của quốc gia này trong khi chúng ta cần sát cánh với họ chiến đấu. Về bên đó ở vị trí anh, anh phải nói cho cấp lãnh đạo bên đó biết rằng dù đương đầu với cuộc chiến tranh vô quy ước, nước Mỹ cũng không thể từ bỏ những qui ước sơ đẳng đối với đồng minh của mình. Chẳng còn bao lâu nữa chúng ta đã bước chân sang đầu thế kỷ 21, đã qua rồi thời kỳ thuộc địa vàng son của người Da Trắng và Thái

Bình Dương cũng chấm dứt luôn những bước Tây tiến không mệt mỏi của một số người Mỹ...”

Davis bỗng ngưng nói và hình như thấy được cái căng thẳng của câu chuyện, anh xuống giọng trầm tĩnh:

“Bây giờ là thời kỳ của những bước nhảy vọt chinh phục không gian, chúng ta phải biết sống với thời đại của mình.”

Hunting có vẻ bị ảnh hưởng thấm thía những câu nói của nhà báo Davis. Trái với bản chất lạnh lùng ít nói, giữa những bạn thân Davis lại hăng hái bày tỏ:

“Lịch sử cận đại Việt Nam đã hơn một lần chứng minh điều này: một Nam Kỳ thuộc Pháp là một giấc mơ không thể được dù nước Pháp lúc đó có đủ tất cả điều kiện chủ quan và khách quan thuận lợi. Cũng như người Pháp, điều người Mỹ cố tâm làm trên cao nguyên sẽ chẳng đi tới đâu mà kết quả chỉ để lại một vết nhơ trong lịch sử mối bang giao của hai nước Việt Mỹ, và là một kinh nghiệm đắng cay cho những người bạn đồng minh khác. Giả thiết lấy chống cộng làm cứu cánh thì cứu cánh đó cũng không thể biện minh cho những phương tiện chúng ta đang sử dụng ở đây. Tôi cũng không tin là hơn sáu mươi trại LLDB dù là kiên cố mà đủ sức khoá chặt biên giới, vì nếu vậy thì làm gì có những trận đánh khốc liệt Mùa Mưa mà chính anh phải nhọc công chống đỡ. Theo tôi

chính mỗi bất hoà Kinh Thượng bị lợi dụng khai thác làm cho hệ thống phòng thủ cao nguyên suy yếu và chính đối phương được thủ lợi hơn ai hết.”

Tướng Hunting cười hoà dịu, ông nói:

“Thảo nào anh vẫn bị một số người Mỹ cho anh là Á đông hoá, mà có phải vậy không Davis?”

“Cũng như anh, Hunting bị coi là quá nhân đạo đối với sách lược của một trận chiến tranh đã trở thành vô quy ước. Rồi tôi tự hỏi nhân đạo có phải là điều đáng cho chúng ta ân hận không?”

Đột ngột Hunting hỏi bao giờ Davis đổi sang Bureau Paris, Davis bảo:

“Cũng như anh, tôi luyến tiếc chẳng muốn rời khỏi Việt Nam mặc dầu Paris là chỗ mà nhiều người mong ước.”

Davis nói tiếp rằng nếu không có những thay đổi lớn lao trong đời sống, anh sẽ tiếp tục ở đây, sống với cái vận thăng trầm của của bán đảo đông nam lục địa Á châu này. Thực sự những năm khó khăn ở đây đối với tôi là một chuỗi ngày hạnh phúc.

“Hạnh phúc đó trọn vẹn nếu anh chịu lấy thêm một cô vợ Á châu thật xinh xắn. Nhà tôi vẫn hỏi đến bao giờ thì Davis mới chịu chấm dứt cuộc đời độc thân ấy.”

Mỗi lần nói tới chuyện đàn bà là Davis mất hết vẻ tự nhiên và bối rối, tôi cũng chột nghĩ

tôi Phương Nghi và khúc rẽ tương lai cuộc đời Davis.

“Bức hoạ mà anh gửi cho chắc chắn Marcolina sẽ thật quý giá, nàng rất sành về hội hoạ và tôi biết là nàng thích.”

Đó là bức tranh Thanh Thoát và cũng là đầu mối tương giao giữa tôi và Davis. Hunting có vẻ thích thú khi biết tôi là tác giả bức hoạ đó và ông cũng thật ngạc nhiên khi biết tôi đã ngưng vẽ để bước sang nghề báo. Davis nói:

“Anh bảo với Marcolina rằng tôi gửi biếu nàng bức tranh nhiều kỷ niệm mà tôi quý nhất và tôi cảm ơn nàng sự săn sóc với bà mẹ già cô độc của tôi bên ấy.”

Davis cũng nhờ Hunting chuyển về hai cuộn băng mới, đó là lối thư tín giữa hai mẹ con Davis. Tôi hẹn với Davis khi ra Huế nếu về trở lại được, tôi sẽ gửi tặng anh một bức tranh khác để lấp vào khoảng tường trống. Hunting cũng bảo đùa nếu vợ chồng ông trở qua Việt Nam với tư cách du khách thì ông mong được tới thăm tôi ở một xưởng vẽ hơn là trong một toà báo.

CHƯƠNG MƯỜI

Tôi không ngờ Nguyễn đi đã mang theo tất cả niềm vui và may mắn của nhiều ngày. Ngoài những phút bận rộn, phần còn lại của một ngày trĩu nặng những mong ngóng. Cả toà báo sáng nay hoang vắng, mới gặp mặt tôi ông chủ nhiệm đã lên tiếng ngầy ngà. Mặc dầu cảm thông với nỗi khổ tâm của ông vì đứa con mới tốt nghiệp ở Pháp xong lại quyết định về ngoài kia; tôi cũng không tránh được những ý nghĩ bực bội. Dưới nhà in lại mới bị cúp điện, thêm một lý do để gặp ai ông cũng la hét. Sự bình thản tha thứ của tôi được ông coi như khiêu khích. Ông khó chịu hỏi tôi:

“Sao gần một tuần nay anh biến đâu? Lên hoài cao nguyên làm chi, cái Đại hội Thượng vụ mà anh thấy cũng cần đi lắm sao? Anh phải có một chọn lựa, hoặc một nhà khảo cổ hoặc một

nhà báo.”

Chưa bao giờ ông nói với tôi như vậy. Tôi đi lại phía cửa sổ yên lặng nhìn xuống những đoàn xe cộ dưới mặt đường, ở phía bên kia là một dãy thùng phuy trắng ngăn riêng một khu cao ốc, chỉ có bóng dáng những người Mỹ. Tôi vẫn còn hứng khởi để làm báo trong những điều kiện hiện tại, tôi cũng chưa có một chọn lựa dứt khoát khác. Nhận ra dạy trường Mỹ thuật ngoài Huế chỉ do một ngẫu hứng hơn là một dự định đứng đắn. Như không có một định mệnh, tôi tự do dần trải đời sống tương lai của mình. Khi thấy khuôn mặt ông bắt đầu dịu xuống, tôi tìm cách gọi chuyện lại. Tôi hỏi ông chủ nhiệm về một phái đoàn báo chí được mời đi viếng thăm Hàn Quốc, như chợt nhớ ra ông bảo tôi:

“Chẳng thà mất thì giờ cho những chuyến đi như vậy. Nếu muốn tôi sẽ đề nghị anh vào phái đoàn, theo tôi sau chiến tranh Cao Ly tàn phá, kinh nghiệm mười năm tái thiết của họ là điều chúng ta nên nghiên cứu và quan tâm. Chiến tranh Việt Nam rồi cũng phải chấm dứt. Sửa soạn đón nhận hoà bình trong tình trạng một đất nước chiến tranh là thái độ sáng suốt cần thiết.”

Với tôi, ông chủ nhiệm đối xử chân tình, tôi biết ông cũng không cấm cản tôi ở những chuyến đi cao nguyên sau đó. Tôi không thể dứt khoát với tờ báo nhỏ hẹp này để nhận lời làm

việc với Davis cũng vì thế. Rồi ông chủ nhiệm lấy từ ngăn kéo đưa cho tôi một phong thư:

“Hôm kia có ông Trung tá tới đây kiểm anh, để lại gói đó nói là của ông Tướng gửi biếu trước khi trở ra Trung. Mà sao anh có vẻ thân với tướng Thuyết quá vậy?”

“Cũng không phải là thân, tôi thường gặp và ăn cơm với ông ta vài lần. Cảm tình sâu đậm của ông ta nếu có cũng bởi thanh danh uy tín của tờ báo.”

Ông chủ nhiệm tỏ vẻ cảm kích vì sự chân thật của câu nói. Tướng Thuyết tặng tôi hai cuốn tiểu luận bản đặc biệt vừa mới in xong. Chiến Thắng Mùa Mưa đề cập tới những trận đánh lớn trên cao nguyên; Triết Lý Hai Cuộc Cách Mạng là suy tư của riêng ông về sự cần thiết cách mạng trong tương lai; và một bức hình màu thật đẹp chân dung ông Tướng với lời đề tặng. Cảm những cuốn sách trong tay, ông chủ nhiệm tỏ vẻ ngạc nhiên:

“Không ngờ ông Tướng mà cũng viết sách, vậy mà chưa bao giờ tôi nghe ai nói.”

Chỉ cần đọc những dòng chữ mở đầu tôi biết đó phải là ngôn từ phù thủy của nhà văn, ông đã tìm lại được sự hăng say làm việc dưới trướng của ông Tướng. Tôi nói:

“Tôi để ông chủ nhiệm đọc trước. Xem ra tướng Thuyết dành nhiều cảm tình cho báo chí vậy mà không hiểu sao các nhà báo Mỹ lại cay

ghét ông đến như vậy. Tôi chưa thấy một bài báo Mỹ nào khi đề cập tới giới tướng lãnh Việt Nam mà có lời khen ngợi ông, đến nỗi tôi cảm tưởng là có cả một chiến dịch báo chí bôi nhọ ông nhất là các sự việc liên quan tới một chánh sách cứng rắn ở cao nguyên.”

Tôi cũng kể lại cho ông chủ nghiệm nghe trong một chuyến lên Pleiku, tướng Thuyết đã gửi tặng tôi một số tiền khá lớn và rồi tất cả những nỗi khó khăn để chối từ sau đó. Tướng Thuyết bảo đó là hảo ý thường xuyên của ông đối với nhà báo lên đây. Tôi nói tiếp:

“Tôi vẫn quan niệm độc lập báo chí khởi từ sự độc lập tài chánh. Tôi muốn ngồi bút được tự do trong vấn đề phán xét và khen chê ông ta, ở bất cứ trường hợp nào tôi cũng sẽ không cảm thấy là mình đã không “fairplay” với ông Tướng.”

Ông chủ nhiệm ngả lưng ra sau ghế, hạ thấp giọng kính xuống, nói giọng nhỏ nhẹ với tôi:

“Tôi hoàn toàn đồng ý thái độ cư xử độc lập của anh, tôi không bao giờ tiếc đã đặt để ở anh nhiều sự tin cậy. Hơn bốn mươi năm trong nghề báo, tôi tự hào đã giữ được mình trong sạch đến ngày nay, ngay cả bây giờ không thiếu gì những cám dỗ khi mà người ta hứa bỏ tiền ra không thêm một điều kiện nào để mở rộng tờ báo, tôi vẫn cương quyết từ chối.”

Thật rất khác với nhận định của nhà văn cổ vấn của tướng Thuyết, thì ở xứ mình sống lâu

trong nghề báo cũng không đến nỗi phải bồi bút để vinh thân hoặc trở nên cay đắng. Trải qua nhiều cuộc thăng trầm, ông chủ nhiệm vẫn là con người nhiều lý tưởng bảo thủ. Với một ký giả theo cái ý nghĩa tự do như tôi, dù có vui đến đâu, ông chủ nhiệm cũng tìm ra ít nhất một khuyết điểm để kim hãm chỉ trích:

“Phải cái anh nghệ sĩ quá, điều đó chẳng phải là tôi không thích nhưng khi đã bước chân vào nghề báo thì cũng phải chấp nhận kỷ luật của nó và khi thích nghi được anh có hy vọng sẽ trở nên rất khá.”

Theo quan điểm của ông chủ nhiệm thì cái khá trong con người tôi lúc nào cũng ở phía tương lai, cũng như sự nghiệp hội họa thì tác phẩm lớn là ở trong sự hình thành và cuốn sách lớn tạo bởi những dòng chữ chưa viết. Tôi mỉm cười nhìn ông chủ nhiệm lụ khụ như một vị sư già và thích thú với những suy diễn đó. Khi ông chủ nhiệm đi khỏi, tôi bắt đầu với công việc thường nhật. Soạn đồng thư ngỗng ngang của độc giả, tôi tìm ra dấu những con tem Takashi Oka gửi từ Bureau bên Paris, người Á châu mà lại là người Nhật mới có lối cư xử nhiều cần trọng như vậy. Bức thư chỉ gồm những trao đổi xã giao và ước mong duy trì mối liên hệ và tình bằng hữu. Số thư còn lại là công việc phân loại của cô thư ký. Sách báo gửi tới cũng thật nhiều, tôi không có thì giờ đọc hết, đọc một cách đúng

đần. Cuốn sách 500 trang của Đỗ nhờ tôi làm bìa, được gửi tặng với lời lẽ thật vuốt ve: là cuốn sách ưng ý nhất về hình thức của tác giả. Lại thêm một số báo đặc biệt của sinh viên nói về chủ quyền Việt Nam trên cao nguyên, họ đưa ra những nhận định quá khích mạnh bạo và còn nguyên sự trong sáng. Với chủ đề cao nguyên, “một cỗ xe với ba tên xà ích”, họ tấn công và mạt sát người Mỹ. Tội nghiệp là tướng Thuyết cũng không tránh được mũi dùi đó. Xem ra hai kẻ thù vẫn có thể bị coi là đối nghịch với một thành phần thứ ba. Họ chỉ là những sinh viên mà khả năng duy nhất chỉ là sự đối kháng. Tôi có ý định sẽ gặp gỡ những nhà báo tài tử này để nói chuyện với họ, biết đâu sẽ có thêm vô số những ý kiến mới. Chẳng hạn đề nghị của họ lập thêm một phân khoa Nhân chủng, trực thuộc viện Đại học, hỗ trợ cho công việc nghiên cứu của bộ Thượng vụ. Chỉ có những sinh viên trẻ này mới hy vọng đem lại một sinh khí mới cho cao nguyên. Một lần nữa tướng Thuyết đã có lý khi muốn đầu tư vào lớp người trẻ.

Đồng hồ tay chỉ sáu giờ năm phút, như thường lệ tôi mở đài để nghe bản tin vắn tắt buổi chiều. Có lẽ đồng hồ nhanh nhiều phút, bây giờ mới là giữa phần nhạc chuyển mục. Lại một bản đàn mà mỗi nốt nhạc là một nụ hôn quần quýt, gợi nhớ kỷ niệm những ngày đầu tiên chung sống với Nguyệt. Đó là những ngày thực sự êm đềm

sống bên một người đàn bà. Tôi chưa có một dự định gì về tương lai nhưng có lẽ Nguyễn sẽ là người đàn bà tôi có thể cưới làm vợ. Với nếp sống hiện tại, một người vợ cổ điển ngoan và hiền thực là điều khó có thể chấp nhận.

Ngay phần mở đầu của bản tin ngắn năm phút, như một luồng điện giật, tôi bàng hoàng khi nghe tin cộng sản tấn công dân làng ty nạn từ ấp Dakto. Ngót sáu trăm dân làng bị thảm sát mà đài Mỹ mệnh danh là một lối trả thù Việt Nam - Vietnam Vengeance, đó là một tổn hại về dân sự cao nhất trong năm kể từ ngày khai diễn những trận địa chiến. Tắt máy tôi vội vã lái xe tới tìm Davis, nhưng toà báo đóng kín. Trở lại toà soạn, rời một vòng cầu thang tối, bước vào một văn phòng im vắng chỉ còn cô thư ký ngồi đó. Tôi điện thoại đi khắp nơi với hy vọng có thể gặp Davis nhưng đều không thành tựu. Chỉ còn cách là đứng hẹn gặp Davis ở bữa ăn trong Cercle buổi tối.

Tôi tới chỗ hẹn sớm. Mọi người đang còn quần phanh ở dưới sân buổi chiều. Một người đàn bà đẹp ngồi trong đám trẻ đùa chơi dưới mặt nước, ánh mắt vui và mơ mộng. Tôi cũng khó chịu phải gặp lại viên trung tá Tacelosky với bộ râu con kiến và một cô gái Á châu khác của hắn. Đặc trách về cao nguyên nhưng hắn lại có mặt thường xuyên ở Sài Gòn. Về mặt dây cộm lúc nào cũng bình thản bên ly rượu và khói thuốc

khiến tôi tự hỏi về những phút làm việc của hắn. Tacelosky nhận ra tôi dễ dàng và khi nghe tôi nói về vụ thám sát, vẻ mặt hắn lạnh như tiền và không để lộ một cảm xúc. Hắn nói:

“Có vụ đó nữa hả, có lẽ ông nhà báo Davis biết nhiều hơn tôi, sao anh không tìm gặp chính ngay ông ấy.”

Hắn cư xử với tôi lịch sự, Tacelosky kéo ghế mời tôi ngồi:

“Dùng với tôi một cognac soda chứ?”

Tôi thán phục trước trí nhớ phi thường của hắn, chỉ một thói quen không đâu sau một lần gặp gỡ cũng được hắn ghi nhận. Vào nghề báo tôi đã quen với những phút chịu đựng ngay cả với người đối thoại không mấy ưa mình. Lúc này tôi hiểu rằng không phải vô tình tên của tướng Thuyết được Tacelosky nhắc đến, hắn bảo đùa:

“Sống với một nền dân chủ không ngờ các anh vẫn còn lại những ông quan của đời vua nhà Nguyễn.”

Tôi mỉm cười phụ hoạ như tán thưởng sự so sánh bóng bẩy của hắn. Trong lòng tôi nao núng với những phút chờ đợi Davis. Và kết quả là Davis lỡ hẹn, điều đó thật hiếm. Tôi trở ra xe và đi tới văn phòng Davis, không ngờ phải chứng kiến một tấn thảm kịch sau đó. Bằng một giọng đầy nước mắt, Davis bảo:

“Hơn sáu trăm dân làng tị nạn không còn một ai nguyên vẹn sống sót. Đó là một vụ trả thù đã

man nhất từ hai phía. Vì không quyền dụ được theo chúng, cộng sản huy động toàn lực tiêu diệt trung tâm định cư này. Chúng dùng lựu đạn ném vào từng nhà, sử dụng cả súng phun lửa để thiêu cả đàn bà trẻ con chui trốn dưới hầm, nói tóm lại cảnh tượng chỉ còn là đồng than củi với mấy trăm cái xác.”

Tôi thắc mắc về sự bảo vệ của phía quân chánh phủ, Davis cho biết:

“Như anh biết an ninh ở trên đó chia từng khu vực, hoặc Việt hoặc Mỹ. Khu tị nạn thuộc vùng trách nhiệm của một trại LLDB Mỹ, cộng sản không dễ gì tràn ngập một cứ điểm kiên cố như vậy. Có thể là một kế hoạch bỏ rơi của Tacelosky để chúng tỏ sự bất lực của quân chánh phủ với bọn Thượng tranh đấu khác. Nếu quả đúng như vậy thì đã man hết sức.”

Tôi nghĩ với ai chứ Tacelosky, hẳn có thể hành động như vậy, thí sáu trăm sinh mạng chỉ để chúng tỏ một điều: hạnh phúc và an ninh của người Thượng chỉ có thể bảo đảm hữu hiệu bởi những người lính Mũ Xanh Mỹ. Không kìm hãm được tình cảm, Davis đã khóc mùi mẫn khi đưa ra những tấm hình với cảnh đổ nát và hàng đồng những xác chết. Tấm hình người mẹ tay còn ôm con, cả hai bị súng phun lửa thiêu thành than. Căn phòng bỗng trở nên lạnh lẽo, bộ cung nỏ chỉ còn là một vệt xăm trên nền tường trắng muốt, dấu vết kỷ niệm của mấy trăm cuộc sống tang

thương. Ánh mắt tôi được đôi chút nghỉ ngơi ở những tảng màu trắng và xanh trên một tấm bản đồ phóng lớn. Trên bàn máy chữ, Davis đã viết những dòng đầu tiên về tấn thảm kịch còn vấy máu. - Đó là sự vỡ mộng của người Thượng về hy vọng tồn tại sau những hình thức trả đũa dã man nhất của các phe tham chiến ở cao nguyên. Rồi Davis tự đặt câu hỏi: - Vậy thì họ muốn toàn thế giới nghĩ gì về những vụ đổ máu bản thiêu đó?

Chính những người như tướng Thuyết, Tacelosky và Mặt trận Giải phóng Tây nguyên phải trả lời. Tôi thì chỉ quan tâm tới những dữ kiện, và tôi có ý định sẽ trở lên cao nguyên ngày mai để đào sâu tấn thảm kịch ở những giờ phút chót.

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

Câu hỏi của Davis được trả lời bằng những xúc động và kinh hoàng của toàn thế giới. Và báo chí ngoại quốc mệnh danh đó là một “lỗi tra thù Việt Nam”. Riêng tại cao nguyên thì đó là những ngày tang tóc nhất của thiểu số các sắc dân Thượng đang sống trong một chuỗi những đen tối với niềm hy vọng chỉ là tồn tại. Phe Thượng ly khai lợi dụng tấn thảm kịch như một yếu tố để xáo động. Ngay các nhân sĩ thoả hiệp và ôn hoà nhất như Y Ksor, Nay Ry cũng tìm cách liên lạc vận động gửi một kháng thư lên chánh phủ với rất nhiều chữ ký để đòi quyền sinh sống và được bảo vệ trên mảnh đất sở hữu của mình. Còn đối với những người lính Mũ Xanh thì việc thí sáu trăm sinh mạng là một chứng tỏ đắc thắng của họ. Hậu thuẫn vững chắc của bọn này là những đơn vị Dân sự Chiến

đấu Thượng và một lũ những thông ngôn. Nay Ry đã làm một so sánh số phận người Thượng như vuông vải, mỗi phe nắm một góc, níu kéo giành giật sao cho được phần hơn về phía mình.

Khi tôi tới nơi, nghĩa là hai hôm sau biến cố, khu định cư vẫn như một vùng chiến địa nồng nặc mùi tử khí. Tất cả đều cháy thiêu trụi với những miếng tôn cong queo. Mặc dù số xác chết đã được thu dọn và chôn chung vào một hố lớn, mùi hôi thối vẫn còn phảng phất đâu đó. Tôi nghĩ tới một cảnh tượng Guernica nhưng với những màu sắc thật dữ dội và buồn thảm trên sự đổ nát. Người ta vẫn cố tìm ra những tiếng vang thoát ra từ đồng xác chết đó. Các dòng chữ sơn đỏ lòe loẹt trên những tấm vải xô trắng kết án cộng sản và kêu gọi tình đoàn kết Kinh Thượng trong ý nghĩa cộng đồng đồng tiến, tất cả đều được phiên dịch ra tiếng Mỹ. Viên sĩ quan cấp úy hướng dẫn tôi đến địa điểm tỵ nạn nói:

“Ngay đêm đó, bọn Thượng ly khai mò về treo cờ ba màu của quốc gia Đông Sơn, rải truyền đơn lên án cộng sản và cả chánh phủ đồng loa âm mưu tiêu diệt dân tộc Thượng. Tội nó cũng yêu cầu Mỹ duyệt lại chánh sách viện trợ cho Việt Nam, họ kêu gọi cả sự can thiệp của Liên Hiệp quốc qua ngả Nam Vang với hậu thuẫn hùng hậu của Đại hội Các Sắc dân Đông Dương, một tổ chức con đẻ của bọn Pháp.”

Viên Đại úy có một khuôn mặt vạm vỡ của

con nhà võ, nói giọng Bùi Chu và có lẽ là một tay công giáo quá khích. Hắn đưa cho tôi xem những truyền đơn và tiếp theo là một vài nhận xét:

“Đấy ông nhà báo coi, từ chất giấy tới kỹ thuật ấn loát không thể không nghĩ tới gốc gác của những bàn tay và vật liệu của phòng Thông tin USIS.”

Ở đám những người Thượng sống lạc lõng và chui rúc trong rừng rú với rình rập đe dọa săn đuổi, họ vẫn liên lạc và sinh hoạt với các phương tiện thật dễ dàng, thì nhận xét của viên Đại úy không phải thiếu hữu lý. Hàng chân mày rậm nhú lại, giọng viên Đại úy bực tức:

“Ông nhà báo biết sao không, bọn nó kêu cứu đánh đuổi người Việt ra khỏi cao nguyên để thiết lập một quốc gia tự trị dưới sự bảo hộ của Mỹ. Theo tôi, chúng ta sẽ làm chủ được tình hình và những rắc rối trên cao nguyên cũng chấm dứt khi vấn đề người Thượng không còn nữa. Có một dúm người sống rời rạc như vậy chẳng phải là điều khó.”

Tôi không hiểu câu nói của viên Đại úy Việt Nam tàn nhẫn tới mức độ nào nhưng nó gợi cho tôi ý kiến kỳ lạ của một tướng lãnh Mỹ; tôi nói điều đó ra với viên Đại úy:

“Giải quyết vấn đề không phải là thủ tiêu luôn nó, cũng không khác với câu tuyên bố của giới lãnh đạo quân sự Mỹ rằng họ đã có thể chiến

thắng dễ dàng cộng sản ở Việt Nam nếu phía họ không có những đồng minh là người Việt.”

Viên sĩ quan xịu mặt xuống im lặng, hẳn có vẻ không hài lòng về quan điểm của tôi vừa rồi. Hẳn không chịu nói nữa, đó cũng là điều hay vì ngoài ý nghĩa phương tiện di chuyển, tôi đang cần sự khách quan yên lặng. Tôi ngờ ý muốn được đi thăm những khu định cư khác của người Thượng, ngoài thăm khám kịch nơi đây. Lịch sử vẫn là những tái diễn, còn bao nhiêu sinh mạng nữa bị hy sinh để mỗi phe giạt được vương vãi lớn về phía mình. Trái với bản chất một quân nhân kỷ luật ít nói, viên Đại úy luôn luôn phát biểu những ý kiến:

“Tôi không đồng ý với tướng Trị khi giao việc cứu trợ các trại tị nạn Thượng cho người Mỹ ngay như đó là ông bà mục sư Denman. Bọn Mọi chỉ biết ơn và vâng lời những ai nhét thức ăn vào miệng họ. Bởi vậy không phải là không có dụng ý khi họ cố giành độc quyền tiếp tế ngay cả dưới thời tướng Thuyết. Tôi thì chịu tướng Thuyết nơi lập trường dứt khoát của ông ta.”

Xem ra tướng Thuyết còn để lại nhiều ảnh hưởng và dấu vết trên cao nguyên bằng chánh sách cứng rắn của ông. Vụ thảm sát chắc chắn gây nơi ông phản ứng và cả sự phẫn nộ nữa. Ở ngoài Huế, nhưng ông vẫn xem cao nguyên như quê hương thứ hai với nhiều bốn phận ràng buộc với. Ở những ngày khó khăn trên cao nguyên,

ông là một điểm tựa tinh thần để cho các cấp thuộc hạ nghĩ tới, họ cũng tin rằng ngày tướng Thuyết trở lại cao nguyên không còn xa. Viên Đại uý hỏi tôi:

“Ông nhà báo có nghe nói gì về tin tướng Trị sắp lên trung tướng không?”

“Hình như vậy, vào dịp lễ quốc khánh này nhiều ông tướng được thêm sao nhưng tôi không thấy tên tướng Thuyết.”

Lòng không ưa tướng Trị được tỏ rõ khi viên sĩ quan nói với tôi:

“Nhiều khi vinh thăng là một cách sửa soạn êm đẹp cho sự ra đi. Theo tôi tướng Trị không phải là ca-líp để đương đầu với cộng sản và tội Mỹ. Là một sĩ quan thuộc cấp, phải chứng kiến lối cư xử của viên trung tá Tacelosky với ông Tướng tôi cũng phải thấy rất mặt và cảm thương cho ông ta. Chứ tôi hỏi ông nhà báo, nó có là gì đâu: một sĩ quan cấp tá LLDB giải ngũ đại diện USOM ở cao nguyên, vậy mà tướng Trị có vẻ ngán hán ta.”

Riêng tôi thì hiểu rõ tại sao ông Tướng Trị ngán viên trung tá Tacelosky. Mất quyền kiểm soát ngay từ bà vợ, ông tướng cũng bị chìm đắm vào vào nhiều vụ lem lấm, từ những chiếm hữu đất đai cho tới những vụ tham nhũng về kế hoạch mở mang An Khê. Đó là một con tấy mà Tacelosky nắm được để bất cứ lúc nào cũng có thể làm sấn-ta với ông. Bởi vậy chánh sách của

ông là thoả hiệp mềm dẻo và chịu đựng cho đến ngày ông êm thấm ra đi. Càng nói chuyện, viên Đại úy càng chứng tỏ hắn là một thành phần kinh niên bất mãn. Hắn trở giọng tâm tình nói với tôi:

“Ông cũng biết tôi là một thành phần công giáo di cư, tha thiết với việc chống cộng và chấp nhận sự hiện diện của người Mỹ. Vậy mà tôi không ngờ giữa thế kỷ hai mươi này, vẫn có những người Mỹ thực dân ra mặt như kiêu Tacelosky. Sự hiện diện của những tên đó làm mất ý nghĩa tốt đẹp của Viện trợ Mỹ.”

Tôi được biết hắn là một thành phần buồng binh và như một số đồng viên chức khác, hắn bị đổi lên cao nguyên như một biện pháp đẩy ải và xem ra hắn còn mang nhiều ảo tưởng về lòng nghĩa hiệp của người Mỹ. Nhân tiện tôi hỏi hắn về vai trò ông bà mục sư, hắn nheo cặp chân mày đến dữ tợn nói:

“Không chỗ nào trên cao nguyên mà không có dấu chân của ông bà Denman. LLDB Mỹ thiết lập được các căn cứ trong buôn sóc cũng là nhờ ông mục sư. Mặc dầu tôi là một tín đồ công giáo thuần thành, trong thâm tâm tôi không mấy tin tưởng ở tính cách thuần tuý xã hội của các giáo hội truyền giáo. Ở quan điểm của một người Việt Nam biết rút ra những bài học quý giá trong lịch sử, tôi không thể không nghĩ như vậy.”

Và riêng tôi cũng không thể ngờ rằng viên Đại

uý có thể ăn nói văn hoa đến thế. Hần cũng cho biết ảnh hưởng trực tiếp của ông bà mục sư trên Tacelosky, rồi hẳn đưa ra một nghi vấn xác đáng:

“Tacelosky, mục sư Denman hay tướng Hunting, theo tôi chỉ là những con đường khác nhau của người Mỹ và tất cả đồng quy về một mục đích. Mục đích đó ra sao đôi khi tôi thấy vượt quá những dữ kiện hiểu biết của mình, bởi càng lý luận tôi càng thấy nhiều sự mâu thuẫn.”

Riêng tôi cũng thấy một mâu thuẫn trong cách giao tiếp của đám người Thượng với những cận bã của văn minh. Các cô sơn nữ tập tễnh mang dép, đàn ông Thượng có người bạn Jupe. Hướng dẫn tôi đi thăm ấp là một bô lão vẫn đóng khố nhưng lại trịnh trọng bận veste và đi chân không. Đó là những áo quần phế thải được mệnh danh là quà tặng của dân chúng Hoa Kỳ gửi đến giúp những người bạn Thế giới Tự do. Tôi cũng gặp lại ông bà Denman, cuộc đối thoại với những người Thượng dễ dàng hơn sau đó. Tôi để nốt phần còn lại của buổi sáng để làm phóng sự thu hình trong mấy buôn sóc. Tôi đùa bảo ông mục sư:

“Người đàn ông mặc Jupe đỏ kia là một hình ảnh lạ và đối với nhà báo là có được một cái tin.”

Ở mọi khi khác hẳn ông mục sư đã cười và tán thưởng câu nói, nhưng đặc biệt về mặt của ông hôm nay rất trầm trọng, ánh mắt của ông còn mang nguyên sự tang tóc của tấn thảm kịch

mới mẻ trên cao nguyên. Như một giáo sư tâm lý, ông đưa ra một nhận định:

“Suốt những ngày hôm nay họ sống trong tình trạng hoang mang lo sợ. Chính sự sợ hãi thái quá thường đưa tới những hành vi tàn bạo không biết là thế nào. Anh cũng biết là với bọn cộng sản hay quốc gia cũng chỉ là người Việt; tội ác vụ thảm sát do cộng sản gây ra nhưng chính chúng ta phải gánh chịu hậu quả. Tôi sợ bất ngờ một ngày nào đó họ đồng lòng cùng nổi dậy khắp cao nguyên, viễn tượng một cuộc tàn sát cả hai phía không biết tới đâu mà lường.”

Tôi để ý tới lối nói chuyện khéo léo của ông mục sư khi ông tự đồng hoá mình như là người Việt. Nếu chưa được biết rõ ông, tôi sẽ dễ dàng chia sẻ quan điểm của ông mục sư. Nhưng tôi vẫn yên lặng để nghe ông nói:

“Theo tôi sớm muộn gì cái của César cũng phải trả cho César. Điều đó đòi hỏi sự sáng suốt về cả hai phía người Việt và cả những người Mỹ. Những người như tướng Thuyết, trung tá Tacelosky không phải là những bàn tay xoa dịu hữu hiệu các vết thương cao nguyên. Anh thấy sao, ông Trị có vẻ là người khá hoà nhã?”

Một tướng lĩnh được khen chỉ vì sự hoà nhã thì cũng đáng nghi vấn về khả năng ông ta. Có điều ông mục sư biết rõ hơn ai hết là tướng Trị nhu nhược và có thể bị ông chi phối trực tiếp, trong mọi cuộc hoà giải vai trò Denman đương

nhiên là sự trung gian cần thiết giữa hai bên. Sau biến cố tàn sát, một đơn vị lớn của sư đoàn Ky binh được di chuyển về đóng gần tổng hành dinh ngay trước quân y viện. Từng đoàn trực thăng và cả thiết giáp khoả mù bụi đỏ làm khô héo cả một vùng cỏ xanh mượt. Những người tị nạn còn sống sót đều ít nhiều mang thương tích, đa số bị những miếng lựu đạn công phá. Viên y sĩ dẫn tôi tới bên giường của hai mẹ con, người mẹ còn thiếp trong cơn hôn mê:

“Người mẹ bị phỏng rất nặng, diện tích phỏng chiếm cả vùng sau lưng trong khi đứa con không hề hấn gì. Tôi giả thiết rằng trong cơn lâm nguy, người mẹ đã đưa lưng ra hứng chịu hết ngọn lửa để cứu sống đứa con thân yêu của mình.”

Tôi hỏi bác sĩ về tình trạng sức khỏe người mẹ, ông tỏ vẻ bi quan:

“Bỏng quá 50 phần trăm ở độ ba, không hy vọng gì bà ta sống sót qua ngày mai.”

Trừ đứa con bốn tuổi, cả gia đình này bị giết, ông mục sư ngờ ý sẽ nhận đứa nhỏ về nuôi, ông bảo:

“Giao cho bà ấy trông nom khi nó đủ cứng cáp thì gửi cho ông nhà báo Davis. Anh ấy vẫn ngờ ý muoán kiếm một đứa con nuôi như thế.”

Tôi biết Davis cũng đã đỡ đầu một đứa trẻ mù loà khi anh gặp nó lang thang ở một Buôn sóc hẻo lánh trên cao nguyên và hiện giờ nó sống tương đối sung sướng với các bạn nó ở Úc. Và kể

từ ngày vào nghề báo, ống kính của tôi lần đầu tiên thu vào những hình ảnh tàn phá trên con người khủng khiếp đến như thế.

Cũng theo lời mời của ông mục sư, lần thứ hai tôi tới thăm nhà ông ta, sau chuyến đi cùng với Davis. Vì những lung củng Việt Mỹ khiến tình trạng an ninh trở nên tồi tệ, ông bà Denman không còn ở trong buôn Rhadé như trước kia. Vẫn những tiện nghi sung mãn cũ được di về thành phố, đứa con gái đã được gửi về đi học ở Mỹ. Ông mục sư bảo tôi:

“Cũng không phải chỉ vì đe dọa mất an ninh, sống ở đây nhiều năm vợ chồng tôi đã quá quen với một không khí như vậy. Vấn đề chính là việc cứu trợ các ấp tân sinh Thượng, con số này ngày một gia tăng, công việc càng thêm khó nhọc mà tôi thì không muốn phụ lòng tin của ông Tướng. Anh cũng biết hạnh phúc của tôi bây giờ đồng hoá với hạnh phúc của người Thượng, và cao nguyên đối với tôi như một quê hương thứ hai của mình.”

Tướng Thuyết, mục sư Denman và có lẽ cả Tacelosky đều muốn cao nguyên hoang vu này là quê hương riêng và ý muốn độc quyền, đó là đầu mối những tranh chấp. Nhà mới của ông mục sư đẹp và rộng rãi hơn xưa, bao bọc bởi một vườn cây xanh um kể ngay Biệt điện. Tôi cũng mới khám phá ra Denman là một hoạ sĩ tài tử. Giá vẽ, bảng màu, khung vải, các loại cọ và

dao xấn được xếp gọn ghề bởi bàn tay bà mục sư; ở đó thiếu cái không khí bừa bãi phóng túng vẫn có của nghệ sĩ.

“Tôi nghe Davis khen anh là một hoạ sĩ tài hoa, có phải vậy không? Tôi mới chỉ được xem một bản tranh anh trong lần tới thăm toà báo Davis. Theo tôi sướng nhất có lẽ là đời sống thật sự của nghệ sĩ.”

Tôi không có ý kiến nên chỉ mỉm cười với ông mục sư. Ở mặt khung vải móc trên giá vẽ là bức hoạ dở dang một thiếu nữ Thượng khỏe mạnh mình trần đang loay hoay với mấy thanh tre dẹt nốt vuông vải. Các màu sắc còn sống và tươi rói. Tôi cũng hơi ngạc nhiên là nét khoả thân của cô gái qua sự diễn tả của ông mục sư lại mang nặng vẻ dục tình. Và tôi tự tìm câu trả lời bằng ý nghĩ của một nhà tu hành bị dồn nén. Ông mục sư có vẻ chờ đợi ngưỡng nghịu các nhận xét của tôi; ông gõ lanh canh ống vớ trên miệng sứ tàn thuốc, nói chống chế:

“Tôi cũng mới học vẽ và thấy ngay đó là một lối giải trí thích thú. Đã từng có cầm bút, hẳn như anh đã biết có lúc không còn có thể viết được gì, chẳng hạn như những ngày tang tóc và căng thẳng như hiện giờ.”

Thấy tôi không mấy hứng khởi về câu chuyện hội hoạ, Denman khéo léo lái qua đề tài khác:

“Trong hội hoạ nói tới màu sắc người ta nghĩ tới ngay sự hoà hợp, chính sự hoà hợp đó

là yếu tố cần thiết trong đời sống. Vấn đề Kinh Thượng theo tôi cũng vậy, phải nghĩ tới phương cách dung hợp và vấn đề thể diện của cả hai bên. Thành lập một quốc gia Đông Sơn biệt lập là một không tưởng của phe ly khai, cố tình xoá nhoà dấu vết của một dân tộc thiểu số có văn hoá và lịch sử cũng là một không tưởng thứ hai của những người Việt. Một nhà báo ôn hoà như Davis mà cũng lầm lẫn chỉ trích người Mỹ trong ý muốn phân định vẽ lại bản đồ của quốc gia Việt Nam. Mà tác giả của tấm bản đồ ấy không ai ngoài người Pháp. Bởi vậy chúng ta phải giải quyết vấn đề với không một thành kiến ám ảnh quá khứ nào. Tất cả phải nghiên cứu từ khởi đầu, rồi tôi tự nghĩ tại sao chúng ta không đi tới một hình thức liên bang gồm cả hai quốc gia Đông Sơn và Việt Nam. Anh cũng biết, là người Mỹ để tránh ngộ nhận ở cả hai phía, tôi không thể công khai đưa ý kiến.”

CHƯƠNG MƯỜI HAI

Tôi trở về với ý nghĩa một chuyến đi vô ích. Ông chủ nhiệm cho biết thiên điều tra cao nguyên phải chấm dứt tức khắc. Toà báo gặp nhiều khó khăn không những trên Thông tin mà cả ở cơ quan An ninh. Giấy gọi lên An ninh phải được hiểu là một cảnh cáo nghiêm trọng. “Phá vỡ tình đồng minh và cố tình gây khó khăn cho chánh phủ”. Lời buộc tội thật hàm hồ và sự trừng phạt rất bất định. Với vận mệnh mỏng manh của tờ báo, chúng tôi đang làm một cuộc leo dây đầy nguy hiểm. Đã nhiều lần tôi tự nhủ không thể nín lặng được nữa, nhưng liệu chúng tôi sẽ kêu gào được gì. Sự tồn tại của tờ báo, lẽ sống thiết thực của nhiều người tùy thuộc vào đường lối tôi sẽ chọn lựa. Dù với bản chất nào của hoàn cảnh, chúng tôi cần thiết phải tồn tại. Loạt bài mới khởi đăng đã bị bỏ dở

và tôi nghĩ sẽ còn lâu mới cầm bút trở lại nếu chưa tạo được một không khí. Với tình trạng này không chắc gì tôi sống lâu dài trong nghề báo. Giờ phút này tôi không còn suy nghĩ được một điều gì. Dường như có tiếng động của một cánh cửa bật mở, cô thư ký bước vào cho hay có một ông giáo sư tới kiểm khi tôi vừa rời toà soạn buổi chiều, ông có để lại một danh thiếp. Tôi ngạc nhiên về sự xuất hiện tên của ông Hoàng Thái Trung. “Anh cũng quen biết ông Trung sao?”, Cô thư ký trở ra, vẫn trên khuôn mặt sáng rỡ đó là một tia mắt ranh mãnh giữa khe cửa vừa khép kín. Ông Trung có đọc những số báo vừa rồi, ông chú ý rất nhiều tới vấn đề tôi nêu ra, nhất là khía cạnh chi phối bởi người Mỹ. Ông tiếp, không ngờ chỉ sau một thời gian ngắn mới vào nghề báo, tôi đã nắm vững vấn đề cao nguyên đến như vậy và quan điểm của tôi đưa ra rất đúng đắn. Do đó ông Trung mong có dịp gặp lại tôi để cùng bàn về cái miền Đất Hứa ấy của Việt Nam mà theo ông, sau khi chiến tranh chấm dứt - chiến tranh nào mà chẳng phải chấm dứt, tương lai là ở miền đất hoang vu đó hơn là miền Hậu Giang với những sông cùng rạch. Tôi đọc nhiều lần, cũng với những hàng chữ ấy và mỗi lần đều đem tới cho tôi những cảm xúc mới. Tôi mở ngăn kéo, gài tâm danh thiếp trên một mảnh bìa của tập tài liệu chưa đọc hết một phần ba. Trái với những ý nghĩ mệt mỏi, vẫn những ham

muốn giục già tôi phải viết tiếp trước khi những dữ kiện đó trở nên khô cứng và mất hết ý nghĩa.

Buổi tối có vụ tiễn đưa bác sĩ Ross về Mỹ, Davis ngờ ý muốn mời tôi tới. Sau lần gặp mục sư Denman, vai trò của Ross đối với tôi vẫn là một ám ảnh chập chờn. Có nhiều dư luận rất khác nhau về ông, điều đó càng khiến thân thể của ông ta thêm mù mờ. Chỉ biết dưới bộ mặt trông rất bình thường ấy lại có dính líu tới nhiều âm mưu ghê gớm. Qua Davis, tôi cũng biết rất ít về Ross. Ông thuộc Phái bộ Viện trợ Michigan với chức vụ rõ rệt: giáo sư chánh trị kinh tế tại hai trường đại học Luật khoa Huế và Sài Gòn. Ông nói tiếng Việt sành sỏi, sử dụng danh từ rất chính xác. Ông giao hảo mật thiết với giới trí thức và nhất là các lãnh tụ sinh viên. Ở những năm đầu, ông là một cố vấn thân tín của tổng thống Diệm, nhưng sau vụ biến động, vai trò của ông bị nghi vấn, nhất là mối liên hệ mật thiết của ông với nhiều giới, trong đó không thiếu những người là đối thủ chánh trị của chế độ thời bấy giờ. Không phải chỉ ở phòng Hoạt vụ mà ngay nhiều giới cao cấp Việt Nam cảm thấy một khuấy động ngấm ngấm của nhân viên Phái bộ Michigan, nhất là mối liên hệ lộ liễu tới vụ nổi dậy của một số buôn Thượng. Tất cả lần lượt gặp khó dễ và bị tổng hồi về Mỹ, riêng bác sĩ Ross bị cầm giữ tại công an một thời gian trước khi được thả ra. Ông chỉ vắng bóng cho tới lúc

quân đội đảo chánh và trở lại Việt Nam ngay sau đó. Người ta lại thấy ông xuất hiện trong nhiều cuộc tụ tập của các thế lực phe nhóm mới. Nhiều người am hiểu coi ông như một Đại sứ lưu động của Hoa Thịnh Đốn với nhiều quyền hạn bao quát. Ông không những là bạn thân mà còn rất được sự kính trọng của tướng Thuyết. Bởi vậy ông Tướng đã không do dự thả hết đám sinh viên chớiáng chánh phủ và bài Mỹ khi có lời xin của ông giáo sư Ross. Ông là người Mỹ duy nhất được ngay nhóm sinh viên khuynh tả này chấp nhận là đồng minh của họ. Ông cũng thu phục được rất nhiều cảm tình của Phật giáo bằng những liên minh giúp đỡ họ trong suốt thời kỳ tranh đấu. Davis vẫn gọi đùa bác sĩ Ross là Passe-Partout, ông có thể được coi là đồng minh cùng một lúc hai thế lực đối nghịch mà vẫn không có vẻ gì là mâu thuẫn.

Ở nhà hàng Văn Cảnh vào giờ này những bàn quanh sàn không còn một chỗ trống. Ông giáo sư phải gọi điện thoại giữ chỗ từ buổi chiều. Chỉ còn một bàn và năm chỗ được chừa lại. Nhạc và giọng cười nói tạo thành một âm thanh ồn ào. Sự tiếp đãi đối với chúng tôi thật đặc biệt vì số thực khách. Hơn nữa, viên quản lý Davis rất quen, có lẽ hẳn chỉ đứng tên chứ thực sự đây là một trong những cơ sở kinh tài của ông Tướng. Khách chơi tới đây đủ hạng người, đủ mọi quốc tịch và tuổi tác. Đó là chỗ của những mưu tính bàn bạc về

các áp phe chánh trị, những mưu toan chợ đen về kinh tế. Cách mạng và bán nước đều có thể diễn ra ở đây. Bác sĩ Ross mở đầu câu chuyện. Tuy ngày mai về Mỹ ông tỏ vẻ vẫn quan tâm tới cuộc đập phá của đám sinh viên phát xuất từ trường Y khoa buổi sáng. Cuộc hội thảo khởi đi với một đề tài rất hiển lành: đã đến lúc phải khôi phục vai trò chủ động tất yếu của Việt ngữ trong Đại học. Vấn đề không có gì mới mẻ nhưng nó lại rất hấp dẫn trước đám đông. Những cảm phần và tự ái đều tự do bộc lộ đầy đủ. Sinh viên gay gắt chỉ trích sự ăn đậu ở nhờ của nền Đại học Việt Nam vào một ngoại ngữ. Đã đến lúc Đại học Việt Nam phải của Việt Nam mà biểu dương tất yếu là tiếng Việt, một niềm rung cảm huyền bí vô địch khiến người Việt Nam vững vàng không bị đồng hoá không bị lung lay. Bác sĩ Milton Ross nói với mọi người:

“Ý các anh ra sao, đúng ông Hoàng Thái Trung là một tay cộng sản, đã có nhiều bằng chứng rõ ràng, nhất là vụ sáng nay.”

Số là buổi sáng trong buổi hội thảo, giáo sư Trung được mời lên nói chuyện. Cuộc biểu tình xuống đường bộc phát ngay sau đó, ngoài nội dung chống chánh phủ còn có pha mùi bài Mỹ. Ông Ủy viên Giáo dục cũng nói thêm:

“Cứ xem những bài báo của hẳn, tôi thấy không khác luận điệu của sách báo xuất bản ở Hà Nội, nhiều người biết rõ ông Trung đều đồng ý với tôi như vậy.”

Tuy là người Mỹ, Ross vẫn nói được tiếng Pháp lưu loát:

“Ngòi bút của ông ấy cũng không đáng sợ nhưng nó có tác dụng ngay khi ném trước một đám đông.”

Ông Ủy viên Ngoại giao một đối thủ rất ngán ông Trung, tuy không có thái độ trực tiếp, ông chỉ nói lên một sự kiện:

“Ông Trung có một người anh là cán bộ cộng sản cao cấp ở ngoài Bắc hiện còn sống.”

Ross cũng tái xác nhận:

“Có, tôi cũng được nghe nói như vậy trong dư luận giáo sư Đại học Huế, cả ông Tướng nữa.”

Ông Ủy viên Giáo dục phụ họa:

“Cứ giả thiết ông Trung là người quốc gia đi, người ta cũng ngạc nhiên khi thấy ông chỉ có một luận điệu bài Mỹ và bôi nhọ chủ nghĩa quốc gia. Cũng với ngòi bút sắc bén và nhiều cay chua đó, người ta đã ngạc nhiên không thấy ông đụng tới cộng sản. Cả những người thân muốn bênh vực ông cũng cạn lẽ ở chỗ đó.”

Tôi cười bảo ông Trung là người Thiên chúa giáo. Bác sĩ Ross tỏ vẻ am hiểu nói trong giới công giáo cũng có thái độ phủ nhận và chối bỏ, coi ông Trung như một kẻ ngoại đạo hoặc hơn nữa một kẻ phản giáo. Ross còn nói thêm:

“Chính cái vỏ Thiên chúa giáo bảo vệ cho ông ta đi trên một con đường có an ninh như vậy.”

Giữa tôi và ông Trung không hề có một liên

minh thân thiết nhưng lên án một người vắng mặt, tôi thấy cần một tiếng nói bào chữa:

“Giới trẻ nhất là sinh viên vẫn coi ông Trung như một phần tử công giáo tiến bộ.”

Ông Giáo dục thì vẫn bảo hoàng hơn vua:

“Không có gì bào chữa được cho hành vi ông Trung đã làm lợi cho cộng sản.”

Riêng ông Ngoại giao vốn nhiều nham hiểm nên vẫn tươi cười xuống giọng mỉa mai nói với Ross:

“Ông thấy không, đó là một điểm không mạnh của chế độ dân chủ mà người Mỹ các ông đang muốn thực tâm đi tới ở xứ này.”

Không bao giờ thẳng thắn buộc tội nhưng bằng một ngôn ngữ ngoại giao, tôi hiểu rằng ông đang hạ ngã ông Trung như người ta đập đầu một con rắn. Giáo sư quay sang bảo tôi là chánh phủ này chắc không thọ và có lẽ ông Ngoại giao sẽ đi làm Đại sứ ở Mỹ. Với phong trào phản chiến của giới trí thức Mỹ đang lên cao, phải cần một nhà ngoại giao hoạt bát như ông. Ông Đại sứ hiện giờ rất được nhưng phải cái hăng hái quá mức, bênh người Mỹ tới độ chúng tôi phải đỏ mặt. Ross đã có nhận định như vậy. Chính bác sĩ Ross đã nói trắng ra với nhiều người là:

“Có một bí quyết đãi khách mà chính các ông không biết là chỉ có thể đi lâu dài với người Mỹ bằng một bề ngoài chống Mỹ. Tôi rất thông cảm với những khó khăn của các ông nên không hề khó chịu trên các tiểu tiết đó.”

Những món ăn đặt sẵn được nghi ngút bung ra. Ross từ chối uống rượu mạnh, một chút bia 33 đủ khiến da mặt bác sĩ đỏ kè. Giọng Ross trở lại khô hài:

“Hành lý về Mỹ của tôi chỉ là những két bia này, ngoài ra tôi chẳng còn đem theo gì.”

Bàn tay to lớn và lông lá của bác sĩ Ross nâng một ly bia vại, uống một hơi đến cạn. Bọt trắng còn điểm một bên ria mép. Ông Ngoại giao cũng vui vẻ cười đùa:

“Cái gì cũng chỉ là thói quen, tôi thì không chịu được thuốc lá Mỹ, khi đi ra ngoài tôi vẫn phải mang theo cho được ít bao Bastos xanh.”

Tôi nghĩ đó là sắc thái Mỹ đầu tiên mà ông Ngoại giao không thích ứng được. Câu chuyện giữa bữa ăn cứ theo một đà băng quơ như vậy. Tôi hỏi ông Ngoại giao về tin tướng Thuyết có thể bị thay thế. Ông xác định tin đó và bảo đó có thể là bước đầu để Sài Gòn tập trung lại quyền hành. Cái lý do trước đây khiến người ta phải nhờ ông vì cũng là người Trung dòng dõi hoàng tộc và là một Phật tử. Chỉ ông Thuyết mới có gan dẹp đám sinh viên và Phật tử khuynh tả ở ngoài đó. Nhưng đó cũng chỉ là thâm ý muốn dùng tay Phật giáo để loại ông nếu thất bại và trung ương thì cho rằng ông có rất nhiều triển vọng thất bại. Là một võ tướng mà tâm hồn lúc nào cũng bị ám ảnh bởi vai trò của một người hùng, ông Thuyết chấp nhận đề nghị chuyển ra ngoài đó.

Và chánh sách cao nguyên của chánh phủ cũng có những thay đổi lớn sau đó. Đề cập đến đám sinh viên đang gây rối ở Huế, ông Ngoại giao bảo đó là một bọn bất trị, chỉ có cách bắt đi lính hết mới hy vọng êm.

“Ai chứ ông Thuyết thì chưa có gì là không dám.”

Ông Giáo dục có vẻ ưu tư về vấn đề này, ông cất giọng nghiêm trang phân tích:

“Tôi cho rằng sau Cách mạng, lực lượng thanh niên sinh viên như một thác nước vỡ bờ, không còn một sức mạnh nào ngăn cản tụt nó. Tất cả sinh hoạt của thanh niên trống rỗng, sẵn máu hăng say lại dễ bị ảnh hưởng, nhất là có cộng sản giật dây xui khiến, theo tôi những rối loạn khó khăn vừa qua là bởi chỗ đó. Hạ ngã ông Diệm, tụt nó tụt coi như những công thần cách mạng, nóng nảy và kiêu căng. Muốn ổn định không khí chánh trị phải có cách làm bận rộn tụt nó. Cứ để ý mà coi, biểu tình hội thảo chỉ diễn ra sôi nổi ở những đầu niên học, cuối năm túi bụi học thi các cậu buông xuôi hết. Bốn phận chánh quyền bây giờ là làm bận rộn chúng nó ngay trong những sinh hoạt xã hội học đường. Nhưng trở ngại chính vẫn là thiếu một ngân sách.”

Bác sĩ Ross tỏ ra đã am hiểu vấn đề, ông hùng khởi nói:

“Chính tụt nó cũng đang đề cao phong trào

đi về nông thôn, chúng ta có thể xử dụng ngay trên chiêu bài đó.”

Nhưng ông Giáo dục vẫn một giọng ta thán:

“Với ngân quỹ giáo dục bốn phần trăm tôi không thể làm thế nào hơn.”

Bác sĩ Ross trấn an:

“Ông Ủy viên khỏi lo, ngân sách ngoại viện có thể bù vào chỗ đó, điều cốt yếu là sáng kiến phải khởi đầu từ chánh phủ Việt Nam.”

Ông Ngoại giao thì vội can gián:

“Những gì mang nhãn hiệu chánh quyền đều có thể gây thành kiến nghi ngờ. Hoạt động thanh niên hay nhất là hình thành ngay trong giới tụi nó. Ít ra trên hình thức cũng phải như vậy.”

Bác sĩ Ross còn tỏ ra chu đáo hơn:

“Ông nói phải lắm, vấn đề tâm lý là một trở ngại lớn lao, ngay cả về ngân khoản tôi cũng tìm cách để tới tay tụi họ như sự trợ giúp vô tư của giới tư nhân Mỹ. Cái mà tụi nó vẫn ngại là có một hậu ý chánh trị.”

Ông Ngoại giao tỏ vẻ lạc quan:

“Các cậu cứ lớn mồm chửi rửa tham nhũng trong chánh quyền, bây giờ cứ giao vào tay cho bạc triệu thì các lãnh tụ đó sớm muộn rồi cũng lại “brûlé” hết.”

Bác sĩ Ross vẫn tỏ vẻ sốt sắng:

“Ông Ủy viên Giáo dục đã có ý kiến khởi đầu thế nào chưa? Ở Sài Gòn, Đà Lạt và cả Huế, tôi cũng quen một số lãnh tụ sinh viên, tôi có thể bảo họ tới giúp ông.”

“Công việc còn nhiều chi tiết phải giải quyết, chắc chắn là tôi còn phải gặp bác sĩ nhiều lần.”

“Tôi về Mỹ sáu tháng chỉ để nghỉ hè, Ross nói. Nhưng tôi vẫn có thể có mặt bất cứ lúc nào ở bên này. Có cần gì ông Ủy viên cứ cho tôi hay, tôi sẽ cố sức trong phạm vi có thể được của mình.”

Ông Giáo dục thì trước sau vẫn còn băn khoăn:

“Ở Sài Gòn có thể, nhưng trở về các Vùng, quyền của tôi rất giới hạn bởi mấy ông Tướng.”

“Được mà, ông Ủy viên khỏi lo, tôi rất thân với mấy ông Tướng. Tôi hiểu cái ngại của ông Ủy viên là ở Huế, tôi thì lại cho đó là ở Sài Gòn. Tôi bảo đảm trước với ông sự thành tựu ở ngoài đó.”

Những tiếng cười nói ồn ào từ các bàn xung quanh khiến câu chuyện không thể tiếp tục. Đến giờ này những màn Show cũng sắp bắt đầu. Đèn tắt hết giữa những tràng pháo tay cuồng nhiệt. Dưới một chùm sáng, người con gái uyển chuyển bước vào với chiếc áo choàng màu đỏ gắt. Rất chậm, tự nhiên và hiệu quả, mỗi phần thân thể được bóc ra như một ngó sen, đó là vẻ đẹp tuyệt mỹ của một bức tượng, lôi cuốn những cái nhìn đàn ông quẩn quýt và nóng bỏng thêm khát. Sự điều luyện trong từng cử chỉ thôi thúc mạnh mẽ những ý nghĩ ham muốn. Tiếng nhạc giật làm nhịp cho một thân thể khiêu khích trần truồng giữa một vùng đỏ gắt gao như đang bốc cháy. Tiếng dậm chân đập bàn ồn ào của những

người lính. Có lẽ họ từ các mặt trận mới trở về, sau những phút chết chóc họ đang được lay tỉnh. Chỉ có đàn bà và những dục vọng xác thịt mới kéo nổi họ trở lại đời sống.

CHƯƠNG MƯỜI BA

Khi hậu Sài Gòn như sẵn sàng cho một cuộc đảo chánh, bởi vậy chánh phủ quyết định giảm mọi nghi lễ trong ngày quốc khánh, cấm chỉ mọi sự đôn quân và các tư lệnh sẽ ở nguyên vùng của mình. Hình như mọi e ngại nhắm vào cá nhân tướng Thuyết ở miền Trung với một số lực lượng xung kích sẵn sàng theo ông. Còn tướng Trị thì mất đi một dịp trình diễn cưỡi voi dẫn đầu đám lính Thượng rục rờ với y phục cổ truyền và giáo mác tuần hành trên đường phố Sài Gòn. Giữa một không khí sôi bỏng như thế, thảm kịch Dakto nóng bỏng với ngót sáu trăm xác chết hết còn vẻ quan trọng trừ những thành phần có dính dấp liên can tới nó, trong số này phải kể tới tướng Thuyết. Ông nhà văn cố vấn tướng Thuyết vào Sài Gòn gặp tôi. Ông cho biết ông Tướng rất quan tâm tới

những diễn tiến mới đây trên cao nguyên, ông tỏ vẻ căm phẫn về những khúc mắc bí ẩn đằng sau tấn thảm kịch. Ông Tướng vẫn đặt cho mình những trách nhiệm với đám người Thượng đã hứa trung thành với ông và dù phải ở xa, ông cũng muốn đích thân nghĩ và săn sóc tới đời sống của họ. Nhà văn nói:

“Ông Tướng có vẻ mến ngôi bút của anh lắm, phải chi anh có thể ra làm một tờ báo ở ngoài đó và quy tụ thêm anh em.”

Ông Trung cũng muốn tôi ra Huế gây dựng lại một tờ báo và chắc là chủ đích thì khác xa với tướng Thuyết. Nếu tôi và Như Nguyễn chấp nhận ra Huế thì chắc chắn không phải vì hứa hẹn hợp tác với cả hai. Ra đó có ý nghĩa là rửa tay gác kiếm và hy vọng về trở lại. Đột ngột nhà văn hỏi tôi về nhà sư Pháp Viên:

“Anh đã gặp lại ông ta chưa, nếu có thể anh sắp đặt cho tôi một cuộc gặp gỡ tay ba có lẽ tiện hơn. Chắc anh cũng biết tôi vào Sài Gòn chuyến này là với tư cách sứ giả của tướng Thuyết.”

Nhà văn cho biết tuy phong trào đấu tranh bị đè bẹp nhưng vẫn còn nhiều sức đối kháng âm ỉ trong quần chúng Phật giáo. Đó là hình ảnh một lớp tro tàn phủ trên chậu than hồng mà tướng Thuyết phải ngồi lên. Ông Tướng sẽ chẳng thể làm được gì nếu không có sự hậu thuẫn đồng tình của nhà sư. Thì ra chuyến đi của nhà văn không ngoài mục đích đem về cho ông Tướng sự ủng hộ tinh thần đó.

“Nhưng ông Tướng sẽ trả lời ra sao về hành động nặng tay với các đệ tử của nhà sư?”

Suy ngẫm một lát, nhà văn cất giọng chậm rãi đáp:

“Phải nhận là chuyến này Phật giáo đã quá đà, thế kệt của ông Tướng là không thể chống lại đường lối của trung ương. Và lại nếu không có sự nhân nhượng của ông Tướng phong trào tranh đấu đã không thể kéo dài đến như vậy và chắc thầy cũng thừa biết là mọi kế hoạch phản công thực sự là công trình của viên đại tá chỉ huy Tổng cục An ninh, thành phần chánh của lực lượng xung kích đó là đám Cảnh sát Dã chiến.”

Tôi hiểu rằng với một người nhiều nguyên tắc như nhà sư Pháp Viên khó mà chấp nhận thoả hiệp ngay như đó là với tướng Thuyết. Chỉ còn một hy vọng cuối cùng là sau chuyến tranh đấu thất bại, nhà sư sẽ lại mềm dẻo để thích ứng với tình thế. Ở những ngày lả dối cuối cùng, chính ông trở nên sáng suốt và thấy rõ sự kiệt quệ trong quần chúng. Họ vẫn kính trọng ông đồng thời cảm thấy mỗi mệt để tiếp tục dấn thân vào cuộc tranh đấu. Họ chỉ còn đủ sức tới để vái lạy ông như một vị thánh cùng những lời van vi cầu nguyện cho ông sống để đừng bỏ rơi họ. Đến nỗi có người cho ông là tàn nhẫn có thể bỏ rơi Phật tử nhưng không bao giờ xa rời mục tiêu cuộc tranh đấu. Một câu hỏi đột ngột của nhà văn khiến ý nghĩ tôi bỗng đứt quãng:

“Anh nghĩ sao mà lại ra Huế làm việc với ông Trung? Đã có nhiều bằng có ông Trung liên lạc với cộng sản, bằng chứng hiện nằm trong tay ông Tướng.”

Đó chẳng phải là một khám phá mới lạ. Tôi đã từng nghe điều này từ miệng ông Ủy viên Ngoại giao và cả bác sĩ Ross. Tôi vẫn tin tưởng vào mối liên hệ với ông Trung và tự nghĩ không có điều gì phải duyệt xét lại. Và lại chuyển ra Huế của tôi có mục đích rất khác. Tôi nói:

“Nếu tôi muốn tiếp tục làm báo thì chẳng cần phải lặn lội ra mãi ngoài đó, tôi đã nhận dạy trường Mỹ Thuật và sẽ dùng số thì giờ còn lại để vẽ. Cô bạn gái của tôi ca tụng cảnh Vĩ Dạ không tiếc lời và tôi cũng muốn sống ở đó. Để tìm không khí có thể vẽ trở lại, sự tĩnh lặng đối với tôi là cần thiết.”

Nhà văn nhìn tôi bằng con mắt khác lạ, giọng hài hước:

“Vĩ Dạ trầm lặng có rồi đó nhưng sống bên sự nổi tiếng như cô ấy không chắc họa sĩ được yên.”

Nguyễn tuy ít sống ở Huế nhưng đúng như ông nhà văn nói là cả thành phố biết tai tiếng của nàng. Lần nào cũng vậy, tôi cảm thấy khó chịu khi người nào khác nhắc tới Nguyễn và nghĩ rằng dư luận khắc nghiệt đã xích tôi gần lại với nàng. Chừng như đọc được ý nghĩ đó nơi tôi, nhà văn lánh sang một chuyện khác, ông kể

cho tôi nghe chuyện giải thưởng văn chương ở ngoài đó:

“Thiện chí chánh quyền đã có rồi đó nhưng lại phải xét tới tài năng của nghệ sĩ. Một triệu bạc bỏ ra không phải để phát cho mớ truyền đơn chống cộng mà chẳng có một giá trị văn chương nào. Theo tôi trước khi nói tới mục đích phải có sự chuyên chở gây được sự chú ý đó là nghệ thuật văn chương.”

“Cấp thời đòi hỏi phải có cả hai là điều quá sức của nghệ sĩ.”

Như không cảm thấy sự mỉa mai của câu nói, nhà văn vẫn giữ một giọng bày tỏ nghiêm trọng:

“Anh thấy không, bao nhiêu chất liệu để hình thành những tác phẩm lớn. Nó không phải chỉ giới hạn ở Việt Nam mà là cả một bi kịch của tương lai nhân loại. Nhiều lúc tôi hoài nghi tự hỏi phải chăng cũng như vóc dáng người mình thấp nhỏ không đủ sức để xây dựng những công trình lớn.”

“Thảm kịch Âu châu chỉ đem lại cho nhân loại những tác phẩm lớn ở các các năm sau thế chiến.”

Như tìm được một cơ giải thoát, nhà văn triển khai thêm niềm tin của mình:

“Tôi cũng hy vọng như vậy, phải cần thời gian cho mọi sự kiện lắng xuống. Nhà văn không thể sáng tác trong tình cảnh bị lôi cuốn như hiện tại.”

Lần nào cũng vậy, câu chuyện gặp gỡ với nhà văn đều mở ra những chân trời mù tăm bát ngát. Phải nhận là ở tuổi ông, giọng nói như vậy còn mang nhiều vẻ quyến rũ nhất là với lớp người trẻ. Nhà văn mời tôi đi ăn cùng với ông giáo sư nhưng vì đã có hẹn với Nguyễn nên tôi phải từ chối. Tôi cũng hứa với ông nếu không trở ngại tôi sẽ thu xếp cuộc gặp gỡ nhà sư Pháp Viên trong hoàn cảnh có thể được của mình.

Rồi bỗng có tin từ ngoài Trung, tướng Thuyết đã mạnh tay với sinh viên và Phật giáo ở Huế, cùng một lúc nhà sư Pháp Viên phải chịu biện pháp bảo vệ của Sài Gòn. Tôi tới gặp nhà sư trong hoàn cảnh đó và thực hiện được cuộc phỏng vấn năm ngàn chữ mà theo ông chủ nhiệm đó là một kỳ công của một ký giả không chuyên nghiệp như tôi. Không giống những phát biểu với đám ký giả ngoại quốc, đây là lần đầu tiên một người kín tiếng như nhà sư chấp nhận một bày tỏ thái độ rõ ràng đối với cộng sản. Ông có vẻ một chiến sĩ cách mạng với những lý lẽ tất thắng trong cuộc tranh đấu của mình. Cuộc chiến đấu sẽ còn dang dai vì ông cho rằng thiếu coup kết thúc ở Sài Gòn. Điều trông đợi vẫn không xảy ra và sự quá đà của cuộc chống đối đã dẫn tới một chiến trường hoang mang và cả một hậu phương mỗi mết. Sài Gòn vẫn bình thản ngoài những cuộc biểu tình dật dây của đàn bà trẻ con, được coi như một trò chơi lớn. Thêm vào đó nội

bộ Phật giáo đã có những dấu hiệu tương tranh chia rẽ. Tôi chấp thuận cho Davis được ưu tiên xử dụng bài phỏng vấn. Đó là cách thể duy nhất để những dòng chữ viết ra được xuất hiện một cách nguyên vẹn không bị Thông tin kiểm duyệt và dập xoá tan nát. Davis mời tôi duyệt lại bản dịch trước khi gửi trực tiếp bằng hệ thống viễn ký về Mỹ. Đó là một ngày thứ Sáu, giờ Sài Gòn buổi chiều và bây giờ đang là buổi sáng ở thủ đô Mỹ quốc. Nếu không phải nghề báo thì còn quá sớm để trở dậy bắt tay vào bất cứ một công việc gì. Chúng tôi ngồi hút thuốc lơ đãng ngắm những bức tranh và chờ đợi chiếc máy nuốt nốt cuộn băng gồm những mẫu tin điện phải gửi về trước. Chiếc máy thẩm đen như im ngủ với chấm đèn đỏ hiu hắt. Âm thanh của dòng điện cộng hưởng nghe thoảng xa như những tiếng sóng vỗ vào một bãi biển im gió. Nơi gần cửa sổ, dưới một chụp đèn vàng ấm, người chuyên viên viễn ký đang bấm nốt những dòng chữ cuối cùng của bài phỏng vấn trên một băng giấy nhà quán quýt xuống mặt nền. Từ một khung kính nhìn xuống, bên kia đường khách sạn Caravelle vẫn sáng trưng rực rỡ, đường Tự Do đã vắng khách ngoại quốc qua lại, có lẽ vì tình trạng bất an của Sài Gòn. Lại có chuông điện thoại reo vang, người ta cho biết tin về diễn biến của một cuộc biểu tình lớn. Tôi lại vội vã xuống đường giữa đám xe cộ dồn chạy hỗn loạn trên khắp các ngã phố.

Các nhà hàng đóng kín cửa, khách bộ hành thì nhao nhác. Suốt từ bùng binh tới công trường, hàng chục xe vận tải lớn đầy nhóc lính trang bị đầy đủ vũ khí mũ sắt và áo giáp. Cạnh đó những xe cứu hoả xịt nước cay, các xe Jeep cảnh sát, cả xe sao trắng của quân cảnh Mỹ. Không khí đe dọa đàn áp ngột ngạt như những ngày tháng Tám. Đám biểu tình không quá một trăm người gồm trẻ con và đàn bà đi chân không, áo quần ướt đẫm, gạch đá và gậy gộc. Một số trang bị các túi ni lông chống hơi cay. Tất cả chẳng biết sợ là gì hăm hăm tiến tới. Tiếng kêu thét vang vang, các biểu ngữ kênh cang đầy những kêu đòi và ép buộc. Cả một vùng tiếng động rối loạn, ở đó mọi tự do được phóng thả. Các phóng viên và đám người tò mò đông đảo bọc quanh thành một vòng đai kín. Sóng người bắt đầu bị ngăn chặn nơi một ngã tư, cũng ở đó bắt đầu một trận mưa gạch đá tấn công vào đám cảnh sát, tất cả đều bỏ chạy không một phản ứng. Đám đông lại tiến tới, chiến thắng bốc men. Những khẩu hiệu căng gió làm lung lay mấy thân thể không đủ sức đứng vững. Lại có thêm một mục tiêu trước mắt, chiếc xe Jeep sao trắng tro tro nằm đó. Đám trẻ nhỏ ủa xúm lại, nhiều cánh tay yếu vẫn đủ sức vật ngã khối sắt, bình xăng bị bắt lửa và bốc cháy. Ngọn lửa rất nóng bốc cao giữa những tròng mắt đỏ và tiếng la hét. Tiếng còi hú hồi hả từ xa dẫn tới những chiếc xe đầy áp

lính với đủ khiên, lựu đạn cay và kèn cồng mặt nạ. Những trái cay được tung thả vào đám đông, đào rạt từng khoảng trống. Máy phóng viên Mỹ ôm máy say ngã lão đảo. Một đứa trẻ chui lọt qua khe chân đám cảnh sát, vỗ ôm một trái khời chưa kịp ném trả đã gục xuống. Đám đông bị lửa rạt vào trong những ngõ hẻm. Vòi rồng xịt nước tung tóe trên chiếc xe vẫn bốc cháy. Trên mặt nhựa trải rộng, chỉ còn những người lính, vài phóng viên mắt xung cay và ngổn ngang những rác rưởi gạch đá. Lại vọng từ xa tiếng còi hú, đám biểu tình đã lại lưu động tới một nơi khác. Hơn một trăm chiến sĩ nhỏ tuổi đủ tạo cảnh hỗn loạn khắp thành phố. Thêm một khuôn mặt mới của chiến tranh, quá mới với tầm hiểu biết của Davis. Trên khắp các ngã đường nơi có đám biểu tình đi qua, những đồng rác lớn vẫn hùng hực bốc cháy và trên không vẫn buốt óc tiếng của những động cơ phản lực bay sát.

Trở về nhà thương với ràn rụa nước mắt, tôi gặp Davis ở đó. Anh bị một viên đá cửa rách trán, hai mắt còn húp đỏ. Davis nhờ tôi mượn điện thoại để cho tin về toà báo. Rồi phòng điện thoại, Davis có vẻ mệt thực sự. Tôi chợt thấy anh không giống các nhà báo ngoại quốc khác: một đám đông đảo mà đa số còn rất trẻ, nóng nảy và hiếu động, họ sống thừa thãi sung túc trong một Sài Gòn không có bóng dáng của chiến tranh. Ở Davis thiếu hẳn cái đặc tính nào

nhật đó, anh sống rất riêng biệt và trầm tĩnh. Bạn hữu người Mỹ bảo anh trông giống một cây trúc. Qua hai vòng cầu thang, chúng tôi bước vào một căn phòng xinh xắn. Davis buông cả sức nặng xuống nệm, quay sang hỏi tôi giọng trầm đượm buồn rầu:

“Theo anh thì người Mỹ phải làm gì nữa ở đây?”

Chưa đợi câu trả lời, Davis nói thêm giọng mệt nản:

“Người Mỹ có thể đổ máu trên cao nguyên trong đồng lầy để đánh bại cộng sản và tạo những chiến thắng nhưng họ đành bó tay chứng kiến thất bại liên tiếp trong các thành phố. Chi cần ít đàn bà và đám thiếu niên tay không cũng đủ làm đổ một chánh phủ, làm tê liệt mọi hoạt lực và gây khốn đốn cho cả nước Mỹ.”

“Hình như anh chỉ quan tâm tới thắng bại của người Mỹ, với dân chúng ở đây vấn đề không phải vậy. Họ không muốn thấy Việt Nam là bãi chiến trường và chính lúc này họ băn khoăn tự hỏi phải làm gì cho tương lai và sự tồn tại của đất nước.”

Vẫn bằng một giọng cay đắng Davis tiếp:

“Với những người lính Mỹ phải sống trong rừng rú, tham dự các trận chiến sinh tử, đã từng bị thương tích, đã chứng kiến tận mắt các đồng đội mình ngã xuống, họ sẽ nghĩ gì khi họ đặt chân về thành phố để bị ném đá, chứng kiến những khẩu hiệu xua đuổi họ về nước.”

Câu chuyện khiến tôi mỉm cười, tôi muốn bảo với Davis tuy anh sống ở đây hàng chục năm anh cũng chẳng hiểu gì hơn về người Việt. Tôi nói:

“Có vài người Mỹ cảm phần bảo chúng tôi là những kẻ vong ơn. Các anh chỉ biết nhìn chống Mỹ là bài Mỹ thế thôi: vấn đề không phải vậy. Đối với người trí thức Việt Nam thì cuộc chiến tranh tại đây tự trong bản thân nó mang tất cả sức nặng của một vấn đề quốc tế, một cuộc phiêu lưu thí nghiệm đầy nguy hiểm và dĩ nhiên không phải bằng hoả lực mà người ta tìm ra lối thoát. Mỗi bế tắc chính là cơn mê giáo điều có từ lâu giữa hai phía, đã đến lúc họ phải ý thức được rằng chiến tranh có thể đốt cháy tất cả, kể cả tương lai và mơ ước của cả một dân tộc. Bởi vậy họ phải tìm cách tỉnh dậy và thoát ra. Còn đối với đám đàn bà trẻ em kia, họ mang hình ảnh của tuyệt vọng và kiệt sức sau hai mươi năm. Họ đòi cho bằng được bất cứ cái gì ngoài thảm họa chiến tranh và sự chết chóc. Họ kéo nhau xuống đường tranh đấu la hét bằng tất cả năng-lực-tuyệt-vọng của họ, sức mạnh đó anh phải hiểu là thế nào. Một nhà văn lớn Việt Nam gọi họ là những mảnh bom mảnh đạn vương vãi trong chiến trận, mà đã nhu vậy thì không có sự vong ân và biết ơn, có phải không anh.”

Davis vẫn yên lặng, anh có vẻ thực sự quan tâm tới phức tạp của vấn đề. Tôi nói tiếp:

“Không phải tất cả người Việt đều lên án Mỹ

nhưng dấu vết ngoại nhân mỗi ngày một hẳn rõ trên dải đất quê hương khiến họ phải đau lòng, với họ một tên Việt cộng ngả xuống là một người Việt Nam đã chết đi. Người ta cố bảo đây là một cuộc xâm lăng nhưng bản chất chính là một cuộc nội chiến. Bởi vậy những người Việt thức tỉnh, vấn đề không phải là chọn lựa mà chính làm sao có được một ngõ thoát.”

Davis như bù đầu trước vấn đề rối rắm, anh nhún vai đi về phía cửa sổ:

“Tôi vẫn được coi là một chuyên viên về Việt Nam, thực sự đến lúc này tôi chẳng hiểu ra sao cả.”

Cả hai chúng tôi đều thực sự mệt mỏi. Vấn đề gì mở ra cũng không có một tương lai. Khi đi về phía bàn, Davis gọi tôi và có vẻ ngạc nhiên thích thú:

“Anh còn giữ lại được tấm hình này sao, chính do tay tôi chụp từ ba năm trước.”

Tôi lắc đầu bảo đây là văn phòng của một người bạn làm việc trong bệnh viện. Hắn là một Phật tử thuần thành hằng hái tham gia phong trào đấu tranh 63 nhưng sau đó hắn trở lại đời sống sinh viên thuần túy và không mấy ưa các thầy tu bây giờ.

Đăm chiêu nhìn bức ảnh, Davis bảo lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng anh chấp nhận chứng kiến một cảnh tự vẫn có sắp đặt như vậy. Tôi bảo hình như có một nhầm lẫn nào đó nơi các nhà báo Tây phương khi gọi các vụ tự thiêu

là suicide, hiểu theo triết lý Phật giáo ý nghĩa không phải thế. Davis xuống giọng bảo:

“Tôi cũng được nghe nói như vậy vào đầu năm nay khi cuốn sách của tôi vừa xuất bản tại Mỹ. Tôi cũng nhận được thư của ông Giác Nghiệp, một nhà sư trẻ Việt Nam, môn đệ xuất sắc của thầy Pháp Viên, từng theo học ở Yale. Ông tỏ ý phản đối chữ suicide trong phần tôi mô tả vụ tự thiêu của nhà sư. Theo ông, tự thiêu không phải là tự vẫn, lại càng không phải một thái độ nguyên rủa phản kháng. Tự vẫn là trốn chạy hèn nhát trong khi tự thiêu cần tới một quyết định đương đầu can đảm, hơn nữa theo quan điểm nhà Phật, đời sống không chỉ giới hạn trong sự tồn tại của nhục thể... Thú thật với anh, tôi không thể nào hiểu được và chấp nhận những lý luận vừa mới mẻ và xa lạ đến như vậy. Tôi là người Thiên chúa giáo tuy rất ít đi nhà thờ nhưng tin tưởng một cách sâu xa, với tôi tín ngưỡng là nơi những niềm tin, ở đó không hề có những giải thích của con người về ý muốn Thượng đế.”

Davis sống ở Việt Nam nhiều năm, rất được tín nhiệm về các vấn đề Á châu nhưng anh thật sự nổi tiếng vào thời kỳ tranh đấu Phật giáo, cũng giai đoạn đó đem lại cho anh giải Pulitzer về báo chí. Ánh mắt sống trong hồi tưởng, Davis tâm sự với tôi:

“Từ một tháng trước tôi đã nghe đồn kể

hoạch tự thiêu của hai nhà sư tranh đấu cho năm nguyện vọng Phật giáo nhưng rồi câu chuyện cũng quên đi. Bỗng nhiên một buổi sáng tôi nhận được một coup điện thoại đặc biệt của nhà sư trẻ Giác Nghiệp, đó là cả một cơ hội vinh dự cho nhà báo và dĩ nhiên tôi nổi tiếng bằng vụ này. Những hình tôi chụp xuất hiện trên khắp báo chương thế giới và gây nhiều xúc động: cũng từ bức hình đó, báo Mỹ xúm lại chỉ trích chánh sách của tổng thống, các quốc gia Phật giáo nổi giận phản đối Hoa Kỳ, còn Trung cộng thì phổ biến khắp Á Phi và Nam Mỹ hàng triệu tấm để tuyên truyền cái mà họ gọi là vụ tự thiêu chống đế quốc Mỹ. Nhưng thủ thật với anh là sau phút vinh quang đó đã để lại trên lương tâm tôi nhiều ân hận. Những vụ tự thiêu tiếp theo tôi cũng được báo trước và đều tự ý vắng mặt. Điều đó đã gây ngạc nhiên cho nhiều người nhất là với các đồng nghiệp nhưng ở trường hợp này tôi không có chọn lựa.”

Đôi mắt nâu xanh như chìm đắm. Chỉ có giọng nói của Davis và đêm im vắng:

“Cho đến bây giờ tôi vẫn nhớ rõ và xúc động tới rơi lệ: một nhà sư với khuôn mặt thật đạo hạnh, trông ông như một vị Phật sống, không phải ngồi trên toà sen mà là giữa ngọn lửa hồng vây kín cả thân thể. Khuôn mặt nhà sư khô co lại vì sức nóng nhưng điều kỳ lạ là ông vẫn ngồi yên bất động trong ngọn lửa đỏ,

còn mọi người có mặt thì khóc xướt mướt và kêu la kinh hoàng.”

Bây giờ vào quá nửa đêm. Sự im lặng thật khác thường, vắng mọi tiếng xe, vắng cả tiếng đại bác. Ngoài phòng chuông điện thoại lại réo vang, bên đầu dây người y sĩ cảnh sát cho biết có một đám biểu tình bất chấp giờ giới nghiêm đang tiến về đài phát thanh và quân đội được lệnh phải đàn áp. Chưa biết những gì sẽ xảy ra cho đêm nay, chúng tôi thấy cần có mặt ở đó. Lại một đêm không ngủ bước sang tuần lễ thứ hai với gạch đá khói lựu đạn cay và đầm đìa nước mắt.

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

Đài BBC loan tin một cuộc đảo chánh
thầm lặng không đổ máu vừa diễn ra
ở Sài Gòn do tướng Thuyết từ ngoài Trung vào
cầm đầu. Ông và mấy tướng trẻ sau đó tới toà
Đại sứ Mỹ để giải thích những lý do mà ông gọi
là chính lý cục bộ để gây lại sức mạnh trong
quân đội. Sài Gòn mang khuôn mặt bình thường
và không còn những cuộc biểu tình bỏ túi của
trẻ con được coi như một trò chơi lớn. Và buổi
tối trên đài phát thanh quốc gia, tướng Thuyết
đã lại lên tiếng bằng bài diễn văn tuyệt hảo nói
về hy vọng buổi bình minh của cách mạng đã
ló dạng. Nhà văn cũng theo chân tướng Thuyết
hấp tấp trở vào Sài Gòn. Khi gặp lại tôi, ông có
vẻ thanh minh cho những khó khăn của tướng
Thuyết ở ngoài đó lúc phải chọn lựa sự quyết
liệt đối với phe tranh đấu. Riêng đối với nhà sư,

có lẽ hiểu rằng chỉ có sống mới tiếp tục được cuộc tranh đấu nên nhà sư Pháp Viên vừa chấm dứt cuộc tuyệt thực vô vọng kéo dài ròng rã nhiều ngày. Trở về chùa, ông chỉ còn là một bộ xương với những kinh nghiệm chua xót của một thời kỳ tranh đấu. Và đây cũng là lần đầu tiên kể từ sau cách mạng, một chánh phủ đã chiến thắng Phật giáo. Có một điều nữa mà nhà sư Pháp Viên không ngờ tới là sự phân hoá rõ rệt ở trong hàng ngũ ông ở những giờ phút chót và sự thiếu vô tư của toà Đại sứ Mỹ. Khởi đầu từ những tư tưởng nhờ cậy bắt nguồn từ ngày cách mạng, ông bắt đầu thất vọng về người Mỹ. Từ ngày trở về chùa, ông rút mình vào bóng tối và từ chối mọi tiếp xúc nhất là với đám nhà báo. Còn hàng ngũ tướng lãnh ở cuộc chinh lý này, sau chuyển đoàn kết nhất trí hạ ngã những mũi dùi chống đối của Phật giáo, đã lại có dấu hiệu tương tranh rạn nứt.

Buổi sáng có cuộc họp báo của Hội đồng tướng lãnh trong Tổng tham mưu dưới quyền chủ toạ của tướng Thuyết. Nội dung cũng chẳng có gì mới lạ ngoài những điều ông đã lên tiếng trên đài phát thanh hôm qua. Sau buổi ra mắt chính thức của các tướng lãnh, tôi có dịp gặp lại tướng Trị ở đó. Câu nói xã giao đầu tiên của tôi là ngỏ lời chào mừng tin vinh thắng của ông. Tướng Trị cười gượng và không tỏ dấu vui, có lẽ ông hiểu rằng thêm sao cũng là dấu hiệu già nua

để các tướng trẻ cho ông về hưu. Ông không còn vẻ kèn kiệu hách dịch như ở cao nguyên mà có thái độ cầu thân với nhà báo. Tướng Trị nhắc tới thiên điều tra Dakto của tôi mà ông bảo đã được đọc vài kỳ nguyên vẹn trên mặt báo:

“Tôi có theo dõi loạt bài đó và cảm tưởng đầu tiên là thấy anh muốn quy trách nhiệm thảm kịch đó về phía chúng tôi. Là một quân nhân trọng danh dự tôi không bao giờ chối bỏ phần trách nhiệm nhưng quả thật chúng tôi đã làm hết sức mình, còn những gì xảy ra sau đó độc lập với ý muốn của chúng tôi.”

Tôi phải nói với ông Tướng rằng thiên điều tra thực sự chưa được viết xong và mong muốn của tôi chỉ là đưa ra những sự kiện, còn sự kết hợp và phân xét chắc phải cần tới một cuốn sách. Tôi vẫn hy vọng hoàn thành được cuốn sách đó. Tôi nói:

“Chỉ hiểu được tấn thảm kịch khi nhìn nó trong một khung cảnh rộng lớn là tương lai của dải đất cao nguyên.”

Tướng Trị có vẻ không hiểu được câu nói đó nên tôi không đi sâu vào thêm. Do thói quen nghề nghiệp, không bao giờ tôi bỏ lỡ những cơ hội, tôi hỏi Tướng Trị về câu chuyện Vòng Đai Xanh của những người lính LLDB Mỹ. Ông nói:

“Tôi chỉ nghe nói như vậy và cũng chẳng biết rõ sự thật là thế nào, chánh trị vốn tối tăm và nhiều khi vượt quá cả những dữ kiện nhận định

của mình. Theo tôi vai trò của vị tướng lãnh trên cao nguyên hiện tại là chánh trị chứ không phải quân sự mà tôi chỉ là một nhà quân sự thuần túy, bởi vậy tôi cũng đã gởi một điều trần về chánh phủ trung ương.”

Tôi hỏi ông Tướng nghĩ sao về sự có thể trở lại của tướng Thuyết hoặc ảnh hưởng trực tiếp của ông ấy ở trung ương, tướng Trị nói:

“Tôi cũng đã nghĩ tới điều đó nhưng vấp phải nhiều sự phản đối trong đó có tiếng nói người Mỹ. Và nói riêng với anh chớ chánh phủ trung ương cũng không ưa gì tính bướng bỉnh của ông ta. Nhưng có một điều phải công nhận và phục là ông rất cứng rắn rất ngay thẳng, cá nhân tôi vẫn mến thích một chiến hữu như tướng Thuyết.”

Tôi nói với tướng Trị ý kiến của ông mục sư là giới quân sự Mỹ và ngay cả toà Đại sứ rất tán đồng việc bổ nhiệm ông thay tướng Thuyết và dư luận báo chí Mỹ sau đó cũng bớt chỉ trích chánh phủ Việt Nam.

“Chính cũng vì vậy mà tôi ở vào thế kẹt giữa bao nhiêu phía. Vấn đề vẫn còn đó, xoa dịu được ngày nào và đến bao giờ hãm thuốc súng bùng nổ trở lại, làm sao mà biết. Vì những lý do quyền lợi rất mâu thuẫn cho đến bây giờ cũng chưa có một giải pháp thoả đáng cho cao nguyên.”

Tôi không xác định rõ viên Đại úy hướng dẫn người Bùi Chu hôm trước, nhưng gán cho dư luận bảo rằng chánh phủ Việt Nam đã lầm lẫn

khi trao toàn quyền cứu trợ đám người Thượng ty nạn vào tay người Mỹ. Tướng Trị không phản ứng giãy nảy lên nhưng xuống giọng phân bua:

“Sao tôi lại không biết cái chân lý bọn Thượng chỉ tuân lệnh và tri ân những ai đem thức ăn vào miệng chúng nhưng bọn Mỹ cũng biết điều đó, tội nó muốn độc quyền tranh thủ nhân tâm bằng cách này. Tướng Thuyết đã không thành công khi đòi cứu trợ phải qua tay nhà cầm quyền Việt Nam; làm như vậy rõ ràng là hiệu năng suy giảm và viện trợ ngày càng thêm khó khăn. Hiện nay giải pháp dung hợp là giao vào tay một vị thừa sai của giáo hội truyền giáo Tin lành, ông bà mục sư Denman. Là người Mỹ gần như đã Việt Nam hoá, lại thu phục được cảm tình của đám đông người Thượng và như vậy anh cũng thấy là mọi công việc tiến hành rất chu đáo.”

Tôi mỉm cười về ý nghĩa Việt Nam hoá của ông mục sư, ngoài thay đổi về hình thức, lối suy nghĩ thực tiễn của ông vẫn mang nguyên bản chất của người Mỹ. Hình ảnh của một vị thừa sai mắt xanh râu đỏ hùng hồn đứng rao giảng đạo về sự hiện hữu của Chúa cùng với những hy vọng hạnh phúc ở đời sau trước đông đảo đám con chiên phủ phục nghèo đói như kéo tôi lùi lại thời gian của hàng mấy thế kỷ văn minh. Đó là điều nhẩn tâm khi phải nghĩ tới và cũng là môi trường đầy quyến rũ kích thích của những tâm hồn phiêu lưu như Tacelosky và những tên

lính Mũ Xanh. Ông Tướng hỏi thăm tôi về tin tức của nhà báo Davis:

“Thật là ngạc nhiên khi tôi gặp một nhà báo Mỹ lễ phép và khiêm tốn như thế, vụ thảm sát Dakto chắc làm ông ấy buồn không ít.”

“Ông ấy đã khóc khi nghe tin ấy, và không hiểu ông tướng mới Casey bên An Khê có thái độ ra sao?”

“Ông ấy đề nghị một duyệt xét hỗn hợp về tình trạng an ninh chung nhưng có lẽ vấn đề cũng chẳng đi tới đâu vì ngoài sư đoàn Ky binh, ông Tướng này chẳng có chút quyền hành nào trên các trại LLDB Mỹ. Điều mĩa mai là quyền lãnh sự Mỹ trên cao nguyên không phải là tướng Casey mà là viên cựu trung tá Tacelosky, nó thực dân ngang ngược và chính nó làm hư hỏng những người bạn Mỹ tốt mới đặt chân lên đây. Thực sự nó chỉ ngán có mỗi ông tướng Thuyết.”

Xem ra quan niệm về sự cần thiết một người hùng cho cao nguyên là điều không thể tránh được. Nhưng nếu bảo đó là một vai trò chánh trị thì điều đó chưa chắc đã thích hợp với khả năng của ông giáo sư hay nhà văn. Có chuông báo hợp reo vang, tôi trả cho tướng Trị với những lính quỳnh bận rộn của ông và rời bộ Tổng tham mưu. Trên cột cờ vẫn là lượt kỳ hiệu của tướng Thuyết. Hôm nay khí trời hanh và có rất nhiều mây xám.

Trở lại toà soạn, được biết Kux vừa từ Huế trở vào muốn được gặp tôi. Kux bị kẹt ở ngoài đó từ nhiều hôm vì những cuộc tranh đấu dạt dẹo của Phật giáo. Kux có vẻ mệt mỏi rõ rệt vì chuyến đi này. Là một giáo sư Đức thuộc Đại học Berlin, cũng là bạn thân của Davis. Kux đang viết sách *A Sense of Asia*, nghiên cứu về Phật giáo Á châu và chủ nghĩa cộng sản. Chuyến sang thăm Việt Nam cũng nhằm trong mục tiêu đó. Do lời giới thiệu của Davis lúc đó ở Thái Lan, Kux đến toà báo tìm tôi và nhờ được hướng dẫn. Phải mất hơn một tuần lễ bận rộn để đưa Kux đi viếng các nơi và các lãnh tụ mấy tôn giáo lớn. Vì bận với tờ báo tôi không thể rời Sài Gòn, Kux phải tự tổ chức những chuyến đi riêng sau đó. Nửa đêm nay Kux sẽ rời Việt Nam đi Tokyo. Buổi chiều ngày cuối cùng, tôi đưa Kux ra ngoài thành phố. Tôi ngờ ý tiếc là Kux không thể về sống trực tiếp ở thôn quê, chiến tranh chỉ thực sự diễn ra ở đó.

“Những lầm lẫn bom đạn và xác chết, cuộc chiến tranh nào cũng chỉ có vậy thôi, tôi đã có kinh nghiệm đó từ nước Đức.”

Tôi hỏi Kux đã nghĩ gì về Phật giáo ở đây nhất là sau chuyến ra thăm Huế, Kux chỉ nói lên một cảm tưởng:

“Tôi nghĩ một số lãnh tụ Phật giáo đã lầm khi đánh giá lực lượng mình bằng hình ảnh một đoàn quân thánh chiến, theo tôi bản chất người Á châu ôn hoà chịu đựng, ít nhiều chịu

ảnh hưởng của Lão Tử, họ không thể quá khích như tín đồ Hồi giáo hoặc một vài tôn giáo khác, lịch sử đã chứng tỏ như vậy. Nhưng đúng như họ nghĩ, lực lượng đối đầu với cộng sản không phải chỉ có Thiên chúa giáo mà nguồn gốc là du nhập từ Tây phương. Tôi muốn nói tới một tinh thần đã bắt rễ sâu xa trong đời sống xã hội quần chúng và nó có ảnh hưởng quy định trong cục diện tương lai Á châu. Miền Nam bây giờ không phải chỉ là chiến trường thí nghiệm của hai chủ nghĩa quốc gia và cộng sản đối nghịch, đó cũng chính là thí điểm thử thách để Phật giáo nhận diện sức mạnh của mình: tôi muốn nói tới một đạo Phật dân thân.”

Trên đường đi và tại một vài cơ sở, cảnh sát và quân đội được tăng cường, đó là dư âm cuộc hội thảo biểu tình đập phá đài phát thanh phát xuất từ Tổng hội Sinh viên hồi sáng. Ra khỏi Sài Gòn, chiếc xe lướt rất êm trên mặt xa lộ. Kux chỉ tay hỏi tôi về những công trình đang xây cất. Tôi đáp:

“Đó là kết quả những dự án từ thời Diệm bây giờ mới hoạt động và bắt đầu hình thành. Nếu không nhắc tới những lầm lẫn của chế độ, phải công nhận là tổng thống có một cái nhìn rất xa. Đó là điều không thể tìm thấy ở người lãnh đạo bây giờ.”

Kux nói với tôi như một bày tỏ ngạc nhiên:

“Đến bây giờ tôi mới thấy anh là người đầu

tiên nhắc tới ông Diệm với một giọng còn giữ nguyên được sự kính trọng như vậy.”

“Không, ở những năm cuối cùng chính tôi là người có thái độ chống lại ông ta. Dù bạn hữu hay kẻ thù, kể cả người Mỹ yêu hoặc ghét, tất cả đều phải nghiêng mình trước một số nhân cách của tổng thống. Cách mạng đã phủ nhận tất cả nhưng tôi tin là lịch sử sẽ phán xét công bình hơn ở những năm đầu tiên.”

Kux cười hỏi tôi không sợ bị tiếng phản cách mạng sao, tôi vẫn giữ sự điềm tĩnh:

“Ai cũng thấy là chế độ phải đổ, tôi cũng nghĩ rằng cái chết của tổng thống là cần thiết để tránh những rối loạn dấy dậy sau đó. Nhưng bây giờ còn quá sớm để kết tội hoặc bào chữa cho những gì mới xảy ra.”

Trở về, Kux mời tôi tới khách sạn Caravelle dùng bữa tối. Chúng tôi đều không có thì giờ để tới một hiệu ăn Việt Nam. Đó là một khách sạn tối tân được coi như là bản doanh của đông đảo phóng viên nhà báo tứ xứ. Sự sang trọng cùng tận cũng chỉ đến thế. Một vũ trụ sa hoa và trong suốt. Từ trên cao những chùm sáng màu vàng hu ảo toả dịu xuống những tấm thảm và phiến đá bằng marbre. Một khoảng không gian đối nghịch đến lạnh lẽo. Kux bảo:

“Mới đặt chân tới Sài Gòn đem lại cho tôi thật nhiều cảm tưởng, nó mang hình ảnh của nàng công chúa người Nga sau cách mạng vô sản phải

lưu lạc sang tận Paris, vẫn cố sống kênh kiệu đài các để che giấu những khốn khó bên trong. Nhưng chắc chắn là đồng đô la Mỹ đã thổi vút lớn mau chóng cả thành phố, tất cả còn mang dấu hiệu mới mẻ nên chưa kịp có một cá tính.”

Ngồi ở một tầng lầu khách sạn thứ mười nhìn xuống, Sài Gòn bị cắt vụn ra từng vùng sáng lổm đổm. Bóng những con tàu buôn mỗi mệc nằm nhả khói chờ chuyển hàng để rời bến. Bầu trời ban đêm vẫn nặng trĩu những giao động âm u. Phía phi trường thỉnh thoảng những trái hoa châu lại lóe sáng một vùng soi rõ cả những cột khói trắng. Bóng dáng của cuộc chiến tranh chỉ có vậy. Kux hỏi tôi sao trông có vẻ tự lự, cảm tưởng của tôi lúc này thật hỗn độn, tôi nói ý nghĩ đó ra với Kux:

“Tôi muốn nói tới lúc anh phóng tầm mắt ra quá giới hạn chiều cao của những toà lầu bin-đinh kia thì ở dưới đó không có gì ngoài những chật chội nghèo nàn của những người dân sống đen đui. Cả bốn ngàn làng xã Việt Nam đều như vậy, tôi muốn nói tới ảnh hưởng của đồng tiền viện trợ Mỹ không tới được xa.”

Kux nhếch mép cười từng trái:

“Viện trợ Mỹ lúc nào mà chẳng vậy, có bao giờ tới được xa đâu.”

Qua những mảng kính trong suốt, ở một chòm cây ánh đèn chuyển mặt lá thành màu hồng đỏ. Tôi tưởng tượng ở dưới những gốc cây giờ này

các cô gái ăn sương đang chờ đón khách. Lại từ phía Tân Sơn Nhất những chiếc Phantom phản lực vừa cất cánh, đảo một vòng lớn qua Sài Gòn trước khi đổi hướng, ném lại sau các đốm lửa là những âm thanh sé rít. Những tiếng nổ phụ làm rung chuyển cả cửa kính. Rồi sự im lặng trở lại. Bằng một giọng đột ngột Kux bảo:

“Trưa nay từ phi trường trở về tôi có tới một phòng tắm hơi, nhà Bảo An thì phải, phòng tắm lịch sự và hay nhất đó không phải là một ổ điểm trá hình. Hơi nước nóng phả mù mịt trắng xoá, nghe tiếng nói tôi biết trong phòng chỉ toàn đàn ông đa số là Mỹ. Tất cả đều trần truồng nhưng khói nước bốc đầy đặc khiến đứng xa chưa đầy nửa thước mà chẳng còn thấy gì. Ngay lúc đó dáng một người Mỹ cao lớn dừng lại trước tôi hỏi. - Anh qua đây lâu chưa, ở state nào? Tôi nói tôi không phải người Mỹ mà là nhà báo Đức. Hần bảo: - Ông mới thật là người sung sướng, chẳng có gì phải ràng buộc ở đây. Tôi ngạc nhiên hỏi: - Sao vậy? Hần vẫn trà mạnh chiếc khăn bông trên người trả lời hờ hững: - Tại tôi là pilot, suốt ngày chở bom đi thả khắp nơi, kể cả ngoài Bắc. Giọng anh ta thật chán nản và khinh bạc, chỉ nói vậy rồi hần ta bỏ đi, lẫn vào đám lố nhố những người Mỹ khác.”

Một chuyện kể thật trống không, sự ngưng đọng như lắng xuống. Vẫn bằng giọng khi này Kux tiếp:

“Tôi và cả hân ta đều không rõ mặt nhau, ra đường nếu gặp lại chắc cũng không biết. Cuộc giáp mặt cũng lạ và khiến tôi suy nghĩ. Đến lúc này tôi tự hỏi cũng vẫn những người phi công Mỹ đó, mỗi ngày chờ bom đi thả khắp nơi, chiến đấu với không một tin tưởng như vậy, khi phải lái phi cơ ra Bắc oanh kích và khi bị bắn rơi, họ sẽ nghĩ ra sao? Lúc đó liệu tổng thống Johnson hay chúa Kitô trách nhiệm về cái chết của họ?”

Phải chi Kux có kinh nghiệm với những người lính Mũ Xanh. Dưới mắt anh thì những người Mỹ đang rầu rĩ đi vào cuộc chiến tranh Việt Nam với nhiều vẻ bơ vơ ngơ ngác. Lại có điện thoại của Nguyễn chờ tôi ở toà báo với hai người bạn nữa. Chúng tôi ra thang máy xuống lầu năm trở lại phòng Kux. Tôi giả từ Kux ở đó và ân hận vì không thể tiễn đưa Kux như đã hứa dù chỉ là đến một trạm Pan Am gần đó.

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

Đó là một ngày tang tóc và đầy thảm họa cho những người lính Mũ Xanh ở Á châu. Cùng một ngày hai chuyến Air America bị rơi, một trên Cánh Đồng Chum với toán mười bốn người lính Mũ Xanh được coi như mất tích, còn chiếc hai máy kia bị hạ ở Bắc Miến có lẽ bởi súng phòng không từ dưới đất. Lại một xì-căng-đan mới bùng nổ giữa Rangoon và toà Bạch ốc. Chánh phủ Miến cực lực lên án và tố cáo những phi vụ lén lút của Mỹ nhằm yểm trợ tiếp tế cho các dân tộc thiểu số ly khai ẩn náu ở trong những khu rừng rậm ở Bắc Miến. Một lần nữa Mỹ bối rối không biết phải xử trí ra sao. Thoả mãn yêu sách công khai xin lỗi, bộ Ngoại giao Mỹ có thể làm dễ dàng nhưng nếu vậy là chánh thức xác nhận âm mưu khuynh đảo chánh phủ hợp pháp Miến và hậu quả ngoại giao sẽ không

biết là thế nào. Mẫu tin rất nhỏ chìm đắm giữa bao nhiêu biến cố quốc nội khác nhưng với nhà báo như tôi lại có một giá trị khám phá đầy ý nghĩa về câu chuyện một Vòng Đai Xanh bao vây Hoa Lục. Tôi dần dà đi tới một cái nhìn khá chuẩn xác về tầm quan trọng của những biến chuyển tại cao nguyên trong một tương quan quốc tế rộng lớn. Hiểu như vậy tôi sẽ tránh được những phản ứng sôi nổi và đầy cảm tính khi phiêu lưu vào cuộc tìm kiếm ý nghĩa của những biến động mới.

Chiến tranh đổ máu trên cao nguyên, thiêu rụi đồng quê, biểu tình xáo trộn khắp thành phố nhưng nếu người ta thuộc vào thành phần la Haute Société, của một xã hội trên cao thì vẫn dễ dàng tìm ra một khoảng không gian yên tĩnh. Dưới hồ bơi nước lúc nào cũng trong xanh, các tàn cây cao vẫn rủ những bóng mát. Dù chẳng thuộc thành phần trưởng giả này, tôi vẫn lui tới đây vì những cần thiết giao tế của nghề báo. Sau cả một buổi sáng ngủ vùi, Davis hẹn tôi dùng cơm trưa tại CSS. Ở giờ này thường rất vắng bóng những người Việt. Trời nắng gắt và im gió, những lá cây mất nước đổ rũ xuống, vậy mà vẫn có những thiếu nữ nằm hờ hơ phơi nắng với nước da thuộc đến độ nâu bóng. Tôi và Davis chọn một bàn ăn trên bờ hồ tắm, đôi khi chúng tôi phải nheo mắt lại vì những tầng nắng phản chiếu lao xao trên một mặt nước có nhiều sóng.

Một thiếu nữ khác thật khêu gợi bước lên từ hồ tắm, theo sau là một người Mỹ ngực đầy lông lá. Davis nhận ra Tacelosky trước nhưng vẫn giữ thái độ thản nhiên như không biết, anh quay lại bảo tôi:

“Tacelosky, tên đó thật kỳ lạ. Không phải chỉ mỗi lần gặp hắn khoác tay với một cô gái mới ở bất cứ đâu nhưng chính là huyền sử con người hắn ta: ba lần được thả dù ra Bắc cả ba lần hắn trốn thoát, không có ai mạng sống lớn hơn hắn. Hiểu rõ rừng núi Á châu và các sắc dân ở đây không ai bằng, hắn quả là một địch thủ đáng sợ, nếu phải đương đầu thật là nguy hiểm và đã từng gây khốn đốn cho ông tướng Thuyết.”

Tôi chợt nhớ ra và hỏi Davis:

“Có phải hắn là một trong hai người bị chánh phủ Việt Nam tống xuất hồi đó, còn tên kia là ký giả Martin?”

“Chính hắn, sau khi rời Việt Nam hắn lại sang Vientiane đặc trách tổ chức ở Thượng Lào và miền Bắc Thái Lan các đơn vị chiến đấu tinh nhuệ người Mèo, ngăn chặn hữu hiệu những cuộc xâm nhập của lính cộng sản Bắc Việt theo lối đường mòn Hồ Chí Minh. Đó là khúc của Vòng Đai Xanh được coi là kiên cố nhất. Đáng tiếc cho hắn là khi trở lại cao nguyên, Tacelosky không được toàn quyền làm mưa làm gió nên cho đến bây giờ hắn vẫn ghét cay ghét đắng ông tướng Thuyết.”

Davis cũng cho tôi biết qua về tông tích của hần. Tacelosky xuất thân ở Fort Bragg, nguyên trung tá LLDB Mỹ giải ngũ, đại diện cho USOM đặc trách cao nguyên. Fort Bragg là một trung tâm đào tạo các toán lính Mũ Xanh để tung vào khắp các ngõ ngách hoang vu của thế giới, từ rừng rậm Phi châu đến các vùng hẻo lánh của Nam Mỹ nhưng thí điểm chính của họ vẫn là lục địa Á châu với đủ mọi sắc dân thiểu số sống rải rác trên các núi cao và rừng xanh chạy suốt từ bờ biển phía đông tới giáp chân Hy Mã Lạp Sơn. Tại mỗi quốc gia họ đều tung vào những toán xung kích hoặc công khai hoặc bí mật, thông thạo phong tục và thổ ngữ, thích ứng nhanh chóng với các dân địa phương, giúp đỡ khai hoá họ để chinh phục cảm tình và sau đó nhiệm vụ chính là tổ chức cho bằng được những toán quân chiến đấu tinh nhuệ và để bảo dưới quyền điều khiển của các sĩ quan Mỹ. Tham vọng lớn lao của họ là làm sao thiết lập được một vòng đai an ninh kiên cố bao vây Hoa lục. Đó là một Vòng Đai Xanh mà họ tin rằng đủ sức đương đầu với mọi hình thức chiến tranh du kích và rừng rậm của cộng sản. Đó là một công trình thử thách bán công khai của cả CIA lẫn LLDB Mỹ mà Hoa Thịnh Đốn và Ngũ Giác Đài vẫn chưa dám nhìn nhận. Họ là đám con cưng của tổng thống Mỹ với những ưu đãi và đặc quyền vô hạn nhưng cũng là một lũ con hoang khi bị đổ bể. Những

dính dấp đổ bể trong các cuộc nổi dậy mới đây là một bằng chứng. Và thỉnh thoảng không lâu trên báo chí lại có đăng tải những tố giác về các hành động khuynh đảo của bọn này nhằm chống lại chánh phủ hợp hiến của các quốc gia bạn. Trở lại con người Tacelosky, Davis nói:

“Hắn gốc người Đông Âu mới vào dân Mỹ từ sau đệ nhị Thế chiến, sống ở Á châu và nhất là Việt Nam nhiều năm, có nhiều kinh nghiệm với du kích quân cộng sản. Sau nhiều nhiệm kỳ trở về Mỹ, hắn lại tình nguyện sang Việt Nam. Ít có mặt ở Sài Gòn nhưng hắn vẫn thuê phòng riêng ở Continental và buổi trưa nào hắn cũng thường ra đây. Ngoài khả năng ưu tú giết người bằng dao và súng như một tay thiện xạ, hắn còn là một tay chơi tennis và thực bi-da có hạng, lại thêm cái đức tính rất tàn nhẫn với đàn bà con gái.”

Từ phòng thay áo, Tacelosky bước trở ra, đối diện với chỗ ngồi của Davis. Hắn to lớn, gọn gàng trong bộ quần áo trắng ngắn, da mặt đỏ gay vì rượu và nắng. Hắn chạy lại, tổng mạnh vào vai Davis, giọng ồn ào và thân ái:

“Tuồng đi Djakarta từ hồi nào, sao Martin ở Hồng Kông lại nói với tôi như thế.”

Davis đứng cạnh Tacelosky thật tương phản. Anh cho biết cũng sẽ đi Djakarta vào đầu tuần tới. Vừa lúc đó người đàn bà cũng trở ra, chân thẳng dài và những bước đi nhẹ. Thay cho những lời chào nàng chỉ mỉm cười, mắt nồng nàn đáp

lại những cái nhìn nóng bỏng thêm khát. Đi với một đàn ông Tây phương, người đàn bà phải tự kéo ghế ngồi là điều trông rất chướng. Tacelosky như không mấy quan tâm tới điều đó, và sự hiện diện của người đàn bà hẳn coi như không có. Hẳn vẫn thản nhiên nói chuyện với Davis bằng tiếng Pháp, âm thanh rất nặng và có vẻ lai Đức. Tacelosky có bề ngoài thật chải chuốt, da mặt thì dầy cộm lún lổ và không gọi một cảm giác, bù lại hẳn có một cặp môi dầy chứa đầy vẻ tham lam nhục cảm, điểm thêm chút râu mép trông thật xỗ xược. Không cần được mời hẳn tự động ngồi chung bàn, gọi thêm rượu và những món ăn. Như thường lệ, tôi chỉ uống một cognac soda loãng. Davis uống rượu chát, còn Tacelosky thì uống whisky như nước lã.

“Ông bà mục sư có hỏi thăm anh, ông có nhận được cuốn sách anh gửi cho nhưng xem ra có nhiều điều ông ta có vẻ không đồng ý nhất là quan điểm anh đưa ra về vấn đề cao nguyên. Với một tên salaut như tướng Thuyết, không thể đặt ra vấn đề giao ước và luân lý. Chắc anh cũng biết hẳn lại vừa giải giới mấy đại đội CIDG - Dân sự Chiến đấu Thượng tại một trại LLDB gần Đà Nẵng, sát nhập vào Địa phương quân nhưng tụi Thượng không chịu bỏ trốn gần hết. Nếu chúng ta không tìm cách ngấm ngấm giúp thì tụi nó biến thành Thượng cộng hết rồi còn gì. Tại sao Sài Gòn còn chần chờ gì mà không chịu

tổng thái hân, một tên tướng bất tài ngu dốt lại kiêu căng kiêu quan lại của nhà vua. Mồm mép chống cộng nhưng thói nát thì không ai bằng, bao nhiêu đồ viện trợ giao xuống cũng mất hết không sao tới tay được bọn Mọi. Còn những tiểu đoàn lính và thiết giáp chẳng bao giờ thấy hành quân lần nào, tất cả ở lại thị xã để canh giữ bảo vệ cho cái tổng hành dinh vững như một pháo đài của hân. Đã thế hân còn tìm mọi cách gây khó dễ cho binh lính Mỹ, kể cả ông mục sư Denman. Cũng may là hân bị tổng cổ ra vùng hoả tuyến, nếu không là Phật giáo thì cộng sản cũng sẽ tiêu diệt hân.”

Tôi không ngờ khi nhắc tới tướng Thuyết, Tacelosky đã nguyên rủa ông một cách thậm tệ. Davis có vẻ ngượng với tôi về ngôn ngữ của một người bạn như vậy. Vẫn bằng sự bình thản và di dỏm rất Đông phương, Davis bảo đùa:

“Tướng Thuyết sẽ không bị tiêu diệt vì thanh thế của ông đang lên và có hy vọng trở thành tổng thống.”

Câu nói đùa của Davis gây nơi viên Trung tá nhiều giận dữ:

“Nếu vậy, người Mỹ chúng ta nên ký nhượng miền Nam này cho bọn cộng sản trước khi cần phải đổ máu các thanh niên và mất công chiến đấu.”

Như một tình cờ, Davis nói ra một nhận xét với tên Trung tá:

“Có một điều kể cũng lạ, tôi chưa từng nghe một viên chức Mỹ nào, kể cả ông mục sư Denman mà lại nói tốt cho đồng minh Việt Nam của họ ở cao nguyên. Mục tiêu chỉ trích gay gắt nhất vẫn là tướng Thuyết với đám sĩ quan tùy viên của ông. Với tướng Trị sau đó, hình như tình thế có đổi khác?”

“Anh có biết sao không, chỉ những bọn bất lực thối nát trên toàn quốc mới được gửi lên cao nguyên, đó là một biện pháp hành chánh đầy ải để thay thế cho những hình phạt của toà án. Và lúc này tôi mới hiểu tại sao chương trình thất bại sau nhiều tháng giao vào tay bọn nó. Đúng là một lũ lười biếng, chỉ biết ăn cắp và phản trắc, khác hẳn với bọn Thượng tuy ngu dốt nhưng lại rất dễ bảo và chất phác. Theo tôi, thối nát với Á châu đã trở thành một truyền thống vô phương cứu chữa, nếu người Mỹ không tự giành lấy quyền trách nhiệm và lãnh đạo thì không mấy chốc xứ sở này rơi vào tay cộng sản. Đến bao giờ toà Đại sứ và bọn tướng lãnh Mỹ của chúng ta ở đây mới bắt đầu hiểu lần hồi cái vô ích của những cam kết ràng buộc với Sài Gòn trong khi phải đương đầu với những khó khăn của một trận chiến tranh du kích vô quy ước như hiện tại. Với tầm quan trọng chiến lược của một xứ như cao nguyên, một ngã ba của biên giới, một bàn đạp xuống miền Cửu Long châu thổ và khắp vùng duyên hải; an ninh và quyền điều khiển

trên đó phải được giao trọn vẹn vào tay chúng ta. Tôi có thể quả quyết rằng một xứ cao nguyên không có bọn người Việt, chỉ với những lính Thượng và các toán lính Mũ Xanh, sẽ không còn bóng dáng một tên cộng sản.”

Ở ngôn ngữ và con người hán, người ta dễ dàng nhận thấy hiện nguyên hình bản chất của một tên da trắng phiêu lưu của thế kỷ 19. Hán có thủ đoạn thật đáng sợ và không mấy quan tâm giấu diếm. Davis nhận thấy Tacelosky như một chất xúc tác để tình thế có những chuyển động và sự có mặt của hán trên cao nguyên gần đây chắc chắn sẽ đưa tới những sắp đặt và các biến cố mới.

“Chỉ được quyền cố vấn và tự do nhận lãnh những hậu quả của thất bại, chúng ta không thể nào chấp nhận được những điều kiện làm việc như thế. Hơn nữa danh dự quân đội và cả nước Mỹ đã gắn liền vào các biến chuyển tại đây, chúng ta không thể sa lầy và thất bại, và lại hai chữ đó không có trong bọn lính Mũ Xanh chúng tôi.”

Tacelosky vẫn đổ rượu vào đầy ly và nốc cạn liên tiếp. Người đàn bà can gián, nũng nịu gỡ chiếc ly còn đầy ắp rượu kẹp cứng trong tay hán. Hán ôm nàng vào lòng và cúi xuống hôn sâu trên môi. Người đàn bà khứng chịu, với đôi chút chiếu lệ phản kháng. Lần đầu tiên hán quan tâm tới sự có mặt của tôi khi hán xoay chiều câu chuyện qua hội họa:

“Nếu bạn của anh muốn vẽ tranh khoả thân thì tôi bảo đảm là nàng có một thân hình tuyệt mỹ.”

Mặt người đàn bà ngượng đỏ lên vì lời nói sỗ sàng của hắn. Như một tay chơi lão luyện, hắn giải thích cái triết lý thích gái Á châu của mình:

“Em không kiêu hãnh về nhan sắc của mình sao? Cái quyến rũ của gái Á châu có lẽ ở ngay nơi tính cả thẹn đó. Không phải là không tìm được cái đẹp trong số đàn bà Mỹ nhưng gái ở đây tôi thấy có một cái gì quyến rũ lạ lắm.”

Davis bảo đùa cái lạ đó là nơi khẩu vị thích đổi thay, cái goût exotique của hắn. Đột ngột Tacelosky quay sang hỏi vặn Davis:

“Nhà báo Mỹ các ông sẽ viết sao về bọn vô ơn cái gì cũng ngứa tay xin ăn mà vẫn biểu tình đốt xe đòi hoà bình và đuổi chúng ta về Mỹ. War Fuck Peace, chưa khi nào mà giới lãnh đạo Mỹ lại yếu đuối đến như vậy. Đường lối mệnh danh là dân chủ hiện giờ chứng tỏ họ chẳng hiểu một chút gì truyền thống cai trị của các dân tộc Á châu. Chỉ có sức mạnh và trừng phạt khiếp sợ mới thống trị được họ. Các dòng vua chúa tồn tại lâu đời trong lịch sử Trung Hoa đều thấu rõ điều đó. Chính sách hiện tại của Mao Trạch Đông cũng chỉ là một biến thái nhưng không ra ngoài cái triết lý sức mạnh này.”

Với những người như Tacelosky, bây giờ tôi mới hiểu phần nào lý do khiến tướng Thuyết phải nổi giận và có những phản ứng đến mức

được coi là mù quáng và quá khích. Bản tính ông Tướng vốn không quen chịu được những yêu sách quá đà, ngay với đám sinh viên tranh đấu ngoài Huế.

Buổi tối, nhà văn tự lái xe tới đón tôi ở toà soạn. Ông cho biết tướng Thuyết muốn gặp tôi vì mới cảm tình sẵn có từ những bài báo tôi viết về cao nguyên. Gặp nhà văn, tôi nhắc tới bài diễn văn tuyệt hảo của ông Tướng đọc trên đài phát thanh hôm qua và tỏ ý ca ngợi ông đó là một kỳ công của ngôn ngữ. Lần đầu tiên nhà văn từ chối cái vinh hạnh đó. Ông bảo tiểu xảo chữ nghĩa chẳng thể tạo được những áng văn hay, điều quan trọng là ngòi bút phải có lửa mà cái đó chỉ có trong lớp người trẻ đang đi tới. Thực sự chính cái brain trust đã thảo bài diễn văn vừa qua cho ông Tướng, phần của tôi không quá giới hạn là sự góp ý. Nhà văn kiêu hãnh nói với tôi:

“Để rồi anh coi bọn trẻ đó khá lắm, phải cái chịu ảnh hưởng nặng của thứ dân chủ Mỹ.”

Tôi nhớ lại những số báo đen văn nhận được đều đặn ở toà soạn qua đường bưu điện mà không rõ xuất xứ. Tôi đồng ý với nhà văn về một ảnh hưởng nặng nề của Mỹ trên lớp người trẻ này. Đài VOA chấm dứt bản tin buổi tối, tiếp theo phần nhạc chuyển mục là cuộc phỏng vấn các lãnh tụ sinh viên Việt Nam đang có mặt ở Hoa Thịnh Đốn. Bốn sinh viên của bác sĩ Ross đã tới Mỹ, khởi đầu một cuộc hành trình dài băng

qua khắp các tiểu bang và những campuses đại học. Lại vẫn mấy giọng hùng hồn và quen thuộc bênh vực sự can thiệp của quân đội Mỹ vào chiến trường miền Nam và sự gia tang oanh kích miền Bắc. Tôi nhấn nút đổi sang chương trình nhạc của băng FM buổi tối. Nhà văn thắc mắc quay sang hỏi tôi:

“Họ sang Mỹ hồi nào mà tôi không nghe nói?”

“Tôi có gặp họ cách đây ít hôm ở Thông tin với bác sĩ Ross. Không chuyện gì mà thiếu bàn tay ông ta.”

“Giáo sư Ross cũng là bạn rất thân của tướng Thuyết nhưng xem chừng có rạn nứt khi hai ông đụng nhau về vấn đề cao nguyên. À, tôi nghe nói sắp có ba sinh viên Thượng được bác sĩ Ross cho du học năm năm ở Mỹ mà không cần qua Hội đồng Du học Việt Nam.”

Tôi đưa ra một nhận định với nhà văn:

“Không có chức vụ gì chính thức nhưng xem ra không có chuyện gì mà lại không qua tay ông.”

Nhà văn trầm ngâm nói trước tay lái:

“Theo tôi ông Diệm đã can đảm và có lý khi có một chánh sách cứng rắn đối với ông ta, nhất là sau vụ dính dấp tới các biến động trên cao nguyên.”

Đoạn đường tới tư dinh ông Tướng bị những người lính và hàng rào dây kẽm gai phong toả. Nhà văn cho xe chạy chậm lại. Người lính Dù khom lưng nhìn vào xe nhận ra nhà văn, hẳn lễ độ chào tay và mời xe đi qua. Tôi lại nghĩ

tới những chỉ trích của báo chí Mỹ với tướng Thuyết khi ông còn tại vị trên cao nguyên: tổng hành dinh của ông lúc nào cũng như một pháo đài kiên cố được yểm trợ bởi những phương tiện quân sự ưu tú nhất. Ở một giới hạn nào đó điều này có lẽ đúng ngay với tư dinh của ông ở thủ đô. Khu biệt thự thật sang trọng, ngăn cách với bên ngoài bởi những tấm cốt và hàng rào cây xanh. Hôm nay ông Tướng ăn mặc thường phục, ông không còn cái vẻ hùng dũng của một võ tướng mà trái lại hiền lành như một con hổ bị lột da. Gặp lại nhà văn, tướng Thuyết có vẻ mừng rỡ, ông cũng vui vẻ bắt tay tôi và ngợi khen những ý kiến xây dựng trong các bài báo. Ông bảo:

“Tình hình trên toàn quốc dần dần trở lại khả quan, tôi đã ra lệnh nói tay với các phong trào tranh đấu nhất là ở Huế. Bắt đầu từ sáng nay, lực lượng Cảnh sát Dã chiến rút vô Đà Nẵng, tôi cũng đang can thiệp với chánh phủ chấm dứt biện pháp bảo vệ với thầy Pháp Viên, miễn sao thầy không trở lại ngoài đó.”

Rồi ông Tướng tỏ vẻ thanh minh cho việc làm đã qua của mình. Ông bảo, ở địa vị chánh quyền, bốn phận của ông phải đem lại an ninh và trật tự công cộng nhưng ước vọng của ông vẫn là mong tiến tới một thể chế thật sự dân chủ. Riêng với nhà sư Pháp Viên, ông Tướng vẫn mang lòng cảm phục và ở thế kệt với trung ương, ông không thể làm khác hơn. Tôi cũng gặp lại viên

Trung tá trưởng phòng Năm và thiếu tá Y Ksor vừa ở cao nguyên xuống. Xem ra tướng Thuyết vẫn còn nhiều ảnh hưởng với cấp thuộc hạ của mình. Hướng về Y Ksor, ông Tướng bảo:

“Tôi đang làm áp lực đề nghị với trung ương nâng Nha Thượng vụ lên ngang hàng một Bộ trong chánh phủ, có thể ông Y Ksor sẽ trách nhiệm giữ Bộ đó.”

Y Ksor chỉ biết tỏ vẻ thần phục. Hướng về viên Trung tá phòng Năm, tướng Thuyết hỏi giọng nóng nảy:

“Sao ông Trung tá, trên đó làm ăn sao mà để tụi nó chặn cướp xe đồ và giết chết hành khách luôn như vậy? Còn sự thật về vụ Địa phương quân Thượng mới đây giết hai người lính Việt Nam và kéo cả đại đội với khí giới trốn sang Cao Miên là sao? Ông tướng Trị làm ăn gì mà kỳ vậy?”

Viên Trung tá xác nhận tin trên và giải thích nguồn gốc là từ những toán Dân sự Chiến đấu Thượng nuôi dưỡng bởi các lính Mũ Xanh Mỹ. Ông Tướng không tránh được vẻ giận dữ nói:

“Cách đây hai năm tôi đã nói điều đó với chánh phủ Sài Gòn là phải giải giới hết bọn nó để tiến tới một quân lực với bộ Tư lệnh Việt Nam duy nhất.”

Mắt ông Tướng giận long lên, ông hẹn sẽ gặp lại họ ngày mai trước khi những người này trở lại cao nguyên. Khi Y Ksor và viên Trung tá đi khỏi, nét mặt ông Tướng dịu hẳn xuống. Nhà văn đã làm vui tướng Thuyết đúng lúc khi nhắc

tôi dự luận tốt về bài diễn văn truyền thanh hôm qua. Ông Tướng cười và quên đi những khó khăn khi này. Bàn ăn xếp cho mười hai người, bên phải ông Tướng là nhà văn, tôi ngồi tiếp sau đó. Những người còn lại đều rất trẻ, được coi là thành phần cốt cán trong bộ tham mưu ông Tướng. Lại vẫn ông Giáo sư luật khoa, một sĩ quan Hải quân cấp tá, hai đại uý thuộc bộ Tổng tham mưu, một Ph.D. về khoa xã hội, một nhà báo, hai chuyên viên và đặc biệt có thêm một lãnh tụ sinh viên. Tướng Thuyết có thái độ hoà mình dễ dãi. Lớp người trẻ thì không mặc cảm nên lối nói chuyện khá tự do. Nhà xã hội học nói về sự thiết yếu phải có một Social Justice trong cuộc cách mạng. Nhà báo nhận định rất xác đáng về nỗi hoang mang của người dân khi cảm thấy mất cái Identity, cần cuộc để hiện diện và sống với người khác. Viên sĩ quan trẻ đề cập tới triết lý của cuộc cách mạng quân đội qua kinh nghiệm bên Trung Đông của Nasser mà mỗi người lính trong tương lai phải là một cán bộ chánh trị, một nhà giáo dục và sản xuất canh tác. Gã sinh viên thì tích cực tấn công chỉ trích nền móng giáo dục hiện tại, đòi có cái tổ đại học để đi tới xây dựng những nấc thang giá trị mới. Mọi tranh luận đều hướng về ông Tướng để khiến ông hiểu rằng đã đến lúc phải trao quyền lãnh đạo vào tay lớp người trẻ nếu muốn có một xã hội canh tân trong tương lai.

CHƯƠNG MƯỜI SÁU

Một ngày như những ngày khác, buổi sáng thường lệ tôi tới toà soạn cắt xén làm tin cho trang nhất lên khuôn buổi chiều. Nhưng sáng nay dậy muộn, có lẽ vì lượng rượu uống ở nhà tướng Thuyết đêm qua. Tôi không lên ngay toà soạn mà lại rẽ vào một quán nước đầu ngõ. Vẫn những khuôn mặt lem luốc của đám thợ in thợ máy. Cả gã thương binh cụt hai chân cũng có mặt ở đó. Họ đang bàn tán về những cuộc biểu tình cùng mưu toan sắp tới của những lãnh tụ Phật giáo. Tên tuổi nhà sư Pháp Viên luôn luôn được nhắc tới, cùng những nhận định về ông hết sức là mâu thuẫn. Câu chuyện còn xoay quanh một vụ nổ của một khách sạn Mỹ trong Chợ Lớn. Tiếng nổ dữ dội lúc về sáng làm rung chuyển nhiều khu phố. Một gã thợ máy đưa tầm mắt qua đường nhìn tầng lầu bin-đinh lên tiếng:

“Tụi Mỹ còn ở đó có ngày bọn mình lãnh đủ.”

Cô chủ quán coi bộ dị đoan sợ hãi về mấy cái miệng đàn ông nói gở, cô Tám ngưng nguẩy bỏ vào, chiếc áo ni lông bó chèn từng mảng hồng hào da thịt khô gợt đến nỗi anh nhà văn phải kêu lên đó là những kiến nghị sống. Con dục vọng thường chỉ tới với tôi trong những phút mệt nhọc của thân thể. Tôi đã ngủ muộn đêm qua, rượu vẫn còn lưu lại những cảm giác vằng vắt. Tôi uể oải trở lên toà soạn, mới gặp ngay tôi, ông chủ nhiệm đã lên tiếng ngầy ngà:

“Suốt buổi tối hôm qua anh ở đâu?”

Ông chủ nhiệm cho rằng tôi đã không về nhà đêm qua, nhưng đó không phải là một câu hỏi thuận lý. Tôi thấy mình xằng giọng nhưng vẫn trả lời bình tĩnh:

“Tôi thì vẫn ngủ nhà, buổi sáng họp báo trong Tổng tham mưu, tối đi dự ăn ở nhà tướng Thuyết. Mà sao, có chuyện gì không ông chủ nhiệm?”

Trong cách nhìn của người thư ký và ánh mắt lo âu của ông, tôi linh cảm thấy một sự gì bất thường sẽ xảy tới. Hay là chuyện đóng cửa báo, chỉ có đó là vấn đề trọng đại và có ý nghĩa sinh tử của nhiều người. Đó là thứ lưỡi guom Damoclès treo trên sợi chỉ mảnh mà bất cứ lúc nào cũng có thể chém phập xuống cổ người làm báo.

“Lại có cảnh cáo đóng báo nữa sao ông chủ nhiệm?”

“Không phải vậy. Đe dọa đó coi như tạm qua

luôn. Mà tôi hỏi thật anh ngoài chuyện làm báo anh còn hoạt động gì khác?”

“Có, trước kia và ngay cả hiện giờ thỉnh thoảng tôi vẫn vẽ. Biết rồi mà sao ông chủ nhiệm còn hỏi tôi như vậy?”

Không nói gì thêm ngoài cái vẻ mặt ái ngại, ông chủ nhiệm lẳng lặng trao cho tôi một trát gọi có đóng triện son đỏ chói. Một phút bàng hoàng cả người nhưng tôi trấn tĩnh được ngay sau đó. Giấy của Cục An ninh Quân đội gọi đích danh tôi phải trình diện khẩn cấp mà lý do sẽ cho biết sau. Trong một chốc lát tôi hồi tưởng lại biết bao nhiêu mối liên hệ và những công việc đã làm nhưng không gọi nên được một nghi vấn. Cô thư ký còn cho biết từ sáng sớm có hai xe Jeep trắng mang số ẩn tể và những người lính an ninh mặc thường phục ập vào toà soạn lùng kiếm tôi. Không tìm ra tôi, họ lấy lời khai của các nhân viên và nhiều địa chỉ và yêu cầu ông chủ nhiệm bằng mọi cách phải liên lạc với tôi. Ở tình cảnh này ông tỏ ra rất lo ngại và quan tâm tới những khó khăn mới của tôi. Bằng tất cả sự trầm tĩnh và kinh nghiệm, ông xuống giọng ân cần hỏi tôi:

“Anh thử nhớ kỹ lại coi, trong các liên lạc giao tiếp, anh có dính dấp chánh trị với ai không, chứ theo tôi đây là một vụ nghiêm trọng trên cả báo chí. Tôi chắc họ cũng đã thả người phong toả chỗ anh ở. Bây giờ anh chưa lọt vào tay họ phải

kể là còn may mắn. Tôi khuyên anh hãy tạm lánh đi để tôi có đủ thời giờ dò cho ra nguyên nhân đã, vì khi đã kẹt vào đó mọi chuyện xoay gỡ ra sẽ trở nên rất khó.”

Đến lúc này tôi có thể phỏng chừng là những dòng chữ về cao nguyên đã gây rắc rối cho tôi. Chính vì sự giao động thái quá của ông chủ nhiệm khiến tôi lại phải trấn an ông. Tôi quá quyết rằng không có một hành động nào của tôi lại có thể đưa tôi vòng lao lý bất hợp pháp. Còn những dính líu tiếp xúc thì với tính cách một nhà báo tôi có quyền gặp gỡ bất cứ ai, từ ông linh mục tới nhà sư, từ hàng ngũ tướng lãnh tới các thành phần chống đối chánh phủ. Điều đó không thể nào tạo nên một tội trạng. Tôi cũng giảm đi e ngại khi cho rằng cuộc gặp gỡ công khai với một ông Tướng Cục trưởng như vậy là điều đáng mong ước hơn những vụ bắt bớ tối tăm bởi các bàn tay hung bạo vô trách nhiệm từ cấp dưới. Và tôi bình thản tự quyết định sẽ ra trình diện sớm sau khi giao ước với toà báo khoảng thời gian sau sáu tiếng kể như tôi đã bị bắt giữ. Tôi cũng giao số điện thoại của Nguyễn cho cô thư ký nhờ báo tin tôi đi Trung vào ngày mai, trong thâm tâm tôi không muốn Nguyễn phải lo âu vì những khó khăn không đâu như vậy. Tôi cũng ngạc nhiên là ở giây phút mong manh này chỉ có một điều tôi nghĩ tới là Nguyễn.

Và buổi chiều cùng ngày, tôi đã có mặt trở lại

toà soạn với rất nhiều nỗi vui mừng của ông chủ nhiệm và các bạn đồng sự. Và không đúng như tôi dự đoán là nguyên nhân từ vụ cao nguyên, nhưng đó là hậu quả dắt dây của bài báo năm ngàn chữ về nhà sư Pháp Viên mà tôi đã dành cho Davis. Những dòng chữ chỉ trích quân đội của nhà sư đã gây nhiều phản ứng tức giận nơi một vài tướng lãnh. Đó là lý lẽ của cuộc gặp gỡ dần mặt sau đó với khung cảnh có nhiều vẻ bất thường và hăm dọa. Sau vụ đàn áp Phật giáo thành công, ông An ninh được vinh thăng lên tướng. Ông ném bản photocopy của tập téletype từ toà báo Davis đánh đi lên giữa mặt kính. Sẵn trên mặt phẳng đó là một khẩu Smith Wesson và một khẩu 6.35 dần trên một chồng những đồng bạc Mỹ kim mới. Khi cương khi nhu, nhưng lời buộc tội của ông thì hàm hồ, lên án báo chí đâm lụng quân đội và cá nhân tôi bị coi như một phát ngôn đắc lực của nhà sư Pháp Viên. Đó chính là điều mà tôi bị ông cay ghét. Tôi hiểu rằng sau chuyển bị dẫn độ vào Sài Gòn, nhà sư bị hoàn toàn cô lập và chánh quyền muốn tên tuổi ông phải bị quên lãng trong trí nhớ quần chúng. Phải nhận rằng nhà cầm quyền còn rất e ngại uy thế tinh thần của ông. Hành động của tôi như một đòn nặng trên chánh sách của nhà nước và có thể làm rung chuyển dư luận bên châu Mỹ. Một lần nữa tôi lại phải nghe ông Tướng Cục trưởng không ở trong nghề chỉ dẫn đường hướng và

cách thức làm báo. Điều đó cũng trở trêu như tôi làm cố vấn an ninh cho ông. Nhưng có điều sau chuyến gặp gỡ chín mươi sáu phút với ông Tướng ở Cục An ninh, tôi bớt thành kiến và có cảm tình với ông ta hơn. Đó là một mẫu người xô bồ và rất liêu lĩnh nhưng thẳng thắn và bộc trực ngay cả với đối thủ của mình. Ở tôi sự cứng rắn đương đầu coi bộ kích thích sự kiêu căng sẵn có nơi ông và ông Tướng có vẻ khoái chí. Ông thiếu cái lì lợm nham hiểm của nghề như tôi tưởng. Cũng vì vậy tôi tự cho là may mắn được bước vào bằng cửa chính gặp đích danh ông.

Hoạ vô đơn chí, sáng hôm sau tôi cũng lại may mắn thoát chết bằng một đường tơ kẽ tóc. Cộng sản bảo tấn công người Mỹ nhưng không một người Mỹ nào bị thương tích và toà cao ốc phía trước toà báo vẫn ngạo nghễ đứng đó, hoàn toàn vô sự. Ở những ngày khác, giờ đó tôi đang ngồi khể khà để uống ly cà phê dưới quán cô Tám. Vận mệnh nhiều khi chỉ phụ thuộc vào biến đổi của một chút thói quen, một ly cà phê sữa buổi sáng. Được tin Nguyễn hốt hoảng lái xe tới toà soạn tìm tôi trong khi mọi ngã đường còn bị phong toả. Đám phóng viên nhiếp ảnh như đám kên kên xúm vào đóng xác chết. Nguyễn mừng tủi khi gặp lại tôi và ôm hôn say đắm. Vừa qua cơn kích động, tôi bị mất phản ứng, ngực còn bị dồn tức vì sức ép. Đây về lo âu, Nguyễn hỏi tôi:

“Anh có sao không, để Nguyễn đưa anh về nhà. Anh cần nghỉ ngơi ít hôm còn đi Huế với em chứ.”

Tôi cảm động bảo Nguyễn:

“Không sao đâu, anh có thể đi với em cho tới suốt buổi tối.”

Nguyễn thắc mắc hỏi tôi:

“Làm gì mà anh bị gọi lên Tổng Cục An ninh?”

Tôi ngạc nhiên tại sao Nguyễn lại có thể biết, Nguyễn cười:

“Anh làm gì mà Nguyễn không biết, sao anh nói dối với Nguyễn là anh đi Trung, anh không muốn được em lo cho anh sao?”

Câu trách âu yếm của Nguyễn khiến tôi quên đi những tình cảm bận rộn về đời sống riêng tư của nàng. Nguyễn được nhắc tới với nhiều ghen tức và thèm muốn. Nàng là một cần thiết cho nhiều người và thậm hại là người đàn ông nào cũng cảm thấy một đặc ân mà người đàn bà dành riêng cho mình. Trước mắt tôi bây giờ là một người đàn bà hiền thực với giọng nói còn nguyên trong sáng. Không một điều gì có thể làm vẩn đục những ý nghĩ của tôi về Nguyễn. Nàng bảo tôi:

“Anh Triết ạ, em có ý nghĩ sẽ ra thăm Huế. Tết này anh và Nguyễn ra đó trước. Nguyễn muốn đưa anh về Vi Dạ sống những ngày con gái ở đó.”

Giọng Nguyễn trở nên xa vắng:

“Ở một tuổi nào đó mình bắt đầu thấy có những gì để mất đi như một giấc mơ.”

Tôi báo Nguyễn ở tình trạng này tôi muốn thôi làm báo và có thể sẽ ra Huế nhận dạy trường Mỹ Thuật ngoài đó. Tôi cũng đang cần sự yên tĩnh và hy vọng về trở lại:

“Anh khỏi lo, nhà Nguyễn ở Vĩ Dạ có vườn cây rộng bên bờ sông, buổi chiều chỉ còn nghe tiếng gió lướt trên những ngọn sóng.”

Người đàn bà mang rất nhiều kỷ niệm về quá khứ tuổi thơ và quê hương mình. Tôi tưởng tượng tới những cơn gió làm nhẵn mặt sóng và lùa qua những mái tóc. Nghĩ tới những biến động ngoài đó tôi hoài nghi báo nàg:

“Lâu em không về, Huế đã có rất nhiều biến đổi. Huế của tranh đấu cách mạng chứ không còn thâm lặng như xưa nữa.”

“Theo em đó chỉ là những sôi nổi nhất thời mà nhà báo thì bị lôi cuốn vào những ồn ào biến cố. Còn bộ mặt thật Huế là ở những nơi khác, sau những hàng dâu xanh: yên ngủ trầm tĩnh như tâm hồn một người đàn ông rất Huế.”

Tôi mỉm cười với ý nghĩ về người đàn ông rất Huế của Nguyễn. Nguyễn cho biết nàg đã về bộ Ngoại giao và có thể làm phụ tá đặc biệt cho ông Ủy viên một thời gian. Nguyễn sống hồn nhiên và quen thuộc với những đổi dời. Con chim sơn ca phải được bay cao và cất tiếng ca hót. Nguyễn nhất định lái xe đưa tôi về nhà,

không phản đối nhưng tôi đề nghị ghé qua toà soạn của Davis trước. Davis không có đó, viên thư ký cho biết anh đang có mặt trên hãng thông tấn AP và sẽ trở lại ngay sau đó. Phút hội ngộ thật hỗn nhiên, chính Davis hoàn toàn chưa biết những gì xảy ra, riêng tôi cũng không muốn nhắc lại một chuyện cũ. Không cần phải giới thiệu Nguyễn với Davis, hai người đã nhiều lần gặp nhau ở bộ Ngoại giao và có những liên hệ quen biết. Nguyễn không uống rượu, quen ý Davis vẫn pha cho tôi một cognac soda còn riêng anh thì whisky sec. Căn phòng nhỏ ấm cúng, một nửa tấm bản đồ yên vị trên nền tường trắng muốt. Davis vừa đi Tokyo hai hôm. Sự di chuyển đối với nhà báo được coi như một lối sống. Hướng về phía Nguyễn, Davis nói:

“Ồ Tokyo tôi có ăn cơm với ông Đại sứ và hỏi thăm cô thì được biết cô đã trở lại Sài Gòn và làm phụ tá văn hoá ở Bộ.”

“Cũng chưa có gì rõ rệt, và lại làm ngoại giao tôi không muốn phải sống mãi một nơi, nhất đó lại là Việt Nam.”

Câu nói của Nguyễn khiến cả tôi và Davis cùng cười. Nếp sống của nàng như không ăn nhập gì tới vẻ đẹp thuần hậu Á Đông trên khuôn mặt ấy nữa. Như xức nhớ ra điều gì, Davis bảo tôi:

“À tôi có gặp cả Kux nữa. Kux bảo có lần nói chuyện nghe anh thích Malraux nên hẳn gửi tặng cuốn Anti-memoirs bản tiếng Anh vừa xuất bản.”

Tôi cầm cuốn sách từ tay Davis và giờ tới dòng chữ của một trang cuối. Tôi có thói quen khỏi đầu cuốn sách bằng một trang cuối như vậy. Vừa lúc đó thì bác sĩ Ross tới, to lớn vui vẻ và ồn ào như một cơn gió ủa tới. Mới về Mỹ ông đã lại trở qua Việt Nam, không hiểu vì lý do nào sáu tháng nghỉ hè của ông bị huỷ bỏ. Hiện giờ thì ông vô cùng bận rộn để giúp ông Giáo dục mở rộng phong trào Thanh niên Sinh viên hướng về Nông thôn. Ross tự mở tủ lạnh lấy bia uống. Ross nói đột ngột như một khám phá:

“Phải công nhận rằng hệ thống phòng thủ các chung cư Mỹ chu đáo hết chỗ nói. Có chứng kiến hậu quả vụ nổ sáng nay mới thấy.”

Davis vội vã hỏi:

“Lại nổ ở đâu? Ở trong phòng lạnh chỉ thấy rung của kính.”

“Chỗ chung cư lớn nhất mới xây ở đường Phạm Ngũ Lão, cái hay là không một người Mỹ nào bị thương dù bọn khủng bố tấn công bằng lối cảm tử với hàng mấy chục kí lô plastic.”

Nguyễn ngọc nhiên nhìn tôi vẫn ngồi yên lặng, nhưng Davis khi nghe tên khu phố vội quay ra hỏi tôi:

“Hình như toà báo anh ở đường đó. Triết, anh không biết tin gì hết sao?”

“Thì ngay trước toà soạn, giữa lúc nổ tôi đang điện thoại bị xô văng ra khỏi ghế, tôi chỉ bị sức ép và xây xước vì gai nhọn của những mảnh kính vỡ.”

Câu chuyện xoay quanh vào những chi tiết tổn thất, những lý luận và giả thiết sau đó. Ross nhìn qua những ô cửa kính trong suốt, giọng trách móc Davis:

“Tôi đã nhiều lần bảo anh cho người dân bằng keo lên những tấm gương, các vụ nổ thường trở thành nguy hiểm vì thế.”

Davis cười, cái cười nửa miệng của một người bình tĩnh có kinh nghiệm với những phút nguy biến, Davis nói:

“Ở một tầng lầu năm thế này, nguy hiểm là khi nào tụi nó dùng tới hoá tiễn.”

Tất cả đều cười, vô tâm và bình thản. Tai nạn chiến tranh đã trở thành một cái gì thường nhật trong lối sống. Không còn ai để nhiều quan tâm vô đó nữa. Davis hỏi Ross về tin tức phái đoàn sinh viên giải độc ở Mỹ, bác sĩ Ross giọng phấn khởi nói:

“Thành công rực rỡ, không ngờ tụi nó khá như vậy. Chỉ gặp đôi chút khó khăn khi bị nghi kỵ là người của chánh phủ nhưng sau đó mọi sự trôi chảy như trên một bánh xe, và lại anh cũng biết, các giáo sư sinh viên và cả dân chúng Mỹ đều không biết tí gì về bên này, bởi vậy mọi dư luận phải được điều kiện hoá. Tôi cũng đang định thu xếp cho tụi nó làm một tour Âu châu sau khi rời Mỹ, đó cũng là một cách thưởng công cho tụi nó.”

Tôi hỏi Ross về chuyện học hành của hai sinh

viên Thượng vừa được ông đỡ đầu cho du học tại Mỹ. Có điều lạ là đa số học sinh Thượng đều muốn bỏ học đi Biệt kích cho Mỹ hoặc qua Cam Bốt theo phe khởi nghĩa.

Ngẫm nghĩ một lát, Ross giọng trầm ngâm nhắc lại một quan điểm của ông mục sư:

“Hãy trả cho César cái gì của César, tôi sợ rằng việc giao trả quyền tự trị cho các sắc dân thiểu số là điều không thể tránh được. Điều quan trọng là không để phí phạm thêm nhiều xương máu.”

Bác sĩ Ross đã nhắc lại nhiều lần cái ngày không thể tránh được ấy, The Inevitable Day. Ông bảo người Việt thường tỏ ra rất nhạy cảm về vấn đề chủng tộc nhưng tại sao họ chưa ý thức được cái sẽ đến và phải đến đó. Sau một chuyến đi dài, Davis hỏi lại chỗ ở của bác sĩ Ross:

“Sao anh còn ở ngôi biệt thự Duy Tân chứ? Có lần tôi tới chỉ gặp toàn các lãnh tụ sinh viên.”

Ross hóm hỉnh nhe răng cười, giơ tay làm một cử chỉ nói với Davis:

“Tôi mới mượn thêm một villa tuyệt đẹp ở Hiền Vương, hôm nào mấy anh lại chơi: có sân quần vợt và cả piscine tắm nắng nữa. Tôi để cái ở Duy Tân cho những người trẻ làm nơi gặp gỡ. Các Thanh niên Chí nguyện về Sài Gòn công tác tôi cũng cho ở đấy nữa. À chiều nay tôi có một cocktail mời một số nhà văn Việt Nam để giới thiệu họ với nữ sĩ Beko, tân tùy viên văn hoá toà

Đại sứ. Cô Nguyễn chắc là tháp tùng ông Ngoại giao còn ông họa sĩ và anh Davis thì riêng tôi mời tới đó.”

Không cần đợi một xác nhận, bác sĩ Ross xoay qua hỏi tôi về nhà văn Đào Khiêm và Hồ Lâm. Tôi liền tường tới Hiệp hội Nhà văn Tự do thành hình nay mai với bàn tay sắp đặt của Ross.

“Hãy hỏi tôi cái gì thuộc về hội họa, còn hai nhà văn kia tôi có nghe tiếng nhưng chưa đọc hết một cuốn sách nào do họ viết.”

Ross tỏ ra am hiểu tường tận nhiều vấn đề trong nhiều lãnh vực, ông biết khá chính xác về hai nhà văn kia:

“Hình như cả hai đều khá nổi tiếng. Hồ Lâm là nhà văn của thế hệ bốn mươi chống cộng mạnh mẽ và đề cao vai trò lãnh đạo của giai cấp tiểu tư sản; còn Đào Khiêm là một kiện tướng lãnh đạo nhóm nhà văn trẻ với nhiều khám phá văn chương lộng lẫy. Tôi rất tiếc là vốn liếng tiếng Việt của tôi không đủ để đọc văn họ, nhưng xem ra cả hai đều chịu ảnh hưởng nhiều của văn hoá Pháp, có phải vậy không anh?”

Từ khi bước chân vào nghề báo, tôi học thêm được đức tính là chịu đựng dễ dàng trong mọi trường hợp đông dài của cuộc đối thoại, nhất đó lại là với bác sĩ Ross. Tôi không thể trả lời khẳng định với ông ta một điều gì bởi những cái ông biết và điều nói ra luôn luôn có luận cứ. Bác sĩ Ross tiếp:

“Tôi đang nghĩ tới sự thiếu vắng của một tờ báo nghiên cứu như tờ Học Tập ở ngoài Bắc, tu tưởng phát biểu là những người có thực tế hành động. Còn ở trong Nam này, bộ óc ở một nơi, cánh tay lại ở một chỗ khác: cái nguy cho chính chúng ta là ở chỗ đó.”

Tôi đang nghĩ tới phong trào lập thuyết ở miền Nam, tới cuốn Triết lý Hai cuộc Cách mạng của tướng Thuyết và một lần nữa Ross đã suy luận không phải là sai. Khi nhận định về những người Mỹ sang đây, Davis đã có một cái nhìn thật sâu sắc: đa số không thể thích ứng, nghênh ngang vì ngu xuẩn, thiếu trí tưởng tượng và óc sáng tạo. Nhưng Ross là một thiếu số ngoại lệ vượt xa lên trên những nhận định đó.

Thuốc tê tan đi, những mũi khâu gây đau nhức, ống huyết thanh vừa chích bắt đầu có phản ứng như muốn lên cơn sốt. Trán dập dính mồ hôi. Nguyễn nhìn tôi bằng ánh mắt âu yếm lẫn lo âu. Ross uống tới chai bia thứ ba, tôi đi lại quẩy rượu tự tay rót nửa ly Scotch nốc cạn hết. Tôi cảm thấy rõ dòng rượu chảy suốt một lồng ngực nóng. Ross từ giả mọi người để tới dạy một giờ ở ban Cử nhân Công pháp. Davis khép cửa, vui trở lại nói với tôi:

“Sao mà ông ấy ôm đồm đến như vậy, cả đến những khó khăn ở quốc hội tôi cũng thấy các nghị sĩ tới nhờ ông giàn xếp.”

“Đó là một bộ óc siêu việt, nhúng tay một lúc

vào nhiều việc mà không điều gì chứng tỏ bác sĩ thiếu chu đáo.”

Davis mua từ Tokyo cho tôi một bộ sưu tập hội hoạ thế giới của tổng thống Sokarno, ngoài cô vợ bé thật xinh đẹp, ông này còn là một tay chơi rất nghệ sĩ. Tranh và điêu khắc đủ loại, từ cổ điển tới hội hoạ mới trên khắp thế giới: từ nét lập thể của Picasso tới nét mơ màng của bức tranh lụa đặc biệt Việt Nam. Davis nói:

“Tại chưa được coi tranh anh chứ không ít nhất ông ta cũng giữ cho được một bức.”

Khuôn mặt Nguyễn mơ màng khi cười, hình ảnh nàng như xa ra sáng rõ trên một nền tăm tối. Tôi mệt, thật sự thấm mệt và muốn được thả mình xuống nghỉ ngơi nếu không có người đàn bà ở đó. Ra tới thang máy, trong lồng tối, Nguyễn níu cổ tôi xuống hôn nói:

“Anh phải nghỉ, cả hôm nay Nguyễn không cho anh đi đâu, muốn ăn gì sẽ tự tay em nấu.”

Tôi mệt nhưng vẫn muốn làm một cử chỉ biết ơn Nguyễn. Tôi cúi hôn nhẹ trên mái tóc thơm của nàng, cử chỉ đó thay cho một câu nói như trong một giấc mơ. Tôi có ý định sẽ vẽ chân dung Nguyễn, hình ảnh thoáng bắt được là một khuôn mặt sáng rõ mơ mộng trên một nền thật tăm tối. Nguyễn ở lại với tôi suốt một ngày, bàn tay thu vén của người đàn bà đem tới cho căn phòng một không khí biến đổi đầm ấm. Những nốt nhạc dịu làm nền cho tiếng cười và giọng nói

trong như thủy tinh của Nguyễn. Nàng không tới dự cuộc tiếp tân các nhà văn tại tư thất của bác sĩ Ross, bỏ cả bữa ăn tối đã hẹn với Davis. Chúng tôi chỉ ăn xúp và nước trái cây. Nguyễn cố dỗ cho tôi ngủ, còn nàng nằm bên tôi đọc sách đến thật khuya. Tôi chống cự cho khỏi phải thiếp đi nhưng giấc ngủ vẫn tới như một cơn mê êm ái: của một tiếng gà gáy sáng, vài tiếng chim run trong lá, của ánh sáng nên thơ qua khung cửa như rắc đầy bụi phấn, của nước mắt và giọng nói hân hoan cùng những hy vọng dừng ở đó. Hạnh phúc chỉ là nỗi mệt mệ thức giấc khi người đàn bà đang hôn ngay trong giấc mơ của mình.

CHƯƠNG MƯỜI BẢY

Tôi không bỏ lỡ dịp để gặp và tìm hiểu thêm về tướng Thuyết khi được biết cái viễn tượng sẽ trở về cao nguyên của ông. Sau vụ chính lý, như một người hùng tướng Thuyết trở lại Đà Nẵng, ở đó ông đã đi thêm một bước nữa và thành công: các đội DSCĐ tại mấy trại LLDB gần Đà Nẵng trên hình thức đã bị đồng hoá vào lực lượng Nghĩa quân mặc dù gặp rất nhiều khó khăn về tiếp vận do áp lực của bộ Tư lệnh Mỹ. Ở lần gặp gỡ trong Sài Gòn, tướng Thuyết đã không giấu nổi vẻ kiêu hãnh sung sướng khi tôi nhắc lại dư luận cho rằng ông là một yếu tố cần thiết cho sự ổn định cao nguyên. Chính ông cũng bày tỏ sự tha thiết và ước muốn trở lên đó khi vùng địa đầu này có người thay thế và ông cũng tỏ vẻ buồn rầu về cái sự thế không thể thay thế được của mình. Người Mỹ cũng thấy ông là

người duy nhất ở giai đoạn hiện tại có thể giữ vững miền Trung và hậu thuẫn lớn nhất mà ông có được là thái độ hoà hoãn của Phật giáo. Từ Sài Gòn đã có tin đồn mấy hôm trước Huế trở lại rục rịch. Tôi theo chân phái đoàn chánh phủ ra Huế trong nỗi e ngại chờ đợi đó. Dù vậy tôi vẫn tin theo nhận định của bác sĩ Ross, là Huế khó có những dao động trở lại sau ngày ra đi của nhà sư Pháp Viên, linh hồn của mọi cuộc tranh đấu. Không phải lần thứ nhất tới Huế nhưng thành phố đó sau này đã có một cái gì đổi khác. Từ cửa sổ máy bay nhìn xuống, Huế như một ốc đảo cô quạnh giữa một dải Trường Sơn đầy sỏi đá. Vài ngọn núi đất rất thấp và dải sông Hương trắng nước chảy lặng lẽ. Nơi mấy trăm năm ngự trị của cả một triều đại với sự nghiệp không mấy lẫy lừng ở đó. Mang tiếng là kinh đô nhưng lại rất bất tiện về địa thế, khó khăn về giao thông. Tóm lại ngoài cái di tích của lịch sử thì đó là một thành phố không có tương lai, không có giá trị về chiến lược, không khả năng về kinh tế nhưng bởi nhiều tự ái người ta khoác thêm cho nó chiếc áo gấm văn hoá. Các đại học mọc lên như nấm, thành phố chỉ gồm những công chức và sinh viên. Số sinh viên gia tăng đông đảo và ứ đọng với sự học của họ ngay nơi quê nhà. Văn hoá là một trách nhiệm mỗi một và quá lâu dài trong khi chiến tranh làm họ hết kiên nhẫn. Từ văn hoá thâm lạng chuyển qua cách mạng sống

động chỉ còn là một bước ngắn, những bước từ giảng đường trầm tĩnh xuống những con phố huyền ảo để la hét với nhiều vẻ đấu tranh và ít phần trách nhiệm cũng từ đó.

Chiếc Cessna hạ êm ru trên một nửa phi đạo nhỏ hẹp. Che lấp ở phía xa ngăn cách với thành phố là bức tường thành phủ xám rêu phong. Xe đưa chúng tôi ra khỏi giới hạn khu quân sự, sau đó tôi tự đi bộ về khu sinh hoạt của thành phố. Sự vắng lặng thật sâu thẳm, ngào ngạt gió từ hồ đưa lên hương thơm của những bông sen, lẫn với mùi trầm hương của nơi am thanh cảnh vắng. Cũng như cái triết lý nhu hoà của đạo Phật, cái vắng lặng thâm u của Huế không phải là quê hương thích nghi của những quá khích tranh đấu. Hình như có một sự khác biệt rất xa giữa thực trạng ở đây và các tin tức thổi phồng trên báo chí. Qua những tuần gọi là tranh đấu, Huế vẫn có một khuôn mặt sinh hoạt bình thường ngoại trừ những biểu ngữ khẩu hiệu đã treo dán rải rác, các chữ bãi khoá bãi thị kẻ sơn còn lưu vết trên nền tường. Các cô nữ sinh Đồng Khánh đã lại tóc thể áo dài trắng tới trường đi học. Ở một ngã tư người cảnh sát chờ mong có xe cộ chạy qua để làm nhiệm vụ chỉ đường. Nơi bến Toà Khâm trước khu Đại học, các tàu há mồm của Mỹ đang đổ lên bến chống chọi những thực phẩm và đạn dược, đám trẻ con xúm quanh đùa giỡn với mấy anh lính Thủy quân Lục chiến Mỹ.

Dấu vết của những ngày mà báo chí mệnh danh là máu lửa chỉ có vậy. Công việc đầu tiên của tôi là tới bưu điện gửi một điện tín về toà báo và tôi cũng gặp Vy ở đó. Một khuôn mặt cố hữu của các cuộc tranh đấu. Hắc gầy và xanh xao hơn xưa sau khi được thả ra. Vẫn cái khuôn mặt nhiều khổ sở, đôi mắt sáng và thoáng vẻ buồn rầu, hắc đón tôi với rất nhiều vốn vã. Vy đoán có lẽ tôi vừa ra với phái đoàn ông Tướng, tôi chỉ cười và hỏi thăm về Đại hội sẽ khai diễn vào ngày mai. Vy dạy học ở Khải Định cùng một lúc hắc vẫn kéo dài cuộc sống sinh viên với một luận án tiến sĩ về Hát Bội còn dở dang. Tuy rất ít làm thơ nhưng thực sự hắc là một thi sĩ. Một bài thơ của hắc đã được phổ thành một bản tâm ca với thật nhiều rung động. Bản chất ham tranh đấu với một tâm hồn lai láng nghệ sĩ nên hắc quan niệm cách mạng với nhiều vẻ lãng mạn tiền chiến hơn là khả năng thích nghi với thực tại.

“Anh nghĩ sao về ông tướng Thuyết?”

Vy bất chợt hỏi tôi và đó cũng là câu hỏi mà tôi muốn được biết từ phía những người tranh đấu. Không rõ hắc dò hỏi tôi với một đích nào, tôi chỉ trả lời một nửa câu hỏi và phần sau thì đưa tới một nghi vấn khác:

“Tôi cũng chỉ biết ít về tướng Thuyết khi ông còn tại chức trên cao nguyên, về quân sự có lẽ ông là một vị tướng tài ba nhưng còn ở địa hạt khác thì tôi không rõ lắm. Cứ như lối giải

quyết vấn đề các sắc dân Thượng và người Mỹ thì ông có vẻ là tay cứng rắn và hơi thiếu chánh trị. Nhưng sau này tôi nghe nói ông Tướng đã có thêm nhiều cố vấn?”

Vy như tán đồng một phần ý kiến của tôi nhưng hẳn vẫn đưa ra những nghi vấn mâu thuẫn về tướng Thuyết:

“Khá hơn bọn kia là ông có vẻ có tinh thần quốc gia yêu nước biết yêu thích cách mạng, dân chúng và cả các thầy ở đây chấp nhận ông một phần cũng vì lẽ đó. Phải cái ông Tướng còn quá nhiều do dự lừng khừng đối với bọn trung ương, cái dè dặt phải có của chúng tôi cũng vì vậy. Hiện thời đám sinh viên cũng có rất nhiều cảm tình với ông Tướng và chắc anh cũng đã biết ngày mai tướng Thuyết được mời đọc diễn văn trước Đại hội.”

Trên đường đi tới đài phát thanh, Vy đã một lần chấp tay kính cẩn cúi rạp người thi lễ với một nhà sư già ngồi trên một xích lô đi qua. Tôi quay ra hỏi Vy về nhà sư Pháp Viên:

“Về thượng toạ Pháp Viên, có đúng phần nào không những dư luận nói về ông qua báo chí?”

“Cũng không hẳn là sai, mỗi người chỉ bắt được một hai chi tiết rồi cố gắng thổi phồng lên, coi đó như là cá tính của thầy. Sự thật thầy vẫn chỉ là một thiền sư với một tâm hồn lai láng nghệ sĩ.”

Vy có những nhận định riêng về nhà sư. Ông

có sức mạnh trong quần chúng nhưng lại từ chối đám đông và ưa một nếp sống cô đơn trầm tĩnh. Rất giỏi về thần học và cổ ngữ nhưng ông cũng lại ham mê đánh cờ hoặc ngồi thảo những nét bút tự tuyệt tác. Xuất thân tu hành nhưng ông lại quá thiết tha với đời, ông có những nhận định sắc bén về thời cuộc và ý kiến của ông thường có ảnh hưởng tới chánh giới nhất là với phe tranh đấu.

“Đủ hạng người, kể cả ông Tướng đều mong gặp thầy để xin được hậu thuẫn nhưng ít khi có ai được toại nguyện, bản chất thầy vốn phóng khoáng và không ưa như vậy.”

Vy dẫn tôi vào phía trong Đài phát thanh. Đủ các lãnh tụ sinh viên và thành phần Ủy ban tranh đấu đang làm việc rộn rịp ở đó. Trên một chiếc bàn vuông dài, bừa bãi những tài liệu và báo chí. Mọi tư tưởng được tự do phóng thả: Tư bản luận, chủ nghĩa Mác, tinh thần quốc gia dân tộc, triết lý Phật giáo. Những điều vừa tìm thấy ở sách vở, cả những suy tư và khám phá mới đều được nói ra. Đài phát thanh bấy lâu vẫn bị chủ lực sinh viên chi phối nắm giữ. Không khí làm việc thật hứng khởi và đầy vẻ cách mạng. Những bài viết ra đều rất ít sửa chữa và đem phát thanh ngay: những ý kiến trái ngược nhau trên cùng một quan điểm cũng bởi tại chỗ đó. Làm sao Sài Gòn có thể phán quyết về họ khi không cùng ở trong những điều kiện sinh hoạt như thế. Và đây

cũng là một trường hợp trong rất nhiều trường hợp khó xử của tướng Thuyết. Tôi đặt vấn đề đó ra với Vy, có lẽ hẳn cũng ý thức được những khó khăn, hẳn đưa ra một quan điểm chiết trung:

“Vấn đề cho cả hai phía là đừng bao giờ đẩy nhau vào sát chân tường, chính tôi cũng đã nói với các anh em trong Ủy ban nhưng phần lớn họ thì quá trẻ và quá nhiều hăng hái, thật khó mà bảo họ đừng tiến tới.”

Tôi ở lại nói chuyện với bọn họ đến xế chiều, sau đó Vy rủ tôi xuống tắm dưới sông Hương. Buổi tối về nhà Vy, cùng với tôi có một nhạc sĩ nổi danh về dân ca. Căn nhà cổ xưa ba gian nhoi giữa một vườn cỏ hoang mọc tới gối. Trong nhà đã tối thui ngay từ chạng vạng, không có điện không có những tiện nghi tối thiểu của một xã hội văn minh. Ngoài những sách vở, Vy như đã không sống trong cái thời đại của mình. Tôi không thể hiểu được cái mức độ ẩn nhẫn để hẳn có thể sống trong cái tịch mịch của côn trùng và cỏ cây bên một dòng sông phẳng lặng như tờ. Mới chín giờ mà tưởng như đã rất khuya, hai chúng tôi nói chuyện tới gần bốn giờ rưỡi sáng. Ở phần của giấc ngủ còn lại tôi nghe xa gần như trong giấc mơ tiếng ếch nhái và những con sóng nhỏ do một chiếc thuyền nào đó vừa đi qua vỗ róc rách vào những tảng đá trong bờ.

Buổi sáng hôm sau tại đại hí viện, tướng Thuyết đã đọc một bài diễn văn tuyệt tác trước

một đại hội đông đảo sinh viên. Bài diễn văn đã phải ngắt đi nhiều lần bằng những tràng pháo tay rung chuyển cả nhà hát lớn. Với đề tài triết lý hai cuộc cách mạng, ông Tướng đã thành công trong mục đích khích động máu nóng của tuổi trẻ và giải quyết được những mâu thuẫn nội tại giữa những khó khăn éo le của thực tế. Sự xuất hiện của ông Tướng sẽ thật hoàn hảo đúng như dự liệu của nhà văn nếu không có những bộ sắc phục của đám Cảnh sát Dã chiến bố trí quanh nhà hát lớn. Đang từ những phút cảm tình hoan hô chuyển ngay sang cái không khí công kích căng thẳng là điều không ai có thể ngờ. Ông Tướng giận dữ, đám sinh viên phẫn uất, cả hai bên đều bị tự ái tổn thương khó mà cứu vãn và ngay sau đó Đại hội bị giải tán trước con mắt buồn rầu của nhà văn và nhất là ông Giáo sư. Ông Tướng thì lên trực thăng bỏ ngay vào Đà Nẵng, không biết những ngày sắp tới sẽ thế nào. Tôi gặp lại ông Hoàng Thái Trung ở đó. Như một con thoi ông phải dạy cùng một lúc cả ba đại học, hiện tại thì ông đang ở tuần lễ thứ hai ngoài Huế. Khi nhắc tới bài diễn văn của ông Tướng, ông Trung bày tỏ sự khâm phục đối với ngòi bút đượm sinh khí và đầy lửa của nhà văn và cũng lại tỏ ý hoài nghi về vai trò chánh trị tương lai của tướng Thuyết:

“Làm sao anh biết bài diễn văn là của nhà văn?”

“Có bài diễn văn nào ông Tướng đọc mà không phải của ông ta, và lại văn là người, cái bút pháp đặc nhạ lồi cuốn ấy chẳng thể không phải của nhà văn.”

Ông Trung hỏi tôi về những cuộc biểu tình ở Sài Gòn. Ông cũng hỏi thăm về tình trạng của nhà sư Pháp Viên với nhiều nỗi lo ngại. Tôi bảo đó cũng là mối quan tâm lớn của tướng Thuyết, đang có vận động cho nhà sư được thả ra và không biết là ngày nào. Ông Trung nhắc tới dự định làm báo ở Huế và hỏi tôi:

“Khi nào anh mới định ra nhận dạy ngoài này? Có lẽ anh em mình tính chuyện ra lại một tờ báo.”

“Tôi cũng chưa hứa chắc với bên Mỹ Thuật nhưng có thể là sau Tết.”

Tôi cũng thích được ra đây đổi một không khí yên tĩnh và hy vọng về trở lại.

“Có lẽ tất cả phải đi lại từ bước đầu.”

Tôi nói với ông Trung về dự định viết một cuốn sách khảo cứu cao nguyên mà quan điểm đưa ra là người Thượng người Kinh có cùng một nguồn gốc. Đó là điều rất trái ý với ông mục sư. Ông Trung tỏ vẻ tán đồng và có những khuyến khích:

“Vấn đề này được tôi tham khảo với nhiều công phu tìm kiếm, khi phải giảng dạy cho sinh viên ở Văn khoa, tôi cố gắng đưa ra phổ biến những quan niệm mới như thế.”

Tôi lại nhắc tới đề nghị của một tờ báo sinh viên về việc thiết lập một viện nghiên cứu các sắc tộc và một phân khoa Nhân Chủng trực thuộc Viện Đại học. Tôi nói:

“Với sự hướng dẫn của giáo sư, sự góp công nghiên cứu của lớp người trẻ hăng hái ở đại học là điều quá cần thiết. Hy vọng năm mười năm sau khi cần tìm biết về vấn đề nhân chủng, khu đại học Nhân văn có thể cung cấp những cuốn sách giá trị do chính người Việt Nam viết.”

Ông Trung có vẻ rất quan tâm tới đề nghị này và cũng cho biết bao nhiêu khó khăn đặt ra sau đó. Sáng kiến không thể khởi đầu từ ông khi mà chánh quyền và cả những đồng nghiệp đã cô lập ông, coi ông như thành phần trí thức thiên tả và đối lập. Điều mà ông có thể làm là những cố gắng cá nhân vùng vẫy.

Buổi tối về nhà ông Trung và ở lại trong cư xá giáo sư đại học trên Bến Ngự. Từ một lầu ba căn phòng có một cửa trông ra sông. Bên kia cầu dốc Nam Giao như chìm sâu vào bóng đêm âm u. Tiếng côn trùng rên rĩ đều đều, tiếng cạp muối của những con ếch ương dưới sông chỉ gợi nỗi nhớ của những trang lịch sử ảm đạm buồn rầu. Làm sao người ta có thể nung chí trong sự nẫu nà như vậy để mà trở thành phi thường như bộ óc của nhà sư Pháp Viên. Tôi cũng liên tưởng tới cái vẻ hừng chịu của những người đàn ông Huế qua lối nhìn cay đắng của Nguyễn. Lúc này

thì tôi đang nghĩ và nhớ tới Nguyễn với thiết tha và hy vọng. Một mai tôi ra đây, ở một căn phòng như vậy, liệu con sơn ca có nghĩ cánh bay để sống những ngày giờ hạnh phúc. Trong óc tôi lại hiện rõ khuôn mặt rạng rỡ của Nguyễn nổi bật trên một nền thật tăm tối. Với không khí này tôi hy vọng về trở lại. Ở một căn phòng đầy sách báo bừa bãi tôi hỏi ông Trung:

“Sao anh không đem chị theo, có bàn tay người đàn bà đời sống cũng trở nên dễ chịu.”

“Thì dĩ nhiên rồi nhưng phải cái tôi dạy nhiều nơi, chỗ ở ngoài này cũng chưa nhất định, nhà tôi lại bận con nhỏ nên cũng muốn thu xếp ở luôn trong đó. Nếu đời sống có nhiều ân hận thì phải kể trong đó chuyện tôi lấy vợ sớm.”

Câu chuyện của ông Trung khiến tôi có cảm tưởng anh sống trong một cảnh gia đình không có hạnh phúc. Tôn trọng đời sống riêng tư của ông, tôi không nói ra những thắc mắc. Vừa rót dòng cà phê nóng vào từng chiếc ly sứ trắng, ông Trung nói:

“Trí tuệ tôi lúc này bị ngưng trệ, ngồi bút đuổi chạy một cách khó khăn. Nhìn lại những gì đã viết tôi chỉ thấy co quắp buồn chán, lẽ ra tôi phải biết sớm hơn để ngừng lại ở đó. Tất cả vấn đề phải duyệt xét lại, xét lại từ đầu để tìm ra những đường hướng mới.”

Dưới con mắt của đám sinh viên trẻ, ông Trung được coi như thần tượng, một trí thức dẫn

thân, chữ của ông Trung. Vậy mà ông cũng có những nỗi băn khoăn thất vọng. Ông Trung cô đơn trong sự yêu mến của nhiều người khác. Đôi mắt sáng và buồn của ông soi qua một làn kính trắng dày, trông ông Trung trở trội như một ảnh tượng đầm nét bơ vơ trong một không gian bạc màu. Tôi muốn kéo ông ra khỏi cái vũng nhiều buồn thảm khi nói tới đám nhà báo sinh viên vẫn thường chỉ trích ông. Đi vào nhận định, ông Trung luôn luôn giữ nguyên phong độ sắc bén:

“Tôi đã nói là tất cả vấn đề phải duyệt xét lại, xét lại từ đầu. Tôi tự thấy có trách nhiệm là đã gây một sức đề kháng và chống đối tiêu cực trong quần chúng. Cái lối chống đối để khỏi phải xây dựng đó chính là một trở ngại cho những mục tiêu xây dựng quốc gia. Tôi đã tới thăm toà soạn của họ, biết rõ cái không khí sinh hoạt dân chủ phóng túng của những cây bút tài tử này và hiểu rõ họ có thể đi tới đâu. Tôi thì vẫn thích những tay nhà báo này, tôi có ý nghĩ họ như một chất men cho những sinh hoạt quốc gia.”

Ông Trung bảo:

“Nhận đối thoại với họ là không biết sẽ đưa mình tới đâu, nhiều khi tôi cũng thấy rất mệt vì họ chỉ trích nhưng tôi hiểu họ thêm hơn sau đó. Và lại né tránh theo tôi cũng là một khuyết điểm lớn của giới đàn anh, như con đà điểu chui đầu xuống cát nhưng rồi vẫn phải đối đầu với mọi sự thật.”

Những giọt cà phê đã bắt đầu nguội lạnh và để lại một dư vị đắng trên đầu lưỡi. Giọng ông Trung lúc nào cũng giữ được vẻ tha thiết, ông nói với họ mà như độc thoại với nội tâm của chính mình và ông thì cũng đang tìm kiếm loay hoay như chính bọn nó. Lập trường của ông đã có những dấu hiệu thay đổi và nghiêng về một lựa chọn. Ông Trung có vẻ hết kiên nhẫn, sức mạnh ông là ở tư tưởng ngời bút mà xem ra sau này ông lại tin vào hiệu quả của hành động. Cũng như Kux nhận định, sức mạnh Phật giáo không ở nơi khí giới bạo động mà xem ra đám môn đồ lại muốn đi tới cái đích đó.

Có vợ chồng ông giáo sư luật khoa sang chơi, tôi đã có lần gặp ông trong nhóm cố vấn ông Tướng. Chúng tôi nói đủ mọi chuyện đến thật khuya. Khi vào giường ngủ mỗi thớ thịt đều tê mỏi, tâm hồn cũng tê mỏi, tôi không còn muốn làm thêm một cử động nào nữa. Buổi sáng tôi trở dậy rất sớm khi bầu trời còn đầy sương. Lao xao những tiếng động trên mặt sông và dưới bến. Của những người đàn bà gồng gánh đi chợ, của những cô gái Huế xuống sông gánh nước. Từ cửa sổ nhìn xuống những lá cây ướt rù sương, dưới bến những người con gái áo trắng đang ngồi giặt vui vẻ nói chuyện hay se sẽ cất lên tiếng hát. Phía Từ Đàm xa xa vẳng lại tiếng chuông chùa ru êm ả những đám mây và làm bật cả những tiếng chim ca hót. Có lẽ Nguyễn sẽ

nghe tôi ra sống ở đây ít lâu, trong cái u tịch của thế giới lãng tử này để tìm lại không khí cho hội hoạ và hạnh phúc.

CHƯƠNG MƯỜI TÁM

Tôi xuống phi trường Phú Bài để chờ chuyến bay vô Đà Nẵng. Cũng chuyến bay đó chở Đức Tăng Thống từ Sài Gòn ra Huế. Vị giáo chủ này có vẻ kiệt sức và già nua khi người ta phải đỡ dìu ông lên xe trước đông đảo Phật tử cúi rạp đầu thi lễ trên bước đường ông đi qua. Cờ Phật giáo treo ngợp phòng khánh tiết phi cảng, đoàn xe nghênh rước kéo dài hàng cây số với cờ xí chở phái đoàn Tăng Thống đi vào thành phố. Mặc dù già yếu bệnh hoạn, Tăng Thống ra Huế lúc này là một trấn an cho tinh thần đang dao động của Phật tử. Trong đám xe tôi nhận thấy xe chánh phủ và quân đội, tất cả đều cắm cờ ngũ sắc rực rỡ của Phật giáo. Và ở lúc này tôi đang nghĩ tới cái thế lưỡng nan của tướng Thuyết khi vừa phải thoả hiệp vừa thi hành lệnh giành lại quyền

kiểm soát về trung ương. Tôi bị vây bọc bởi cái ý nghĩ đó trong suốt chuyến bay đi Đà Nẵng. Sau những rắc rối với đám sinh viên Huế, tôi cũng muốn gặp lại tướng Thuyết ở Đà Nẵng cùng là thăm viếng một số trại Dân sự Chiến đấu Thượng vừa cải tuyển. Xem ra cao nguyên với những thung lũng xanh và núi cao trùng điệp, đầy nắng vàng và bát ngát hương thơm của hoa cỏ đại hấp dẫn tôi nhiều hơn giấc ngủ của những biến động trong thành phố.

Nhà văn cho biết tướng Thuyết lại vừa tức tốc trở lại Sài Gòn, không có dấu hiệu gì nghiêm trọng nhưng có rạn nứt của trung ương mà sự hàn gắn phải nhờ tới ông. Không có mặt ông Tướng, nhà văn cũng không thiếu về bận rộn nhưng ông cũng chu đáo sắp đặt cho tôi nhiều cuộc thăm viếng sau đó.

Suốt một ngày di chuyển từ những ngọn đồi khô héo vùng Lệ Mỹ đến bãi cát nóng Chu Lai, tôi bị say nắng và thấm mệt. Với thói quen, tôi sẽ vào bàn viết ngay buổi tối để tránh những ngưng đọng lười biếng sau đó. Chưa lúc nào tôi cảm thấy khó khăn như hiện giờ, bỗng chốc tôi bị mất cái khả năng liên hệ với thực tại. Có bao nhiêu điều phải viết, tôi sẽ cầm bút bắt đầu bằng hình ảnh nào, Chu Lai hay vùng nước mắt của người Mỹ, khuôn mặt căng thịt đỏ hồng của viên trung tá Clark hay nước da chì tái của một bác nông dân. Chỉ biết sau vài tháng bộ mặt đồng

quê đã có rất nhiều biến đổi, từ những tàn cây xơ xác với những thửa ruộng đọng úng bùn lầy di sang những bãi cát nóng bỏng hun nóng hai mặt tôn: chỉ những cây xương rồng hay cỏ gai mới có thể mọc và sống ở đó. Ông Giáo sư tới kiểm tôi và cho biết có thể tướng Thuyết sẽ trở ra buổi chiều, ông ngỏ ý mời tôi đi ăn tối nhưng trước đó như một phép xã giao ông muốn cùng tôi ra ngoài phi trường đón ông Tướng. Vì nghề nghiệp tôi cũng muốn gặp lại ông Tướng nhất là sau chuyến đi Sài Gòn, chắc sẽ có nhiều tin mới.

Trời về chiều, từng cụm mây tái dần trên cao. Ngoài xa sân bay từng hai chiếc phản lực Phantom phụt lửa trên phi đạo, cùng một lúc cất cánh ném lại phía sau những âm thanh nổ bùng xé rít. Các phi cơ quân sự, những trực thăng xám thay phiên lên xuống tạo nên cả một vùng tiếng động huyền ảo. Chuyến Caravelle từ Sài Gòn lẽ ra phải tới từ bốn giờ. Mọi người nôn nóng chờ đợi. Vài ký giả ngoại quốc nhả nhỏ, để tranh thủ thời gian họ ngồi viết bài ngay trong quán giải khát. Trên mặt bàn đá thấp, những ly chai nước ngọt và rượu. Cùng ngồi với tôi có ba người: một giáo sư đại học luật khoa, một nhà văn nhà báo lão thành và một đại thương gia tiếng tăm người Huế. Câu chuyện đang xoay quanh những giao động sau vụ hội thảo và thái độ của tướng Thuyết. Vì tất cả đều ít nhiều liên hệ mật thiết với ông Tướng. Họ là những người của thời cuộc,

bắt đầu hăng hái hoạt động sau cách mạng mà vai trò quân đội với cách mạng là điều kiện thiết yếu của một tình trạng quá hỗn mang. Đó cũng là lý do giới trí thức đầu tư nặng vào các tướng lãnh. Ông giáo sư bảo:

“Nói thật với các anh, bản thân tôi chẳng phải là cách mạng nhưng tôi rất khoái có cách mạng và đó là lý do tôi phải giúp bọn trẻ đi tới.”

Lời nói ông giáo sư đượm vẻ thành thật. Cách mạng vốn đòi hỏi nhiều gian khổ mà giáo sư thì vẫn muốn sống ở xã hội trên cao nên sự dẫn thân của ông mang một sắc thái xót thương cúi xuống. Đến lượt ông đại thương gia lên tiếng:

“Tôi ngán chánh trị lắm, quen với ông Tướng là tình bạn vậy thôi chứ tôi không có ham muốn chi hết.”

Cũng để chứng tỏ cái ngán chánh trị, ông say sưa kể lại những hành hạ tù đầy mà ông phải chịu trong suốt chín năm dưới chế độ cũ. Hồi đó ông bị kết tội kinh tài cho ngoài kia nhưng ông bảo thật sự ông làm kinh tài cho cách mạng. Ông nói:

“Cứ nghĩ tới lúc bị tụi mật vụ torture mà tồn, may mà không bị nó thủ tiêu. Bây giờ sống mà nghĩ lại cũng thú.”

Cái thú nhất là ông ở trong số những người được hưởng công ơn của cách mạng không ít. Tuy không có vẻ gì là đói thuốc, nhà văn vẫn tỏ ra ít nói. Thật khó mà phủ nhận rằng văn

chương của ông thừa chất nhựa lồi cuồn. Nhà văn bảo ông chỉ có thể giống họ về chủ trương nhưng ông khác hẳn mọi người ở đường lối đi tới của cách mạng. Tác phẩm khiến ông nổi tiếng nhưng hùng biện biến ông trở thành một lý thuyết gia. Ông bảo:

“Khi mình nói chống là ngụ ý mình muốn bênh một cái gì. Nói trắng ra dưới thời ông Diệm mình nói chống cộng tức là muốn bênh chế độ ông ta. Bây giờ thì hết rồi, từ ông Thủ tướng tới cậu sinh viên đều nói theo húng mình. Hết sắt rồi đến máu, nói chống cộng mà cũng lại y như cộng sản thì tranh đấu cái nổi gì.”

Cách mạng phải có lửa phải được hâm nóng, xem ra ông vẫn rầu rầu đầu tư vào cách mạng với tấm lòng nguội lạnh. Người ta bảo ông thuộc lớp người già nhưng ông tự cho mình không đúng vào lớp tuổi bị đào thải, ông vẫn muốn sát cánh với bọn trẻ đi tới. Ông có cả một kho kinh nghiệm với kháng chiến chống Pháp và cộng sản. Ông cả quyết:

“Lý thuyết cộng sản không còn đúng nữa, đến lúc này điều đó khỏi cần chứng minh, nhưng cuộc tranh đấu hiện tại vẫn cần phải có một cái gì, không phải chỉ có nói chống mà có được chánh nghĩa. Tôi muốn nói đã tới lúc phải trở về quê hương riêng của chúng ta.”

Người lớn tuổi giống nhau ở chỗ thích nói về quá khứ mình. Riêng nhà văn khác bạn hữu ở

chỗ đó. Ông giống bọn trẻ ở chỗ thích nghĩ và bàn tới tương lai. Tôi mãi nhìn những khuôn mặt nồn nóng chờ đợi và tưởng tới nỗi vui mừng khi thấy mấy người ra tận sân đón bắt tay cho được ông Tướng. Biết nhà văn muốn hướng cuộc đối thoại về mình, tôi cũng chỉ bày tỏ một cách lơ đãng:

“Đúng Mác-Lê không còn sống để biết rằng mình sai, một thế giới đại đồng chỉ có trong ảo tưởng. Cuộc chiến đấu nào cũng phải hướng về quê hương. Làm gì có một chủ nghĩa quốc tế, chỉ có cộng sản Trung Hoa hay Nga Xô, trở về quê hương đó chính là biên cương quốc gia.”

Nghe tôi nói nhà văn giãy nảy lên vì một nhận định rất sai ý mình:

“Không, đâu có phải vậy. Điều mà tôi muốn nói là sự trở về một quê hương tẻ bèo, ở đó chỉ có những nhà sinh lý và ống kính của họ mới có thẩm quyền quyết đoán nhất.”

Câu nói khiến tôi hiểu rằng người đối thoại trước mặt không chỉ là một nhà văn mà còn là một tay rất sành về khoa sinh lý nữa. Phải công nhận là ở ngôn ngữ ông có một vẻ phù thủy thu hút và tôi cũng hiểu tại sao nhà văn rất được lòng tin và sự khâm phục của ông Tướng. Ông lại xuống giọng tha thiết:

“Tham vọng của tôi lớn lắm, cố gắng không phải chỉ để giải quyết giai đoạn những vấn đề nhỏ bé của quốc gia mà cho cả tương lai nhân loại.”

Đang bay bổng trên những tham vọng, nhà văn chợt tỉnh táo, giọng ông trầm xuống tụt hẳn:

“Nói vậy chứ việc quốc gia đã là một cái gì quá lớn vượt khỏi tầm tay. Mình chỉ còn đủ sức nói chứ không còn đủ sức làm, Cố gắng lắm mới có được một tờ báo để nói thì cũng lại bị đóng cửa nốt.”

Nhà văn ngưng nói, yên lặng cay đắng không một dáng điệu phản kháng tưởng như sức lực ông sau một lần cố góp tàn hơi đã bị tiêu tùng hết. Ông là một mẫu người rất lạ, có đủ cay đắng của một người già và thừa những nông nổi ngây thơ của bọn trẻ. Ông đã sống dưới nhiều màu cờ, trải qua tất cả những nổi vinh nhục thăng trầm trong nghề báo. Ngay sau cách mạng, chính ông là người thành khẩn thú tội về khoảng thời gian đánh đĩ ngồi bút cùng những lời tri ân quân đội đảo chánh đã cho nhà báo cơ hội trở lại làm người. Ông hơn bạn hữu đồng niên ở đức tính nói thật đó, mà nói thật lại chính là sức mạnh của ngòi bút. Có lẽ vậy mà nhà nước ngán tim mọi cách đóng cửa báo ông. Ông bảo miền Trung xứ Huế mới thật sự là quê hương của cách mạng và báo chí. Điều đó giải thích được lý do ông bỏ bê cả gia đình ra nằm thối khói ở một xứ mưa dầm với chúc cổ vắn vô vị và những tháng ngày chờ đợi nhạt nhẽo. Về trẻ trung của ông vẫn được coi như chiếc cầu nối liền hai thế hệ mới cũ: đã có một

gián đoạn giữa tuổi trẻ và thế hệ đi trước, để lại một khoảng trống, một chia lìa lịch sử.

Chuyến bay Caravelle đã đáp xuống. Ông giáo sư cũng trở lại bàn cho biết ông Tướng tối nay cũng chưa ra, Đại hội còn kéo dài mấy hôm nữa. Bốn người ra xe trở về thành phố, tôi xuống ngồi băng sau với nhà văn. Câu chuyện cải tổ vẫn được hai người ngồi trên nhắc đến. Nhà văn nói cho tôi nghe các nhận định về thời thế và các ngôi sao chánh trị. Hướng về phía Giáo sư ông bảo:

“Các tay chánh trị quốc gia đều như vậy cả, như ông Giáo sư thích nói chuyện tranh đấu giải phóng nhưng bằng cách nào. Ngay chính ông cũng chưa có một quan niệm quốc gia phù hợp với thời đại và dân tộc; ông tranh đấu với rất nhiều lập trường và chẳng có một chủ trương nào nhất định. Cái nguy cho chính Giáo sư là ngay nơi sự ưa thay đổi đó.”

Từ bất cứ câu chuyện nào, nhà văn cũng tìm cách xoay ra nói về mình:

“Riêng tôi khi ở tù ra chẳng những không tin mà còn ghê tởm chánh trị nữa. Theo tôi, chỉ có cách mạng, một cuộc cách mạng tận gốc rễ.”

Trái với bản chất lạnh lùng ít nói, tối nay nhà văn thổ lộ tâm sự quá mức. Đụng đến vấn đề gì ông cũng mở tung ra trước mắt tôi một chân trời mù tăm bát ngát. Ngôn ngữ của ông có một vẻ gì dẻo quánh mê hoặc. Tôi nghĩ đó là tất cả gia tài của ông đã thu hoạch bằng những năm

sống ở ngoài kia. Ông là thứ bóng tối dày đặc và toả trùm. Giữa ông và hiện tại đời sống có mâu thuẫn và khoảng cách kỳ cục hết sức.

Chỉ một ngày hôm sau, Giáo sư đến cho tôi biết tướng Thuyết vừa trở ra. Buổi tối có ông thương gia mở tiệc khoản đãi. Số người được mời rất giới hạn và thu hẹp, toàn những thành phần thân cận của ông Tướng. Giáo sư bảo nếu tôi muốn ông có thể dẫn tôi tới. Tôi nhận lời dù đã vô cùng thấm mệt sau thêm một ngày di chuyển. Ở đó vẫn là những đài các sa hoa của Sài Gòn đem vào một căn phòng lớn của khách sạn Trung ương. Ánh đèn nền vàng ấm, ly thủy tinh trong ngần rượu, những bông hồng nở lớn trên những chiếc khăn trắng muốt.

Ngoài mấy chuyến gặp vội vã, bây giờ tối mới lại thấy tận mắt dung nhan ông Tướng, một nhân vật được coi như có ảnh hưởng chính yếu trên các biến động cao nguyên. Dáng dấp cao lớn nhưng có vẻ dễ thương và ít nghiêm khắc hơn người ta tưởng. Vàng trán thấp với một hốc đạn đào sâu, một khuôn mặt lăm góc cạnh, rất nhiều cú chỉ và luôn thay đổi. Đặc biệt ông có một hàm răng rất đều trắng, miệng cười rộng toác rất dễ gây thiện cảm. Hướng về phía Giáo sư, ông Tướng nói:

“Sao ông Giáo sư, nghe tụi nó lại tính làm reo nữa có phải vậy không? Tụi sinh viên của ông ngoài đó phá quá mà.”

Giáo sư phải hết lòng thanh minh và cho rằng mọi xáo động bây giờ hết còn lý do. Giáo sư bảo:

“Tôi đã có lần nói với ông Tướng là trong sinh viên có mất tên thiên cộng, chắc ông Tướng còn biết nhiều hơn tôi. Muốn yên ông Tướng phải ra lệnh tom hết mấy tụi nó.”

Tôi ngạc nhiên khi nghe ông Giáo sư có lời yêu cầu ông Tướng bắt giam sinh viên mình. Ông Tướng thì đắc ý cười toác:

“Cái đó anh Giáo khỏi lo. Tụi Mọi khát máu dã man tôi còn trị được dễ dàng thì đáng kể gì mấy chuyện này. Bắt hay không chỉ còn là vấn đề thời gian, và lại hiện giờ tôi chưa muốn gây xú động trong tâm lý quần chúng.”

Ngưng một lúc rồi bằng dáng điệu bày tỏ ông Tướng tiếp:

“Ở quan điểm chánh quyền khi phải tuyên bố với báo chí, lúc nào tôi cũng chống lại mọi xáo động xáo trộn, nhưng cùng một lúc tôi tự đặt cho mình bốn phận của một công dân tha thiết với tự do dân chủ nên không lý gì tôi lại đàn áp không để tụi nó tranh đấu. Và lại trước kia tôi cũng đã từng là sinh viên tranh đấu hăng hái có khi còn hơn anh em.”

Ông Tướng hôm nay để lộ nhiều vui vẻ, giọng ông đầy triu mến khi ông ôn lại quá khứ đấu tranh của mình, nhất là những ngày khó khăn nguy ngập trên cao nguyên. Rồi bất chợt giọng ông trở nên cứng rắn khi trở về hiện tại:

“Ông Giáo sư cũng nói giùm là tôi rất dễ với anh em nhưng một khi đã để cộng sản lợi dụng thì tôi không có nương tay. Đó là tôi đã báo trước, không những phong trào đã bị đập tan mà tôi còn lòi một vài tên ra bắn làm gương.”

Ông Tướng có tất cả ưu điểm của con nhà võ. Vóc dáng bệ thế, cử chỉ nóng nảy và bất chột. Ông là một trong những tướng trẻ có công lớn với cách mạng và hiện tại bị bao vây bởi một lô cố vấn, không kể những cố vấn quân sự Mỹ. Đa số gồm trí thức nhà báo, giáo sư đại học và cả những chuyên viên. Tất cả đều tự nhận là quân sư có hạng, tự nguyện tìm tới ông Tướng với những tâm sự và hoài bão rất khác. Và rõ rệt là ông Tướng có những tiến bộ trông thấy. Từ một quân nhân ít học, ông đã có thể nói chuyện về chủ nghĩa và cách mạng một cách khá trơn tru. Ông nhất thiết gán cho quân đội một sứ mạng lịch sử trong hai cuộc cách mạng tương lai. Ông cũng để tâm tới cả địa hạt văn hoá. Trong một môi trường gặp gỡ chọn lọc, ông lạm bàn tới cả vấn đề con người qua các biểu hiện trí thức thời đại kiểu Sartre và Camus. Riêng Camus vẫn được ông Tướng thích nhất. Cái lý lẽ của sự thích thú đó có nhiều điều rất giống với quan điểm của nhà văn, bạn rất thân với ông Tướng. Tối nay ông Tướng chịu uống rượu và nói nhiều. Những người lạ mặt nghiễm nhiên được ông Tướng coi như bạn thân nên ông có những cử chỉ hoà mình

dễ dãi. Được dịp tôi gọi chuyện hỏi ông Tướng về chiến tranh và cách mạng. Ông nhắc nhiều tới Nasser, hăng hái bàn về hai cuộc cách mạng cần thiết trong hiện tại. Đi sâu vào lý luận lập trường, ông Tướng có vẻ lúng túng rõ rệt. Khi thì ông quả quyết về sự cần thiết xuất hiện một người hùng - strongman. Khi thì ông ngả về hàng ngũ thanh niên sinh viên và tán tụng cuộc tranh đấu cho tự do dân chủ. Theo giải thích của nhà văn lão thành thì ở ông Tướng chẳng có gì là kỳ cục mâu thuẫn:

“Cách mạng toàn diện là chủ trương duy nhất và hiển nhiên có rất nhiều con đường đi tới đích đó.”

Ngày cả với nhà văn tôi cũng không rõ cách thể đi tới của ông thế nào nhưng ở ngòi bút của ông vẫn để lộ ra những bối rối mâu thuẫn. Ông là chiến sĩ cao niên với ba bốn mươi năm tranh đấu cho tự do dân chủ, kể cả tự do báo chí. Vậy mà cũng chính ông kêu đòi sự xuất hiện của một nhà độc tài và cũng chính ông thảo sẵn một kế hoạch tron tru để đóng cửa hàng loạt báo và thắt chặt tự do báo chí. Cũng như ông Giáo sư đã từng sát cánh với sinh viên tranh đấu chống độc tài, xây dựng tự do dân chủ và bênh vực nền tự trị đại học nhưng cũng chính ông lại kêu gọi ông Tướng bắt bớ các sinh viên chống đối, những thành phần bất đồng ý kiến với mình. Và lúc này thì tôi hiểu cái bối rối khó khăn của ông

Tướng: có nhiều cố vấn đã là một điều khó mà ông Tướng có được, nhưng chính ông lại thiếu cái sâu sắc để lựa chọn. Bởi vậy, ông Tướng yêu nước trong những chủ trương mâu thuẫn cuồng nhiệt. Từ chỗ một nhà quân sự có tài, khỏe như voi và sức làm việc như trâu, người ta kỳ vọng ở ông nhiều hơn nữa. Ông không có bản lĩnh về chánh trị, thời cuộc xô đẩy ông vào những vai trò không thích hợp, ở đó người ta thấy ông thật chới với. Bằng một giọng đầy thân mật và tin cậy hướng về phía Giáo sư, ông Tướng bảo:

“Chánh phủ Sài Gòn muốn cải tổ và trong đó có dò ý tôi, nếu thật như vậy thì tôi có ý định mời anh Giáo sư gánh bộ Thanh Niên.”

Câu chuyện tuy nói nhỏ vẫn khiến ông thương gia và nhà văn bắt nghe, cả hai đều lộ vẻ ngạc nhiên. Còn Giáo sư sau một phút giằng xức động, ông cố giữ giọng nói thật lạnh nhạt:

“Thú thật với ông Tướng tôi chỉ thích nghề dạy học và chẳng bao giờ muốn xa bọn sinh viên, và lại nếu tôi đi thì trường Luật khoa còn gì? Tôi vốn không ham chánh trị, bắt buộc dĩ phải tham dự vậy thôi, tôi cũng nghĩ lúc này chẳng thể làm được gì bởi vậy cùng lắm mà tôi nhận chỉ khi nào ông Tướng chịu lên làm Thủ tướng.”

Sự ban ơn được đền đáp quá khéo và kết quả là ông Tướng vô cùng khoái trá. Ông lại xuống giọng đầy tin cậy và thân ái:

“Tụi Mỹ cũng thấy trong đó là bê bối nên có ý

dò tôi. Nói thật chính tụi nó ngán và chẳng ưa gì tôi sau những vố thua đau ở cao nguyên nhưng tụi nó cũng hiểu vai trò tôi là cần thiết nên mới có thái độ ve vãn. Riêng tôi đồng ý với anh Giáo sư là chưa đúng lúc, cứ mặc tụi nó trong đó tranh xé nhau ít lâu nữa đến lúc tôi mà ra tay cũng chẳng mấy chốc.”

Ông thương gia chỉ cười cười, nhà văn thì yên lặng gặt gù tỏ vẻ tán đồng hết sức. Vừa lúc đám hầu bàn khệ nệ bưng đặt vào giữa bàn một con heo sữa bốc thơm màu vàng ngậy. Viên quản lý Tàu lai bước theo bập bẹ những gì nghe không rõ, ông thương gia quay sang bảo tôi:

“Chú đó là quản lý, chú lại vừa trúng thầu coi hết các câu lạc bộ phi cảng kể cả Tân Sơn Nhất nên chú ấy đang vui và biết ơn ông Tướng lắm.”

Ông thương gia còn nói thêm:

“Bếp thượng thặng đầy nhá, lũng hết Sài Gòn cũng không tìm được chỗ nào ăn ngon hơn.”

Các món ăn dọn theo lối Tàu, sự sang trọng nhất cũng chỉ đến thế, bào ngư rồi lại đến yến vây. Mọi người khởi sự nhập tiệc. Những miếng da nghe vỡ ròn trong miệng các thực khách. Đột ngột ông Tướng nhắm về phía ông Ủy viên Giao thông:

“Sao ông Ủy viên, trong đó định bỏ miền Trung chết đói hay sao? Số gạo tháng trước năm ngàn bao chưa thấy ra một phần ba, gạo tồn kho cũng sắp cạn hết, có cái gì bê bối trong đó?”

Ông Ủy viên rất trẻ cũng là người của ông Tướng, ông cho biết mọi điều hành đều xong suốt từ trung ương, hơn nữa với miền Trung là ông phải quan tâm đặc biệt. Vậy mà khi ra đây chính ông cũng ngạc nhiên về sự trục trặc đó. Theo ông có lẽ đó là hậu quả dắt dây của vụ Thủy Cước. Ông Tướng dần giọng đe dọa:

“Trong số các ông phải đem ra bắn vài tên là êm ngay. Lại ăn cắp chó có gì đâu. Tôi hẹn với ông Ủy viên kể từ ngày vô, câu chuyện phải giải quyết trước cuối tháng, nếu không thì cả đám lôi thôi to với tôi a.”

Ông Tướng tỏ vẻ kiêu hãnh một cách buồn rầu về cái sự thể bận rộn không thể thay thế được của mình:

“Ngoài này hết lụt ty nạn rồi chiến dịch Về làng, lại còn vấn đề tôn giáo chẳng có ra làm sao. Làm việc chết xác mà vẫn thấy trong đó bẽ bối tôi cũng bắt đầu chán. Thêm vào đó, kể từ ngày tôi đi khỏi cao nguyên, tụi Mọi lại muốn làm loạn ở trên đó.” Bao vây bởi một lò cổ vấn mà xem ra ông Tướng vẫn đơn độc. Báo chí vẫn gọi đùa ông là người hùng của cô phòng. Cái sự thể ông Tướng còn độc thân tới ngày nay là cả một bí mật và kích thích nhiều đầu óc tưởng tượng. Rượu khiến ông Tướng trở lại trầm tĩnh và muốn thổ lộ:

“Suốt mười bảy tháng nay tôi chỉ ao ước có một ngày nào đó thật rảnh rỗi, tới được một bãi biển vắng ngồi uống một ly bia thật lạnh,

khỏi phải để tâm lo nghĩ một chuyện gì. Vậy mà cho mãi tới hôm nay điều đó vẫn chỉ là những mơ ước.”

Ông Tướng hôm nay lại có vẻ thi sĩ, hết cả dáng vẻ hung hăng của thường ngày chỉ biết chúi và ra những khẩu lệnh bắn. Ông Bác sĩ già vẫn ngồi im lặng từ nãy, ông chọn đúng lúc để gây phấn khởi cho ông Tướng:

“Kế hoạch ty nạn Vùng mình chu đáo lắm ông Tướng à. Mặc dầu gặp chuyện tiếp tế rất bẽ bối nhưng được cái tôi đã quen xoay sở với bọn Mỹ nên ông Tướng cũng khỏi lo.”

Bị kéo trở về thực tại, ông Tướng hăng hái ngay với chức vụ của mình:

“Thật vậy sao ông Bác sĩ? Đó là một kế hoạch rất lớn nên tại Mỹ đề nghị lập hẳn một Bộ ở trung ương, Bác sĩ làm sao công việc được trơn tru như hồi lụt là hay quá rồi, tôi không đòi hỏi phải làm hơn.”

Ông Bác sĩ cười khà khà nói đặc ý:

“Tôi bảo đảm mà, ông Tướng khỏi lo. Dân quê thấy công việc định cư của mình chu đáo nên ào ào kéo về. Chính tại Mỹ cũng ngạc nhiên hỏi tôi. Có ông Trung tá kể là hành quân tới đâu dân chúng ủa hết ra xin theo đông quá đổi. Công việc di dân còn mệt hơn đánh Việt cộng nữa.”

Phải chi tôi chưa được biết rõ ông Bác sĩ, tôi sẽ đem lòng khâm phục ông là thế nào. Nhưng sự thật đều trái ngược. Tôi phải dằn lòng để không

nói với ông Tướng rằng đám dân ty nạn đang bị nung nóng trên những bãi cát và đang được nuôi sống bởi những đồng rác của đám lính Mỹ. Tôi cũng không thể nói trắng ra cái tâm trạng tuyệt vọng của người dân quê phải bám lấy từng gót giày của người lính Mỹ chỉ vì họ muốn được sống sót trước khi làng ấp họ trở thành những vùng oanh kích tự do.

Vẫn cái giọng ướn nhệt của ông Bác sĩ:

“Cứ đà này chỉ độ nửa tháng nữa số người kéo về sẽ vượt khả năng chu cấp của chánh phủ, dù có sự đóng góp tận tình của quân đội Mỹ. Cuộc chiến thắng nhân tâm lại trở thành tai họa cho phía mình, trong khi chúng ta không thể ném trả họ về tay địch một lần nữa. Bởi vậy tôi đang táo bạo dự thảo một kế hoạch để trình lên ông Tướng. Tôi nghĩ kỹ rồi, là phải để người dân trở về làng, góp sức vào công cuộc tự bảo vệ thôn xóm của họ với sự giúp đỡ hỗ trợ của trung ương.”

Ông Tướng tỏ ra rất vui về một mặt trận nhân tâm vừa mới đặc thắng. Ông lại càng vui hơn trước sự lo xa chu đáo của ông Bác sĩ. Riêng tôi thì thất vọng với cái hiệu năng cứu lút mà ông Tướng coi như một cái đích. Ông Tướng lại bận nói chuyện riêng với ông Giáo sư, còn ông thương gia thì trở lại nói rất tương đắc với ông Bác sĩ:

“Lập bộ Ty nạn thì chức Ủy viên vào tay anh chứ còn ai vô đấy nữa.”

Nhà văn lại chậm rãi đưa mắt điểm khắp các khuôn mặt candidat của ông Tướng. Ông hơi nhếch một bên mép cười khẩy với vẻ cao thượng của một triết gia. Khi liếc mắt nhìn sang ông Tướng, nét mặt ông như được an nghỉ dịu xuống. Rượu mạnh đổ thừa thải khiến tôi hơi say, những khuôn mặt trước tôi bị phóng lớn xô đẩy và nhuốm vẻ mơ mộng. Tôi chợt nhớ tới Nguyễn, con chim nhỏ trốn tuyết, nghĩ tới bức tranh nàng tôi sẽ vẽ là một người đàn bà khoả thân ủ trên cái ấm áp của một tấm thảm hồng.

CHƯƠNG MƯỜI CHÍN

Lại một sự trùng hợp đáng tiếc và tình cờ khi họ tới đây vào lúc này. Họ đây là ba chục lính Mỹ Mũ Xanh mới đặt chân tới Á Căn Đình để thiết lập một trại huấn luyện cho quân đội chánh phủ, và đó cũng là lời thanh minh của Bộ Ngoại giao Mỹ khi có một tờ báo tên là *Garceta* ở Buenos Aires tố cáo rằng trước đó cũng đã có những toán lính Mũ Xanh khác xuất hiện ở ven biên tỉnh Tucuman bí mật huấn luyện cho những phần tử phiến loạn chống chánh phủ. Phát ngôn viên Mỹ này chỉ xác nhận gửi toán cố vấn và không hề đa động tới sự kiện chánh phủ Á Căn Đình vừa bắt giữ mười ba phần tử nổi loạn mà những người lính Mũ Xanh có dính líu.

Nhà văn, cố vấn tướng Thuyết có vẻ ngạc nhiên về những sự kiện không lấy gì làm thuận

lý như thế. Riêng tôi, một mẫu tin như vậy tự nó mang nhiều ý nghĩa, một chứng từ nữa cho vai trò những người lính Mũ Xanh ở cao nguyên. Sự trùng hợp đáng tiếc và tình cờ, đó thường là câu trả lời rất xuôi tai của bộ Ngoại Giao Mỹ về những biến cố khó khăn như vậy. Gửi sĩ quan cố vấn cho quân đội chánh phủ, giúp đỡ các phần tử phiến loạn khuynh đảo chánh phủ, trong canh bạc lớn người Mỹ đã giấu thêm một con tẩy nơi tay áo của mình. Và chánh sách đó phải kể là khôn ngoan nếu sự gian lận không bị thấy rõ. Ngoài sự cứng rắn, cả tướng Thuyết cũng không thấy rõ uẩn khúc đó.

Trên thực tế, ông Tướng có vẻ không thành công trong bước đầu cố gắng đồng hoá số Dân Sự Chiến đấu Thượng vào quân lực chính quy ở mấy trại nội địa thuộc vùng ông kiểm soát. Một sĩ quan Việt Nam chỉ huy trại đã bị giết và ngay sau đó ông Tướng đã phải nhượng bộ bằng cách thay thế cho trại một toán A Lực Lượng Đặc Biệt Việt Nam khác. Điểm thất bại rõ rệt nhất là quân số, mà phần đông là người Thượng suy giảm rõ rệt ngay sau khi có lệnh cải tuyển. Trừ một vài thành phần chỉ huy chịu ở lại khi được đồng hoá để trở thành sĩ quan, còn đa số nếu chưa đào ngũ thì tinh thần rất xuống và có vẻ chán nản. Ngoài cái lý do vật chất không được sung mãn như sống với những người lính Mũ Xanh Mỹ, những người Thượng này vẫn bị ám ảnh bởi sự

bạc đãi của các viên chức Việt Nam mà họ đã có kinh nghiệm từ trước. Từ sự thiếu tin cậy đó, sớm muộn họ cũng sẽ lần lượt ra đi. Không phải trở lại để bơ vơ trong rừng rú mà họ sẽ trở lại với người Mỹ đang mở rộng vòng tay tiếp nhận họ ở vô số các địa điểm biên phòng khác. Điều này với tướng Thuyết có thể biết hoặc không, nhưng chắc chắn là ông thiếu cái nhìn thật xa, từ căn bản để khiến ông phải quan tâm tới. Hành động mạnh mẽ của ông, ngay đối với người Mỹ, bắt nguồn từ tự ái hay cái-thể-diện nói theo kiểu Á Đông hơn là từ một kế hoạch đã được kỹ càng khảo sát. Sâu sắc như nhà văn, cố vấn của tướng Thuyết mà xem ra ông không có một thẩm định đúng mức về tầm quan trọng của các biến động trên cao nguyên. Đối tượng sinh hoạt của ông hình như chỉ gồm sự thay đổi thành phần ở chánh phủ Sài Gòn và làm sao hoà hoãn để sống chung thuận hảo với các lãnh tụ Phật giáo. Nhìn quanh, xem ra tôi không có một đồng minh nào để làm sống lại vấn đề cao nguyên. Thảm kịch Dakto với hơn sáu trăm xác chết hầu như đã bị rơi vào quên lãng.

Tôi trở lại Sài Gòn với bớt nhiều hăng hái. Có lẽ bởi khoảng cách quá xa giữa huyền thoại và thực chất con người tướng Thuyết. Cũng có lẽ bởi sự đánh giá quá cao vai trò chánh trị của ông trong khi bản chất ông là một tướng lãnh, một nhà quân sự có tài theo đúng nghĩa chân thật

của danh từ. Nhưng tôi cũng tin tưởng rằng, dầu sao sự trở lại cao nguyên của tướng Thuyết cũng vẫn có những hứa hẹn tốt. Từ thể chất tới tinh thần tôi khá mỏi mệt sau chuyến đi này. Tôi có dự định sẽ nghỉ cuối tuần, một mình ra sống ít ngày ở biển để bồi dưỡng và tìm lại con người mình tưởng như bị cuốn hút mù tăm vào giữa những biến cố. Thật bất hạnh cho một nghệ sĩ như tôi, ở giữa một tình trạng dao động tinh thần như vậy mà tôi phải chọn lựa, một chọn lựa quyết định sự ở lại và ra đi trong nghề cầm bút của mình. Đó là một đòn cân não chí tử mà sự yếu đuối ban đầu bảo tôi phải ra đi. Chỉ là thu nặc danh nhưng lời lẽ ngắn gọn và quyết liệt. Rất có thể và gần như đoan chắc mặt trận cộng sản muốn ngăn chặn một hậu quả tâm lý bất lợi sau vụ thảm sát. Tôi sẽ thiếu thành thật nếu không tự nhận rằng mình đã có sợ hãi khi bị chụp mũ phản cách mạng và hăm dọa bị ám sát. “Chỉ có cộng sản mới hành động đậm sau lưng quân đội và làm suy giảm tiềm năng chiến đấu của quốc gia”. Tôi đã từng bị ông Tướng Cục An ninh gán cho như vậy. Và hiện giờ chính tôi bị cộng sản nặng nề lên án. Khi cầm bút chỉ để viết những điều thấy tận mắt hoặc tai đã nghe tôi cũng đã ý thức được sự nguy hiểm từ nhiều phía mà kẻ thù chẳng bao giờ được nhận mặt. Tôi cũng chưa xót để nghĩ rằng ngay cả người Thượng mà đối tượng là sự sống chung và tiến bộ, chắc gì

họ đã chấp nhận tôi, nhất là với phe tranh đấu. Nguyên đã nhiều lần bảo tôi là sự đơn độc của anh cũng chẳng thể làm được gì cho một tình trạng tồi tệ như hiện tại và nếu phải ngã xuống lúc này - bây giờ rất có thể, là một điều phi lý và vô ích, và lại bản chất anh chỉ là một nghệ sĩ, vậy phải trở về với lãnh vực hội họa, quê hương đích thực của mình. Phải chi tôi đừng bước vào cái nghề vốn nhọc mệt và nguy hiểm này nhưng tôi cũng chẳng thể trở về thế giới hội họa như một tránh ẩn con nguy biến. Sự cô độc lúc này thật khủng khiếp khi nghĩ về một cá nhân bị chính xã hội chối từ, nhưng hẳn cũng tự thấy bởi chính sự quạnh hiu mà con người hẳn đã lớn ra. Cảm giác đó khiến bỗng chốc tôi vững vàng trở lại để chấp nhận đi tiếp con đường phải tới dù có bị ngã xuống. Nếu thiếu sự thách đố, ở một lúc nào đó người ta bỗng thấy cuộc sống vô vị, et soudain je m'aperçois que je n'ai aucune raison de vivre. Ở một cuộc sống vốn hữu hạn trong một thế giới vô thường, cái đe dọa bất chắc của ngày mai khiến tôi tha thiết vô cùng với sự sống. Tôi lại nghĩ tới Nguyên, tới gia đình và những người thân và cả tới bà mẹ già mà sao đến nay tôi mới lại thấy thương nhớ. Và tôi quyết định về thăm bà với cảm tưởng của một đứa con hoang tàng hối hận trở về với mái gia đình xưa. Khi tôi bước vào nhà thì bà vẫn mãi mê đọc cuốn Tâm và Thức của đạo Phật. Tôi

yên lặng ngồi xuống một chiếc ghế gần đó: một phút ngạc nhiên đến xót xa khi thấy mái tóc bà đã trắng bạc như sương. Tôi đã xa đời sống, xa bà bao lâu để mới nhận ra sự biến đổi này và bà đã ngồi đó tự bao giờ, trong bao nhiêu năm nay, vẫn trong chiếc ghế bọc da màu nâu quen thuộc với những đồ vật trong phòng giữ nguyên chỗ đứng cũ. Hình ảnh bà gợi sự bình an trộn lẫn với xót xa. Cảm giác không tránh khỏi dưng dưng khi nhìn bàn tay bà với những ngón gầy khô se sắt. Tôi muốn được ôm hôn lên trán, gục mặt vào lòng bà và nắm lấy bàn tay gợi biết bao nhiêu nỗi êm dịu thời tuổi nhỏ nhưng cái không khí tẩm thắm đạo giáo và sự thanh khiết khổ hạnh đã ngăn tôi lại, đó như một khoảng cách làm khô héo tình mẫu tử vượt ve và tiếng nói của yêu thương chỉ còn là sự xót xa yên lặng. Bà vẫn còn sống nhưng lại xa hẳn với thế giới hệ lụy này. Tôi không còn hy vọng tìm thấy một bà mẹ hiền dịu trong ký ức. Và hình như sự tẻ bạc vô tình của tôi trong bao năm qua đã làm chết mọi sự mong đợi trông ngóng nơi bà. Sự hối hận của tôi cũng không níu kéo được một sự mất mát lớn lao như thế. Lần đầu tiên tôi trải qua một đêm mất ngủ để thấy sợ đôi mắt mình rảo hoành suốt canh khuya. Phải chờ hết giới nghiêm tôi mới có thể xuống phố. Sự xa hoa của Sài Gòn vẫn ngủ kỹ, không khí còn trong nguyên sự tinh khiết làm tâm hồn tôi phần nào dịu xuống. Những xe

vận tải thực phẩm đã từ các ngã đường ngoại ô chạy vào thành phố. Từ nhà tới toà soạn tôi đã hai lần bị lực lượng an ninh chặn giữ mặc dầu đã chia ra thẻ nhà báo. Ánh đèn pin chiếu rọi vào giữa mặt, hai tay phải giơ cao như ở một tư thế bị hành quyết. Liên tưởng đó đủ làm tôi lạnh buốt xương sống. Thế mà đã hơn một năm kể từ ngày tôi bước chân vào nghề báo với tất cả những cọ sát đến chai rạn của nó. Sau này vì khát khe của kiểm duyệt khiến tôi không còn say mê săn tin và tự bằng lòng với bản tin của hãng thông tấn chánh phủ. Tôi đã phải hy sinh đi rất nhiều sáng kiến. Và đúng như ý muốn của ông chủ nhiệm, đã từ lâu chuyện gì tôi cũng chỉ tường thuật nội vụ một cách khách quan không bình luận hay thêm vào đó một cảm tưởng nào. Chính những nỗi khó khăn và cả nguy hiểm nữa khiến tôi càng tha thiết với nghề báo và hiện giờ tôi không nghĩ là mình có thể từ bỏ dễ dàng cái khu phố hỗn độn và nghèo khổ ấy để trở lại với cây cọ và giá vẽ.

Sáng nay tôi dự định sẽ tới toà soạn làm việc như bình thường và giữ kín luôn chuyện hăm dọa đã làm tôi sợ hãi không ít. Sau mấy chuyến đi Trung mà tôi biết chẳng có ích lợi thiết thực gì cho tờ báo nhưng vì biết tôi thích nên ông chủ nhiệm vẫn không có ý ngăn cản. Với một ký giả công nhân như tôi, một đối xử như vậy phải coi là đặc biệt. Mặc dầu có một khoảng cách rất xa

về tuổi trời cũng như tuổi nghề, mọi giao hảo giữa tôi và ông vẫn dung hoà được giữa tính cách thân mật và sự tương kính. Hình như từ mấy hôm ông chủ nhiệm đã có ý chờ gặp tôi, về mặt ông không giấu được nét băn khoăn lo lắng. Câu đầu tiên mà ông nói vẫn là một cố gắng đùa cợt để có được không khí hoà hoãn bình tĩnh.

“Vía cái nhà anh này có vẻ sát báo, lại bộ Thông Tin cảnh cáo lần thứ hai trong vòng chưa đầy một tháng.”

Tôi không ngờ ngòi bút của tôi là một đe dọa phiền nhiễu cho tờ báo và nhiều người khác đến như vậy. Lúc này tôi cũng có những ý nghĩ tự phiền trách mình không ít. Ông chủ nhiệm tiếp:

“Nếu không nhờ sự nể nang riêng tôi thì chắc hẳn đã bị đóng cửa báo. Nhưng vấn đề cũng còn lòng dòng chưa xong, chính tác giả bài báo là anh phải lên gặp ông Ủy viên Thông tin để trả lời một số những nghi vấn. Câu chuyện hình như liên hệ tới nhiều Bộ và gây tức giận cho cả Thủ tướng vì những chỉ trích nặng nề của nhà sư. Tại mỗi Bộ đều có một bản sao toàn vẹn bài dịch năm ngàn chữ của toà báo ông Davis đánh đi. Cả ông Ngoại giao cũng lại trút mọi tội lên đầu ông Thông tin thành ra không phải tôi mà chính anh phải có trách nhiệm giải thích những sự kiện đó.”

Tôi tưởng rằng sau chuyến gặp gỡ ở Tổng cục An ninh, vấn đề được xếp lại và coi như đã

giải quyết xong. Nhưng trái lại đây vẫn là hậu quả dắt dây của bài báo năm ngàn chữ. Tôi thừa hiểu rằng với một nhân vật có nhiều uy tín và nhiều chống đối như nhà sư Pháp Viên, chánh phủ có chủ trương cô lập hoá và bỏ rơi ông vào khoảng trống không trí nhớ của quần chúng. Tội trạng của tôi được coi như cố ý đi ngược lại đường hướng của nhà nước. Bài báo đã có một tác dụng tô vẽ phóng lớn khuôn mặt và huyền thoại của nhà sư, nhất là trên dư luận quần chúng Âu Mỹ. Biết tính tôi nóng nảy và nhiều tự ái, ông chủ nhiệm đã hết lòng khuyên tôi nên tỏ thiện chí bằng cách lên gặp ông Thông tin và hay nhất là tôi có một thái độ mềm dẻo để gián tiếp cho họ biết là mình đã nhận lỗi, cũng như chúng tôi đã nhận lỗi cách đây mấy tháng về những trần thuật các biến cố tại cao nguyên mà sau đó bị gán cho có hậu ý cố tình gây khó khăn cho chánh phủ. Tôi không quan tâm tới mức độ giá trị những gán ghép như vậy khi tôi đã tự giới hạn cái trách nhiệm của mình đối với độc giả và những dòng chữ xuất hiện trên mặt báo.

Cuộc gặp gỡ giữa tôi và ông Ủy viên Thông tin sau đó thật chán nản. Ở đó không có được cái gây cắn kích động như khi gặp ông Cục An ninh. Khuôn mặt ông này thật mờ nhạt và giọng nói thì giả tạo vô vị khi một lần nữa phải nghe ông nhắc nhở tới trách nhiệm trước thời cuộc của giới cầm bút nhà báo nhà văn. Ngôn ngữ của

ông thật bí lối. Khi thì ông nhân danh một đồng nghiệp tâm tình, khi thì lấy có trách nhiệm lãnh đạo guồng máy thông tin nhà nước trong thời chiến. Nói gì thì ông cũng chỉ xoay quanh những đe dọa rằng ông có thể truy tố tôi ra toà hay giao cho công an điều tra về cái tội mà ông gọi là xé rào kiểm duyệt, tiếp tay cho báo giới ngoại quốc phá hoại nền an ninh quốc gia. Tôi mệt, lúc này thì thực sự thấm mệt. Sự bình tĩnh đến tê liệt và thiếu phản ứng của tôi khiến ông ta có vẻ ngạc nhiên. Chắc chắn ông cũng đủ khôn ngoan để không gây một xi-căng-đan về báo chí mà lẽ phải và sự nổi tiếng khó thể về phía ông. Hình như ở những phút cuối cùng, ông đổi hẳn chiến thuật, từ bỏ sự hăm dọa để phủ dụ tôi hợp tác với nhiều hứa hẹn về vật chất. Lần đầu tiên trong cuộc gặp gỡ tôi đã ngạc nhiên khi nghe ông nhắc là biết đến tên tôi trong danh sách phái đoàn báo chí viếng sáu nước. Ông nói một cách tế nhị nhưng cũng đủ để cho tôi hiểu rằng chuyến đi này nếu thành tựu thì cũng bởi hảo ý của riêng ông chứ bên phía Ngoại giao đã có tiếng nói chống đối.

CHƯƠNG HAI MƯƠI

Nắng hồng ban mai chưa đủ làm tan hết lớp sương lạnh, tôi đã có mặt ở phi trường để theo chân phái đoàn tướng Trị tới dự lễ chuyển giao trại Daksut từ Mỹ sang Việt Nam. Hai chiếc trực thăng bốc chúng tôi thoát khỏi hai cây nấm mù bụi đỏ và trực chỉ hướng tây bắc. Sau bao ngày tháng, đây là lần đầu tiên tầm mắt tôi thoát khỏi căn phòng chật hẹp tù túng để lại có dịp trải rộng trên những núi cao sông dài. Bằng một tai nạn có thể gọi là nghề nghiệp, tôi đã phải vào nằm trong một bệnh viện trên cao nguyên suốt sáu tháng. Cùng chuyến đi này, Davis bị tử thương bởi một vết đạn ở đầu và chết ngay trên đường di tản. Sáu tháng trên giường bệnh sống như một kẻ ngoại cuộc, phần đầu cô quạnh với sự hành hạ của những vết thương và không một tin tức thăm hỏi của Nguyễn. Sự

lãng quên gọi nhớ, con chim sơn ca đã cất cánh bay cao và chối từ quá khứ. Tôi đã tự cứu vãn sự sa sút bằng những đấm mình sinh hoạt tri tuệ và trong sự bận rộn viết lách. Sáu tháng đó một thời gian đủ dài để chống chọi bao nhiêu là biến cố làm biến đổi tất cả cục diện của đất nước. Dư vang những biến động ở cao nguyên như đã chìm sâu và thuộc về quá khứ. Xem ra các phe đã từng đối chọi nhau đều tự cảm thấy không có lợi lộc gì để tiếp tục cái trò chơi nhiều máu và nước mắt đó. Và cái buổi bình minh cách mạng đã hơn một lần tướng Thuyết hứa hẹn còn xa lắc khi lại xảy ra một cuộc chỉnh lý khác mà kết quả là sự ra đi khỏi nước của ba ông tướng trong đó có ông. Trong khi ở bên kia Thái Bình Dương, chính kiến thật chia rẽ. Cuộc chiến ở Việt Nam đã khiến dân chúng Mỹ hết kiên nhẫn và bắt đầu phân hoá. Người Mỹ đã thành công dự đoán ngày đặt chân lên nguyệt cầu nhưng họ lại đang bị sa lầy ở Viễn Đông. Bằng cách này hay cách khác, sớm muộn cuộc chiến tại Việt Nam rồi cũng tự nó phải tàn lụi. Đó chỉ là lời an ủi cho nỗi xôn xao thúc bách của quần chúng Mỹ. Và niềm hy vọng ra đi đó còn xa sự thực khi mà mỗi ngày Mỹ vẫn phải đổ thêm vào ngọn lửa chiến tranh ở đây hàng tỉ Mỹ kim hàng ngàn tấn khí giới và hàng sư đoàn quân Bắc Việt bất chấp pháo đài bay B52 vẫn lũ lượt ngày đêm men theo đường mòn Hồ Chí Minh

tiếp tục cuộc xâm nhập vô Nam. Và khi mà cuộc chiến đã vượt qua giai đoạn du kích, Hà Nội đã ngang nhiên đương đầu với Mỹ ngay giữa tại các thành phố thì những âm thầm mưu toan khai thác sự chia rẽ đổ máu về chủng tộc trên cao nguyên không còn một giá trị chiến lược quan trọng để phải tiếp tục nuôi dưỡng. Đó cũng là lý do của vụ chuyển giao dễ dàng hàng loạt các trại biên phòng LLDB Mỹ sang quyền kiểm soát của chánh phủ địa phương, một phần trong kế hoạch rút quân danh dự được mệnh danh là Việt Nam Hoá cuộc chiến.

Rời thượng lưu một con sông với nhiều ghềnh thác, đoàn trực thăng đổi hướng trực chỉ phương bắc. Rừng rộng mênh mông nhưng người Mỹ vẫn đủ chất Da cam khai quang để làm tắt cả phải tàn lụi. Từng chòm cây trụi lá bạc trắng như mái tóc điểm phong sương. Sự sống chỉ còn thoi thóp ở dưới đó. Nền trời thấp, mưa bay trong những đám mây ẩm lạnh, phản hồ của thân thể lạnh đến tê cóng. Sau ba mươi phút bay phi cơ bắt đầu giảm cao độ và lượn vòng đổi hướng. Trại tọa ngự trên cả một ngọn đồi bao vây bởi những thung lũng. Quanh trại bao bọc bởi nhiều vòng đai phòng thủ, có trang bị những cỗ trọng pháo 105 ly và một phi trường Caribou để nhận tiếp tế từ dưới đồng bằng. Không cách xa phi đạo là hai khu ấp tân sinh Kinh và Thượng với những mái tôn san sát. Đây là trại Lực Lượng Đặc Biệt thứ

chín và được coi là quan trọng nhất trong số 62 trại trên toàn quốc cho đến sáng nay được trao quyền cho một Toán A Lực Lượng Đặc Biệt Việt Nam. Mười hai người lính Mũ Xanh Mỹ thuộc toán A 243 sẽ bước lên hai trục thăng chờ sẵn để rời vĩnh viễn khỏi trại kiên cố như một pháo đài, nơi mà họ đã dày công xây dựng trong suốt tám năm kể từ ngày mạo hiểm đặt chân tới địa phương hoàn toàn mất an ninh và hoang vắng này. Tưởng cũng nên nhắc lại rằng chính nơi đây bốn năm về trước đã có vụ thảm sát người Việt mở màn cho những đổ máu đau thương về chủng tộc dạt dẩy sau đó. Nó từng là một cái gai từ nhiều năm mọc trong cổ họng tướng Thuyết. Phải chi ngày hôm nay nếu còn ở lại Việt Nam hẳn phải là một ngày sung sướng nhất của đời ông, và hiển nhiên ngược lại đó là giờ phút âm ảm và đặng cay của viên trung tá Tacelosky và những người lính Mũ Xanh Mỹ. Kể từ ngày mà vị Tổng Thống cha đẻ của họ bị ám sát, cả một binh chủng hào hùng này đã gặp vô số những khó khăn và chẳng còn một chút ân xứng. Nhưng đó cũng là thời cơ dễ dàng của tướng Trị. Mở đầu bài diễn văn đọc trước buổi lễ tại đây, tướng Trị đã khôn ngoan, như ông đã từng khôn ngoan để hết lời ca ngợi sự hỗ trợ hữu hiệu của người Mỹ nói chung và các chiến sĩ LLDB thuộc toán A243 Hoa Kỳ nói riêng, trong cố gắng chung lưng đấu cật để biến bộ mặt sơ khai của địa phương

thành một căn cứ quân sự vững chắc khả dĩ giúp đỡ giúp đồng bào Kinh Thượng có một đời sống êm ấm và tiến bộ về mọi mặt. Và cho đến hôm nay ông tin tưởng rằng vẫn với sự hỗ trợ của Hoa Kỳ, với kinh nghiệm gặt hái được trong những năm qua, các toán LLDB Việt Nam sẽ có thể tự đảm trách trực tiếp việc quản trị các trại Dân sự Chiến đấu Thượng.

Phần chuyển giao với đủ mọi nghi thức quan cách: trước một tiểu đội danh dự dàn chào với sự hiện diện của tướng Trị, hai trưởng toán A Hoa Kỳ và Việt Nam đã trao kỳ hiệu, cùng mỉm cười và bắt tay nhau chặt chẽ. Sau đó, đại úy Cobb trưởng toán A Hoa Kỳ nguyên quán tại Wellsboro, đại diện cho toán lên bày tỏ cảm tưởng của riêng ông khi rời khỏi nơi đây. Bằng một giọng Việt Nam thành thuộc nhưng không tránh khỏi run run cảm động ông nói. - Chúng tôi rất buồn và vô cùng quyến luyến khi phải rời bỏ doanh trại này, nơi mà nhiều năm tháng các chiến sĩ LLDB Hoa Kỳ và Việt Nam đã đồng lao cộng khổ với các Biệt kích quân Kinh cũng như Thượng để khởi công gây dựng cơ sở, mở mang an ninh bảo vệ đời sống cho ngót sáu ngàn dân ở quanh vùng về quy tụ trong các ấp thiết lập gần vòng đai trại... Nhưng cũng cho đến hôm nay chúng tôi cảm thấy vô cùng sung sướng để thấy lần đầu tiên có sự hoà bình chung sống và hợp tác chặt chẽ giữa hai sắc dân Kinh Thượng ngỗ

hầu xây dựng một quốc gia Việt Nam tân tiến... Và rõ ràng vì nghi thức ngoại giao, điều mà đại úy Cobb đã không tiện nói ra là mối ám ảnh của chính ông về những bất hoà Kinh Thượng và chính ông cũng đã cảm thấy bắt đầu có những dấu hiệu chống đối từ phía các lãnh tụ Thượng thân Mỹ từ khi khởi đầu kế hoạch Việt hoá các trại DSCĐ địa phương. Đại úy Cobb vừa dứt lời thì ban quân nhạc trình tấu bản hành khúc riêng của những người lính Mũ Xanh trong khi các toán Biệt kích quân dữ dằn trong những bộ áo da beo diễn hành qua khán đài quan khách.

Và cũng như mọi lần khác, không biết lần thứ bao nhiêu các giới chức Việt Nam đã lại phải chứng kiến cái cảnh giết trâu ăn thề để làm lễ tuyên thệ trung thành với chánh phủ của các toán Biệt kích Thượng. Từ trung tâm bộ chỉ huy trại, cờ Mỹ đã được từ từ hạ xuống, quốc kỳ Việt Nam được dâng lên cùng với bản quốc thiều quen thuộc hùng dũng.

Trong khi phải hướng dẫn các đại diện báo chí đi thăm các ấp trại, đại úy Cobb đã tỏ ra rất thông thạo tiếng Thượng khi ông vui vẻ chào hỏi các vị bô lão và gia đình con em họ. Những đứa trẻ con lem luốc đã không tỏ gì sợ hãi mà lại nhào tới ôm chân ông nô rồn như đã từ lâu quen biết. Trả lời câu hỏi của một nhà báo Mỹ nêu thắc mắc về nỗi bất an của những người Thượng khi thấy các binh sĩ Hoa Kỳ bỏ đi. Đại

uý Cobb xác nhận điều đó nhưng ông cũng lại nói thêm. “Mặc dầu vậy, cho đến ngày hôm nay dân chúng vẫn có cảm tình đứng về phía chúng ta. Họ đã có kinh nghiệm đắng cay với cộng sản. Và lại họ cũng không dại gì bỏ vào rừng sâu để rồi đói khát và bị bắn từ cả hai phía”... Đó cũng là lý do được bộ Tư Lệnh Mỹ coi là vững chắc để có thể giao hoàn toàn thể các trại nội địa cũng như biên phòng cho chánh phủ Việt Nam.

Theo lời kể của trung sĩ da đen Wynne thuộc tiểu bang Texas, một chiến sĩ Mũ Xanh kỳ cựu đặt chân từ ngày đầu tiên tới đây thì trái với quan niệm thông thường của nhiều người cho rằng trại chỉ có giá trị của một căn cứ quân sự kiên cố và vững chãi để ngăn chặn bước xâm nhập của địch quân qua ngả biên giới. - Sự thực công việc của chúng tôi mang nặng tính cách chánh trị. Đó là chiến dịch chinh phục cảm tình và lôi kéo dân chúng đứng vào hàng ngũ chánh phủ. Nói xong trung sĩ Wynne vừa cười vừa cúi xuống ôm xốc trên tay hôn một đứa bé gái Thượng bần thiêu lem luốc. - Dân làng không muốn thấy chúng tôi ra đi nhưng tiếc thay đó lại là quyết định của thượng cấp và là nỗi mong đợi của chánh phủ Sài Gòn... “How sad to be a montagnard!”. Wynne cũng đã ngậm ngùi thốt ra như thế. Khi nghe tôi nhắc tới tướng Thuyết, Wynne nói không giấu vẻ cay đắng. - Hôm nay nếu chưa rời khỏi Việt Nam có lẽ là ngày sung

sướng nhất trong giấc mộng vương quốc của ông ấy. Riêng đối với bác sĩ Raphael, viên trung sĩ y tá Mỹ vẫn được dân làng kêu là bác sĩ tuy không có vẻ cay đắng như Wynne nhưng anh ta thực sự tỏ vẻ buồn rầu. - Thời gian càng khiến chúng tôi quyến luyến nơi đây. Ra đi ngày hôm nay tôi cảm tưởng như sắp phải rời một quê hương thứ hai của mình.

Cũng trong buổi lễ, tôi gặp lại tay nhà báo tài tử sinh viên độ nào. Anh đã ra trường, không còn làm báo và hiện là y sĩ trưởng của một C thuộc binh chủng Lực Lượng Đặc Biệt. Anh bảo dựa sự lựa chọn của anh có lẽ do bởi mỗi nhân duyên sẵn có với người Thượng, nhưng tôi hiểu rằng với một người nhiều lý tưởng như anh sự lựa chọn này có ý nghĩa một dẫn thân cho cái điều mà thời sinh viên anh đã từng nhiệt tình cổ vũ.

“Bốn phận của tôi bây giờ là lo tiếp thu và đảm trách vấn đề y tế của toàn thể các trại DSCĐ. Tuy nhiên nói chung sự tiếp vận và yểm trợ còn lệ thuộc nặng nề ở người Mỹ.”

Thật chẳng thể ngờ rằng những vấn đề tưởng như mâu thuẫn trọng đại ngày hôm qua bỗng chốc biến dạng và chẳng còn một chút ý nghĩa nào nữa. Khi được hỏi về những lý do nào đưa tới sự ổn định cao nguyên hôm nay, anh trầm tĩnh - điều này là một biến đổi tôi mới nhận thấy nơi anh, đưa ra một nhận xét không thiếu sắc bén:

“Trước khi đạt tới một thoả hiệp như hôm nay, kinh nghiệm của những năm qua giúp họ - họ đây là người Mỹ, hiểu rằng nhúng tay vào những âm mưu dấy loạn như vậy chỉ gây tai tiếng vô ích mà không cải thiện thêm được chút nào vị thế của họ hơn hiện giờ. Và điều quan trọng hơn nữa là cả người Thượng và Kinh, sau mấy lần đổ máu đều hiểu thấm thía rằng bởi trong cái mối tương quan môi hở răng lạnh, họ chỉ còn một cách là xích lại gần nhau hợp tác để xây dựng một cộng đồng quốc gia Việt Nam mới.”

Dù đã có dấu hiệu của một vài chuyển động tốt, tôi cũng đã không quá lạc quan như anh, và có lẽ quả đúng như Y Ksor nói là xa hơn một ly rượu tới môi cái viễn ảnh tốt đẹp của vùng Đất Hứa Cao Nguyên còn phải trải qua nhiều máu mồ hôi và nước mắt.

Trại Bunard 1969

Delta 49

Chữ viết tắt:

AP	Asociated Press
BBC	British Broadcasting Corporation
CIA	Central Intelligence Agency
CIDG	Civilian Irregular Defense Group
DSCĐ	Dân sự Chiến đấu Thượng / CIDG
FULRO	Front Unifié de Lutte des Races Opprimées
3K	Ku Klux Klan
LLDB	Lực lượng Đặc biệt / Special Forces
MACV	Military Assistance Command Vietnam
USIS	United States Information Service
USOM	United States Operations Mission
VOA	Voice of America

290 ngô thế vinh

300 ngô thế vinh

302 ngô thế vinh

